

101 GIAI THOAI CAC THÁNH



LUY GONZAGA MARIA, CMC

101 GIAI THOẠI CÁC THÁNH

LUY GONZAGA MARIA, CMC

MỤC LỤC

LỜI NGỎ 4

THIÊN CHÚA YÊU THƯƠNG 4

1. ĐEN ĐUI CHÚA CŨNG YÊU 4

2. HOA NÀO CŨNG ĐẸP 5

3. XIN HÃY ĐÓNG CỬA THIÊN ĐÀNG 6

4. HÃY DÂNG CHO TA TẤT CẢ TỘI LỖI CỦA CON NỮ 6

5. THANG MÁY ĐƯA LÊN ĐỈNH THÁNH THIÊN 7

6. THIÊN ĐÀNG LÀ CỦA CON 8

7. CHÚA SẼ LÀM GÌ CHO MỘT THẲNG KHỐN NẠN NHƯ TÔI 9

MẾN CHÚA HẾT LÒNG 9

8. TỪ GIÃ MẸ CON ĐI LÀM THÁNH 9

9. ĐI BỘ 1800 CÂY SỐ ĐỀ ĐƯỢC SỐNG ƠN GỌI CỦA MÌNH 11

10. PHẢI LỜI DUNG TIẾN BỘ CHO VINH QUANG CHÚA 12

11. TÔI CHỈ MONG ƯỚC CHÚC QUYỀN TRÊN TRỜI 13

12. TÔNG ĐỒ HAI THÁNH TÂM 14

13. VÌ GIÁO HỘI, GÀN CHẾT CŨNG TRỖI DÂY 14

14. THÀ CHẾT CHỨ KHÔNG ĐỀ THÁNH THÊ BỊ XÚC PHẠM 15

15. TÔN VINH CHÚA BẰNG TÀI NĂNG CỦA MÌNH 16

16. CON LA ĐÓI CHÊ CỦA ĂN, QUỲ LAY MÌNH THÁNH CHÚA 16

ME CON KHẨN KHÍT 18

17. TẤT CẢ NHỜ ME ĐỂ LÀM CHIẾN SĨ CỦA CHÚA KITÔ 18

18. ANH HÙNG TỬ ĐẠO DA ĐỎ CHÚNG NHÂN CỦA ĐỨC ME 19

19. CON CHỌN CẢ HAI 20

20. MỌI VIỆC ĐỨC ME LÀM ĐỀU VÌ LÒNG MẾN CHÚA 21

21. ME ĐẾN GIÚP CON HỌC 21

22. TÔI SẼ CƯỚI MỘT BÀ LỚN 22

23. KHÔNG KỂ CHÚA BA NGÔI, QUỲ SỢ AI NHẤT? 22

VÂNG THÁNH Ý CHÚA 23

24. Ở YÊN ĐÓ, ĐỂ TÔI ĐI XIN PHÉP BÈ TRÊN 23

25. TÔI CƯƠNG QUYẾT VÂNG LỜI THIÊN CHÚA 24

26. DÙ PHẢI ĐI THEO MỘT CON CHÓ NHỎ, CON CŨNG SẴN SÀNG 25

27. TÔI THẦY ĐÁNG ĐUÔI RA KHỎI DÒNG 26

28. 37 NĂM SỐNG TRÊN CỘT CAO 27

29. TƯỚI NƯỚC CHO CÂY KHÔ 28

30. KHI CHẾT THÌ CÒN GÌ ĐÂY? 29

CHIẾN SĨ ĐỨC TIN 30

31. CHIU KHÓ BƯỚC QUA THẬP GIÁ 30

32. THIÊN THẦN BẢO BỔ ĐẠO, TÔI CŨNG CHẴNG TIN 31

- [33. CON BÒ CÂM ĐẢO SICILIA](#) 31
- [34. CHẤP NHẬN MỌI SỰ ĐỀ BẢO VÊ LUẬT CHÚA](#) 32
- [35. ARIÔ PHỦ NHẬN THIÊN TÍNH NGÔI CON](#) 33
- [36. VÌ ĐỨC TIN MÀ CON CỦA MẸ BỊ CHẾT](#) 34
- [37. THÁNH TỬ ĐẠO 3 TUỔI](#) 34
- [38. TRĂM BIẾT MỘT NGƯỜI KHÔNG BAO GIỜ XUYÊN TẠC SỰ THẬT](#) 35
- [YÊU NHƯ CHÚA YÊU](#) 36
- [39. CHẾT CHO CON ĐƯỢC SỐNG](#) 36
- [40. XIN CHA HÃY BÁN CON ĐI !](#) 37
- [41. TÔI MUỐN CHẾT THAY CHO MỘT NGƯỜI](#) 38
- [42. NGƯỜI NGHÈO LÀ LÍNH CHIẾN CỦA TRĂM](#) 40
- [43. ÔNG THÁNH CHỈ ĐƯỜNG CHO CHUỘT](#) 40
- [44. THÁNH GIOAN BỐ THÍ](#) 41
- [45. TÌM CHÚA THÌ BAO GIỜ MỚI CÓ TIỀN MUA RƯỢU CHO MẸ](#) 42
- [46. VÌ 2000 ĐỒNG MÀ THẤT VONG TƯ TỬ Ư?](#) 43
- [47. SỬA LỖI MỘT CÁCH KHÉO LÉO](#) 44
- [48. KHÔNG MỆT MỎI THỰC THI GIỚI RĂN: MÊN CHÚA – YÊU NGƯỜI](#) 45
- [49. NHƯNG NHÀ NƯỚC KHÔNG THỂ BAN PHÁT TÌNH THƯƠNG](#) 46

CẦU NGUYÊN VÀ HY SINH 47

50. VIỆC NHỎ NHƯNG TÌNH YÊU LỚN LAO 47

51. MƯỜI BẢY NĂM CHINH PHỤC CHÔNG 47

52. NƯỚC MẮT NGƯỜI ME KHÔNG VÔ ÍCH 49

53. XIN ƠN THỐNG HỐI CHO KẼ SÁT NHÂN 51

54. LÒNG YÊU MẾN CÁC LINH HỒN CỦA CHÂN PHƯỚC TÍ HON
51

55. NƠI TÔI NÀM ÊM HƠN THÁNH GIÁ CHÚA 52

56. MỘT VỊ THÁNH, KHÔNG PHẢI LÚC NÀO CŨNG CẢM THẤY
TÂM HỒN SỐT SẼNG 53

57. HOẠT ĐỘNG PHẢI ĐỒNG HÀNH VỚI CẦU NGUYÊN 53

58. QUÊN CHÚA KHÓ HƠN NHỚ 54

CUỘC SỐNG VUI TƯƠI 54

59. TINH THẦN LẠC QUAN CỦA MỘT VỊ THÁNH 54

60. YÊU NHAU CỬ ẬU CŨNG TRÒN 56

61. VỊ THÁNH CUNG KÍNH SẤP MÌNH LAY ÔNG VÔ THẦN 56

62. NÓI KHÔNG NGHE THÌ TUI TRIỂN KHAI VỮ LỰC 58

63. LÀM ĐẾN ÔNG LỚN MÀ CÒN BẤT CÔNG 58

64. TÔI CŨNG LÀ MỘT TAY ĐÁNH TRỐNG 59

TÂM HỒN TRONG SẠCH 59

65. TÔI SINH RA LÀ ĐỂ SỐNG CHO NHỮNG GÌ CAO QUÝ 59

66. NGÀN VẠN LÀN CÙI KHÔNG BẰNG MỘT VẾT TỘI 60

67. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN TỘI ÁC 60

68. MƯỜI BỐN NHẤT ĐẠO, CÁI GIÁ ĐỂ BẢO VỆ ĐỨC TRONG SẠCH 61

69. VƯỢT BIÊN BẰNG CHIẾC ÁO CHOÀNG 64

70. TỪ CHỐI LỜI CẦU HÔN CỦA HOÀNG TỬ 65

71. SỬA HOÀI CHẴNG ĐƯỢC 66

72. VỊ GIÁO HOÀNG CỦA TRẺ EM 66

73. CON MUỐN ĐÁNH MỘT TRẬN KHÔNG KHOAN NHƯỢNG VỚI TỘI TRONG 67

74. KHÔNG AI TRÔNG THẤY NGOẠI TRỪ THIÊN CHÚA 68

KHIÊM NHƯỜNG THẨM SÂU 69

75. THẦY QUẢ LÀ CHẬM CHẠP ! 69

76. ĐỪNG BUỘC MÌNH BẰNG DÂY XÍCH SẮT ! 70

77. BIẾT ĐÂU HO Ở TRÊN CHÚNG TA 70

78. BỊ MỜI RA KHỎI CHUNG VIỆN VÌ HỌC QUÁ KÉM 71

79. QUAN TÔNG ĐỐC PHẢI LÀM GIÁM MỤC 72

80. MẤT THỜI GIỜ ĐỂ BẢO VỆ KẺ KHỐN NAN 73

81. BÁN ÁO KINH SĨ LẤY TIỀN NUÔI NGƯỜI NGHÈO 73

THANH BÀN VÀ GIẢN DỊ 75

82. ÔNG VUA GIẢN DỊ 75

83. KHỔ SỞ LÀ TẠI CỨ BÁM LẤY CỦA CÁI 76

84. KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ ME CON GÌ CẢ, THIÊN CHÚA LÀ TRÊN HẾT 76

85. ĐỨC GIÁO HOÀNG BỊ MẮT TÍCH 77

THÔNG HỎI – ĐÈN TỘI 78

86. MỘT THỜI XA HOA, TRUY LẠC CỦA MỘT SĨ QUAN 78

87. LẤY MÁU ĐỂ TẮY RỬA TỘI LỖI CỦA MÌNH 78

88. BẰNG LÒNG XUỐNG HỎA NGỤC, ĐỀ GIA TÀI CHO CON CÁI XÀI 79

89. NỮ GIANG HỒ TRỞ THÀNH MỘT VỊ THÁNH 80

90. VIỆC ĐÈN TỘI LỚN NHẤT 81

91. LỖ MỘT LẦN CHỐI CHÚA, XIN TRỌN ĐÒI TÍN TRUNG 81

92. ĐÂY LÀ TẤT CẢ CỦA CÁI CON CÓ ĐƯỢC TỪ SATAN 83

93. CUỘC HOÁN CÁI CỦA MỘT TÔNG ĐỒ BÁC ÁI VĨ ĐẠI 83

CHẤP NHẬN ĐAU KHỔ 85

94. HÃY TRẢ LẠI THỦ CẤP CON TÔI ! 85

95. ME MẶC ÁO HOA HỒNG ĐÂY ! 86

96. MƯỜI HAI NĂM BỊ BẮT CỐC LÀM NÔ LỆ 87

97. VỊ SÁNG LẬP DÒNG BỊ VA TUYỆT THÔNG 89

98. BỎ NGẠI VÀNG ĐỂ THEO ĐẠO CÔNG GIÁO 90

QUẢNG ĐẠI THA THỨ 91

99. VÌ YÊU CHÚA GIÊSU, CON THA THỨ 91

100. KHÔNG THỂ THA THỨ ĐƯỢC, TÔI SẼ BÁO THÙ 93

101. VUI MỪNG VÌ KẺ THÙ BỊ RỦI RO Ứ? 94

LỜI NGỎ

Bạn đọc thân mến,

Việc nên thánh không chỉ dành riêng cho một số người nào đó, nhưng là cho tất cả chúng ta, như lời Chúa phán dạy: “Các con hãy nên thánh thiện, như Cha các con là Đấng Thánh Thiện” (Mt 5,48).

Dù bạn là giáo sĩ, tu sĩ hay giáo dân, bạn phải nên thánh. Tất cả những ai được lên Thiên đàng thì đều là thánh. Và dĩ nhiên trong Hỏa ngục chẳng có vị thánh nào ở đấy cả. Các thánh cũng là những con người như chúng ta. Có những vị thánh thông minh tài giỏi, nhưng cũng có những vị kém cỏi, chẳng biết đọc chữ. Có những vị thánh thiện từ thuở nhỏ, nhưng cũng có những vị là tội nhân trở lại. Có những vị quyền cao chức trọng, nhưng cũng có những vị là dân thường hay nô lệ. Có những vị hay làm phép lạ, nhưng đại đa số các thánh không làm phép lạ lúc sinh thời. Có những vị đã được Giáo hội phong thánh, nhưng đại đa số các thánh chưa được tôn phong, mặc dù trước nhan Chúa họ đã là thánh. Trong số đó có những người thân của bạn.

Các vị thánh là những bông hoa, muôn dáng vẻ, muôn hương sắc, rực rỡ trên Thiên đàng, làm thỏa lòng Thiên Chúa. Và bạn cũng sẽ là thánh, nếu bạn trung thành sống giới răn Chúa dạy: MẾN CHÚA – YÊU NGƯỜI.

Xin gửi đến bạn 101 Giai Thoại Các Thánh. Ước mong tập sách nhỏ bé này sẽ phần nào giúp bạn thêm hăng say trong cuộc sống, làm con Chúa và làm anh chị em với mọi người.

Luy Gonzaga Maria

THIÊN CHÚA YÊU THƯƠNG

1. ĐEN ĐUI CHÚA CŨNG YÊU

Thánh Martinô (1579-1639) sinh tại thành phố Lima, nước Pêru. Khi lên 15 tuổi, Martinô xin vào dòng Đaminh ở Lima để làm người giúp việc cho các cha các thầy. Sau gần mười năm phục vụ, cha Bê trên tu viện Đaminh cho Martinô đi tới một cộng đoàn khác của dòng ở miền quê Limatambo để nghỉ ngơi.

Hai tuần lễ đã trôi qua, Martinô biết mình sắp trở về tu viện. Martinô rất thích nghỉ hè ở miền quê: hít thở không khí trong lành, đi dạo và thăm nom những người lân cận. Martinô đã quen với nhiều trẻ con ở đây, và cậu đã dành nhiều thời gian để dạy chúng biết giáo lý, kể cho chúng nghe những câu truyện Thánh Kinh.

Khi thấy bọn trẻ tỏ vẻ buồn vì Martinô phải trở về tu viện Đaminh ở thành phố Lima, Martinô nói:

– Tôi sẽ trở lại đây, cứ đợi xem. Nhưng có một điều tôi muốn các em phải nhớ.

Pedro, một bé trai da đen kêu lên:

– Em biết rồi, cứ hỏi em xem Martinô!

Martinô âu yếm nói:

– Được rồi, vậy điều tôi muốn các em nhớ là gì nào?

– Anh muốn chúng em nhớ là Chúa yêu thương chúng em, khi chúng em làm điều tốt, không bao giờ chúng em lại cô đơn, vì Chúa ở trong lòng chúng em.

Martinô mỉm cười vắn thêm:

– Pedro ơi, em chỉ là cậu bé da đen, làm sao Chúa có thể ở trong lòng em khi em đen đui thế này?

– Thưa anh, bởi vì Chúa dựng nên chúng ta như vậy. Ngài muốn có người da trắng, người da vàng, có người da đen và có người lai.... Vì Chúa muốn dựng nên nhiều loại người khác nhau trên mặt đất, nên Ngài cũng dựng nên nhiều nơi để họ ở. Ngài yêu quý hết mọi người, miễn là họ trở nên trong sạch và xứng đáng cho Ngài đến cư ngụ.

Martinô gật đầu. Tất cả các trẻ em nghèo ở Limatambo đã học bài học này. Một bài học xem ra nhiều người lớn và nhiều bộ óc vĩ nhân chưa hiểu thấu.

2. HOA NÀO CŨNG ĐẸP

Thiên Chúa đã ban cho thánh Tôma Aquinô có bộ nhớ rất tốt và nhanh trí. Vì thế, sách vở luôn là những người bạn đặc biệt của ngài.

Khi còn là sinh viên đại học, Tôma Aquinô đã học rất nhiều môn học và đều đạt hạng danh dự tất cả các môn học, không một phân khoa đại học nào là khó khăn đối với Tôma cả. Tôma có rất nhiều bạn, nhưng anh quan tâm đặc biệt đến những người bạn kém thông minh và những người cần giúp đỡ. Sự thông thái đã không bóp nghẹt lòng khiêm nhường của Tôma.

Một người bạn cùng lớp nói với Tôma:

– Tôi ghen tị với bạn. Bạn nhớ hết mọi sự bạn học. Chỉ một lần lướt qua là chúng đã in vào óc bạn. Làm sao bạn có thể làm được như thế?

Tôma khiêm tốn trả lời:

– Chúa giúp tôi.

Tôma đã cắt nghĩa cho người bạn sinh viên hiểu rằng anh được ơn học giỏi trong khi những người khác được Chúa ban cho các ơn khác mà Tôma không có.

Rồi anh cắt nghĩa cho bạn về các loài hoa khác nhau như hoa hồng, hoa huệ, hoa cúc, hoa nhài... Sau đó, Tôma hỏi bạn:

– Theo bạn, hoa nào đẹp nhất?

Người bạn tỏ ra ngượng ngùng một chút rồi trả lời:

– Các loại hoa đều đẹp cả, tôi nghĩ thế, mỗi loài đều có một vẻ đẹp khác nhau.

– Vậy có hoa nào tốt hơn hoa nào không?

– Không.

Tôma mỉm cười và dịu dàng nói:

– Chúa đã tạo dựng mỗi loài hoa đều có màu sắc, hương thơm và hình dáng khác nhau. Chúa cũng ban cho mỗi người có những tài năng khác nhau. Chúng ta không phải chất vấn tại sao? Vấn đề là chúng ta phải dùng tài năng đó cách tốt nhất.

3. XIN HÃY ĐÓNG CỬA THIÊN ĐÀNG

Thánh nữ Giôsêphin Bakita, nữ tu dòng Nữ tử Bác Ái tại nước Ý, là người da đen nước Sudăng. Trong những ngày tháng cuối đời, sức khỏe của chị Bakita xuống dốc trầm trọng. Các bác sĩ cho biết: chị bị sưng khớp, viêm cuống họng, suyễn và viêm màng phổi. Lúc đầu, chị đi lại nhờ cái gậy, nhưng sau phải ngồi xe lăn, có người đưa đẩy, điều này làm chị đau khổ thêm.

Chị Bakita yêu thích việc cầu nguyện trước Thánh Thể, chị ngồi yên lặng hàng giờ để nhìn ngắm Nhà tạm và Chúa chịu nạn.

Lần kia, một vị Giám mục hỏi chị làm gì trong thời gian dài đằng đẳng trên xe lăn. Chị Bakita trả lời:

– Con làm điều mà Đức Mẹ đang làm, là thực thi thánh ý Chúa.

Sau ít tháng ngồi xe lăn, Bakita phải nằm liệt giường vì các căn bệnh bộc phát dữ dội. Các bác sĩ đành bó tay, không thể chữa trị được, chỉ còn nằm chờ chết.

– Chị có sợ chết không?

Chị Bakita bình thản trả lời:

– Khi một người yêu một người nào đó rất tha thiết mãnh liệt, thì người ấy chỉ khao khát được gặp người mình yêu. Thế thì tại sao tôi lại sợ chết, cái chết sẽ đem chúng ta về với Chúa.

Tôi đang từng bước một hướng về nơi bất diệt. Tôi mang theo mình hai cái túi, một cái chứa đựng tội của tôi, còn cái kia nặng hơn, chứa đựng vô số công trạng của Chúa Giêsu. Khi tôi ra trước tòa phán xét của Thiên Chúa, tôi sẽ che giấu cái túi xấu xa của tôi lại bằng các công trạng của Đức Maria, đoạn tôi mở cái túi kia và trình bày cho Ngài xem các công trạng của Chúa Giêsu, người Con độc nhất của Ngài. Và tôi sẽ thưa với Ngài rằng: “Giờ đây xin Cha xét xử con chiếu theo những gì Cha đã thấy”. Tôi biết chắc là tôi sẽ không bị chối từ. Đoạn tôi sẽ quay sang thánh Phêrô và nói: “Bây giờ xin thánh nhân hãy đóng cửa lại vì con nhất quyết ở lại đây”.

4. HÃY DÂNG CHO TA TẤT CẢ TỘI LỖI CỦA CON NỮ

Vào một đêm Giáng Sinh nọ, thánh Giêrônimô đang quỳ bên máng cỏ để suy niệm về mầu nhiệm Ngôi Hai Thiên Chúa xuống thế làm người, thì Chúa Hải Đồng hiện ra trong vàng sáng chói lòa. Chúa Hải Đồng âu yếm hỏi:

– Giêrônimô, con có gì làm quà cho Ta trong ngày Ta giáng sinh không?

Thánh nhân đáp:

– Lạy Chúa Hải Đồng, con xin dâng Chúa trái tim của con.

– Đúng thế, nhưng còn gì khác nữa không?

– Lạy Chúa, con xin dâng Chúa tất cả những gì con có và tất cả những gì con có thể.

Chúa Hải Đồng hỏi tiếp:

– Con còn điều gì khác nữa không?

Thánh nhân khẩn khoản thưa:

– Con có điều gì khác để dâng Chúa nữa đâu?

Chúa Hải Đồng bảo:

– Nay Giêrônimô, hãy dâng cho Ta tất cả tội lỗi của con nữa.

Thánh nhân hốt hoảng hỏi lại:

– Ôi, lạy Chúa, làm sao con dâng cho Chúa tội lỗi của con được.

– Được chứ! Ta muốn con dâng cho Ta tội lỗi của con để Ta có thể tha thứ cho con. Đó là điều Ta rất mong đợi.

Nghe thế, thánh nhân bật khóc vì sung sướng. Ôi Thiên Chúa nhân lành vô cùng, Ngài chẳng muốn gì hơn là được thỏa mãn lòng nhân từ yêu thương

của Ngài bằng việc tha thứ cho con người.

5. THANG MÁY ĐƯA LÊN ĐỈNH THÁNH THIỆN

Cuối năm 1894, thánh nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu suy nghĩ về hơn 6 năm trở thành đan sĩ Cát Minh, chị đã đau khổ nhiều, đã phấn đấu nhiều mà không từ bỏ lòng ước ao nên thánh.

Nhưng khi tự sánh mình với các vị thánh lớn như thánh Phaolô, thánh Augustinô, thánh Têrêsa Avila, do những hy sinh hãm mình, những tài năng và nhân đức, các ngài là những vĩ nhân, các ngài là những ngọn núi cao không thể leo nổi. Còn chị, chị chỉ là hạt cát tầm thường chẳng ai biết đến, chị ý thức về hố sâu ngăn cách giữa chị và các ngài. Chị đã chẳng hay rơi vào những lầm lỗi? Đã chẳng hay ngủ gật lúc đọc kinh đây ư? Sự thánh thiện, trái với những gì chị đã suy nghĩ trong thời gian nhà Tập, xem ra thực sự không có thể.

Sau kinh nghiệm không thể tránh này, bao nhiêu người nam nữ đã chấp nhận cuộc sống tầm thường. Nhưng Têrêsa quyết tâm không bao giờ ngã lòng vì Thiên Chúa không bao giờ khơi lên những ước nguyện mà không thể thỏa mãn được. Lâu nay chị đã kinh nghiệm rằng những nỗ lực theo ý riêng là hão huyền, và không thể nên thánh được do sức phạm nhân. Chị phải chấp nhận con người thực của mình, với tất cả khuyết điểm của mình. Cha Prou đã chỉ cho chị con đường nhỏ, nhưng cha Pichon lại không sẵn sàng giúp đỡ chị tìm hiểu, các nữ đan sĩ cũng không giúp chị vì họ cho rằng con đường mới lạ này nguy hiểm.

Cuối thế kỷ XIX, khoa học phát triển rực rỡ, các phát minh lần lượt ra đời nào là điện lực, điện thoại, xe hơi, nhiếp ảnh, các loại máy móc... Trong chuyến đi sang Ý năm 1887, chị Têrêsa rất thích đi thang máy. Chỉ trong chốc lát, thang máy đã đưa người ta lên tới đỉnh tòa nhà. Liệu chẳng có phương thế nào tương tự thang máy để đưa người ta tới đỉnh thánh thiện ư? Nếu chị chết sớm, chị sẽ hoàn tất được gì trong cuộc sống của mình?

Trong hành lý nhập tu của chị Céline, chị ruột của Têrêsa, có một số tập vở mà Céline đã ghi chép những đoạn Kinh Thánh từ quyển Kinh Thánh ở nhà cậu Isidore. Têrêsa không có Cựu ước, chị mượn những quyển tập đó và đọc cách say mê. Một hôm, chị đọc đến câu: “Hỡi người bé nhỏ, hãy đến với Ta” (Cn 9,4).

Hay quá, chị là người bé nhỏ ấy. Và Têrêsa đã tự hỏi Thiên Chúa sẽ làm gì cho kẻ bé nhỏ ngây thơ đến với Ngài với lòng tin tưởng? Lời giải đáp cho chị qua sách ngôn Isaia:

“Các ngươi sẽ được ấm vào lòng, được nâng niu trên đầu gối. Như mẹ hiền ấp ủ con thơ, Ta sẽ an ủi các ngươi như vậy” (Is 66,12-13).

Chị Têrêsa ngây ngất vì sung sướng, đây là chiếc thang máy mà chị đã tìm kiếm bấy lâu nay. Chúa Giêsu sẽ bế chị lên những đỉnh núi thánh thiện và chị đã khám phá ra một chân lý khác: muốn được Chúa Giêsu bồng bế, thì không những ta phải sống bé nhỏ, mà còn phải trở nên bé nhỏ nữa. Sự đảo nghịch thật là toàn diện, hoàn toàn phù hợp với sự nghịch lý của Tin Mừng. Tâm hồn chị hân hoan dâng lên Chúa lời tri ân:

– Ôi lạy Thiên Chúa, Chúa đã vượt trên tất cả mọi điều con khát vọng, và con muốn hát ca lòng nhân lành Ngài.

Sự bé nhỏ của Têrêsa, sự bất lực của chị đã trở thành căn nguyên khiến chị vui mừng. Bởi lẽ đó là cơ sở mà Tình Yêu Thương Xót có thể biểu hiện.

Kể từ hôm ấy, Têrêsa thường ký tên ở thư là “Têrêsa nhỏ”. Sự khám phá về con đường nhỏ này sẽ làm tăng tốc những bước tiến khổng lồ trên con đường thánh thiện. Vì điều con người không thể làm được, thì Thiên Chúa có khả năng thực hiện, chỉ cần phó thác hoàn toàn cho người Cha nhân lành này. Chị Têrêsa ngày càng minh chứng chân lý về con đường tin tưởng và yêu mến trong cuộc sống hằng ngày của mình.

6. THIÊN ĐÀNG LÀ CỦA CON

Một cô gái bị cám dỗ rất nặng nề về sự tuyệt vọng. Với những tội lỗi của mình, cô nghĩ rằng cô đã có chỗ trong Hỏa ngục đời đời, không còn hy vọng gì được Thiên Chúa yêu thương và hưởng phúc Thiên đàng nữa. Ngày kia, thánh Philipphê Mesi đến thăm cô. Sau khi nghe cô thổ lộ tâm hồn, thánh nhân nói:

– Thật là tai hại, con gái yêu của ta, khi con tin rằng con đã được dành cho lửa đời đời, Thiên đàng mới là của con.

Cô gái tội nghiệp nức nở thưa:

– Cha ơi, con không thể tin được điều ấy.

– Đó là vì con khờ dại. Cha sẽ chứng minh cho con thấy. Chúa Giêsu đã chịu chết cho ai?

Cô gái đáp:

– Cho người tội lỗi.

– Đúng lắm, thế bây giờ con nghĩ con là một vị thánh sao?

Cô gái vừa khóc vừa trả lời:

– Không, con là một kẻ đầy tội lỗi.

– Như vậy, chính vì con mà Chúa Giêsu đã chết, và chắc chắn Chúa chết là để cho con được vào Thiên đàng. Vậy thì Thiên đàng là của con, bởi con đã gớm ghét tội lỗi, con đừng nghi ngờ chi nữa.

Những lời của thánh Philipphê Mesi bắt đầu thấm vào tâm hồn cô gái. Và từ lúc ấy, lời nói “Thiên đàng là của con” đã không ngừng an ủi cô và khiến cô không còn mất lòng tin tưởng vào tình yêu thương vô biên của Thiên Chúa nữa.

“Nếu vì lỗi lầm mà bạn có nhiều lý do để sợ chết bao nhiêu, thì bạn lại càng có hy vọng được sống muôn đời bấy nhiêu nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu,

công nghiệp ấy có thể cứu bạn mạnh hơn cả ngàn vạn lần tội lỗi làm cho bạn hư đi. Như thế với lòng tin tưởng, chúng ta hãy chạy đến ngai tòa ân sủng để được hưởng lòng khoan dung. Ngai tòa ấy chính là thập giá, nơi Chúa Giêsu ngự như trên một ngai vàng, để ban phát lòng nhân từ cho bất cứ ai chạy đến với Ngài” (Thánh Anphongsô).

7. CHÚA SẼ LÀM GÌ CHO MỘT THẺNG KHỐN NẠN NHƯ TÔI

Một hôm, người ta đến báo cho thánh Phanxicô Salê (1567 – 1622) rằng: trong nhà giam có một kẻ bất hạnh bị kết án tử hình, và trong cơn phần nộ tuyệt vọng, anh ta từ chối mọi bí tích và phó linh hồn cho ma quỷ. Và không một phút chậm trễ, Đức Giám mục Phanxicô Salê tức khắc chạy tới nhà giam.

Ngài âu yếm ôm hôn anh ta an ủi và cùng khóc với anh ta. Ngài giúp anh ta lấy lại lòng tin tưởng vào lòng nhân hậu vô biên của Thiên Chúa, ngài cũng cố gắng giúp anh ta biết chấp nhận cái chết bi thảm sắp tới để đền tội. Để chuẩn bị cho việc đền tội, anh ta cần phải xưng tội. Nhưng anh ta nói:

– Điều đó vô ích, vì tôi đã được dành cho Hỏa ngục rồi, và sẽ sớm làm môi cho ma quỷ.

Đức Giám mục Phanxicô Salê ôn tồn hỏi:

– Nhưng con của ta, con không thích làm môi cho Thiên Chúa nhân từ và làm nạn nhân cho thập giá Đức Giêsu hơn sao?

– Tất nhiên là muốn, nhưng Thiên Chúa sẽ làm gì cho một thằng khốn nạn như tôi?

– Chính là để cho những người như con mà Cha trên trời đã gởi Con Trai của Ngài xuống thế gian, và chính cho cả những người xấu xa hơn cả con nữa, như những tên đao phủ, như Giuđa phản Chúa, mà Đức Giêsu đã đổ máu Ngài ra.

Phạm nhân nói:

– Cha có bảo đảm với tôi rằng: tôi có thể trông nhờ vào lòng nhân từ của Thiên Chúa mà không cần đến một sự trâng tráo nào không?

– Trái lại, sẽ là một sự trâng tráo lớn khi không nghĩ rằng lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa có thể tha thứ mọi tội lỗi.

– Nhưng Thiên Chúa là Đấng công chính, Ngài sẽ kết tội tôi.

– Thiên Chúa là đấng nhân hậu, Ngài sẽ cứu con nếu con xin Ngài tha thứ với lòng ăn năn sám hối và khiêm nhường.

Động lòng bởi những lời nói tốt lành, tên phạm nhân đã xin xưng tội và kiên tâm đón nhận cái chết. Và anh đã sốt sắng lặp đi lặp lại lời cầu nguyện xuất phát từ tâm hồn tin tưởng vào tình yêu Thiên Chúa:

– Ôi Giêsu, con xin trao phó đời con trong tay Ngài, con tin tưởng vào Ngài.

MÈN CHÚA HẾT LÒNG

8. TỪ GIÃ MẸ CON ĐI LÀM THÁNH

Chúa nhật thứ tư Mùa Chay năm 1749, có cha Cafarô, hai linh mục khác và thầy Onofrio thuộc dòng Chúa Cứu Thế đến làng Murô, nước Ý, để làm tuần Đại Phúc. Thánh Giêradô, khi ấy 23 tuổi, đã tham dự đầy đủ chương trình tuần Đại Phúc, và còn phụ giúp thầy Onofrio lo bữa ăn, giặt quần áo cho các cha. Vào ngày cuối tuần Đại Phúc, Giêradô đến gặp cha Cafarô và nói lên ước nguyện của mình:

– Thưa cha, xin cha vui lòng nhận con vào bậc nhì dòng cha!

Mấy ngày nay, cha đã để ý đến anh thanh niên này, cha thấy anh sốt sáng lạ thường. Cha đã tìm hiểu về Giêradô thì được giáo dân cho biết anh là một người đầy lòng mến Chúa và yêu người, nhưng bản tính hơi khùng. Họ kể anh hay làm phép lạ; là thợ may nhưng chẳng lo làm ăn, chỉ suy gẫm rồi ngất trí.

Cha Cafarô thấy Giêradô gầy còm ốm yếu, nên cha và các cha khác không đồng ý nhận. Mẹ của Giêradô, bà Bênêđita, nghe tin con xin đi tu, bà đến gặp cha Cafarô:

– Thưa cha, xin cha đừng nhận cháu.

– Bà yên chí, chúng tôi không nhận con bà đâu. Nhưng xem ra anh ta quyết tâm lắm. Ngày mai, khi chúng tôi đi giảng nơi khác, bà hãy nhốt Giêradô vào phòng và canh gác kỹ, kéo anh ấy trốn khỏi nhà để theo chúng tôi.

Nghe lời Cha, hôm sau bà khóa cửa phòng thật kỹ. Giêradô nói vọng ra:

– Mẹ ơi! Mở cửa cho con đi tiễn chân các cha.

– Con ơi! Con xin vào dòng bỏ mẹ một mình sao? Ở giữa đời, con cũng thờ phượng Chúa lo phần rồi được mà! Hãy ở nhà với mẹ!

Sáng hôm đó, giáo dân ra tiễn các cha rất đông, tỏ lòng biết ơn các ngài đã kéo nhiều ơn Chúa xuống cho xứ đạo. Ngồi trên ngựa, cha Cafarô đảo mắt

quan sát và vui mừng vì không thấy Giêradô ra tiễn. Một lúc sau, bà Bênêdita ở nhà suy tính: “Giờ này có lẽ các cha đã qua đèo Crocelle, có thể cho con ra ngoài được rồi”.

Nhưng khi mở cửa phòng ra, bà chưng hửng vì Giêradô đã biến mất, để lại trên bàn một mảnh giấy:
“Từ giã mẹ con đi làm thánh.”

Thì ra Giêradô đã trèo lên cửa sổ cao, dùng dây vải tuột ra ngoài, chạy theo các cha dòng Chúa Cứu Thế. Từ xa, cha Cafarô nhìn lại thấy Giêradô đang chạy theo. Cha và mọi người dừng ngựa lại.

– Có việc gì mà anh chạy theo chúng tôi.

Giêradô vừa thở vừa nói:

– Thưa cha, con ước ao đi tu, xin cha nhận con vào dòng cha.

– Cha đã nói với con nhiều lần, cha không thể nhận con được vì con không đủ sức khỏe để ở bậc nhì của dòng Chúa Cứu Thế đâu?

Các cha khác cũng phụ họa:

– Đúng vậy, con nên trở về làm thợ may giúp mẹ!

Giêradô vẫn kiên tâm nài nỉ:

– Xin các cha thương nhận con. Con nghĩ là ý Chúa muốn con vào dòng các cha.

Cha Cafarô nói với các cha đồng hành:

– Thôi, mặc kệ anh ấy, ta đi ngay kéo trê.

Các vị quay ngựa, phi nước kiệu. Giêradô vẫn không bỏ cuộc, anh lẻo đẻo chạy bộ theo sau. Đến Rinerô, Giêradô vào gặp cha Cafarô nài nỉ tiếp:

– Xin cha cho con ở thử, nếu không được thì đuổi con về.

Nhưng cha Cafarô im lặng, không trả lời.

Trong khi các cha giảng tuần Đại Phúc ở đây, thì Giêradô giúp thầy Onofrio như ở Murô. Anh vẫn làm hết việc này đến việc khác. Anh sốt sắng tham dự Thánh lễ, rước Chúa, cầu nguyện lâu giờ trước Nhà tạm. Anh khóc nhiều, tha thiết nài xin Chúa và Đức Mẹ cho anh được vào tu dòng Chúa Cứu Thế. Cha Cafarô thấy vậy tự nhủ: “Có phải là thánh ý Chúa không?” Cha vẫn ngần ngại vì sức khỏe yếu kém của Giêradô. Ở bậc nhì trong dòng, ngoài bốn phận thiêng liêng, tu sĩ còn phải lao động tay chân nặng nề vất vả, ăn chay đánh tội ngày thứ sáu mỗi tuần...

Ngày hôm sau, Giêradô đến quỳ trước mặt các cha và nói:

– Nếu các cha không nhận con, thì mỗi ngày sẽ thấy con có mặt trước cửa nhà dòng.

Cảm động trước ý muốn tu dòng mãnh liệt của Giêradô, cuối cùng cha Cafarô buộc lòng phải chấp nhận. Ngài viết thư cho cha Lôrensô Antôniô, Bề trên tu viện Đêlixêto: “Con xin gửi đến cha một thanh niên mới chỉ xin vào dòng, chắc chẳng làm được việc gì, vì sức khỏe yếu kém lắm; nhưng xét đáng nhận, vì anh ta nài xin con rất tha thiết, vả lại anh ta có tiếng là đạo đức ở Murô”.

Giêradô vui mừng, vừa giữ chặt lá thư vừa chạy đến Đêlixêto. Chiều hôm đó, khi trèo qua ngọn đồi cuối cùng, nghe tiếng chuông Truyền tin ở nhà thờ Đức Mẹ, Giêradô quỳ xuống chấp tay nhìn trời cao, cảm ơn Chúa và Đức Mẹ đã nhận lời cho anh được vào dòng.

9. ĐI BỘ 1800 CÂY SỐ ĐỂ ĐƯỢC SỐNG ƠN GỌI CỦA MÌNH

Sinh ra trong một gia đình quyền quý ở Ba Lan vào thế kỷ XVI, nhưng thánh Stanislao Kostka (1550 – 1568) sống như một thiên thần, không màng chi danh vọng tiền tài. Mọi người luôn tìm cách lôi kéo công tử Stanislao vào cuộc sống xa hoa, hưởng thụ. Đã từ lâu, Stanislao ước mong được chia sẻ nếp sống của nhóm bạn Chúa Giêsu (dòng Tên).

Stanislao đã gặp cha Giám tỉnh dòng Chúa Giêsu để xin nhập tu, nhưng anh ở diện vị thành niên nên họ không dám nhận khi chưa có phép của cha mẹ. Anh thừa hiểu chẳng đời nào cha anh lại cho phép từ bỏ nếp sống công tử để đổi lấy chiếc áo dòng. Người ta cũng sợ có nhiều phiền toái không lường trước được.

Stanislao nghĩ rằng vị sứ thần Tòa Thánh tại Vienne có thể buộc nhà dòng phải nhận anh, nên đích thân trình bày trực tiếp với ngài. Tuy nhiên, vị sứ thần cũng không dám ép nhà dòng làm một việc có thể dẫn đến nhiều hậu quả tai hại. Anh nảy ra ý định đi thật xa, đến nơi nào mà nhà dòng có thể nhận anh mà không sợ liên lụy.

Anh đã trình bày với cha linh hướng của mình về ý định đó. Dò hỏi mãi, anh được cha Antoniô cho biết ở Đức hay Ý tại đó có nhà dòng, vì quá xa, chắc gia đình anh sẽ không can thiệp được, và hy vọng họ sẽ nhận anh. Dù chưa biết nước Đức hay Ý ở đâu, anh vẫn quyết tâm một ngày kia sẽ ra đi.

Sau khi đã được chỉ dẫn tường tận về đường đi và đã có thư giới thiệu, anh sẵn sàng lên đường. Trùng vào dịp ấy, người anh ruột là Phaolô đã quá tức giận và xử tệ vì em mình không sống theo nếp sống của giai cấp quý tộc thời bấy giờ, mà ngược lại, Stanislao sống như một thiên thần, xa lánh thế tục... Stanislao đã cự lại, nhìn thẳng vào mặt Phaolô, nói với giọng dịu dàng nhưng cứng rắn:

– Anh xử tệ với em, em sẽ đi cho anh biết, khi đi rồi, đừng mong em trở lại, rồi anh ráng mà thưa với ba má.

Nhưng Phaolô không chịu thua chú bé ương bướng ấy, anh quát lên:

– Cút đi cho rảnh mặt tao.

Nắm lấy cơ hội, sáng sớm hôm sau đi dự lễ như thường lệ rồi thay vì vào lớp học, Stanislaio theo con đường dẫn đến thành phố Ausbourg ở miền nam nước Đức.

Tại nhà trọ, chờ đến tối không thấy em về, Phaolô hốt hoảng đi tìm. Sáng sớm hôm sau, vừa giận vừa lo, chàng phóng ngựa vượt qua trước mặt em mình mà không biết, vì Stanislaio đã đổi bộ quần áo công tử lấy bộ quần áo dân quê để mặc. Cả ông nghị sĩ cũng cảm thấy có trách nhiệm, ông dùng một cỗ xe song mã nhất định tóm cổ Stanislaio.

Khi thấy xe đang tiến tới, Stanislaio cảm thấy lúng túng tìm cách tránh mặt. Nhưng bỗng hai con ngựa trở chứng, chúng ngừng lại không làm sao tiến lên được. Người đánh xe đành phải quay trở lại và chúng chạy như bay. Thoát nạn, Stanislaio không ngớt tạ ơn Chúa. Các bạn của anh ở Vienne tin rằng chính Chúa can thiệp để anh tiến về đất hứa.

Stanislaio xác minh rằng: “Tôi sinh ra để sống cho những gì cao quý hơn”, quãng đường 560 cây số từ Vienne đến Ausbourg không làm cho Stanislaio nản chí. Trái lại, anh đi thật hăng hái, mỗi ngày anh đi được khoảng 50 cây số.

Khi đến Ausbourg, Stanislaio được biết cha Giám tỉnh Kanis đang có việc ở Dillingen, anh lại vội vã đi thêm 40 cây số nữa với hy vọng được nhận vào dòng ngay. Sau khi khảo sát cận kẽ, cha Kanis sẵn sàng nhận anh vào dòng. Thời gian đầu, cha Giám tỉnh cho anh sống thử và làm việc giúp bếp trong một nhà trường. Trong khi các học sinh dùng bữa, anh giữ chân giúp bàn. Anh làm rất vui vẻ mặc dù hơi có phần vụng về, vì chưa bao giờ làm những công việc này.

Cha của Stanislaio, công tước Gioan Kostka, biết tin liền lồng lộn tố cáo dòng đã bắt cóc con ông và làm nhục dòng họ Kostka vì để con ông phải ăn xin dọc đường từ Vienne tới Ausbourg, lại còn bắt con ông làm việc phục vụ như một người tôi tớ.

Chỉ sau khi Stanislaio qua đời, để lại hương thơm thánh thiện trong Giáo hội, ông mới dịu bớt cơn giận của mình.

Stanislao hầu như quên mình là một công tử, không đếm xỉa gì đến vinh dự thế gian, anh vui vẻ đi lại con đường của Đức Kitô nghèo khó. Anh thản nhiên bỏ lại sau lưng tất cả danh vọng, của cải, tương lai tươi sáng của một dòng họ Kostka. Anh bắt đầu sống cuộc đời của người môn đệ.

Stanislao là con cưng của Chúa, thế mà ở nhà Chúa vẫn chưa ổn định. Hình như Chúa còn muốn cho người con của Người chịu nhiều thử thách hơn nữa.

Cả cha Giám tỉnh lẫn Stanislao đều cảm thấy rằng ở Ausbourg, công tước Gioan Kostka vẫn có thể can thiệp, và có thể gây khó khăn cho nhà dòng. Vì thế, anh được gọi đi Rôma. Anh phải đi thêm 1200 cây số nữa để được tự do sống cho những gì cao quý hơn. Nhưng lần này, anh không còn đơn độc trên đường dài, có hai học viên của dòng cùng đi.

Ngày 28.10.1567, Stanislao bắt đầu chương trình nhà Tập tại nhà Thệ sĩ của dòng ở Rôma.

Vào Tập viện được ít lâu, anh nhận được thư của công tước Gioan Kostka, ông khiển trách anh đã làm nhục dòng họ Kostka; nếu anh không về, ông sẽ cho người đến lôi cổ anh ra khỏi dòng. Và anh đã viết thư trả lời: “Dù phải đau khổ đến đâu hay phải chết, con cương quyết không bỏ cuộc sống con đã chọn”.

Thiên Chúa đã có cách bênh vực người con của Ngài, sống ở Tập viện chưa đầy 9 tháng, Chúa đã gọi anh về vào đúng dịp lễ Mẹ Lên Trời, ngày 15.8.1568.

Stanislao đã để lại một niềm cảm mến sâu xa trong lòng mọi người. Anh cầu nguyện như một thiên thần. Anh tươi vui như một người hạnh phúc nhất trên trần đời. Anh khiêm tốn phục vụ như một tôi tớ trung thành. Anh dễ thương như một người bạn chí tình. Tuân phục như con ngoan, quên mình như một người yêu, thuộc về Chúa như một vị thánh.

10. PHẢI LỢI DỤNG TIẾN BỘ CHO VINH QUANG CHÚA

Thánh Maximilian Kolbe, linh mục dòng Phanxicô, luôn cố gắng học hành. Ngài khuyển về khoa học hơn hết, bởi vì ngài muốn làm nhà biện hộ Giáo hội, nhà biện hộ chiến đấu với lớp người vô thần khoa học ngày nay. Nên ngài phải gắng để thạo triết học, khoa học và cơ giới. Đây cũng là đặc điểm khác ngài với các thánh.

Phần đông giới đạo đức đương thời với cha Maximilian nhìn các phát minh hiện đại với cặp mắt bi quan, coi đó là lợi khí của Satan dùng để công phá Giáo hội, thì trái lại, cha Maximilian lớn tiếng tuyên bố:

– Phải lợi dụng mọi tiến bộ cho vinh quang Chúa, và đổi thành lợi khí chiến thắng.

Có những vị thánh hình như quay lưng với thời đại. Nhưng cũng có những vị thiết tha với thời đại, tìm ở đó một lẽ sống. Cha Maximilian được xếp vào lớp thứ hai này. Với tâm hồn lạc quan, cha tin tưởng văn minh là tốt, miễn sao vận dụng vào việc cả sáng Thiên Chúa.

Khoảng năm 1917, màn ảnh được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh, trong khi giới đạo đức và trí thức có một phản ứng không tốt đẹp. Phần nhiều các phim thiếu giá trị luân lý, chỉ biết ca tụng tình dục hạ đẳng. Các nhà sản xuất phim chỉ biết làm giàu ngoài ra không cần gì hết.

Tẩy chay phim ư? Không thể và cũng không cần. Chi bằng lợi dụng vào việc thiện như nó đã phụng sự việc ác. Thế là cha Maximilian đã tìm ra giải pháp.

Ngày kia, khi đi dạo với một người bạn có phần nghiêm khắc, Maximilian không chút giấu giếm lập trường:

– Phim ảnh có thể và phải phụng sự lợi ích xã hội, và đó là nhiệm vụ chung của chúng ta.

Phật ý, người bạn la lên:

– Ngài không nhận thấy Satan và tay sai chúng ra sức lợi dụng các phát minh của thời đại và mọi tiến bộ về sự ác ư?

– Cái đó không hề chi, hơn nữa cần phải chiếm vị trí của địch để tấn công địch.

Thời gian đã trả lời cho cha Maximilian. Bởi sau đó, Đức Piô XI công nhận dùng phim ảnh vào việc truyền giáo và Công giáo tiến hành. Cha còn nghĩ đến chuyện luyện tập tài tử đóng phim ảnh Công giáo và Đức Mẹ.

Còn một lợi khí khác, người Công giáo phải biết điều khiển là “báo chí”. Báo chí 100 năm nay không ngớt tiến triển. Cha Maximilian mơ ước một tờ báo cho quần chúng Công giáo thấy ý nghĩa của Phúc âm, dưới sự ủng hộ của Mẹ Maria. Các thầy dòng trẻ rất ngỡ ngàng với ý tưởng mới của cha Maximilian, nhưng rồi rơi vào quên lãng. Với cha, đây không phải là mộng nhưng là sự thật trăm phần trăm, một chương trình chiến thắng vĩ đại.

Tờ báo Hiệp sĩ Đức Mẹ do cha Maximilian lãnh đạo ra đời. Nó đã được đông đảo người Công giáo khắp nơi đón nhận. Thời gian đầu báo Hiệp sĩ chỉ in khoảng 5 ngàn tờ, nhưng đến năm 1937 đã lên đến 800 ngàn tờ.

Đầu thế kỷ XX, khắp nơi đang nổi dậy những tiếng cơ giới. Thời đại viết toàn những nét của cơ giới. Óc sáng suốt của cha Maximilian Kolbe vui vẻ đón động cơ, đổi thành những trái tim mến Chúa và Đức Mẹ như cha đã làm.

Hôm trước ngày bùng nổ thế chiến thứ hai, cha đang thảo dự án mở một đường bay bốn động cơ trong địa hạt Niepokalanow. Ngoài ra, đài phát thanh của cha lúc đó đang hoạt động mạnh.

Tất cả chứng tỏ cha Maximilian Kolbe có một tâm hồn hết sức lạc quan và thích hoạt động. Lời thánh Gioan Tông đồ mô tả rất đúng tâm hồn cao đẹp ấy: “Đối với kẻ lành mọi sự đều tốt đẹp”. Thật vậy, cha không lên án thời thế, không lên án một ai hay một vật gì, trừ tội lỗi. Cha giơ hai tay, mở rộng cõi lòng đón nhận tất cả. Những phương tiện đối phương dùng tấn công Giáo hội, cha cũng đem ra để nghiên cứu.

11. TÔI CHỈ MONG ƯỚC CHÚC QUYỀN TRÊN TRỜI

Năm 1838, trong một phiên tòa thời kỳ bách hại đạo Công giáo, quan tỉnh Quảng Trị thấy thánh Tôma Trần Văn Thiện trẻ tuổi, dáng dấp thư sinh nhỏ nhả, khuôn mặt khôi ngô tuấn tú, hứa hẹn một tương lai tươi sáng, nên nhẹ nhàng khuyên bảo:

– Nếu con bỏ đạo, ta sẽ gả con gái cho và sẽ lo liệu cho con làm quan.

Đó là điều biết bao nhiêu người mong ước mà không được. Nhưng đối với chủng sinh Tôma Thiện thì lại khác, thầy thẳng thắn trả lời:

– Tôi chỉ mong chức quyền trên trời, chứ không màng danh vọng trần thế.

Tuy mới 18 tuổi, nhưng Tôma Thiện đã có một sự chọn lựa chín chắn, khôn ngoan. Quả thực, thầy đã thâm tín lời Chúa Kitô đã phán: “Được lời lãi cả thế gian mà mất linh hồn thì được ích gì?” (Mt 16,26).

12. TÔNG ĐỒ HAI THÁNH TÂM

Sau một thời gian cộng tác với Đức Hồng y Richelieu để mở các học viện huấn luyện các linh mục, thánh Gioan Eudes nhận thấy cần có những con người dấn thân trọn vẹn vào việc phục vụ các linh hồn. Ngài đã lập dòng “Thánh Tâm Chúa Giêsu và Mẹ Maria” chuyên phục vụ cho việc giảng tĩnh tâm.

Thời đó, bè rối Tam Điểm chống lại lời giảng thuyết của cha Gioan Eudes. Thay vì rao giảng lòng thương xót của Chúa, họ chỉ rao giảng cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đối với loài người. Trong khi đó, cha Gioan Eudes luôn tích cực rao giảng để làm cho mọi người tỏ lòng tôn kính Thánh Tâm rất từ bi nhân ái của Chúa. Từ năm 1648, cha đã phổ biến lòng tôn kính Thánh Tâm Chúa và Đức Mẹ. Mười tám vị Giám mục và nhiều nơi hưởng ứng phong trào này. Đó là phương thế hữu hiệu cho việc hoán cải tội nhân về với Thiên Chúa.

Mối bận tâm lớn nhất của cha Gioan Eudes là xin Đức Thánh Cha phê chuẩn lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa. Nhưng nhóm Tam Điểm, kẻ thù của cha nào có để yên cho cha, họ luôn tìm cách quấy phá làm cho công việc bị trì trệ và nảy sinh nhiều vấn đề phiền toái khác nữa. Dù bị quấy phá, cha vẫn luôn nhiệt thành trong việc phổ biến lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa và Đức Mẹ. Cha say mê rao giảng và làm việc tới mức ngã bệnh. Có những lần cha phải giảng mỗi ngày nhiều giờ trong suốt 12 tuần lễ. Trong mọi nơi mọi lúc, cha tận dụng cơ hội để nói về Chúa và Đức Mẹ. Cha chú tâm đặc biệt vào việc viết sách để phổ biến lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa và Đức Mẹ, tác phẩm nổi tiếng của cha là “Mẫu tâm diệu kỳ”, “Đời sống và triều đại của Chúa Giêsu”...

Trong những giây phút cuối đời, anh em dòng nghe cha Gioan Eudes than thở:

– Con chỉ muốn yêu một mình Chúa, bây giờ và mãi mãi.

Ngày nay, Giáo hội tôn kính thánh Gioan Eudes là cha, là tiến sĩ và là tông đồ của lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu. Cách riêng, ngài là người say mê tình yêu của Thiên Chúa và con người.

13. VÌ GIÁO HỘI, GÀN CHẾT CŨNG TRỞI DẠY

Dù cho ý chí của thánh Bênadô Đan phụ có mạnh mẽ đến đâu, thì lúc tuổi già sức lực của ngài cũng cạn kiệt. Sau một lần hoàn thành công việc ở xa, ngài khao khát trở về Đan viện Xitô của ngài ở Thung Lũng Sáng và chỉ sợ chết xa nhà, ngài đã cầu nguyện:

– Lạy Chúa, con xin cho các con cái của con được vượt mắt cha của chúng, dù con không xứng với danh hiệu đó. Xin cho họ được thấy con ra đi, xin cho họ an ủi con lúc con lìa đời, và nếu Chúa cho con đáng được hưởng phúc Thiên đàng thì cho họ tiễn con lên bằng ước vọng thánh thiện. Và nếu Chúa khăng ban cho con ơn này: xin cho họ chôn xác con với những người nghèo khác. Con mong Chúa vui lòng ban cho con ân huệ này vì lời cầu xin và công nghiệp của họ. Tuy nhiên, lạy Chúa, xin vâng ý Cha chứ không phải làm theo ý con. Bởi vì con không muốn sống cũng không muốn chết theo ý riêng mình con.

Cha Bênadô rất yêu thích sự yên tĩnh để chiêm niệm, không muốn rời xa các đan sĩ thân yêu của cha. Nhưng vì Giáo hội và vì các linh hồn, nên cha phải lao mình vào công việc làm trọng tài của Giáo hội, ánh sáng của đức tin, cột trụ của La Mã. Đó là vinh dự kéo theo những ràng buộc. Hễ cứ gặp khó khăn là người ta lại đến xin ý kiến và sự giúp đỡ của cha. Từ khắp nơi các chức sắc đạo và đời kéo đến xin gặp cha, ai không đến được thì viết thư. Năm 1150, người ta thành lập đoàn Thập Tự Quân III để đi cứu Đất Thánh bị quân Hồi giáo chiếm đóng. Ông Suger đề nghị cha Bênadô điều khiển đoàn quân này. Khi ấy cha đã 60 tuổi, sức khỏe rất kém, chưa bao giờ học cầm quân, may mà ông Suger qua đời mấy tháng sau nên cha thoát nạn cầm quân.

Một lần, cha Bênadô đã tâm sự với các tu sĩ thân yêu của cha:

– Không những cha buồn vì phải sống xa anh em, điều mà cha coi như một ách nô lệ khốn cùng, mà cha còn phải làm những công việc trái ngược với sự yên tĩnh mà cha yêu mến, và trái ngược với lời khấn của cha.

Công việc của cha Bênadô thật bận rộn, nhưng sự an bình vẫn ngự trị trong căn phòng nhỏ, nơi cha cho ý kiến quyết định về chính trị châu Âu và về công việc của Giáo hội.

Cuối năm 1152, cha Bênadô bị đau nặng, cuộc hấp hối bắt đầu. Khi các đan sĩ đọc kinh dọn mình chết cho cha, thì Đức Giám mục Etienne de Bar đến xin gặp cha. Vị Giám mục này mang đến cho cha một tin thật bi thảm: dân vùng Metz nổi loạn chống lại Đức Giám mục sở tại, tạo nên một cuộc nội chiến thật tàn ác. Người ta tin rằng chỉ có cha Bênadô mới có thể chấm dứt được cuộc chiến này.

Nhưng cha lại đang kiệt sức nằm giường, vô phương cứu chữa.

Qua vị Giám mục, Chúa gửi đến cho cha Bênadô một công tác khẩn để giúp Giáo hội. Với niềm tin Chúa sẽ dời cái chết lại, nên cha Bênadô đã trỗi dậy trước sự ngạc nhiên của mọi người. Rời giường bệnh, cha Bênadô lệnh cho một đan sĩ chuẩn bị ngựa, dù cho ai có cản trở hay nói gì đi nữa cha cũng quyết lên đường cùng với Đức Giám mục.

Tại Metz, không phe nào chịu nghe sự thuyết phục của cha Bênadô, nhất là phe phản loạn. Cha phải dùng đến biện pháp cuối cùng là làm một ít phép lạ: chữa những người sắp chết và cho kẻ bất toại đứng lên đi được. Sợ hãi trước những phép lạ đó, họ quỳ xuống, kể cả những kẻ ương ngạnh nhất, và chờ sự phán quyết của cha.

Khi xong việc, cha Bênadô trở về Thung Lũng Sáng, sẵn sàng chờ Chúa gọi về. Nhưng sức khỏe của cha hồi phục phần nào, suốt mùa xuân năm 1153, cha vui vẻ và tinh táo. Nhưng đến tháng 8 năm đó bệnh tái phát. Ngày 20.8.1153, một số dấu chỉ cho cha biết giờ chết gần kề. Cha mỉm cười khi biết rõ vĩnh viễn từ biệt Đan viện và các đan sĩ, nhưng cha bình tâm lại rồi nhẹ nhàng ra đi.

14. THÀ CHẾT CHÚ KHÔNG ĐỂ THÁNH THỂ BỊ XÚC PHẠM

Năm 257, hoàng đế Valêrianô đang thống trị khắp đế quốc Rôma. Nghe lời bọn nịnh thần xúi bẩy, hoàng đế đã ra sắc chỉ cấm đạo rất gay gắt. Giáo hội trải qua một thời kỳ sóng gió. Các kitô hữu thời ấy rất sốt sắng, siêng năng rước lễ. Chúa Giêsu Thánh Thể là nguồn hạnh phúc và an ủi của họ trong những ngày bị cấm cách, bị giam cầm trong lao tù hay những khi đau yếu. Vì thiếu các thầy phó tế, nên thánh Tasciô (khoảng 235 – 257) được trao cho nhiệm vụ mang Mình Thánh Chúa đến cho các giáo hữu đau yếu hay bị giam tù, đây là một hân hạnh lớn lao nhưng cũng rất nguy hiểm.

Một ngày kia, thầy Tasciô mang Thánh Thể trên ngực dưới lớp áo choàng rời hang Calixtô trên đường Appianô để đi về phía Gapianô. Bỗng bọn lính đổ xô ra, mắt chúng đăm đăm nhìn thầy. Tasciô vẫn tiếp tục bước đi, đôi tay thầy cung kính để trên ngực.

Nghĩ thầy đang mang báu vật, bọn lính hung hăng chặn thầy lại và đòi xem. Tuy một mình chống chọi với 20 tên lính, thầy Tasciô vẫn không để cho bọn chúng chạm tới của Thánh; không những thế thầy còn hát ngả mấy tên lính chắn lối và vội vã bước đi. Căm giận ứ lên cổ, bọn chúng lấy gạch đá ném tới tấp vào thầy. Bỗng thầy quỳ sụp xuống, ngược mắt lên trời và cầu nguyện:

– Ôi lạy Chúa, sự sống của con không đáng gì, nhưng xin Chúa đừng để bàn tay bọn hung dữ này xúc phạm đến Chúa...

Bọn lính ập tới. Lúc đó, người dũng sĩ trẻ tuổi đã ngã gục vì bị quá nhiều thương tích, và linh hồn lià khỏi xác về với Chúa, nhưng đôi tay thầy vẫn xiết chặt trên ngực. Những tên sát nhân điên đảo lục soát khắp thân thể thầy, lật nghiêng lật ngửa để tìm báu vật. Nhưng vô ích, chúng không còn tìm thấy một vết tích gì trên ngực thầy. Tasciô đã kịp rước Chúa vào lòng hay là Chúa đã tự làm phép lạ cho Mình Thánh biến đi? Như có vẻ hối hận vì những hành vi của mình, bọn lính hốt hoảng run sợ và vội vàng chạy mất.

Cái chết anh dũng của thầy Tasciô vang động tới muôn tâm hồn vì thầy đã hiến mạng sống để bảo vệ Thánh Thể. Vừa được tin, các tín hữu vội vã và quên cả hiểm nguy đến đem xác thầy đi và tổ chức lễ an táng rất trọng thể.

Đầu thế kỷ thứ IV, Đức Giáo Hoàng Đamasô đến viếng mộ Tasciô. Cảm kích trước tấm gương anh dũng và lòng đạo đức của vị thánh trẻ này, ngài đã ghi mấy lời tóm tắt cuộc đời ngắn ngủi nhưng đầy chí khí can trường:

“Đây là nơi an nghỉ của thánh Tasciô, người chiến sĩ anh dũng đã thà chết chứ không để Minh Thánh Chúa bị xúc phạm...”

15. TÔN VINH CHÚA BẰNG TÀI NĂNG CỦA MÌNH

Thánh Tutilô sinh vào cuối thế kỷ thứ IX và mất vào năm 915. Ngài được giáo dục tại đan viện Bê-nê-đictô của thánh Gal.

Thánh Tutilô là người có nhiều tài khéo, ngài là thi sĩ, họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà hùng biện và là kiến trúc sư. Ngài còn là một công nhân cơ khí nữa.

Tài năng nổi bật nhất của thánh Tutilô là âm nhạc. Ngài có thể chơi tất cả các loại nhạc cụ được các đan sĩ sử dụng trong phụng vụ. Ngài sáng tác rất nhiều tác phẩm, nhưng tiếc rằng chỉ còn sót lại ba bài thơ và một bài thánh ca. Thế nhưng, ngày nay người ta vẫn còn tìm thấy các bức vẽ và các tác phẩm điêu khắc của ngài trong nhiều thành phố của châu Âu. Ngài thường đề một câu châm ngôn thích hợp trên các bức họa và các tác phẩm điêu khắc của mình.

Tutilô được phong Hiển thánh không phải vì các tài năng kiệt xuất của mình, nhưng vì ngài là người khiêm tốn chỉ muốn sống cho Thiên Chúa. Ngài biết tôn vinh Thiên Chúa bằng việc sơn vẽ, chạm trổ và sáng tác nhạc. Tutilô được phong thánh vì đã khéo dùng đời sống của mình để ca ngợi và yêu mến Thiên Chúa.

16. CON LA ĐÓI CHÊ CỦA ẪN, QUỲ LẠY MÌNH THÁNH CHÚA

Tại thành phố Bourges, có một tín đồ Do Thái tên là Giacaria Guillard. Ông không chấp nhận một số tín điều của Giáo hội Công giáo, và ông nghĩ rằng đó là những điều Giáo hội áp đặt trên các kitô hữu.

Ông cương quyết không bao giờ cúi đầu trước những áp đặt như thế. Ví như bí tích Thánh Thể, ông cho rằng đó là chuyện hoang đường, Thiên Chúa cao sang quyền phép vô cùng mà lại ngự trong tấm bánh nhỏ xíu tầm thường ư? Kẻ học thức không thể tin một trò lừa đảo như thế.

Một lần kia, thánh Antôn Padua linh mục đến rao giảng tại thành phố Bourges, ông Giacaria vì tò mò và vì bạn bè lôi kéo, ông len lỏi vào đám đông đang tụ tập ngoài quảng trường để nghe giảng. Sự thánh thiện, kiến thức và sức thuyết phục của vị linh mục này đã lay động phần nào chủ thuyết hoài nghi của ông.

Cha Antôn Padua đã thao thao bất tuyệt về bí tích Thánh Thể suốt hai giờ đồng hồ. Cuối bài giảng, cha kêu gọi mọi người hãy tin tưởng trọn vẹn vào bí tích Thánh Thể, mặc dù ông Giacaria rất khâm phục lý lẽ của cha Antôn, nhưng ông vẫn hoài nghi: chẳng lẽ ông linh mục này chỉ cần cầm lấy mẫu bánh, cúi xuống và đọc: “Này là mình Ta” thì bánh trở nên Đức Giêsu Kitô, trở nên Thiên Chúa sao?

Ngày hôm sau, ông Giacaria cười con la mẹ đi ngang qua nhà thờ thánh Phêrô thì gặp cha Antôn. Ông liền nhảy xuống đất để nói chuyện với cha:

– Hôm qua, tôi rất thú vị khi được nghe cha giảng. Tôi đến không phải để xin trở về đạo Công giáo đâu, cha đừng lầm. Cha giảng về cái gọi là bí tích Thánh Thể quả thật rất là phi thường.

Theo lời cha, thì cha có thể làm cho Đức Giêsu Kitô hiện diện trong Thánh Thể. Tôi không tin đã đành, song tôi nhận thấy cha hơi lạm dụng lòng dễ tin của người dân tốt bụng... Dù sao, tôi dám quả quyết tôi sẽ tin, nếu tôi thấy Đức Giêsu trong đó.

Cha Antôn dịu dàng lắng nghe. Bỗng cha trở nên nghiêm nghị... trầm

ngâm... rồi cha nói:

– Nay ông Giacaria, nếu như Đức Kitô hiện diện trong bí tích Thánh Thể làm phép lạ cho ông thấy sự hiện diện của Người, ông sẽ tin chứ?

– Tất nhiên, nhưng phải là phép lạ tỏ tường đấy!

– Được, con la mẹ kia của ông phải không? Chị ta thích lúa mạch chứ?

– Còn phải nói, ngay cả khi bụng no tròn, hễ trông thấy lúa mạch là chị ta nhảy bổ vào ngay. Chị ta tham ăn đến điên dại...

– Thế thì càng hay, từ bây giờ, ông hãy bỏ đói chị ta trong hai ngày, sau đó dẫn tới quảng trường kia. Tôi sẽ kiêu Minh Thánh Chúa đến đó. Rồi ta sẽ đặt trước mõm chị la một thúng lúa mạch. Nếu chị không thèm ăn lúa mạch mà quỳ gối trước Minh Thánh Chúa thì ông tính sao?

– Hay đấy! Nếu thế, tôi sẽ tin... (ông cười nức nở). Nhưng lẽ nào chị la lại chê lúa mạch, chuyện lạ thường đấy cha ạ.

– Cứ thử xem sao. Hôm nay thứ hai, chúng ta sẽ gặp lại nhau vào sáng thứ năm. Tạm biệt ông.

Sáng thứ năm, dân chúng tụ tập tại quảng trường rất đông, cả các vùng lân cận cũng đến. Vì lẽ ông Giacaria loan tin khắp nơi, ở đâu người ta cũng bàn tán chuyện thách thức giữa ông và cha Antôn.

Ông Giacaria xồng xệch kéo con la tới. Tội nghiệp con vật bị bịt mõm, lại bị bỏ đói đã hơn hai ngày làm sao đi nổi. Bây giờ dân chúng la hét om sòm. Ông đi nhanh đấy, coi chừng con vật chết mất, ông tính quyền tiền mua con khác chứ... Ông khéo lo! Người Do Thái lúc nào mà túi chẳng đầy tiền. Nay ông Giacaria hãy vững tâm. Làm gì có chuyện la trở thành lừa được.

Lúc đó, cánh cửa nhà thờ thánh Phêrô mở ra. Một đoàn lễ sinh tay cầm nến sáng tiến ra.

Cuối đoàn, một chú giúp lễ rung chuông liên hồi. Tiếp đến, một đoàn linh mục cùng với cha Antôn kiêu Minh Thánh Chúa đi ra.

Bầu khí im lặng bao trùm đám đông. Nhưng trong lồng ngực mỗi người con tim lại đang rộn rập và hồi hộp chờ đợi.

Đoàn rước dừng lại giữa quảng trường. Vài người đem một thúng lúa mạch đặt xuống bên cạnh.

Bấy giờ, cha Antôn cung kính giơ cao hào quang đựng Thánh Thể. Lúc đó, ông Giacaria tháo mồm cho chị la và thả ra. Lạ lùng thay, mặc dù bị bỏ đói đã hơn hai ngày nhưng chị la không nhào tới thúng lúa mạch thơm ngon ngay trước mặt, nhưng tiến về hào quang Thánh Thể, gập hai chân trước, cúi đầu hồi lâu bái lạy Đấng tạo thành vũ trụ.

Toàn dân ngỡ ngàng, hết sức vui mừng và nhiệt liệt tán thưởng. Khắp nơi vang bài ca: “Thánh, chí Thánh. Ngàn trùng chí Thánh”.

Ông Giacaria khóc nức nở, tay đầm ngực, miệng không ngớt lặp đi lặp lại:

– Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi!

Và ông đã xin trở về đạo Công giáo.

MẸ CON KHẨN KHÍT

17. TẤT CẢ NHỜ MẸ ĐỂ LÀM CHIẾN SĨ CỦA CHÚA KITÔ

Thánh Luy Maria Mônpho (1673 – 1716) là con trưởng của một gia đình đông đúc. Chín người mất sớm khi còn nhỏ tuổi, 4 nữ tu, 3 linh mục và 2 người lập gia đình, cả thảy là 18 anh chị em. Thực là một gia đình phúc hậu cả về lượng lẫn về phẩm.

Thánh Luy Maria Mônpho là một người không mệt mỏi trong việc làm tông đồ của Mẹ Maria. Ngay từ nhỏ, Luy đã thích đọc sách nói về Đức Mẹ mà cậu sung sướng gọi là “Bà chủ của các tâm hồn”. Với Đức Mẹ, Luy đã học được ở Phúc âm tinh thần bác ái chân thực. Cũng nhờ ánh sáng Phúc âm và ơn phù trợ của Mẹ Maria, Luy đã tìm được ơn gọi làm linh mục cho Chúa, cho Mẹ và cho các linh hồn. Nhờ đời sống thánh thiện và việc chuyên cần học tập, Luy đã được gia nhập hội Xuân Bích và thụ phong linh mục ngày 05.6.1700.

Cha Luy sung sướng làm lễ mở tay dưới ánh mắt của Mẹ hiền, cũng là giờ mở màn 16 năm truyền giáo của cha Luy Maria Mônpho. Bề trên trao cho cha nhiệm vụ coi giáo đường Thánh Clémentê tại Pictaria. Cha Luy đã biến Pictaria thành trung tâm truyền giáo, mở rộng vương quyền của Chúa Giêsu trong các tâm hồn nhờ Mẹ Maria.

Để việc truyền giáo được phát triển sâu rộng và mang lại nhiều kết quả, cha đã lập nhiều hội đoàn, huấn luyện nhiều cá nhân có năng lực để làm việc tông đồ giáo dân. Cha lập hội các Trinh nữ dành riêng cho các thiếu nữ với điều kiện phải khẩn giữ trinh khiết trong thời gian ít nhất là từ 1 đến 3 năm. Cha cộng tác với cha Poullat des Places lập hội “Anh em Chúa Thánh Thần” với mục đích huấn luyện các chủng sinh thành những linh mục làm chiến sĩ của Đức Mẹ sau này.

Ngay những năm đầu tiên truyền giáo, cha Mônpho đã ôm ấp nguyện vọng lập dòng “Linh mục thừa sai của Mẹ Maria”. Cha đã bày tỏ nguyện vọng ấy với cha linh hướng:

– Thưa cha, con tha thiết xin Chúa và Đức Mẹ cho con đủ sức lập hội dòng linh mục khó nghèo và thánh thiện, luôn hăng hái chiến đấu dưới bóng cờ

Trinh Nữ Maria.

Sau bao năm vất vả và cầu nguyện, ý nguyện của cha đã được Thiên Chúa và Mẹ chuẩn nhận: ngày 28.4.1716 dòng Linh mục thừa sai của Mẹ Maria ra đời với bảy thầy và hai linh mục. Tinh thần và hoạt động căn bản của dòng là cổ động phong trào nô lệ Mẹ với khẩu hiệu: “Nhờ Mẹ đến với Chúa” và “Nước Mẹ trị đến để nước Chúa vinh quang”.

Ngoài ra, cha Mônpho còn kiên chí xin Chúa và Mẹ giúp đỡ để lập một dòng nữ nữa là dòng Con cái Đấng Khôn Ngoan. Mãi đến ngày 02.02.1703, cha mới tìm được một trụ cột đầu tiên cho dòng mới, đó là cô Luy Trichet, sau đó là cô Catarina Brunet. 13 năm sau, cha Mônpho sung sướng nhận lời hứa của một số đồng nữ tu. Chị em dòng Con cái Đấng Khôn Ngoan đã chính thức ra mắt sau một tuần tĩnh tâm lĩnh ơn Chúa Thánh Thần và sức hộ vực của Mẹ Maria. Tinh thần của dòng thu gọn trong câu: “Tất cả nhờ Mẹ đến với Chúa”.

Cha Mônpho thường nói:

– Tất cả nhờ Mẹ, nhờ Mẹ để làm chiến sĩ của Chúa Kitô.

Hiểu rõ như thế, cha đã tìm mọi cách để huấn luyện đoàn con nam nữ ấy mặc lấy tinh thần của Mẹ. Cha đã giảng rất nhiều về kinh Mân Côi, người ta tán dương cha là Đaminh thứ hai của tràng hạt Mân Côi. Hơn thế nữa, cha đã phát động nhiều phong trào: Tôn vương, tận hiến và nô lệ tình yêu. Lòng mến yêu Mẹ đã ăn sâu vào tâm hồn cha, nhiều lần cha sung sướng thốt lên:

– Ôi, bao giờ hạnh phúc ấy mới đến, giờ Mẹ Thiên Chúa được làm chủ, làm Nữ vương mọi tâm hồn, mọi con tim.

Ý nghĩa việc tôn vương cũng như đường lối tận hiến và học thuyết nô lệ tình yêu Mẹ ấy, cha đã khéo léo ghi lại trong hai cuốn sách: “Thành thực sùng kính Đức Mẹ” và “Bí mật Mẹ Maria”. Hai cuốn sách này đã mang tinh thần yêu Mẹ của cha Mônpho đến cho mọi người, mọi dân tộc, mọi tâm hồn. Những học thuyết ấy như những thanh củi khô làm cháy mạnh ngọn lửa yêu của Mẹ trong tâm hồn các tín hữu.

Càng yêu Chúa và Mẹ, cha Mônpho càng dễ thông cảm với lớp người xấu số. Cha hằng quan tâm giúp đỡ họ cả về vật chất lẫn tinh thần. Cha hằng an ủi họ

bằng lời nói, bằng chính đời sống, nhất là bằng cách mang Chúa và Mẹ đến cho họ. Nối tiếp công việc tông đồ của cha là hai dòng tu Linh mục thừa sai của Mẹ và Con cái Đấng Khôn Ngoan mà cha đã sáng lập với chủ đích thăm nom và yên ủi lớp người xấu số đó.

Thánh Mônpho xứng đáng là một trong những tảng đá kiên cố nhất của lâu đài học thuyết Thánh Mẫu. Noi gương thánh nhân, chúng ta hãy hết lòng phụng sự và yêu mến Mẹ để nhờ Mẹ chúng ta đến với Chúa. Mẹ Maria là con đường chắc chắn nhất, dễ dàng nhất và ngắn nhất để đến với Chúa.

18. ANH HÙNG TỬ ĐẠO DA ĐỎ CHÚNG NHÂN CỦA ĐỨC MẸ

Nhìn thấy áo Đức Bà anh thanh niên mang trên người, Longgăng rất bực mình khó chịu. Vốn là người Bỉ có óc vô thần, Longgăng luôn tự cho mình có tư tưởng cấp tiến, lúc nào hắn cũng tỏ thái độ chống đối đạo, chống báng các linh mục cũng như những người tu trì. Hắn ra lệnh cho anh thanh niên phải vứt bỏ áo Đức Bà đi.

Anh thanh niên coi đó là biểu tượng lòng sùng kính Đức Mẹ, đồng thời cũng là biểu hiện của một người Công giáo, nên anh nhất quyết không cởi bỏ áo ấy.

Vài ngày sau, thấy anh thanh niên vẫn còn mang áo Đức Bà, Longgăng tức giận đến độ hắn túm lấy anh quất cho 25 roi.

Người thanh niên đó chính là Chân phước Isidô Bakhanga, người bộ lạc Bôngchi nước Cônggô. Bakhanga sinh khoảng giữa thập niên 1880-1890. Anh theo đạo Công giáo vào năm 1906 trong thời gian làm phụ hồ ở Bôngđaca. Sau đó Bakhanga chuyển qua làm công ở đồn điền cao su cho các ông chủ thuộc địa người Bỉ, dưới quyền giám thị của Longgăng. Tuy là một tân tông, nhưng Bakhanga giữ đạo cầu nguyện và lần hạt Mân Côi rất sốt sắng, luôn cư xử tốt với mọi người. Anh thường lợi dụng những giây phút rảnh rỗi để dạy cho các bạn đồng hương biết về đạo Công giáo, và chỉ cho họ cách cầu nguyện. Longgăng đã nhiều lần ngăn cấm răn đe Bakhanga không được làm những việc đó vì hắn rất ghét đạo. Nhưng Bakhanga thấy rằng không có gì là sai trái khi dùng thời giờ rảnh rỗi để làm việc riêng tư không hại đến ai cả.

Tức giận, Longgăng liền thộp lấy Bakhanga, đưa tay giật lấy áo Đức Bà và vắt cho con chó, rồi bóp cổ Bakhanga quật anh xuống đất, đoạn ra lệnh cho gia nhân đánh đập anh tàn tệ. Hắn sai hai người khác nắm tay kéo chân Bakhanga để hắn tha hồ đá vào người cách không thương tiếc. Mặc cho Bakhanga kêu gào van xin, Longgăng vẫn cho người dùng roi đánh đập tàn nhẫn đến khi họ mệt mỏi không còn sức đánh nữa mới thôi.

Hơn 200 roi giáng xuống nát lưng Bakhanga. Anh không còn đủ sức đứng dậy để đi, anh ngã quỵ trên vũng máu của mình. Longgăng lôi Bakhanga

vào trong phòng chứa mũ cao su, xích chân anh lại để mặc anh quần quai trên vũng máu và phân. Anh bị vất bỏ ở đó nhiều ngày trong khí độc hại của cao su, mùi khai thối của phân và nước tiểu.

Hai người bạn lén lút giúp Bakhanga thay đổi thể nằm và chỗ nằm, tiếp tế cho anh ít cơm và nước uống, nhưng anh không thể nào ăn được. Giò bọ bắt đầu sinh sản rúc rĩa thân xác Bakhanga càng làm cho anh thêm đau nhói.

Longgãng sợ chủ biết nội vụ, hấn buộc Bakhanga phải rời đi nơi khác. Nhưng Bakhanga nói rằng anh đau đớn quá không thể đi được, hấn dọa dẫm và tiếp tục hành hạ anh, khiến anh phải gắng gượng ra đi.

Sau đó, người ta chuyển Bakhanga về công ty và cấp thuốc chữa trị cho anh. Song vết thương đã bị nhiễm trùng trầm trọng thâm vào nội tạng. Và lại, anh mất quá nhiều máu nên hết hy vọng cứu sống.

Tháng 7.1909, Bakhanga được nhận lãnh bí tích sau hết và của ăn đàng, rồi được đưa về nhà các thầy giảng ở Lolêca. Anh hoàn toàn tàn phế, những vết thương làm cho anh đau đớn, nhức nhối khôn cùng, song tay anh không bao giờ rời tràng hạt Mân Côi.

Ngày Chúa nhật đầu tháng 8.1909, Bakhanga tham gia cầu nguyện với một số lớn tín hữu, rồi lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng, tay anh vẫn không rời tràng hạt Mân Côi. Isidô Bakhanga là một tín hữu Công giáo đích thực, với vai trò một giáo lý viên, Bakhanga đã hiến cả thời giờ nhàn rỗi vào việc thực hiện công cuộc Phúc âm hóa giữa những người anh em mình, rồi sau đó đã không ngại hiến dâng mạng sống mình cho Thiên Chúa, can đảm mạnh mẽ tuyên xưng đức tin và giữ một lòng tin cậy vào tràng chuỗi Mân Côi.

Ngày 24.4.1994, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong anh hùng tử đạo Isidô Bakhanga lên bậc Chân phước.

19. CON CHỌN CẢ HAI

Tính khí của cậu bé Raymond Kolbe (thánh Maximilian Kolbe) rất hung hăng tự ái, cứng cổ và hay tức giận, khiến cho bà mẹ dù có kiên nhẫn lắm cũng phải bực mình. Vì thế, chính sách giáo dục của bà đối với Raymond có phần khắt khe hơn. Nhưng được một điểm là sau mỗi lần làm lỗi, cậu lại chạy đến xin mẹ sửa phạt ngay.

Tính khí đó ngày càng bộc lộ, cậu có thể nói như thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu: “Giả sử không được bà mẹ giáo dục khắt khe, có lẽ tôi đã hỏng đời”.

Một lần kia, bà Marie mắng Raymond khi cậu vừa làm một việc phạt ý mẹ:

– Con tội nghiệp, không biết rồi đây con sẽ nên vương tướng gì.

Raymond tự thú: “Lời khuyên răn này cảm hóa tôi hơn tất cả, và tạo ra trong tôi một cuộc khủng hoảng tinh thần”.

Từ ngày ấy, bà Marie luôn thấy Raymond đến quỳ trước tượng Đức Mẹ. Một hôm, bà thấy cậu cầu nguyện, mắt đỏ ngầu, bà liền hỏi:

– Raymond, có gì đấy? Sao con khóc như con gái thế? – Bà tưởng cậu bị sốt.

Raymond ngần ngại không muốn trả lời.

– Nghe này, Raymond, với mẹ con phải thành thực, không được giấu gì?

Vừa mắc cỡ, cậu vừa run vừa kể:

– Thưa mẹ, hôm nào mẹ bảo con không biết rồi đây con sẽ nên vương tướng gì? Con đau đớn đi thưa Đức Mẹ. Ở nhà thờ, Đức Mẹ đã hiện ra với con, tay Mẹ cầm hai triều thiên trắng và đỏ, âu yếm nhìn con và bảo con chọn một trong hai. Triều thiên trắng bảo con phải luôn trong sạch, triều thiên đỏ tượng trưng phúc tử đạo. Suy nghĩ một lúc, con chọn cả hai. Đức Mẹ mỉm cười rồi biến đi.

Bà Marie nhận thấy từ ngày đó Raymond thay đổi hẳn cách sống, khôn ngoan và điềm đạm hơn, gương mặt bừng sáng, cậu thường nói với bà về phúc tử

đạo. Tâm hồn thay đổi, đời sống thiêng liêng bước vào giai đoạn mới. Chỉ mới mười tuổi mà Raymond đã say mê Đức Mẹ, lấy Đức Mẹ làm bạn tâm sự, làm Nữ Vương và Bà Giáo...

20. MỌI VIỆC ĐỨC MẸ LÀM ĐỀU VÌ LÒNG MẾN CHÚA

Khi lên 10 tuổi, thánh Giêrôđô Majella được rước lễ lần đầu. Cậu bé Giêrôđô sung sướng vô cùng, cậu ước ao được kết hiệp với Chúa đêm ngày. Vào thời đó (đầu thế kỷ XVIII), cha giải tội chỉ cho phép cậu rước lễ vào thứ năm và Chủ nhật hằng tuần. Sau những buổi tan trường, Giêrôđô thường vào nhà thờ, sắp mình thờ lạy Chúa lâu giờ, có khi quên cả giờ về nhà, người chị phải đến gọi về.

Giêrôđô hiểu rằng linh hồn càng trong sạch, càng được Chúa yêu thương. Nên cậu thường xưng tội vào ngày thứ tư và thứ bảy để rước Chúa một cách xứng đáng hơn. Được rước Chúa vào lòng, Giêrôđô muốn bắt chước Chúa chịu chết vì yêu thương loài người. Vì vậy cậu thường hãm mình bằng nhiều cách: bớt phần ăn mỗi ngày cho người nghèo. Ban đêm, cậu quỳ cầu nguyện và lần hạt Mân Côi đến khuya mới đi ngủ.

Chẳng bao lâu sau Giêrôđô đã gây yếu hẳn đi vì những hãm mình đó. Mẹ cậu lo cho tình trạng sức khỏe của con, nên khuyên:

– Có sức khỏe tốt là nhờ ăn uống ngủ nghỉ đầy đủ. Con không nên hãm mình thái quá như vậy! Nếu con quá yếu, không thể học hành và làm việc tay chân được. Theo mẹ nghĩ: con nên bắt chước gương Đức Mẹ, mọi việc Đức Mẹ làm đều vì lòng mến Chúa.

Giêrôđô cúi đầu vâng lời mẹ. Cậu hiểu rằng: “Vâng lời mẹ thì đẹp lòng Chúa hơn là hãm mình phạt xác”.

Và cậu đã ăn uống, ngủ nghỉ đầy đủ, sức khỏe tăng dần.

21. MẸ ĐẾN GIÚP CON HỌC

Có một thiếu nữ đến gõ cửa nữ tu viện Augustinô tại Milanô, cô ngỏ ý xin Mẹ Bề trên cho cô được nhập dòng. Mẹ Bề trên niềm nở đón tiếp, nhìn khuôn mặt sáng sủa của cô, giấu ẩn một kho tàng nhân đức, bà tỏ lòng ưng thuận:

– Ý định của con tốt lắm, mẹ và tu viện sẵn sàng tiếp nhận con vào dòng. Nhưng mẹ muốn biết con đã đọc sách được chưa?

Nghe câu hỏi đó lòng cô lo sợ, mắt rướm lệ, cô cúi đầu khẽ đáp:

– Thưa Mẹ Bề trên, con chưa biết đọc.

Như hiểu rõ được hoàn cảnh của thiếu nữ, bà an ủi khích lệ:

– Con đừng lo, mẹ sẵn sàng nhận con vào dòng, nhưng bây giờ con hãy tạm trở về xin ba má cho con đi học để biết đọc biết viết đã.

Thiếu nữ đó chính là thánh nữ Vêrônica Binasco (1444 – 1497) quê ở làng Pavia, nằm gọn trong cánh đồng dọc theo con đường từ Milanô đến Binasco. Cha mẹ của Vêrônica là những nông dân nghèo khó nhưng rất mực đạo đức. Suốt đời ông bà đi cày thuê cuốc mướn nhưng hoàn cảnh gia đình vẫn túng bần, nên ông bà đành phải để Vêrônica ra đồng làm việc.

Hiểu hoàn cảnh gia đình, nên khi trở về, Vêrônica không dám ngỏ ý xin đi học vì sợ làm phiền lòng cha mẹ. Cô đành giấu nỗi niềm tâm sự để chỉ mình Chúa và Đức Mẹ biết thôi.

Từ đó, ban ngày làm lụng vất vả ngoài đồng, chiều về thu xếp các việc vặt trong nhà, rồi tối đến cô đốt đèn tự học lấy. Vì không có người chỉ dẫn nên sau 3 tháng kiên tâm học chữ, Vêrônica vẫn không sao biết đọc. Lòng buồn tủi nhưng đầy tin tưởng và hy vọng, Vêrônica đến trước bàn thờ Đức Mẹ để giải bày tâm sự và xin Mẹ thương giúp đỡ. Cô đang lịm đi trong lời cầu nguyện, thì Mẹ Maria hiện ra trong hào quang rực rỡ. Vêrônica phen vì nghi ngờ không biết là Đức Mẹ hay ma quỷ giả hình, phen sợ hãi không dám ngược mắt nhìn. Cô lấy tay che mắt và quỳ sụp xuống, nhưng Đức Mẹ dịu dàng bảo:

– Hỡi ái nữ của Mẹ, con đừng sợ, Mẹ là Mẹ của Chúa Kitô, Mẹ đến giúp con học và đọc ba chữ này.

Vêrônica ngược mắt nhìn lên, hai tay chấp lại trước ngực, cô thưa với Đức Mẹ:

– Lạy Mẹ, hạnh phúc cho con dường nào. Con không bao giờ dám nghĩ một đứa trẻ ngu dốt như con lại được Mẹ đoái thương hiện đến. Con xin lỗi Mẹ và xin Mẹ hãy phán dạy con những điều Mẹ muốn.

Đức Mẹ âu yếm đón nhận tấm lòng chân thành của Vêrônica, Mẹ nói:

– Hỡi con đây là ba chữ Mẹ muốn dạy con: Chữ thứ nhất là “Tâm hồn trinh khiết”, hướng lòng mến về một mình Thiên Chúa. Chữ thứ hai là “Tinh thần chịu đựng” nét xấu tha nhân, thực hiện bác ái đối với họ. Chữ thứ ba là “Hằng ngày suy niệm sự thương khó Chúa Kitô”. Mẹ chúc lành cho con và hứa bảo trợ con luôn.

Từ đấy cho tới ba năm sau, Vêrônica không cần dùng đến sách vở, chỉ hằng ngày tâm niệm ba chữ Đức Mẹ dạy. Khi trở lại nhà dòng, mọi người phải ngỡ ngàng và thán phục khả năng học vấn và nhân đức của Vêrônica.

22. TÔI SẼ CƯỚI MỘT BÀ LỚN

Cha mất sớm, ba người chị đã lập gia đình, ở nhà chỉ còn lại hai mẹ con, thánh Giêrađô đã 21 tuổi rồi, đến lúc phải nghĩ đến tương lai, nhưng Giêrađô chưa thể quen thân cô gái nào cả. Giêrađô chỉ biết có Chúa trong Nhà tạm và Mẹ Maria. Các bạn hỏi Giêrađô:

– Chừng nào Giêrađô cưới vợ?

Giêrađô tươi cười trả lời:

– Tôi sẽ cưới một bà lớn!

Không ai hiểu gì hết.

Ngày 8 tháng 12, lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm, trong nhà thờ, giáo dân đặt tượng Đức Mẹ trên một chiếc bàn, trang hoàng hoa nến rất rực rỡ, làm cho không khí ngày lễ thêm phần trang trọng. Giêrađô đến gần tượng Đức Mẹ, anh đưa tay nắm bàn tay tượng Đức Mẹ và thân thưa:

– Mẹ ơi! Đời con từ nay xin thuộc trọn về Mẹ. Xin Mẹ nhận con làm con riêng của Mẹ!

Thế là Giêrađô đã gá nghĩa tình mẹ con với Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm.

23. KHÔNG KỂ CHÚA BA NGÔI, QUỶ SỢ AI NHẤT?

Tại thành Marcasona nước Pháp, có một chàng thanh niên khô đạo, dám ngạo mạn khinh chê phép lần hạt Mân Côi mà Đức Mẹ đã truyền dạy thánh Đaminh phải cổ võ mọi người thi hành. Chúa đã để cho y bị quỷ ám để tỏ rõ uy quyền Đức Mẹ.

Các gia nhân phải khó khăn lắm mới đưa được anh ta đến với cha Đaminh xin ngài trừ quỷ. Cha truyền đưa anh ta đến nhà thờ. Và trước mặt đông đảo giáo dân, cha Đaminh lớn tiếng hỏi ma quỷ:

– Trên Thiên đàng, không kể Chúa Ba Ngôi, còn đáng nào mà sợ hơn cả?

Tên quỷ la hét, tru tréo ghê rợn, hấn nhất định không chịu trả lời. Cha Đaminh truyền cho nó phải nói sự thật. Nhưng hấn miễn cưỡng chỉ xin nói nhỏ vào tai cha Đaminh chứ không muốn cho mọi người nghe.

Cha Đaminh nhất định không chịu. Cha liền sắp mình xuống đất nài xin Đức Mẹ bắt ma quỷ nói công khai.

Ma quỷ tinh khôn và xảo quyết đáo đê, nó giả vờ khiêm nhường nói với cha:

– Chúng tôi là kẻ nói dối, xin ngài đừng tin. Xin ngài hãy nhờ các Thiên thần là những kẻ thật thà trả lời cho ngài biết.

Cha Đaminh đâu có chịu thua ma quỷ. Ngài sắp mình xuống trước tòa Đức Mẹ van nài Mẹ dùng quyền phép bắt ma quỷ phải xưng thú ra, để giáo dân biết rõ.

Nhận lời van xin của cha Đaminh, Đức Mẹ thân hiện ra, cầm roi đánh tên quỷ bắt buộc ma quỷ phải nói ra sự thật. Bây giờ hấn kêu la có vẻ hấn học tức tối với Đức Mẹ. Hấn biết rằng nói ra sự thật thì thiệt hại cho nó lắm, vì như thế người ta sẽ tôn kính Đức Mẹ hơn, và các linh hồn sẽ vượt khỏi tầm tay của hấn. Bất đắc dĩ ma quỷ phải to tiếng công khai rằng:

– Tất cả mọi người hãy lắng tai mà nghe: Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa có quyền phép gìn giữ, bảo vệ những ai tôn kính Ngài khỏi sa Hỏa ngục. Ai sùng kính yêu mến Ngài thật tình thì thoát khỏi tay chúng tao. Mỗi lời Bà ấy

xin cùng Thiên Chúa thì thần thế và hiệu nghiệm hơn mọi lời các thánh. Ai sắp mất linh hồn sa Hỏa ngục mà kêu tên Mẹ Maria thế nào cũng được cứu giúp. Nếu không có Mẹ Maria giúp đỡ che chở, thì đạo Công giáo đã phải vô cùng khốn đốn, khó lòng mà đứng vững được trước sức tấn công như vũ bão của chúng tao. Bà ấy ban cho những ai siêng năng lần chuỗi Mân Côi được khỏi sự dữ, được ơn ăn năn thông hối mọi tội và được về Thiên đàng.

Bây giờ cha Đaminh bảo tất cả mọi người đọc kinh Mân Côi thật chậm và thật sốt sắng. Và một sự lạ đã xảy ra, sau mỗi kinh Kính Mừng mà cha Đaminh và dân chúng đọc chung với nhau, thì một nhóm ma quỷ xuất ra từ thân xác khốn khổ của người đó, dưới hình dạng những cục than đỏ. Khi bọn quỷ ám xuất ra hết, thì người lạc giáo ấy hoàn toàn trở lại bình thường.

VÂNG THÁNH Ý CHÚA

24. Ở YÊN ĐÓ, ĐỂ TÔI ĐI XIN PHÉP BÈ TRÊN

Dòng Chúa Cứu Thế đang xây tu viện Materdomini. Công việc mới tiến hành được một tháng thì hết tiền, cha Bè trên Caione hỏi thánh Giêradô:

– Chiều thứ bảy này phải trả tiền công cho thợ, nhưng chúng ta không còn đủ tiền, phải làm sao đây thầy Giêradô?

– Thưa cha, con tin Chúa và Mẹ sẽ giúp chúng ta tiếp tục một tháng nữa. Nhưng sau tháng này, con nghĩ phải xin Đức Tổng Giám mục Gônza ban phép lạc quyên trong các giáo xứ thuộc giáo phận của ngài.

– Được, tôi giao việc đó cho thầy!

– Vâng! Sáng mai, khi dâng Thánh lễ, xin cha nói Chúa Giêsu giúp chúng ta!

Thứ bảy, trước giờ trả tiền lương cho thợ, nghe chuông ngoài phòng khách, cha Caione ra mở cửa thì thấy một gói bạc, ai đó treo nơi chốt cửa.

Vì thầy Giêradô nổi tiếng hay làm phép lạ, cha Bè trên theo sự khôn ngoan nên cha nói với thầy Giêradô:

– Từ nay, khi thầy cần làm phép lạ, phải xin phép tôi.

– Thưa cha, vâng!

Trưa hôm đó, một người thợ đang xây cất tu viện chẳng may trượt chân té từ trên giàn cao rơi xuống. Đang khi người thợ rơi xuống, Giêradô trông thấy liền chỉ tay lên bảo:

– Nay ông bạn, ở yên đó, để tôi đi xin phép Bè trên đã!

Cha Bè trên nghe thầy Giêradô kể lại sự việc thì cười, ngài nói:

– Vậy là thầy đã làm phép lạ rồi, nhưng đó là trường hợp bắt buộc. Thầy hãy cho người thợ đó xuống đi.

Lúc ấy, người thợ vẫn lơ lửng trên không trung, không bám víu vào đâu cả, mọi người sửng sốt ngạc nhiên vì chưa bao giờ thấy sự kiện lạ lùng ấy. Sau khi xin phép, Giêradô vui vẻ chạy ra nói:

– Được rồi, bây giờ anh xuống đất từ từ đi!

Và thân hình nặng nề của người thợ kia hạ xuống đất cách nhẹ nhàng, bình yên vô sự.

25. TÔI CƯƠNG QUYẾT VÂNG LỜI THIÊN CHÚA

Thấy ảnh hưởng của thánh Giám mục Basiliô Cả (329 – 379) ngày một lan rộng trong giới trí thức cũng như giới bình dân Hy Lạp, bạo vương Valens, tín đồ bè rồi Ariô, tìm cách triệt hạ ngài và chiếm giáo phận Cêsarê. Nhưng trước những đội binh và hình phạt đe dọa, Đức cha Basiliô vẫn trung kiên và không nhượng bộ yêu sách của địch thủ. Sau cùng, bạo vương phái Môđêtô, một viên quan có tiếng là mưu mô và tàn bạo.

Môđêtô hăm hăm tức giận nói với Đức cha Basiliô:

– Ác nhân, ngươi ở đâu tới đây? Ngươi dám phản hoàng đế được sao?

Đức Giám mục bình thản trả lời:

– Tôi không hiểu tại sao ngài gọi tôi là ác nhân?

– Mọi người đều tuân lệnh hoàng đế. Chỉ có ngươi dám khinh miệt hoàng thượng.

– Tôi phản đối những ai bất tuân lệnh Thiên Chúa, tôi cương quyết vâng lời Thiên Chúa, và nhất định phản đối những kẻ vi phạm luật Chúa. Ông nghĩ thế có phải không?

Thấy thái độ cứng nhắc không có hiệu quả, Môđêtô đổi chiến thuật:

– Đức Giám mục hãy tuân lệnh hoàng đế đi, như vậy ngài sẽ có danh vọng và chúng ta sẽ có chung một tín ngưỡng, và nên bằng hữu với nhau.

– Phải, tôi muốn kết thân với ông lắm, nhưng không phải để ủng hộ chương trình của hoàng đế và bọn lạc giáo Ariô. Tôi muốn ông cũng như trăm nghìn tín hữu Công giáo sống trong đoàn chiên của tôi. Chúng tôi kính yêu người Công giáo không phải vì quyền cao chức trọng nhưng vì tín ngưỡng chân thật và tâm hồn trong trắng của họ. Tôi biết ông là một trong những sĩ quan cao cấp của hoàng đế. Nhưng tôi tin chắc rằng tất cả danh vọng và quyền cao chức quý đó không làm cho ông hạnh phúc bằng tôi là người thờ phượng Thiên Chúa.

Môđê-tô lại mất bình tĩnh, hấn đe dọa tịch thu tài sản, phát lưu và hành quyết ngài. Nhưng Đức Giám mục vẫn bình tĩnh trả lời:

– Môđê-tô, ông đừng tưởng rằng những lời đe dọa đó có thể lung lạc được tôi. Nếu tôi không có tài sản thì ông tịch thu cái gì? Nếu cả thế giới chỉ là nơi lưu đày thì ông sẽ phát lưu tôi đi đâu? Tôi không có quê hương nào khác ngoài Thiên đàng. Tôi không sợ hình phạt vì thân xác hèn mọn này đã suy nhược. Tôi không sợ chết vì có chết tôi mới có thể đến với Đấng tôi yêu mến là Chúa tạo thành vũ trụ.

Môđê-tô bỡ ngỡ nói:

– Ta chưa hề gặp ai gan dạ như người.

– Phải, có lẽ là thế, vì ông chưa đàm luận với một Giám mục nào khác. Trong những vấn đề khác chúng tôi rất khiêm tốn. Nhưng khi đề cập đến đức tin Công giáo và sự kính thờ Chúa Giêsu, thì chúng tôi không bao giờ nhượng bộ; chúng tôi không bao giờ được phép làm ô danh uy quyền của Thiên Chúa.

Sau đó, Môđê-tô về tường trình công việc cho hoàng đế. Bọn lạc giáo này chuẩn bị xe cộ và khí giới phát lưu thánh nhân, nhưng việc không thành vì Chúa can thiệp.

26. DÙ PHẢI ĐI THEO MỘT CON CHÓ NHỎ, CON CŨNG SẴN SÀNG

Thời trai trẻ, thánh Inhaxiô Lôiôla có một cuộc sống phóng túng, ngang tàng, chỉ mãi mê chạy theo những phù phiếm thế tục. Là con của một quý tộc giàu có ở Tây Ban Nha, Inhaxiô rất thích mặc quần áo đẹp, cưỡi ngựa và đấu kiếm. Khi trở thành một hiệp sĩ, Inhaxiô phục vụ cho vương triều Tây Ban Nha, ngài mong lập chiến công lừng lẫy và lóa vào mắt xanh của một công nương nào đó.

Nhưng một biến cố đã xảy ra làm thay đổi mọi sự, Inhaxiô bị thương trầm trọng trong cuộc giao tranh ở Pamplona, khi ấy ngài được 30 tuổi. Trong thời gian điều trị, Inhaxiô đòi người nhà tìm cho những cuốn tiểu thuyết hiệp sĩ, với những cuộc phiêu lưu và những mối tình lãng mạn, nhưng sách vở thời ấy rất hiếm, Inhaxiô đành phải đọc hai cuốn sách của bà chị dâu là sách về cuộc đời Chúa Kitô và Gương Các Thánh.

Sau khi suy nghĩ và cầu nguyện, Inhaxiô quyết tâm noi gương các thánh, từ bỏ mọi sự để phục vụ Đức Kitô. Từ đây, Inhaxiô luôn đi tìm ý Chúa và tuân theo ý Người. Thời gian mới hoán cải, còn rất khờ khạo, Inhaxiô định giết người vì muốn bênh vực Đức Mẹ.

Một hôm đang cưỡi lừa, Inhaxiô gặp một người Hồi giáo, hai người cùng nói chuyện về Đức Mẹ. Người Hồi giáo không tin Đức Mẹ đồng trinh, nhưng ngài lại không có đủ lý lẽ để thuyết phục. Ngài dự định rút kiếm đâm chết người Hồi giáo vì anh ta xúc phạm đến Đức Mẹ. Nhưng không chắc đó là thánh ý Chúa, nên ngài đã để cho con lừa đi tự do. Thấy con lừa không đi theo người đó, nên Inhaxiô để anh ta đi luôn. Việc tìm ý Chúa thật kỳ cục, nhưng Inhaxiô đang bắt đầu sẵn sàng từ bỏ ý riêng để theo ý Chúa.

Tại làng Manrêsa, Inhaxiô đến cầu nguyện trong một hang đá. Bắt chước các thánh tu rừng, Inhaxiô thích sống một mình với Chúa, ngài mặc quần áo bằng vải bao bố, chỉ ăn bánh mì và uống nước lã, để râu tóc và móng tay móng chân mọc tự do.

Nhưng khi đã ý thức được ơn gọi tông đồ, Inhaxiô phải đến với mọi người để giúp họ về đời sống thiêng liêng. Muốn vậy, ngài phải sống văn minh hơn.

Thế là Inhaxiô hót tóc, cạo râu, cắt móng chân móng tay, mặc quần áo sạch sẽ và tử tế, ăn thịt và uống rượu. Ngài từ bỏ những việc được coi là thánh thiện nhất để thi hành thánh ý Chúa.

Một lần kia Inhaxiô đi hành hương ở Giêrusalem, ngài muốn ở lại nơi Chúa Giêsu đã sống, muốn truyền giáo cho người Hồi giáo, nếu bị họ giết thì càng tốt. Tuy nhiên, vị đại diện Tòa Thánh ở đây đã không cho phép ngài ở lại vì nhiều lý do, ngài liền vâng lời trở về quê nhà. Điều quan trọng bây giờ không phải là ngài muốn làm gì, nhưng là Chúa muốn ngài làm gì?

Trở lại Tây Ban Nha, Inhaxiô bắt đầu dạy giáo lý và nói chuyện về đời sống thiêng liêng cho người này người kia. Nhưng ban Thanh tra của Giáo hội cấm ngài dạy giáo lý vì ngài chưa học thần học. Thế là Inhaxiô lên đường đi Paris học. Ở đây, ngài thụ huấn nơi các vị giáo sĩ những chỉ dẫn để tìm ý Chúa.

Ở Paris, Inhaxiô kết thân với một số bạn. Họ cũng chỉ ao ước được biết ý Chúa để thi hành. Dòng Tên dần dần được hình thành. Cộng đoàn này lúc đầu chỉ khần khiết tịnh và khó nghèo. Ba năm sau, chuyến hành hương về Giêrusalem không thành, ngài và các bạn không biết phải làm gì để vinh danh Chúa hơn, nên đến đặt mình dưới quyền sử dụng của Đức Thánh Cha, vị đại diện Chúa Kitô dưới thế. Sau đó, cả nhóm quyết định để tôn vinh Chúa hơn họ bầu chọn một người làm trưởng để vâng phục.

Khi được bầu làm Bề trên cả dòng Tên, Inhaxiô hết sức từ chối, nhưng các bạn và vị linh hướng của ngài quả quyết đó là ý Chúa. Trong chức vụ ấy, ngài không ngừng suy nghĩ cầu nguyện, bàn hỏi để biết Chúa muốn gì về từng anh em cũng như về từng điểm trong bản nội qui dòng Tên. Không bao giờ áp đặt ý riêng, ngài chỉ muốn chuyển đạt ý Chúa đến cho anh em. Ngài chỉ thực an lòng khi xác tín đâu là ý Chúa.

Có những khi bị rơi vào cảnh tối tăm, Inhaxiô không biết Chúa muốn gì, ngài bần khoản ray rứt cực độ. Ngài thốt lên:

– Lạy Chúa, xin cho con biết ý Chúa, dù phải đi theo một con chó nhỏ, con cũng sẵn sàng.

Con người suốt đời miệt mài đi tìm và thi hành ý Chúa ấy đã được Giáo hội tôn vinh.

27. TỘI THẦY ĐÁNG ĐUỔI RA KHỎI DÒNG

Thánh Giêradô, trợ sĩ dòng Chúa Cứu Thế, được Bề trên ban phép đi xin tiền giúp các cô gái ước ao dâng mình cho Chúa mà không đủ của hồi môn cần thiết.

Thầy Giêradô đã giúp tiền cho cô Nerea Caggiano ở Lacedonia vào dòng kín Carmel. Nhưng tiếc thay, lòng ao ước dâng mình cho Chúa của cô như ngọn lửa rom cháy bùng lên một lúc rồi tắt ngấm. Ba tuần sau cô hồi tục, trở về Lacedonia. Nhưng cô tự ái, không muốn cho mọi người biết việc hồi tục do ý muốn của cô.

Cô đã nói dối với mọi người rằng: các bà sơ dòng Carmel sống khô khan nguội lạnh, buông thả. Còn thầy Giêradô cũng là kẻ giả hình, thầy đã có nhiều cử chỉ tồi tệ đối với cô. Và họ đã hỏi sao không tố cáo thầy Giêradô cho cha giải tội của cô. Và cô Caggiano đã tố cáo lên cha Bônaventura.

Cha Bônaventura sửng sốt trước những lời tố cáo của con thiêng liêng. Để chắc chắn, ngài bảo:

– Đây là việc hệ trọng, con phải viết vào giấy đưa cha gửi cho cha Anphongsô xem.

Cô Caggiano đã viết sẵn, cô đưa cho cha. Cha linh hướng đọc tờ tố cáo thầy Giêradô đã làm hại đời cô tại đâu, ngày tháng nào. Và cha Bônaventura đã gửi lá đơn tố cáo ấy cho thánh Anphongsô, Bề trên Cả dòng Chúa Cứu Thế, kèm theo mấy lời xác nhận của mình.

Tại tu viện Pagani, cha Anphongsô mở thư của cô Caggiano và mấy lời xác nhận của cha Bônaventura, bạn thân của ngài. Ngài bàng hoàng sửng sốt trước những lời tố cáo này. Lời lời khẩn khiết tịnh, xúc phạm đến Chúa do con cái cha làm. Nếu những người khác biết chuyện này thì tai hại cho hội dòng non trẻ của cha biết mấy, họ sẽ không muốn vào tu nữa, và Tòa Thánh sẽ nghĩ thế nào đây?

Thầy Giêradô cha chưa hề biết mặt, nhưng cha đã nghe người ta đồn về sự

thánh thiện và các việc lạ thầy làm. Sau khi cân nhắc sự việc, cha Anphongsô liền phái một linh mục đến Lacedonia và Đêlixêô để điều tra. Tác giả lời tố cáo đã thề quyết có sự thật như thế.

Cha Anphongsô cho gọi thầy Giêradô đến Pagani. Tới Pagani, thầy Giêradô gõ cửa phòng cha Bê trên Cả.

– Thầy Giêradô! Thầy có biết cha gọi thầy đến đây vì việc gì không?

– Thưa cha, con không biết!

– Vậy thầy hãy đọc lá thư tố cáo tội lỗi thầy đây.

Giêradô khiêm tốn quì xuống. Từ khi có trí khôn đến nay, nhất là sau khi khấn trọn đời khiết tịnh, thầy không hề lỗi phạm nhân đức cao quý đó, thế mà giờ đây... Thầy bàng hoàng đau đớn như bị ai đâm một nhát dao vào tim.

Thầy Giêradô thâm nghĩ rằng con thử thách Chúa cho xảy đến, thầy sắp mặt xuống đất theo gương Chúa Giêsu: “Xin theo ý Cha, đừng theo ý con!”. Thầy chấp nhận uống chén đắng như Chúa muốn.

– Thế nào, thầy không trả lời gì sao?

Giêradô cúi mặt xuống thỉnh lặng.

– Tội thầy đáng đuổi ra khỏi dòng, nhưng cha để thầy tự quyết định. Nếu muốn hối tục, cha sẽ xin phép để chuẩn lời khấn cho thầy. Trong thời gian tới, thầy cứ xưng tội như luật định, nhưng không được rước Chúa. Nếu anh em dòng hỏi lý do, thầy cứ trả lời: “Tôi phạm tội công khai ở Lacedonia nên cha Bê trên Cả cấm”. Đàng khác, thầy không được liên lạc thư từ với bất cứ người nào!

Giêradô cúi đầu chào cha Bê trên, rồi lặng lẽ trở về phòng. Đối với thầy, không được rước Chúa là một nỗi đau khổ nhất. Cha giải tội khuyên thầy thanh minh, nhưng thầy trả lời:

– Thưa cha, con nghĩ đây là việc của Chúa.

Giêradô được gửi đến Giorani để Bê trên theo dõi. Các tu sĩ ở đây thắc mắc

về việc thầy không rước Chúa, thầy đã trả lời như cha Bê trên Cả dặn. Họ thắc mắc:

– Có tội thì sám hối, xưng tội, Chúa tha hết. Sao lại cấm thầy rước Chúa!

– Ý Bê trên là ý Chúa, tôi chỉ biết vâng lời.

Các linh mục thường mời Giêrađô giúp lễ vì thầy sốt sắng như thiên thần. Một cha mời thầy giúp lễ nhưng thầy từ chối:

– Cha đừng cám dỗ con. Con sẽ cướp Minh Thánh trên tay cha!

Đầu tháng 7 năm 1754, cô Nerea Caggiano bị lương tâm cắn rứt, chịu không nổi, đã thú nhận tất cả những lời tố cáo thầy Giêrađô là do cô hoàn toàn bịa đặt cho cha Bônaventura nghe, và cô viết thư xin rút lại lời tố cáo ấy. Cha Bônaventura cũng đã viết thư xin lỗi cha Anphongsô vì quá tin lời con thiêng liêng của mình.

Tại Pagani, cha Anphongsô nhận được hai lá thư ấy, ngài mừng rỡ hết sức. Lập tức, ngài sai một thầy đi mời Giêrađô về Pagani. Vừa gặp Giêrađô, cha Anphongsô ôm hôn thầy.

– Con ngồi xuống đây. Tại sao con không một lời thanh minh về sự vô tội của con?

– Thưa cha, luật dòng cấm các tu sĩ bào chữa khi Bê trên khiển trách. Con hằng tâm niệm điều ấy.

– Tốt lắm! Từ nay con được tự do, như không xảy ra chuyện gì hết. Thôi, con hãy trở về Capôsêlê. Xin Chúa Cứu Thế chúc lành cho con!

Nhìn bước chân Giêrađô ra khỏi phòng, cha Anphongsô lau nước mắt cảm phục. Ngài quỳ xuống trước tượng Chúa chịu nạn, tạ ơn Chúa đã ban cho dòng bé mọn một người con thánh thiện.

28. 37 NĂM SỐNG TRÊN CỘT CAO

Để được tự do cầu nguyện và suy niệm Lời Chúa, thánh Simon Cột liền trèo lên một ngọn núi cao, ẩn mình trong hốc đá để cầu nguyện đêm ngày. Ngài thuê người ta làm cho một sợi xích dài độ 10 thước, một đầu xích buộc vào chân phải, còn đầu kia gắn chặt vào hốc đá.

Làm như thế ngài muốn tự giam mình không cho bước ra khỏi giới hạn đã định. Chẳng bao lâu sau, tiếng thom nhân đức của ngài đã vang khắp miền Tenetxinh. Dân chúng lũ lượt kéo đến để thăm con người có những cách hãm mình kỳ dị đó. Nhờ lời cầu nguyện của ngài, nhiều người được khỏi bệnh. Vì thế, ai nấy cố gắng để được chạm đến thân xác của ngài, họ kính ngài như một vị thánh sống.

Thấy người ta tôn kính mình thái quá, thánh Simon Cột hằng cầu xin Chúa dạy cho cách sống thế nào để khiêm tốn hơn. Được Chúa soi sáng, ngài nghĩ đến cách sống trên cột trụ. Ngài liền nhờ người làm một cột trụ cao khoảng 9 thước, trên đỉnh cột đóng một cái bục vừa đủ để một người ở, không lợp mái che mưa che nắng, không làm vách gì cả, chỉ chắn vây bốn hàng rào thưa. Ngài sống lộ thiên như thế suốt 37 năm trời. Nhiều người phải bỡ ngỡ trước lối sống kỳ lạ ấy. Ngài không bao giờ ngồi mà cũng không nằm, suốt ngày chỉ đứng, quỳ hay cúi đầu cầu nguyện và suy ngẫm.

Mỗi khi người ta đến thăm dưới chân cột, thánh Simon Cột không quên cắt nghĩa hoặc nhắc bảo họ giới răn của Thiên Chúa và sống sứ mệnh của người kitô hữu. Thánh nhân còn chỉ cho họ thấy sự giả dối và mỏng dòn của thế gian, hầu nâng trí họ ngưỡng mộ đời sống vĩnh cửu là hưởng kiến Thiên Chúa trên trời.

Ngoài ra, ngài còn lấy lời dịu ngọt để an ủi những người bị hà hiếp, gặp tai nạn, lấy lễ phải bầu cử cho các phạm nhân. Nhờ lời khuyên của ngài mà ông thị trưởng thành phố Antiôkia đã bỏ mức thuế bất công ông đã ấn định cho các nhà tiểu công nghệ.

Tiếng thánh thiện của ngài ngày càng vang xa, người ta kéo đến với ngài càng đông. Theo sự khôn ngoan, các Bề trên có trách nhiệm chăm sóc linh hồn cho các tín hữu, nên các ngài luôn phải thận trọng đề phòng những người

có ảnh hưởng sâu rộng trong dân chúng, kéo họ truyền bá sự sai lạc chẳng? Muốn biết rõ sự thánh thiện của thánh Simon Cột có đẹp lòng Chúa hay không, hay chỉ là đạo đức bên ngoài, trong lòng đầy kiêu hãnh? Các đấng làm thế nào để biết chắc điều ấy? Không có gì khó khăn cả, các Bề trên liền phái mấy thầy ra truyền lệnh cho thánh Simon Cột xuống khỏi cột ngay để về sống chung với các tu sĩ. Sau mấy chục năm sống trên cột cao ấy, chưa lần nào ngài rời khỏi cột để xuống mặt đất, thế mà giờ đây phải xuống theo lệnh Bề trên ư?

Nhưng khi vừa nghe lệnh Bề trên, thánh Simon Cột liền xuống khỏi cột ngay. Sự vâng phục mau chóng này biểu lộ một tâm hồn thánh thiện và khiêm tốn thực sự. Bây giờ các thầy được Bề trên sai đi vội nói đang khi thánh Simon Cột trèo xuống đất:

– Thưa cha, thôi, xin cha cứ ở lại trên cột vì chúng tôi đã biết tỏ thật thánh ý Chúa muốn cho cha sống hãm mình như thế.

29. TƯỚI NƯỚC CHO CÂY KHÔ

Thánh nữ Rita Cascia (1381 – 1457) mãi 40 tuổi mới vào tu dòng nữ Thánh Augustinô ở nước Ý, sau khi chồng và các con đã qua đời.

Trong tu viện, chị Rita nổi bật về đức vâng phục và đức bác ái. Một hôm, Mẹ Bề trên tu viện nói với chị Rita:

– Này chị Rita, hằng ngày chị hãy tưới nước cho gốc cây nho khô kia để nó trở mầm và nở hoa.

Dù biết rằng cây khô kia sẽ chẳng bao giờ nảy mầm nở hoa, nhưng chị vẫn khiêm tốn vui vẻ và vâng lời làm việc.

Thế là ngày hai lần sớm và chiều, chị Rita múc nước tưới đẫm gốc cây khô đó. Nhiều nữ tu khác thấy vậy thì chê cười vì hành vi ngớ ngẩn của chị, họ cho rằng cây khô ấy chẳng bao giờ có thể sống lại được. Họ nghĩ bụng: “Công việc này tới muôn đời cũng chẳng thành công”. Các Bề trên thì mỉm cười và âm thầm ca tụng lòng khiêm tốn và vâng phục của chị, biểu lộ một tâm hồn thánh thiện.

Đến một ngày kia, gốc cây khô được chị Rita tưới vì vâng phục đã nảy những mầm lá xanh trước sự ngạc nhiên của mọi người. Điều không thể đối với loài người, nhưng với Thiên Chúa thì “không có gì mà Thiên Chúa không làm được” (Lc 1,37). Những mầm lá xanh tươi mọc từ gốc cây khô ấy là phần thưởng Chúa dành cho sự vâng lời và khiêm nhường của chị Rita.

Chẳng bao lâu, gốc cây nho khô cằn cỗi ấy dần dần trở thành một cây xum xuê lá cành với những chùm nho chín mọng. Qua hơn 500 năm sau, cây Qua hơn 500 năm sau, cây nho này vẫn tươi tốt và sai trái tại dòng nữ Thánh Augustinô ở nước Ý.

30. KHI CHẾT THÌ CÒN GÌ ĐÂY?

Được cha mẹ gửi học văn chương ở trường Đức Bà thuộc địa phận Châtinllon, thánh Bênêđô học hành rất chăm chỉ. Nhờ việc theo học gần 10 năm ở đây, mà sau này thánh Bênêđô có khả năng viết và nói làm say sưa biết bao nhiêu độc giả và thính giả.

Bênêđô sử dụng Latinh như tiếng mẹ đẻ. Cậu ham học và học rất thành công. Sau khi thân mẫu qua đời và tốt nghiệp trung học, Bênêđô đang bận tâm về tương lai của mình. Cậu sẽ làm gì đây? Với ngoại hình cao ráo, đẹp trai, cộng thêm tài đức, chắc rằng Bênêđô sẽ có một tương lai đầy hứa hẹn ngoài đời, nhưng cậu không ham. Bênêđô thuộc tầng lớp quý phái thời bấy giờ, cậu không ham binh nghiệp để được vinh quang hay giàu sang, hiến thân phục vụ Chúa chẳng? Vấn đề vẫn chưa ngã ngũ. Bênêđô vẫn tiếp tục học.

Một hôm, Bênêđô thử làm thơ, nhưng khi vừa đặt bút gieo vần thì có một tiếng nói nhỏ nhẹ trong người nhưng có phần nghiêm khắc:

– Học để làm gì vậy?

Biết chỉ để mà biết: một sự tò mò nhục nhã.

Biết để được gọi là nhà bác học: hư danh.

Biết để dạy được nhiều tiền: một cuộc buôn bán.

Bênêđô liền tranh luận với tiếng nói kỳ bí ấy:

– Thế còn biết để xây dựng và dạy người khác: đó chính là bác ái.

Nhưng Bênêđô lại suy nghĩ khi đối diện với thực tế:

– Ở lại trong trường để được gọi là giáo sư, vậy khi chết đi thì còn gì đây?

Những người anh em của Bênêđô thì nghĩ khác. Họ rất hãnh diện vì Bênêđô học giỏi. Họ muốn có một tiến sĩ nổi danh trong gia đình. Họ tìm những trường học nổi tiếng và thầy giỏi để đề nghị.

Nhưng tiếng nói kỳ bí ấy tiếp tục vang lên:

– Bênadô, ta có nuôi nấng và dạy dỗ để con chạy theo những hư danh đó không?

Đến lúc này, Bênadô vẫn miên man suy nghĩ trước ngã ba của cuộc đời. Con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi, biết bao nhiêu cô gái xinh đẹp muốn kết thân và bao nhiêu gia đình muốn kết nghĩa. Không có gì là xấu ở đây cả. Nhưng có vài cô quá bạo dạn, đã khiêu khích, dụ dỗ Bênadô hưởng khoái lạc làm cho chàng bưng tỉnh.

Một lần Bênadô say ngất một cô gái đẹp, khi về nhà thấy tâm hồn xao xuyến, rối loạn, chàng trai trẻ này đã nhảy xuống hồ nước gần băng giá mới lấy lại được bình an. Và sau đó Bênadô quyết định từ giã thế tục. Bênadô mạnh mẽ tuyên bố với gia đình:

– Tôi sẽ làm một đan sĩ...

Mọi người ngỡ ngàng. Họ tìm cách lái chàng đến một tu viện lớn để có thể trở thành vị tiến sĩ nổi danh, và biết đâu Bênadô sẽ trở thành một Viện phụ. Nhưng Bênadô im lặng không nói gì. Khi bị gạn hỏi mãi về việc vào dòng nào? Bênadô trả lời:

– Xitô.

Mọi người thất vọng. Dòng Xitô sống theo tinh thần Tin Mừng và rất nghiêm ngặt, trở về với tinh thần nguyên thủy của thánh Biển Đức. Với tài hùng biện và thuyết phục khéo léo của mình, Bênadô đã vào dòng Xitô cùng với một số anh em ruột, bạn bè thân thuộc, cả thầy là 30 người vào năm 1112.

CHIẾN SĨ ĐỨC TIN

31. CHỊU KHÓ BƯỚC QUA THẬP GIÁ

Thánh Phaolô Phạm Khắc Khoan linh mục (1771 – 1840) và hai thầy giảng bị bắt trên đường về xứ Phúc Nhạc. Vì kính trọng ngài cao tuổi lại có tướng phúc hậu, một hôm quan tổng trấn nói với ngài:

– Ta muốn kết thân với ông. Ta chỉ muốn cứu mạng ông thôi. Xin ông chịu khó bước qua thập giá.

Cha Khoan trả lời:

– Mấy tháng qua ở trong tù, tôi đã suy tính kỹ lắm rồi, nhưng càng nghĩ, tôi càng xác tín hơn, càng cương quyết giữ vững đức tin cho đến chết.

Rồi cha nói tiếp:

– Năm 1802, Thế Tổ Gia Long, thân phụ của hoàng đế ra Hà Nội, chúng tôi có đến ra mắt. Ngài hứa cho chúng tôi được tự do giảng đạo, xây nhà thờ và các nhà bác ái. Ngài yêu cầu chúng tôi cổ động dân chúng sống thuận hòa và chăm chỉ làm ăn. Từ đó đến nay, tôi vẫn vâng lệnh vua nhắc nhở mọi người làm điều tốt, tránh điều xấu. Tôi thờ Vua trên trời và tuân phục vua dưới đất, tôi vẫn xin Vua trên trời ban ơn cho các quan, để thời các ngài được thái hòa thịnh trị. Sao hôm nay quan lại bảo tôi bỏ lệnh Thiên Đế mà tôi đã tuân hành biết bao năm nay?

– Thế ông không muốn sống à?

– Thừa quan, mọi sinh vật đều muốn sống, huống chi là con người có suy nghĩ. Ai biết giá trị một cuộc sống mà chẳng ham sống. Thế nhưng, với người kitô hữu, chết là cách sống đời đời trên Thiên đàng.

– Ai bảo ông là có Thiên đàng?

– Đó là chuyện đương nhiên. Như nhà vua vẫn ban thưởng cho những trung thần, thì Vua trời đất lại không ban thưởng cho những tôi trung phục vụ

Người đến chết sao? Nơi tưởng thưởng đó, chúng tôi gọi là Thiên đàng.

– Vậy ai dạy cho ông biết là có Chúa trời đất?

– Thừa quan tổng trấn, không cần phải ai dạy cả, chính trời đất vũ trụ là cuốn sách mở ra dạy ta bài học đó. Nhìn ngắm những công trình kỳ diệu của thiên nhiên, tức khắc phải nhận ra có Đấng Tạo Hóa và giữ gìn nó. Chúng tôi gọi Đấng Tạo Hóa đó là Chúa Trời và tôn thờ Người.

Một lần khác, cha Khoan đã nói thẳng với quan tổng trấn:

– Quan bảo tôi chà đạp thập giá là điều chẳng hợp lý chút nào?

Quan hỏi:

– Sao lại không hợp lý, ta chỉ cho ông con đường sống mà không hợp lý sao?

– Thừa quan, nếu nước nhà có biến, mà quan sợ chết đào ngũ thì quan là kẻ hèn nhất. Cũng vậy, tôi nhờ ơn Vua Cả trên trời, tôi đâu có quyền sợ chết mà bỏ Người được.

Sau ba năm tù đày, cha Khoan đã được diễm phúc tử đạo.

32. THIÊN THẦN BẢO BỔ ĐẠO, TÔI CŨNG CHẴNG TIN

Thánh tử đạo Phanxicô Nguyễn Cần (1803 – 1837) là một thầy giảng quê ở tỉnh Hà Đông, Hà Nội.

Thầy Cần được cử đi giúp Đức cha Havard Du, rồi cha Retord Liêu. Khi thầy bị bắt vì đạo, nhiều người tỏ lòng thương hại thầy. Quan khuyên thầy bước qua thập giá để được tha, nhưng thầy cương quyết từ chối. Lính khiêng thầy đặt lên tượng ảnh Chúa, thầy ôm chặt lấy chân và la lên:

– Tôi không đạp lên ảnh Chúa đâu.

Một số giáo dân đã bỏ đạo nói:

– Tội nào Chúa chẳng tha, Phêrô chối Chúa ba lần mà còn làm thủ lĩnh Giáo hội.

Người khác lừa dối thầy:

– Cha Liêu nhắn thầy cứ bước qua thập giá, rồi sẽ về liệu sau.

Họ còn đe dọa:

– Nếu thầy không nghe, quan sẽ làm khổ cả làng ta đó.

Nhưng tất cả không làm xoay chuyển ý chí sắt đá của vị chứng nhân Đức Kitô. Thầy Cần quả quyết:

– Dù thiên thần xuống bảo tôi bỏ đạo, tôi cũng không tin. Dù rất kính trọng cha Liêu, tôi cũng không thể làm điều sai lạc đó được. Hơn nữa, tôi biết chắc ngài không ra lệnh tôi như vậy. Còn với dân chúng, tôi thương mến thật, nhưng cũng không vì họ mà xúc phạm đến Chúa.

33. CON BÒ CÂM ĐẢO SICILIA

Thuở thanh niên, thánh Tôma Aquinô có một thân hình to béo, lại ít nói và khuôn mặt có vẻ đăm chiêu, trầm ngâm. Bạn bè đặt cho cậu cái tên chẳng mấy ý nghĩa và đẹp đẽ gì: “Con bò câm”.

Một hôm, sau hồi trống báo hiệu, các sinh viên cười nói vui vẻ bước vào lớp. Họ ngạo nghễ chỉ vào Tôma đang yên lặng bước vào và nói với vẻ thích thú:

– Ô kìa! Con bò câm đảo Sicilia.

Sau bản kinh đầu giờ học, thánh Anbêto, giáo sư đại học ở Paris, là người hiểu Tôma hơn ai hết, ngài đã nghiêm nét mặt nói với tất cả các sinh viên:

– Các bạn gọi Tôma là con bò câm, nhưng tôi nói thật cho các bạn biết, rồi đây tiếng rống của nó sẽ chấn động cả hoàn cầu.

Thánh Anbêto nói như một tiên tri. Các tác phẩm của thánh Tôma Aquinô rất nổi tiếng và có ảnh hưởng rất lớn trong Giáo hội vào thế kỷ XIII đến bây giờ và mãi về sau nữa. Năm 23 tuổi, Tôma đã dạy học về các môn thần học và Kinh Thánh cho hàng trăm sinh viên và các bạn trẻ. Năm 25 tuổi (1250), Tôma chịu chức linh mục. Và hai năm sau, cha Tôma được Bê trên gọi về Paris để trình bày luận án tiến sĩ thần học, khi ấy cha Tôma mới 27 tuổi, tức là lấy bằng tiến sĩ trước mười tuổi theo luật định.

Cha Tôma được xem như là sứ giả của Thiên Chúa ở trường đại học, như một dũng tướng của Giáo hội. Cha phải đương đầu với mọi phong trào tư tưởng sai lạc, mọi ảnh hưởng nguy hại của nền triết học ngoại giáo đang ào ạt tràn vào phương tây thời ấy. Thiên Chúa muốn cha là ngọn hải đăng soi chiếu chân lý cho mọi tâm hồn.

Trung thành với Giáo hội, cha chỉ cho mọi người biết phải lĩnh hội hệ thống triết học của Platon và Aristotê như thế nào cho có ích lợi và khỏi sai lạc. Vì thời ấy, các nhà trí thức đang hoang mang trước học thuyết có vẻ hấp dẫn của hai triết gia này. Những tác phẩm của cha Tôma biên soạn như là những pháo đài kiên cố bảo toàn tòa nhà chân lý của Giáo hội. Công trình vĩ đại và tuyệt tác nhất của cha Tôma là Bộ Tổng Luận Thần Học (Summa theologica) cha

đã dày công biên soạn trong suốt 21 năm dạy học.

Cha đã trải qua biết bao nhiêu vất vả và thử thách trước những trào lưu triết học ngoại giáo, cha cương quyết trước chủ trương đi ngược lại với chân lý của đạo Chúa, và cha luôn từng phục mọi huấn điều của Giáo hội.

Đời sống trí thức và luân lý của cha Tôma được diễn tả một cách thích hợp trong tước hiệu “Tiến sĩ Thiên thần” mà sau này Giáo hội đã truy tặng cha năm 1567.

Thực vậy, với cha Tôma, óc suy luận và lý trí con người được khai thác triệt để và đưa lên tới độ chót. Cha quan niệm rằng không gì cao quý hơn sự trong trắng của tâm hồn, nhờ đó mà cha đã thấu nhận dễ dàng mọi chân lý, mọi vấn đề sâu xa khác mà các triết gia Platôn và Aristốt không vươn tới được.

Cha không viết một điều gì trước khi suy nghĩ và cầu nguyện. Nếu gặp điều nào nghi ngờ, cha đến cầu nguyện trước bàn thờ, cha cầu nguyện bằng tâm hồn, bằng nước mắt, và bằng sự đánh tội. Cha sống rất nhiệm nhặt, cha ăn rất ít, mỗi ngày chỉ ăn một bữa và chỉ dùng những thức ăn rẻ tiền. Người ta nói rằng cha ngủ không quá 4 tiếng mỗi đêm. Vậy mà cha làm việc liên tục, suốt ngày chỉ cần cù với sách vở và triền miên trong cầu nguyện.

34. CHẤP NHẬN MỌI SỰ ĐỂ BẢO VỆ LUẬT CHÚA

Thánh Tarasiô (+806) là Tổng Giám mục cai quản thành Contantinôpôli. Ngài là vị Giám mục có một đời sống tông đồ gương mẫu, tận tụy với công việc truyền giáo, lo cải tổ hàng giáo sĩ, và đặc biệt quan tâm giúp đỡ những người nghèo khổ. Ngoài ra, Đức Tổng Giám mục Tarasiô có đức tính cương quyết lạ thường, không chịu khuất phục trước bất cứ một bạo lực nào để bênh vực lệnh truyền của Chúa Kitô và Giáo hội.

Vào thời đó, hoàng đế Contantinô trẻ tuổi rất tốt, nhưng ông lại ngộ nhận về quyền hạn của mình. Ông cho rằng mình muốn làm gì thì làm, quyền của hoàng đế vượt trên tất cả, không bị hạn chế bởi một quyền lực nào hết. Hoàng đế quá say mê trước sắc đẹp nghiêng thành của bà quý phái Thêôđôtê, nên ông muốn ly dị hoàng hậu Maria để cưới bà quý phái này. Để được danh chính ngôn thuận, hoàng đế đã buộc tội cho hoàng hậu là bà muốn đầu độc hoàng đế bằng thuốc độc.

Đồng thời hoàng đế đến xin Đức Giám mục Tarasiô chuẩn nhận việc kết hôn này. Cứ đinh ninh rằng mọi sự sẽ xuôi xắn theo ý mình, nhưng hoàng đế đã vỡ mộng trước sự cương quyết của Đức Giám mục. Ngài không chấp thuận việc ly dị này, vì đây là trái ngược với lề luật của Thiên Chúa, đã được chính Chúa Kitô xác nhận trong Phúc âm:

“Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19,6).

Bất chấp sự không đồng ý của Đức Giám mục Tarasiô, hoàng đế Contantinô mời linh mục Giuse làm phép cưới cho hoàng đế và đội vương miện hoàng hậu cho bà Thêôđôtê. Đứng trước hành động quá táo bạo của hoàng đế, Đức Giám mục do dự không biết phải giải quyết ra sao, vì một đảng sợ hoàng đế sẽ ra tay bắt đạo và ủng hộ phe lạc giáo chống đối Giáo hội, một đảng lương tâm của một vị Giám mục không cho phép ngài chuẩn nhận hành động vô liêm sỉ đó. Cuối cùng ngài buộc lòng phải áp dụng giải pháp cứng rắn.

Hoàng đế Contantinô vô cùng căm phẫn khi thấy Giám mục Tarasiô vẫn giữ lập trường cũ, không phê chuẩn việc kết hôn bất chính của ông. Hoàng đế đã tìm cách hãm hại Đức Giám mục và đoàn chiên của ngài. Tệ hơn nữa, hoàng đế đã cấu kết với bọn lạc giáo để phá hại Giáo hội. Nhưng tất cả những

ngịch cảnh đó đã không làm nao núng con tim sắt đá của Đức Giám mục Tarasiô, ngài vui lòng chấp nhận tất cả, để trung thành với Giáo huấn của Chúa Kitô.

35. ARIÔ PHỦ NHẬN THIÊN TÍNH NGÔI CON

Trong khi Giáo hội Công giáo rao giảng Ngôi Chúa Con bằng Ngôi Chúa Cha, từ thuở đời đời Ngôi Cha sinh ra Ngôi Con cùng một bản thể; thì linh mục Ariô chủ trương Ngôi Con Thiên Chúa chỉ là một thụ tạo không hơn không kém, và không hiện hữu đồng thời với Đức Chúa Cha, Ariô phủ nhận thiên tính của Ngôi Con. Đứng trước sự sai lạc về đức tin Công giáo của Ariô, thánh Giám mục Alêxandria lấy lời dụ hiền khuyên bảo, cảnh cáo để ông khỏi sai lạc chân lý. Nhưng sau nhiều cuộc đàm đạo qua đi mà không mang lại một hiệu quả nào. Ariô cố chấp không trở lại, lại còn tuyên truyền lập bè đảng, lôi kéo một số linh mục và tín hữu theo mình.

Năm 320, Đức Giám mục Alêxandria triệu tập công đồng gồm 100 Giám mục xứ Ai Cập và Siria. Ngài cho mời Ariô đến cắt nghĩa minh bạch lời dạy của ông. Nhưng khi nghe những lời ngạo mạn, cố tình phản tín lý căn bản Công giáo, cả công đồng cương quyết lên án lý thuyết sai lầm ấy, đồng thời tuyên án tuyệt thông nếu Ariô không thành khẩn trở về với Giáo hội. Nhưng thay vì vâng phục, Ariô lại tìm cách phát triển bè rối của ông tại Ai Cập và Palestin.

Ông đã khéo lôi kéo được nhiều Giám mục, đặc biệt có Êusêbiô Nicôđêmi và Êusêbiô Cêsarê thuộc xứ Palestin... Đối lại, Đức Giám mục Alêxandria viết nhiều thư cắt nghĩa rõ ràng thái độ của ngài đối với Ariô cho mọi người hiểu, đồng thời nêu lên những sai lầm của Ariô. Qua những bức thư ấy, người ta càng ngày càng nhận rõ chủ đích cao cả, kết tinh của lòng bác ái, đức tính cương nhu của vị thánh Giám mục này.

Lợi dụng lòng tin tưởng của hoàng đế Contantinôpôli, Êusêbiô Nicôđêmi viết thư cho các Giám mục Tiểu Á và Cận đông vận động xiết chặt hàng ngũ ủng hộ Ariô và chống lại Đức Giám mục Alêxandria. Ariô cũng viết thư trình bày các giáo thuyết của ông cho các Giám mục. Đồng thời Êusêbiô cổ động triệu tập hai công đồng với mục đích ủng hộ Ariô, một tại Bitini và một tại Palestin.

Đức Giám mục Alêxandria cương quyết trung thành bảo vệ chân lý, ngài tìm mọi cách ngăn chặn âm mưu của bè rối Ariô. Ngài viết thư vạch rõ những âm mưu đen tối của Êusêbiô và Ariô trong những công đồng sắp tới. Trong thư,

ngài nêu cao tinh thần anh dũng, sẵn sàng chết để bảo vệ mọi chân lý thánh thiện của đạo Công giáo. Đồng thời ngài cũng viết thư đệ trình lên Đức Thánh Cha Sylveste về mọi công việc xảy ra.

Trước tình hình rối ren của Giáo hội Đông phương, hoàng đế Contantinôpôli, vì sự thúc đẩy của Nicôđêmi đã viết thư trách Đức Giám mục Alêxandria và Ariô đã gây nên sự náo động vô ích... Ông Ôsiô Côđu, một người nổi tiếng khôn ngoan thông thái, được ủy nhiệm trao thư và dàn xếp nhiều vấn đề khác. Ông Ôsiô đã triệu tập công đồng tại thành Alêxandria. Công đồng đề cập đến nhiều vấn đề nhưng vẫn không đưa lại một quyết định nào về sự đàn áp bè rôi Ariô. Họ đòi phải có công đồng chung.

Và sau đó một công đồng chung được triệu tập tại Nicê. Mặc dầu tuổi già sức yếu, Đức Giám mục Alêxandria cũng đến dự. Đi với ngài là thầy sáu Athanasiô trẻ tuổi. Tại công đồng, Athanasiô đã làm hãnh diện Đức Giám mục và tỏ ra xứng đáng là người kế vị ngài sau này.

Kết quả công đồng tại Nicê là bè rôi Ariô bị luận án... Còn gì vui sướng hơn cho các chiến sĩ anh dũng của Chúa Kitô. Hoàng đế không ngớt lời ca tụng đức tính cao cả và những hoạt động đáng phục của vị thánh Giám mục này. Sau đó, Đức Giám mục Alêxandria càng nỗ lực hoạt động để dập tan mọi ảnh hưởng của bè rôi Ariô. Nhưng vừa được năm tháng thì ngài ngã bệnh và từ trần.

36. VÌ ĐỨC TIN MÀ CON CỦA MẸ BỊ CHẾT

Sau 6 năm truyền giáo ở Trung Hoa và Việt Nam, thánh Jacintô Castaneda Gia (1743 – 1773), một linh mục dòng Đaminh, đã bị chúa Trịnh Sâm tuyên án tử quyết. Và ngày 07.11.1773, cha Jacintô Gia đã được phúc tử đạo. Thi hài của ngài được an táng trọng thể tại nhà thờ Trung Linh.

Cuối năm 1773, tin tức linh mục Jacintô Castaneda Gia tử đạo đã về tới quê hương của cha ở Tây Ban Nha. Em trai của thánh nhân tên là Clémentê biết trước tiên, đã hết sức thận trọng báo tin cho thân mẫu. Bà sững sốt hỏi:

– Tại sao Jacintô của mẹ lại chết. Anh con chết vì bệnh hay là bị người ta giết?

Clémentê chột nghĩ anh mình mới 30 tuổi, vì sợ mẹ buồn nên hỏi:

– Vậy mẹ muốn anh ấy chết cách nào?

Bà trả lời:

– Mẹ mong vì đức tin mà con của mẹ bị giết.

Clémentê liền nói:

– Thưa mẹ, chính vì đức tin, người ta đã chém đầu anh Jacintô.

Và ngay chiều hôm đó, bà mẹ đến nhà thờ dòng Đaminh để cùng các tu sĩ hát lên lời kinh tạ ơn TE DEUM, vì Chúa đã ban cho con bà được chết vì Chúa.

37. THÁNH TỬ ĐẠO 3 TUỔI

Cuối năm 1470, thánh Simong được sinh ra trong một gia đình nghèo khó nhưng giàu nhân đức, hết lòng kính mến Chúa. Dưới bàn tay nâng đỡ và lòng âu yếm của ông bà Anrê và Maria, Simong được hưởng những ngày xuân đầm ấm. Nhưng rồi đến một ngày kia, hai ông bà chẳng được chứng kiến chuỗi ngày thơ ngây và nụ cười hồn nhiên của con trẻ nữa.

Gần đến ngày lễ Phục sinh, mọi tín hữu Công giáo hân hoan phấn khởi mừng “Chúa Giêsu khai hoàn sống lại”. Phải, ngày lễ này rất trọng đại và là ngày hân hoan của chúng ta. Nhưng đối với những người Do Thái ở tỉnh Trentê nằm giữa biên thùy nước Ý và Đức, thì ngày lễ Pascha, ngày ăn bánh không men cũng trùng với ngày Phục sinh của Kitô giáo là ngày phải rửa nhục, phải báo thù Chúa Giêsu, phải bách hại người Công giáo, và phải phanh thây uống máu một trẻ nhỏ Công giáo.

Ba lão già Do Thái là Anggiê, Samuen và Maisen đồng ý giao nhiệm vụ bắt cóc một đứa trẻ Công giáo cho Tôbia. Trong ánh nắng chiều hiền hòa, Tôbia vội vã cất bước qua làng bên cạnh là Fossé.

Từ xa, hắn đã trông thấy một em nhỏ đang đùa giỡn bên đồng gồ. Em nhỏ đó chính là Simong mới lọt lòng mẹ được 28 tháng. Trông trước nhìn sau không thấy ai, Tôbia nhẹ nhàng bước tới vui cười và vỗ về em Simong. Lúc đầu, Simong hơi ngạc nhiên và sợ hãi, nhưng rồi thấy cử chỉ thân thiện của Tôbia, bé tỏ vẻ bằng lòng. Thấy vắng bóng người, Tôbia nhẹ nhàng cầm tay Simong dẫn đi. Đến chập tối, Tôbia đã dẫn Simong về đến nhà lão già Samuen.

Họ vui mừng vì đã có một em nhỏ để báo thù Chúa Giêsu trong tuần Phục sinh. Họ tươi cười vỗ về Simong và cho em ăn bánh kẹo, nho chín. Bề ngoài, bốn tên sát nhân tỏ ra hiền dịu với Simong, nhưng bên trong thâm tâm họ là những con quỷ sát nhân, chờ đến nửa đêm họ sẽ ăn thịt và uống máu cậu bé. Thánh trẻ Simong lúc này giống như con chiên hiền lành giữa bầy sói.

Đến nửa đêm, lão Maisen bế Simong vào lòng. Còn những tên sát nhân khác, kẻ cởi giày, người lột áo của bé Simong. Sau đó, Samuen cởi giày thắt lưng rồi kéo dây xiết chặt quanh cổ hài nhi để em khỏi kêu khóc. Lão Anggiê và Tôbia chia nhau giữ tay chân Simong. Lão Maisen, tên sát nhân số một, cầm

dao xẻo má bên phải của Simong rồi đem nướng trên đồng lửa ngay bên. Những kẻ khác lần lượt cầm dao xẻo thịt em bé rồi nướng trên lửa.

Chưa thỏa cơn giận, những con người khát máu này còn dựng đứng xác Simong, bắt chéo hai tay theo hình thập giá và nhạo báng. Họ còn cầm kim châm vào thân xác em bé. Máu chảy lênh láng nhuộm đỏ một phần đất. Họ tỏ vẻ thỏa chí và nói:

– Để báo thù Chúa Giêsu của người tín hữu Công giáo, và để cho chúng phải hoảng sợ, chúng ta hãy thẳng tay giết chết thằng bé này.

Sau hơn một giờ chịu cực hình, Simong trút hơi thở cuối cùng vào lúc nửa đêm Thứ Sáu Tuần Thánh ngày 23.3.1475. Thi hành xong những thủ đoạn dã man, bọn sát nhân vắt xác hài nhi xuống đất. Họ vui sướng vì đã trả thù được Chúa Giêsu.

Theo thông lệ, vào Thứ Bảy Tuần Thánh những người Do Thái tập trung tại đền thờ (nhà lão già Samuen). Họ mang xác hài nhi Simong đặt trên một chiếc bàn cho mọi người Do Thái trông thấy để hả cơn giận. Vì thấy cha mẹ và nhiều người thân đang đi tìm Simong gần đó, nên họ vội vàng quăng xác Simong xuống sông. Nhưng sau vài giờ đồng hồ, gia đình đã tìm được thân xác tan nát của Simong và có kèm theo vài miếng lưới sắt nướng thịt.

Gia đình Simong đã đem nội vụ ra tòa án. Những kẻ nhúng tay vào cuộc giết người man rợ này đều bị cầm tù và phạt nặng. Đức Giám mục vui sướng khi được tin hài nhi Simong đã chết vì Chúa Giêsu, ngài cho mai táng xác trẻ Simong trong nhà thờ thánh Phêrô cách trọng thể.

Như các thánh Anh Hài xưa đã ca tụng Chúa khi còn bé non nớt, thánh trẻ Simong cũng lấy chính sự trong trắng vô tội, chứ không phải lời nói suông để chứng minh cho đạo Chúa.

38. TRĂM BIẾT MỘT NGƯỜI KHÔNG BAO GIỜ XUYÊN TẠC SỰ THẬT

Khi còn là vị quan tổng đốc, thánh Ambrôsiô đã nổi tiếng là một vị quan thanh liêm và nhân từ. Khi đã trở thành Giám mục, ngài càng tỏ ra nhiệm nhặt, nhân từ và tận tụy với nhiệm vụ thiêng liêng hơn nữa.

Ngoài nhiệm vụ của chủ chăn, Đức Giám mục Ambrôsiô còn đóng vai trò cố vấn cho các hoàng đế. Trong chức vụ này, ngài thực là một người chỉ đạo đầy nghị lực và can đảm. Là một công dân, ngài rất quý mến và kính trọng hoàng đế. Song không khi nào ngài chịu để Giáo hội phải lụy thuộc quốc gia, ngài đòi cho Giáo hội được quyền xét xử các nhà cầm quyền thế tục, nhân danh Chúa Kitô. Ngài đã nói một câu bất hủ:

– Nếu các hoàng đế phạm tội, các Giám mục phải sửa phạt bằng những lời khiển trách thẳng thắn.

Lần khác, trong bài diễn văn phản đối Giám mục Auxenciô của phe lạc giáo Ariô, Đức Giám mục Ambrôsiô không ngần ngại tuyên bố:

– Hoàng đế ở trong Giáo hội, nhưng không ở trên Giáo hội.

Năm 390, trong thành phố Thessalônica có cuộc nổi loạn, nhiều sĩ quan và nhà cầm quyền của hoàng đế Theôđôsiô bị giết. Nghe tin này, hoàng đế tức giận liền ra lệnh tàn sát 7000 người bất luận đàn ông đàn bà hay con trẻ. Người ta đánh lừa mời họ đi dự cuộc vui công cộng rồi giết họ. Đức Giám mục Ambrôsiô hết sức ngăn cản việc làm bỉ ổi ấy của hoàng đế, song vô hiệu. Người liền ra vạ tuyệt thông cho hoàng đế Theôđôsiô và công khai lên án tội ác đó. Đồng thời ngài viết thư riêng cho hoàng đế, bắt hoàng đế phải ăn năn đền tội.

Và cuối cùng Đức Giám mục Ambrôsiô đã thành công. Đêm Giáng Sinh năm ấy, Theôđôsiô, vị hoàng đế có thể lực nhất hoàn cầu đã cởi bỏ bộ áo sang trọng và mặc lấy áo kẻ sấm hối.

Trước đám đông dân chúng ở sân nhà thờ, hoàng đế đã xin Đức Giám mục Ambrôsiô tha thứ và tái nhận vua vào Giáo hội Công giáo. Hoàng đế rất cảm

phục vị đại diện Chúa. Và từ đó hoàng đế không ngớt lặp lại lời này:

– Trẫm biết có một người không bao giờ xuyên tạc sự thật, đó là Đức Giám mục Ambrôsiô.

YÊU NHƯ CHÚA YÊU

39. CHẾT CHO CON ĐƯỢC SỐNG

Thánh nữ Gianna Beretta sinh ngày 04.10.1922 tại thị trấn Magenta, miền bắc nước Ý, trong một gia đình có 13 người con nhưng chỉ sống được 8 người. Cha mẹ của Gianna không sang giàu nhưng có đức tin mạnh mẽ và lòng đạo đức sâu xa.

Năm 1949, Gianna tốt nghiệp bác sĩ giải phẫu hạng tối ưu tại đại học Pavia. Là một tông đồng nhiệt thành trong phong trào Công giáo tiến hành, Gianna muốn theo chân người anh ruột của mình là linh mục Enrico sang truyền giáo ở Brazil. Nhưng Chúa Thánh Linh đã nắm tay diu nàng theo hướng khác qua trung gian của cha linh hướng.

Tại Mesero, Gianna đã quen biết kỹ sư Pietro Molla, hơn Gianna 10 tuổi, cũng là một thành viên của Công giáo tiến hành, một giáo lý viên trong họ đạo và là phó giám đốc kỹ thuật của hãng SAFFA ở Magenta. Hai người thương yêu nhau và muốn tiến đến hôn nhân, nhưng Gianna lưỡng lự trước hai lý tưởng truyền giáo và hôn nhân. Gianna đã lên đường hành hương Lộ Đức ở nước Pháp để tìm hiểu thánh ý Chúa. Cuối cùng Gianna đã nhận lời cầu hôn của ông Pietro Molla.

Sau 6 tháng đính hôn, lễ cưới của hai người được người anh linh mục là cha Giuseppe Beretta cử hành tại Magenta ngày 24.9.1955.

Hơn một năm sau ngày cưới, đứa con trai đầu lòng của Gianna và Pietro chào đời, đây là dấu chỉ niềm vui sung mãn của họ. Gianna vẫn tiếp tục hành nghề bác sĩ tại bệnh viện. Một năm sau, bà Gianna sanh đứa con gái và đặt tên là Maria Zita, sau thời kỳ thai nghén thật khó khăn.

Năm 1960, đứa con thứ ba là Laura chào đời. Thời kỳ mang thai và cuộc sanh nở Laura đã trải dài trong khó khăn và đau khổ, nhưng Gianna không một lời than vãn. Bà vẫn một mực yêu thương dạy dỗ con cái trong bầu khí đạo đức của gia đình: sáng sớm đi dự lễ, chiều tối xét mình và lần hạt chung.

Tháng 8 năm 1961, Gianna mang thai lần thứ tư. Nhưng niềm vui chưa kịp

lớn lên thì hai vợ chồng được tin dữ: Gianna bị ung thư tử cung. Vì là một bác sĩ, nên Gianna hiểu rõ bệnh trạng của mình và mối nguy đe dọa đứa con còn ở trạng thái trứng nước.

Một bên là mạng sống mong manh của đứa con, một bên là mạng sống chính mình, Gianna hiểu rõ rằng mình chỉ có thể chọn một trong ba biện pháp: một là giải phẫu cắt bỏ tử cung bị ung thư, trong đó có cả đứa con đang thành hình; hai là phá thai và cắt bỏ cục bướu ung thư để tiếp tục trị liệu; và giải pháp cuối cùng là chỉ cắt bỏ bướu ung thư nhưng không đụng đến thai nhi. Biện pháp cuối cùng này cứu được đứa con, nhưng mạng sống của người mẹ bị đe dọa nặng nề, vì tử cung có thể bị bể hay ung thư tái xuất.

Không chút do dự, bà Gianna cương quyết nhân mạnh từng tiếng, yêu cầu các bác sĩ dùng mọi cách để cứu sống đứa con và đừng lo lắng gì cho mạng sống của bà.

Ngày 06.9.1961, Gianna vào phòng mổ. Các bác sĩ cắt bỏ bướu ung thư và thận trọng khâu vết mổ lại, tuy rằng ai nấy đều biết những mũi khâu này có thể bị bứt bất cứ lúc nào trong những tháng sau đó, khi thai nhi tiếp tục lớn lên trong tử cung. Mổ xong, Gianna trở về tiếp tục với nghề bác sĩ nhi đồng, mặc dù sức khỏe ngày càng xuống dốc.

Cuộc chiến dằng co trong tâm hồn người mẹ, một bên là tình thương không bờ bến đối với đứa con chưa mở mắt chào đời, một bên là hình ảnh 3 đứa con thơ cùng với người chồng thương yêu. Gianna đã cầu nguyện thật nhiều và xin mọi người cũng cầu nguyện cho, để mình biết sống theo ý Chúa. Bà luôn phó thác mọi sự trong bàn tay quan phòng của Chúa. Bà thường lặp đi lặp lại lời cầu nguyện: “Xin vâng theo thánh ý Chúa”.

Căn bệnh đã không ngừng hành hạ thể xác và tâm hồn Gianna trong suốt thời kỳ thai nghén, nhưng lúc này bà vẫn giữ nụ cười trên môi cùng với niềm an bình trong tâm hồn.

Thứ Sáu Tuần Thánh, ngày 20.4.1962 tại bệnh viện Monza, các bác sĩ đã tiến hành ca mổ để lấy hài nhi Gianna Emmanuele ra khỏi bào thai của bà mẹ. Sau khi tỉnh dậy, Gianna sung sướng âu yếm nhìn và ôm con vào lòng. Nhưng tiếp theo đó, bà Gianna bước vào tuần lễ đầy đau khổ, bị lên cơn sốt và bà phải cắn khấn tay vào hàm răng để chịu đựng đau đớn. Bà đã xin rước

Mình Thánh Chúa. Vào thứ sáu tuần bát nhật Phục sinh, Gianna Beretta bị hôn mê. Ông Pietro Molla đưa vợ về nhà vào sáng hôm sau.

Ngày 28.4.1962, Gianna Beretta chấm dứt cuộc lữ hành dương thế. Những lời sau cùng của bà là:

– Lạy Chúa Giêsu, con yêu mến Chúa, con yêu mến Chúa.

Bà đã trao ban tất cả sự sống của mình cho sự sống được chiến thắng.

Biết bao nhiêu sách đã được viết để ca ngợi người mẹ can đảm này. Chủ nhật ngày 24.4.1994, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong Gianna Beretta lên hàng Chân phước trong năm quốc tế Gia đình, trước sự hiện diện của khoảng 500 ngàn tín hữu, trong đó có chồng và các con cháu của vị tân Chân phước.

Đến ngày 16.5.2004, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong Chân phước Gianna Beretta Molla lên bậc Hiển thánh. Trong số các tín hữu tham dự, cũng có sự hiện diện của người chồng là kỹ sư Pietro Molla đã 92 tuổi, các con và các cháu của thánh nữ Gianna Beretta.

40. XIN CHA HÃY BÁN CON ĐI !

Cha Bê trên tu viện Đaminh ở thành phố Lima (nước Pêru) cho cộng đoàn biết cha đang có một món nợ. Ngài không tìm ra được cách giải quyết. Nhiều người đã cầu nguyện và xin Chúa cho họ tìm ra giải pháp.

Lúc ấy, thánh Martinô Porres đang là một người giúp việc trong dòng, cậu đang cố gắng tìm ra một lối giải quyết, nhưng chẳng ý tưởng nào đến với cậu cả. Làm thế nào để kiếm ra tiền? Trong thành phố Lima này, người ta chỉ nghĩ rằng người da đen như cậu chỉ có thể là kẻ nô lệ, làm việc cho người da trắng đến khi chết vì khổ cực.

Một ngày kia, Martinô nhìn thấy cha Bê trên đem theo vài bức tranh lớn ra chợ, ngài đang cố gắng bán đi vài đồ vật quý giá trong tu viện để phần nào trang trải nợ nần.

Martinô thầm cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin cho con một ánh sáng! Đã chín năm qua con được sống trong tu viện, có quần áo, và của ăn. Bây giờ, xin Chúa hãy giúp đỡ con để con giúp lại họ”.

Và Chúa đã nhậm lời cậu. Một ý nghĩ vụt nảy đến và cậu vội vã chạy đuổi theo cha Bê trên. Qua vài dãy nhà, cha Bê trên ngạc nhiên khi thấy Martinô đi bên mình. Martinô vừa thở vừa nói:

– Thưa cha, đừng bán những bức tranh, nhưng hãy bán con đi!

Mặt cha Bê trên đang trĩu nặng vì lo lắng, nhưng gánh nặng vơi đi khi người thấy tình yêu đang cháy sáng trong mắt Martinô.

– Bán con hả, Martinô?

– Vâng thưa cha, như người nô lệ. Có lẽ con sẽ gặp được ông chủ biết xử với con như con đáng được xử, ông sẽ để con làm những việc nặng nhọc cho ông. Ở tu viện, con đã làm những việc rất nhàn hạ và con biết....

Cha Bê trên đặt tay trên vai cậu, dịu dàng nói:

– Con ơi, ai bảo con làm điều này?

– Chẳng có ai cả, thưa cha. Con đã cầu nguyện trong thời gian qua để cha có thể trả nợ nhưng cha đã không tìm ra tiền. Con chắc chắn rằng cha sẽ tìm thấy ai đó sẽ mua con. Chúng ta có thể đi thẳng ra chợ bây giờ xem sao.

Cha Bề trên biết Martinô rất tốt, tử tế và đại lượng với hết mọi người. Nhưng cha không mong rằng lòng bác ái của Martinô đi xa hơn thế. Sự nhiệt thành của Martinô trong việc phục vụ cho thấy tâm hồn cậu thật vĩ đại.

Cha Bề trên nói:

– Martinô, tu viện chúng ta không bao giờ nghèo quá đến nỗi chúng ta muốn con rời bỏ chúng ta, không bao giờ.

– Nhưng thưa cha đây là cách kiếm tiền.

– Có những cái mà tiền không thể mua được con ơi, và một trong những cái đó là lòng trung tín. Hãy đi về và đừng lo lắng vấn đề nợ nần nữa. Chúa sẽ chăm sóc chúng ta.

Martinô gật đầu. Cậu vẫn lo lắng và chưa từ bỏ ý định. Cậu đang định giải thích rằng những người giàu có mong kiếm người nô lệ trẻ và khỏe như cậu, thì Bề trên như đọc được ý cậu:

– Con không cần phải giải thích cho cha. Cha hiểu rõ ngay từ đầu rồi... Martinô, con ở với chúng ta chín năm rồi phải không?

– Vâng, thưa cha. Con đã 24 tuổi rồi và rất khỏe mạnh. Hay cha để con đi làm mướn cho người khác nhé!

– Con ơi, cha đã bảo con về những điều con suy nghĩ rồi, không phải là những tư tưởng đó. Martinô, đã đến lúc con cần phải có giờ để nghỉ ngơi. Con hãy về một cộng đoàn của chúng ta ở miền quê Limatambo mà nghỉ ngơi hai tuần và đừng lo lắng gì hết, hiểu không?

Đến lượt Martinô ngỡ ngàng quá sức. Nhưng cha Bề trên không thêm đề ý đến phản ứng của cậu. Ngài ban phép lành cho cậu và cầm những bức tranh đi xuống phố.

41. TÔI MUỐN CHẾT THAY CHO MỘT NGƯỜI

Trong trại tù Đức Quốc Xã ở Balan vào năm 1941, có một tù nhân vượt ngục ở khám 14. Fritsch, tên giám thị trại tù lên tiếng:

– Tên vượt ngục chưa tìm thấy. 10 người khác phải chết thay. Lần thứ hai sẽ phải là 20 người.

Sau đó y đưa tay chỉ:

– Tên này.

Lập tức Palitsch, cộng sự viên của y ghi số đó vào sổ tử, vì ở trại Oswiecim tù nhân được tiêu biểu bằng con số.

Mặt tái mét, các tội nhân lần lượt bước ra khỏi hàng.

Fritsch tiếp tục chọn:

– Tên này, tên kia, tên kia nữa...

Bây giờ đủ 10 người rồi, 10 tội nhân sẽ chết thay cho kẻ vượt ngục. Trong số họ, có một người còn trẻ, lúc bước ra khỏi hàng đã thốt ra một câu làm cho những người chung quanh phải chú ý:

– Ôi! Vợ đại, con thơ của tôi, từ đây tôi sẽ không được gặp lại bao giờ nữa.

10 tử tội được lệnh tiến về khám tử, khám số 13. Giữa lúc không ngờ, một người rẽ đám đông đi ra. Mọi người ngỡ ngàng. Có tiếng xì xèo qua các hàng:

– Cha Kolbe đây! Cha Maximilian Kolbe đây.

Fritsch giật mình, y sờ khẩu súng lục đeo sau lưng, lùi lại một bước đề phòng đồng thời y hô to:

– Đứng lại! Đồ con lợn Ba Lan, mi định hạ sát ta ư?

Cha Kolbe không chuyển động, cha vẫn đứng đối diện với y, nét mặt bình tĩnh, đôi môi nhẹ nở nụ cười:

– Tôi muốn chết thay cho 1 trong 10 người này.

Bõ ngỡ, Fritsch nhìn cha. Con người ấy giờ đây như bị thôi miên trước cái nhìn thấu suốt của cha Kolbe.

Fritsch sợ sệt hỏi:

– Tại sao?

Đây là câu hỏi tò mò. Trong đầu cha chợt nảy ra một ý nghĩ để nắm lấy thắng lợi. Theo luật tập trung trong trại tù Đức Quốc Xã thì các người già yếu phải thanh toán trước, nên cha vội trả lời:

– Tôi già yếu, đời tôi vô dụng.

– Mi muốn chết cho ai?

– Cho người có vợ đại con thơ.

Vừa nói, cha vừa trở vào trung sĩ Francois Gajowniczek trẻ tuổi.

Trước cử chỉ anh hùng ấy, máu độc ác của Fritsch dịu đi, nhường chỗ cho tính tò mò. Y muốn tìm hiểu cha Kolbe:

– Ông là ai?

– Tôi là linh mục Công giáo.

Cha không nói mình là một tu sĩ dòng Phanxicô, hay là vị sáng lập Đạo binh Đức Mẹ Vô Nhiễm Thai, nhưng cha nói tôi là linh mục Công giáo. Cha thích danh hiệu đó vì linh mục là môi giới giữa trời và đất, vì linh mục nắm trong tay kho tàng quý báu: Trái Tim Giêsu – Maria, vì linh mục ban phát ơn tha thứ. Những ai giao chiến lần sau cùng đều cần có linh mục giúp đỡ.

Cha Kolbe chờ đợi. Nét mặt cha tươi vui khác thường. Toàn thân tỏa ra một cái gì thần thánh. Mặt trời đang lặn dần, tôi người cha một màu vàng đỏ. Và cha là nhân vật duy nhất của giờ phút lịch sử ấy.

Sau cùng, Fritsch khàn khàn nói:

– Được, đi với chúng.

Từ giây phút ấy, người ta thấy Fritsch trầm lặng, không nguyên rủa và thóa mạ như trước nữa. Cha Kolbe nhẹ nhàng mấp máy môi cầu nguyện cho những người chịu chết với cha, cho những ai còn sống, nhất là cho Fritsch.

Palitsch cầm sổ lấy bút xóa một số và thay vào bằng con số khác, con số của cha Kolbe: 16.670. Chàng thanh niên mà tên vừa được xóa khỏi sổ tù, vui như điên. Anh có cảm tưởng mình vừa được sinh lại. Nhưng người mẹ lần này chính là cha Kolbe.

Chiều ngày 14.8.1941, cha bị tiêm liều thuốc kết liễu cuộc đời trong trại giam.

Ngày 10.10.1982, cha Maximilian Kolbe đã được phong Hiển thánh bởi Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, và có sự hiện diện của trung sĩ Francois Gajwniczek, người được cứu sống bởi vị tân Hiển thánh.

42. NGƯỜI NGHÈO LÀ LÍNH CHIẾN CỦA TRẦM

Thánh vương Louis IX là người có tấm lòng nhân ái, ngài quan tâm đến mọi thân dân của ngài, đặc biệt là những người nghèo khó, mù lòa, què quặt... Vua cho xây nhiều nhà nuôi người tàn tật, lập viện cô nhi để chăm sóc trẻ em mồ côi bị bỏ rơi, xây bệnh viện, lập trại tế bần...

Hoàng hậu chê trách vua vì quá lưu tâm đến việc bố thí, ngài ôn tồn nói:

– Trầm thích chi tiền cho người nghèo hơn là uổng phí vào lễ hội và ăn chơi xa xỉ. Những người nghèo là lính chiến của trầm, vì họ chiến đấu với kẻ thù bằng lời cầu nguyện.

Vua Louis IX không coi việc phát chẩn cho người nghèo bằng tiền bạc, của cải là đủ, mà đích thân ngài phải chăm sóc họ nữa. Vào Mùa Vọng và Mùa Chay, đức vua mời những người nghèo khổ vào bàn cơm và ngài phục vụ họ như một người tôi tớ. Đôi khi ngài gắp thịt, gỡ xương cá, đặt thức ăn cho những ông già bà lão.

Gặp người ăn xin đầy lở chốc, với mùi hôi thối khủng khiếp, vua Louis không ngần ngại lao mình tới chào và ôm hôn họ, bất chấp sự ngăn cản của lính tráng. Vì đối với ngài, người đó chính là Chúa hiện thân để con người hèn mọn dễ gặp gỡ.

Mỗi thứ bảy, vua rửa chân cho người nghèo, có người đơn sơ yêu cầu vua chùi sạch các kẽ ngón chân vì quá dơ bẩn. Vua khiêm tốn cẩn thận lau chùi từng kẽ chân, rồi hôn ông ta một cách kính cẩn như tôn kính Chúa Giêsu vậy.

Nhiều lần, vua Louis tới thăm các bệnh nhân trong bệnh viện, ngài lau chùi bàn ghế và giường chiếu giúp họ. Có khi ngài ở lại đêm để giúp họ dọn mình chết lành, khiến cho thân dân của ngài hết sức khâm phục và cảm động. Sở dĩ vua Louis tận tình chăm sóc họ như vậy là vì ngài nhìn nhận họ là chính Đức Kitô.

43. ÔNG THÁNH CHỈ ĐƯỜNG CHO CHUỘT

Thầy Michael, phụ trách phòng Thánh, đi vào vườn tìm thánh Martinô Porres, khi ấy đang là một chú bé giúp việc trong tu viện Đaminh. Thấy thầy Michael ôm rất nhiều khăn có nhiều lỗ rách, Martinô ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao những chiếc khăn này có nhiều lỗ rách, và các đường viền của khăn như bị cắn xé vậy thầy Michael?

Thầy Michael trả lời:

– Chú phải biết chứ, lũ chuột đã phá hoại mọi đồ đạc trong phòng Thánh. Tôi mới gặp Bê trên trình bày sự việc. Ngài bảo tôi ra lệnh cho chú diệt hết những con vật ấy ngay để chúng không làm hư khăn bàn thờ nữa.

Martinô hơi buồn và hỏi:

– Diệt tất cả các con vật đó ư? Nhưng bằng cách nào, thưa thầy?

– Tôi sẽ đánh thuốc độc những con vật đó.

– Nhưng chúng đâu có ý làm hại, vì chúng không biết giá trị của vải vóc đó thôi.

Nghe những câu nói có vẻ ngờ ngẩn ấy, thầy Michael bực mình nói:

– Martinô, cậu đã nghe mệnh lệnh của Bê trên rồi. Đừng tranh luận với tôi.

Lòng buồn rười rượi, Martinô tự nhủ: nhiều năm nay cậu đã lấy thức ăn thừa của tu viện để nuôi chó mèo, nên chúng không bị chết đói. Tại sao cậu lại không nuôi cả những con vật nhỏ bé như chuột nhắt, và chuột chù? Nếu cậu nuôi chúng thì chúng đâu có phá đồ đạc ở phòng Thánh.

Martinô cảm thấy có trách nhiệm về việc này, nhưng thật bất công nếu giết hết lũ chuột. Dù sao thì Bê trên đã ra lệnh. Tất cả các con chuột phải ra khỏi tu viện.

Đang khi nhở cỏ ngoài vườn, một ý tưởng hay vụt lóe lên trong đầu, Martinô

nghĩ rằng những con chuột sẽ không bị giết nếu chúng làm theo lời cậu.

Trưa hôm ấy, Martinô thấy một con chuột đang sưởi nắng dưới một bụi cây mâm xôi. Mắt nó sáng lên vẻ thân thiện. Martinô chống cái cào lên một thân cây rồi gọi chuột:

– Đến đây, người bạn nhỏ, tôi có vài điều quan trọng muốn nói với bạn.

Lập tức, con chuột vểnh tai lên nghe, rồi nhảy vọt về phía Martinô. Cậu quỳ xuống và nghĩ xem mình phải nói gì, nỗi buồn của cậu đã tan biến. Cậu biết rằng cậu yêu tất cả mọi sinh vật Chúa đã dựng nên.

– Đến đây, chú chuột. Tôi muốn mọi người và mọi vật đều được sung sướng. Bạn chuột ơi, bạn hãy nói với tất cả bạn bè của bạn là từ nay các bạn không được cắn phá áo quần, vải vóc trong tu viện. Các bạn sẽ có đủ thức ăn nếu các bạn chỉ ở trong vựa lúa mà thôi. Tôi sẽ cho các bạn ăn và cầu cho các bạn khỏi bị hại.

Vài tuần sau, mọi người trong tu viện hết sức ngạc nhiên khi thấy lũ chuột nhất, chuột chù vâng lời Martinô, không một con nào còn ở trong tu viện. Chúng sống an bình ở vựa lúa và Martinô cho chúng ăn hằng ngày.

Thầy Michael không còn lý do nào để phàn nàn về các con vật đã gặm nhấm khăn bàn thờ nữa. Thầy ngạc nhiên hết sức:

– Thật lạ lùng, Martinô đã chỉ đường cho các con chuột. Sau khi Martinô nói với một con chuột, chú chuột này chạy về báo cho mọi con chuột khác trong tu viện. Tôi không thể tin được nếu mắt tôi đã không nhìn thấy cả một đoàn quân chuột như đi diễu hành từ tu viện ra đến vựa lúa.

44. THÁNH GIOAN BỐ THÍ

Thánh Gioan bố thí (+619) là một quý tộc trung thành với Kitô giáo. Ngài đã dùng của cải và địa vị của mình để giúp những người nghèo khó. Sau khi người vợ qua đời, Gioan trở thành linh mục rồi Giám mục. Năm 608, ngài được tấn phong làm Thượng phụ Giáo chủ Alêxandria, Ai Cập.

Việc đầu tiên ngài muốn thực hiện là hàn gắn những chia rẽ bất đồng giữa giáo dân. Đức Thượng phụ Gioan đã nài xin mọi người thực hành một đức bác ái không giới hạn. Ngài xin một danh sách liệt kê tên tuổi những chủ nhân của ngài. Khi được hỏi họ là ai? Ngài trả lời đó là những người nghèo. Danh sách các chủ nhân được liệt kê có khoảng 7500 người ở miền Alêxandria. Đức cha Gioan đã tự nhận là người bảo trợ đời sống của họ.

Tuy công việc của một Thượng phụ rất là bận rộn, nhưng ngài vẫn bỏ ra mỗi tuần hai ngày thứ tư và thứ sáu để gặp gỡ bất cứ ai muốn gặp ngài. Họ là những người giàu có, người nghèo khổ và những người vô gia cư. Dù là bất cứ ai, họ đều được lĩnh nhận từ ngài một sự ưu ái quan tâm và nhã nhặn lịch thiệp.

Khi biết trong ngân quỹ của Giáo hội miền Alêxandria còn 80 ngàn lượng vàng, ngài liền phân phát hết cho các bệnh viện và các tu viện. Ngài lập ra quỹ từ thiện để nhờ đó những người nghèo có thể nhận được số tiền tương xứng và những phương tiện cần thiết cho cuộc sống của họ.

Những người ở các vùng lân cận cũng được tiếp đón cách nồng hậu. Sau khi những người Ba Tư cướp phá Giêrusalem, Đức Thượng phụ Gioan gửi tiền bạc và những tiếp tế cần thiết cho các nạn nhân đau khổ ở đây. Thậm chí ngài còn gửi các công nhân Ai Cập xuất sắc đến giúp họ khôi phục lại các ngôi Thánh đường ở đó.

Khi dân chúng muốn biết rõ làm thế nào mà Đức Thượng phụ Gioan lại có thể quá vị tha và giàu lòng quảng đại như vậy, câu trả lời của ngài khiến cho mọi người phải ngỡ ngàng:

– Một ngày kia khi còn trẻ, tôi đã nằm mộng. Tôi thấy một Cô Bé xinh đẹp và tôi nhận biết Cô Bé là biểu hiện của “lòng bác ái”. Cô Bé nói với tôi: “Tôi

là nàng công chúa vĩ đại nhất của Đức Vua. Nếu ngài tin tưởng tôi, tôi sẽ dẫn ngài đến với Chúa Giêsu. Không ai có quyền thế nơi Chúa như tôi. Hãy nhớ rằng, chính vì tôi mà Người đã hóa nên một trẻ thơ để cứu rỗi nhân loại”.

Đức Thượng phụ Gioan không bao giờ cảm thấy chán khi nói về thị kiến này. Ngài dịu dàng khuyên những người giàu sang hãy có tấm lòng khoan dung rộng lượng. Và người nghèo khổ hãy tin thác vào Thiên Chúa, là Đấng luôn luôn hiện diện và sẵn lòng giúp đỡ họ.

45. TÌM CHÚA THÌ BAO GIỜ MỚI CÓ TIỀN MUA RƯỢU CHO MẸ

Thánh Gioan Thiên Chúa là con của ông Anrê và bà Têrêsa ở nước Tây Ban Nha. Ngay từ nhỏ, Gioan đã là một người con rất hiếu thảo. Cậu luôn mau mắn vâng lời cha mẹ trong mọi việc. Một hôm, mẹ trao cho cậu một thúng lương thực và hoa quả, bà nói:

– Con hãy mang thúng lương thực này lên cho vị ản sĩ trên núi, con phải chào ngài tử tế, lễ phép, nhớ nói rằng mẹ gửi lời thăm ngài và xin ngài chúc lành cho ba má. Con đã biết đường rồi.

– Thưa mẹ vâng!

Gioan vui vẻ mang thúng lương thực ra đi. Bà mẹ nhìn Gioan và nói:

– Con nhớ xin ngài cầu nguyện cho con và nhớ về nhà kịp ăn bữa trưa nhé!

Sau hơn một giờ đồng hồ, Gioan phải vất vả mệt nhọc lắm mới đi tới nơi. Khi gặp vị ản tu, Gioan đã cung kính chào, rồi cậu mở thúng lương thực dâng ngài và xin ngài cầu nguyện cho ba má.

Vị ản tu xoa đầu Gioan hỏi:

– Em bé, tên con là gì?

– Thưa cha, con không phải là em bé, con đã lớn rồi, con sẽ đi đến Ấn Độ, kiếm vàng bạc về nuôi ba má con.

Vị ản tu nhìn Gioan và nói:

– Hỡi con, con hãy tìm Đức Chúa Trời, đừng lo chi vàng bạc giả trá.

Gioan đơn sơ nói:

– Thưa cha, không cần phải tìm kiếm Đức Chúa Trời, con đã biết Người ở đâu, Người ở trong các nhà thờ.

– Hỡi con, vàng bạc không làm cho con sung sướng đâu, chỉ có Đức Chúa

Trời thôi.

– Nhưng mẹ con bệnh nặng, con phải kiếm tiền mua rượu cho mẹ con uống để chữa bệnh. Mỗi ngày phải có một chai Pô-tô. Tìm Đức Chúa Trời trong nhà thờ thì bao giờ mới có tiền. Nhưng có tiền thì mua đâu cũng có rượu. Rượu Pô-tô bán trong các tiệm, các quán, chỉ cần có nhiều tiền nhiều bạc là có rượu.

– Nhưng mẹ con là ai?

– Mẹ con là mẹ của con.

– Dĩ nhiên, mẹ con là mẹ của con, nhưng mẹ con tên gì?

– Dạ, mẹ con là Tê-rê-sa.

– Mẹ con ở đâu?

– Trên đường Cây Xanh, mẹ con có cửa hàng bán hoa quả.

– À, à, phải rồi, cha nhớ mẹ con là ai.

Vị ản tu chăm chú nhìn Gioan và nói tiếp:

– Năm nay con lên 8 tuổi phải không?

– Thừa cha vâng!

– Hỡi con, cha biết rõ ngày con được sinh ra. Con sinh ngày 08.3.1495.

Gioan ngạc nhiên nói:

– Sao cha biết, vì chính con, con cũng không biết con sinh ngày nào.

Vị ản tu đặt tay trên đầu Gioan và nói:

– Trong ngày con sinh ra, thì tự nhiên chuông nhà thờ vang dội, mặc dù chẳng ai động tới. Đồng thời một ánh sáng lạ lùng tỏa trên các ngôi nhà đường Cây Xanh.

Vị ản tu nhìn thẳng vào Gioan và nói một cách nghiêm nghị:

– Đức Chúa Trời đã dành cho con những việc đại sự. Con hãy sốt sắng làm tôi Chúa và can đảm làm những việc Người muốn con làm.

– Thừa cha vâng, xin cha cầu nguyện cho ba má con. Xin chào cha.

Chính những ước vọng kiếm được nhiều tiền phát xuất từ tấm lòng hiếu thảo mà Gioan bị một chàng sinh viên đánh lừa dẫn qua nước Bồ Đào Nha. Sau khi đã lợi dụng Gioan để xin tiền người khác được khá nhiều, chàng sinh viên liền bỏ rơi cậu bé Gioan 8 tuổi này bơ vơ nơi đất khách. Nhưng Thiên Chúa đã không bỏ rơi cậu bé. Ngài quan phòng dẫn dắt cậu qua nhiều biến cố cuộc đời. Để sau cùng Gioan đã trở thành cha của người nghèo, trở thành một vị thánh của Giáo hội Công giáo.

46. VÌ 2000 ĐỒNG MÀ THẤT VỌNG TỰ TỬ U?

Có một nhà quý tộc trẻ tên là Fênanđô, ông dự định giúp đỡ bệnh viện cho người nghèo của thánh Gioan Thiên Chúa một số tiền lớn, nhưng chưa biết rõ tinh thần của ngài thế nào? Có phải là một đức bác ái thực sự không? Hay chỉ là mượn danh nghĩa bác ái để vụ lợi? Vì thế Fênanđô đã giả danh một người sa cơ thất thế để gặp ngài bên bờ sông.

– Chào ông, tôi từ xa tới, không quen biết ai, tôi cần một số tiền lớn để trả nợ danh dự, nếu không trả được, thì tôi thất vọng đến chỗ tự tử. Ông có thể cho tôi vay 2000 đồng được không? Ông giúp được thì thật là may mắn cho đời tôi.

Cha Gioan đáp:

– 2000 đồng thì nhiều quá, không biết tôi có lo được không? Tôi là người nghèo đi ăn xin mỗi ngày. Nhưng, ngày mai đúng giờ này, ông tới đây, may ra tôi kiếm được thì sẽ giúp ông.

Ngày hôm sau, đúng giờ ấy, cha Gioan đứng chờ người khách lạ để trao tiền, người đàn ông ấy vui mừng nhận số tiền để trả nợ.

Cha Gioan niềm nở nói:

– Tôi hân hạnh giúp ông số tiền 2000 đồng.

Người khách lạ giả bộ lo lắng đáp:

– Ông giúp tôi món tiền này, nhưng sợ mai một tôi không có để trả ông thì ông nghĩ sao?

– Ông cứ an tâm cầm lấy, khi nào có thì trả bằng không có thì thôi. Tôi nghĩ điều cần thiết là cứu được ông. Chỉ vì số tiền 2000 đồng mà thất vọng tự tử thì không hợp lý. 2000 đồng mà cứu được mạng sống của ông thì quý chùng nào.

Bấy giờ người khách cảm phục và nói rõ sự thật:

– Sao cha lại có thể trao số tiền lớn như thế cho một người khách lạ mà cha chưa hề quen biết bao giờ. Tôi chính là Fênanđô đã tự đặt ra câu chuyện để thử lòng bác ái của cha.

Gioan ngạc nhiên đáp:

– Ô, chính là ông Fênanđô mà tôi đã hân hạnh gặp trong bữa tiệc tại nhà quý tộc Đông Tôrê. Sao ông lại làm thế?

Fênanđô trả lại số tiền 2000 đồng và nói:

– Thôi, cha hãy giữ lại số tiền 2000 đồng này, có thể nuôi các bệnh nhân của nhà thương trong một tháng. Tôi sẽ trao tặng 2000 đồng nữa. Hiện giờ, tôi có việc can hệ cần phải quyết định. Vậy xin cha cầu nguyện cho tôi.

– Thưa ông, tôi sẽ cầu nguyện cho ông chóng biết đường lối phải đi. Ánh sáng của Thiên Chúa sẽ chỉ dẫn cho ông theo ơn Chúa gọi.

Một thời gian sau, được ơn Chúa soi sáng, Fênanđô đã bỏ cuộc tình với cô Anna và vào chủng viện học làm linh mục.

47. SỬA LỖI MỘT CÁCH KHÉO LÉO

Ở một xứ đạo gần Tòa Giám mục Mantoue, nước Ý, cha sở này thường không ngồi tòa cáo giải vào ngày Chúa nhật trước khi làm lễ theo thói quen trong giáo phận. Lễ Chúa nhật cha sở thường hay làm lễ trễ chẳng giống ai.

Tiếng đồn đến tai Đức cha Sarto (là thánh Piô X Giáo hoàng sau này), một ngày Chúa nhật kia, ngài ăn mặc như các linh mục thường và đến xứ này từ sáng sớm. Chẳng hề báo cho cha sở biết, ngài vào thẳng tòa cáo giải. Ông từ thấy giáo dân ra vào tòa xưng tội, bỡ ngỡ không biết linh mục nào đang ngồi tòa. Ông từ liền chạy vào nhà xứ trình báo cha sở, cha sở cũng ngạc nhiên, chẳng biết ai dám qua mặt tới đây giải tội mà không phép tắc gì cả? Để biết ai dám tự tiện như thế, cha sở rảo bước tới tòa cáo giải nhìn. Trời đất, rõ ràng là Đức cha đang ngồi tòa, cha sở luýnh quính ngỡ ngàng không biết phải ăn nói làm sao đây?

Nhưng Đức cha đã bình tĩnh lên tiếng trước:

– Bởi cha không ngồi tòa giải tội cho giáo dân ngày Chúa nhật trước khi làm lễ, nên tôi ngồi thế cho, không có chi lạ cả.

Một đêm kia giữa mùa đông lạnh giá, có người đến xin một cha sở đi giúp kẻ liệt đang hấp hối. Nhưng cha sở trả lời để sáng mai sẽ tới và cho rước lễ luôn. Thân nhân lo lắng e rằng bệnh nhân không qua khỏi đêm nay liền vội vã đi báo cho Đức cha hay, Đức cha Sarto mau mắn đi đến nhà người bệnh chẳng quản ngại đêm hôm lạnh giá.

Ngài giúp bệnh nhân xưng tội và ban phép xức dầu. Xong việc, ngài đi thẳng tới nhà xứ gõ cửa gặp cha sở. Cha sở giật mình thức giấc, mở cửa thấy Đức cha Sarto, rất đỗi ngạc nhiên. Không để cha sở hỏi trước, Đức cha lên tiếng:

– Tôi đã giải tội, xức dầu cho kẻ liệt rồi, bây giờ tới phiên cha đưa Mình Thánh Chúa cho kẻ liệt, vì không chắc gì sáng mai người ấy còn sống.

Nhờ Đức cha Sarto hành động, cư xử khôn ngoan, đạo đức, lúc dịu dàng hòa nhã, khi thẳng thắn nghiêm trang, nhưng luôn trong mọi trường hợp ngài chỉ có mục đích là làm vinh danh Chúa và phần rỗi các linh hồn.

48. KHÔNG MỆT MỎI THỰC THI GIỚI RĂN: MẾN CHÚA – YÊU NGƯỜI

Công trình bác ái và truyền giáo của thánh Vinh Sơn bắt đầu vào năm 1612. Năm đó Đức Hồng y Pierre de Bérulle bổ nhiệm cha Vinh Sơn làm thầy dạy riêng cho các con của tướng Philippe-Emmanuel de Gondi. Sau khi đã hoán cải được vị tướng này, cha xin Đức Hồng y Bérulle gửi cha đến với người nghèo nhất ở miền quê Châtillons.

Nhưng bà bá tước Gondi muốn giữ lại thầy giáo thánh thiện của các con bà, và cũng là linh hướng của bà. Năm tháng sau, 1617, bà đã vận động đưa cha trở lại và giao cho cha trọng trách săn sóc 12000 nông dân làm việc trên lãnh thổ của bà.

Và một ngày kia, cha Vinh Sơn được biết tin có trọn một gia đình sắp chết. Cha đã nói về gia đình ấy trong bài giảng lễ. Sau Thánh lễ, cha đến thăm gia đình ấy, thì đã thấy có rất nhiều người trong làng đến để an ủi gia đình này. Thấy vậy, cha Vinh Sơn lên tiếng đề nghị:

– Tốt hơn mỗi người chúng ta thay phiên nhau đến đây để chăm sóc và làm bếp cho họ.

Và cha đã làm một danh sách thật dài phân công theo lượt, phiên phục vụ đầu tiên là cha. Qua công việc này, những người thiện chí dần dần tụ tập quanh cha, đó là những người đầu tiên thuộc đoàn các Nữ Tử Bác Ái.

Mỗi năm tại Paris thời đó có khoảng 300 đến 400 trẻ em bị các bà mẹ bỏ rơi trên thềm các nhà thờ. Một số trẻ em còn sống sót mặc dù thiếu tình thương, không được chăm sóc, thiếu dinh dưỡng hoặc bị ngược đãi, nhiều đứa trẻ bị bán cho những tên hành khất chuyên nghiệp. Thật đáng thương, những kẻ bắt lương này hành hạ đánh đập, thậm chí họ còn đập gãy tay chân những trẻ thơ vô tội này, để làm cho những người qua đường động lòng thương mà bỏ thí. Có hàng chục ngàn trẻ em bị bỏ rơi đã được cha Vinh Sơn cứu thoát. Cha đã lập ra một tổ chức chuyên chăm sóc các trẻ em bị bỏ rơi và ủy thác cho thánh nữ Louise de Marillac nhiệm vụ chăm sóc các trẻ em.

Ngoài ra, cha còn quan tâm đến số phận các tù nhân khổ sai. Sau lần thăm

trại tù khổ sai ở Toulon và Marseille, cha xúc động vì hoàn cảnh sống vô nhân đạo của những phạm nhân.

Thực vậy, khi các tù nhân không đủ sức để chèo thuyền của nhà vua, họ bị đưa xuống giam trong hầm, thiếu không khí và ánh sáng, ẩm thấp, hôi hám kinh khủng, bị hành hạ dã man, chân họ bị xích lại, lương thực chỉ có bánh đen và nước lã, những vết thương bị dòi bọ rúc rĩa, không thuốc thang. Trước cảnh thương tâm đó, cha Vinh Sơn đã can thiệp với nhà cầm quyền để cải thiện nếp sống của họ, yêu cầu nhà tù phải sạch sẽ.

Tại Paris, cùng với một linh mục phụ tá, cha Vinh Sơn bắt đầu viếng thăm các nhà tù, an ủi và phục vụ họ. Một thời gian sau, cha tổ chức các nhóm thăm viếng các nhà tù, và thiết lập quy luật mới về vệ sinh.

Năm 1618, vua Louis XIII bổ nhiệm cha Vinh Sơn làm tuyên úy hoàng gia của các nhà tù. Cha tìm cách thiết lập một quan hệ nhân bản với họ trong tình thương và tín thác, lắng nghe các nhu cầu về vật chất và tinh thần của họ, đồng thời đáp ứng những nhu cầu của họ bằng hành động cụ thể, giúp họ tái hội nhập vào các môi trường xã hội.

Để mở rộng các hoạt động bác ái, cha Vinh Sơn bắt đầu từ việc thiết lập các nhà mồ côi để tiếp nhận các trẻ bị bỏ rơi, cho đến việc lập viện dưỡng lão và quỹ hưu bổng cho các công nhân thợ thuyền. Không có khía cạnh nào trong xã hội Pháp mà cha không quan tâm.

Trong thời kỳ loạn lạc, dân chúng đói khổ, cha Vinh Sơn đã tổ chức tại khu Saint-Lazare một nhà ăn bình dân và cung cấp bữa ăn mỗi ngày cho khoảng 2000 người nghèo.

Khi hoàng hậu nhiếp chính ủy thác cho cha Vinh Sơn bộ Bác Ái, cha Vinh Sơn nỗ lực trợ giúp cho người nghèo trên bình diện toàn quốc. Trong nhiệm vụ ấy, cha quản lý tiền bạc nhiều hơn cả bộ tài chánh nữa. Đó là tiền bác ái trợ giúp người nghèo.

Giáo hội Pháp thời bấy giờ sa sút, tình trạng ấy xảy ra là do các linh mục hầu như mất tinh thần trách nhiệm. Trở thành linh mục không có nghĩa là chấp nhận phiến toái, mà là để được thuộc về giai cấp thứ nhất trong vương quốc Pháp.

Các vị đó không được đào tạo kỹ lưỡng, trình độ chỉ ở mức biết đọc biết viết, học nghi thức để làm các cử chỉ bên ngoài, chứ không có một phong cách sống linh mục. Các vị sống nhàn rỗi, lười biếng, rượu chè be bét... các vị nổi tiếng vì nét xấu hơn là nhân đức. Cho nên giáo hữu không được học hỏi về đức tin, không biết thế nào là bổn phận kitô hữu. Thậm chí có thiếu niên lên rước lễ rồi lấy Bánh Thánh làm keo dán...

Trước tình hình đó, cha Vinh Sơn rất đau lòng. Sau khi bàn bạc với thánh Giám mục Phanxicô Salê, Đức Hồng y Bérulle và cha Olier, cha Vinh Sơn quyết tâm tụ tập một số linh mục đạo đức, có học thức tương đối, lập thành tu hội Truyền Giáo. Tu hội được thành lập vào năm 1625, và ngày 12.6.1633, Tòa Thánh gửi sắc chỉ “Salvatori nostri” đặt nền tảng pháp lý cho tu hội. Mục đích của tu hội là huấn luyện thanh niên thành những linh mục tốt, có nhân đức và khả năng, để truyền giáo cho dân chúng.

Để công việc phục vụ người nghèo được tiếp nối, cha luôn tìm cách kéo dài công việc mà cha đã làm cho họ. May mắn thay, cha gặp cô Louise de Marillac, một phụ nữ quý phái ở Paris, cô nhận cha làm linh hướng cho mình. Ít lâu sau, cha Vinh Sơn và cô Marillac thiết lập dòng tu Nữ Tử Bác Ái vào năm 1633, và được Giáo hội công nhận vào năm 1655. Khác với các dòng tu đương thời phải tu trong nội vi kín, dòng Nữ Tử Bác Ái dấn thân vào đời sống săn sóc bệnh nhân, người nghèo khổ, trẻ em bị bỏ rơi.

Cha Vinh Sơn Phaolô, một con người không mệt mỏi trong việc thực thi giới răn “mến Chúa, yêu người”, đã được Giáo hội tôn phong lên bàn thánh, và được đặt làm bổn mạng các phong trào từ thiện.

49. NHỮNG NHÀ NƯỚC KHÔNG THỂ BAN PHÁT TÌNH THƯƠNG

Chân phước Têrêsa Calcutta là một nữ tu người Albani có thân hình nhỏ bé nhưng có một trái tim vĩ đại, luôn yêu thương mọi người, đặc biệt là người nghèo khổ. Cả thế giới gọi bà bằng một danh từ rất triu mến: Mẹ Têrêsa.

Để xoa dịu những vết thương thể xác và tâm hồn của nhân loại, Mẹ Têrêsa đã không mệt mỏi đi khắp thế giới để mở các chi nhánh của dòng Thừa Sai Bác Ái do Mẹ sáng lập. Một lần, khi Mẹ Têrêsa đến viếng thăm nước Cuba, chủ tịch Fidel Castro đã tiếp đón Mẹ và phái đoàn của Mẹ rất nồng nhiệt. Đôi bên thảo luận về các hoạt động của dòng Thừa Sai Bác Ái trên khắp thế giới.

Khi Mẹ Têrêsa đề nghị đưa các nữ tu của Mẹ sang Cuba để trợ giúp những người nghèo, thì chủ tịch Fidel Castro đã cảm ơn và khước từ đề nghị của Mẹ. Ông viện lẽ rằng ở Cuba, nhà nước lo liệu và cung cấp cho mọi người đầy đủ những gì họ cần.

Mẹ Têrêsa không tranh luận với ngài chủ tịch về nhu cầu vật chất, mẹ chỉ nói rất đơn giản:

– Nhưng nhà nước không thể ban phát tình thương.

Và không lâu sau đó, nhiều tốp của Mẹ Têrêsa đã được mời đến đảo quốc này. Nền kinh tế mỏng manh của Cuba suốt nhiều năm đã lệ thuộc vào nguồn hỗ trợ của Liên Xô. Nhưng nguồn hỗ trợ ấy đã bị ngưng lại sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Sau những biến đổi chính trị ấy trên đất nước Cuba, các nữ tu đã phải chứng kiến nhiều cảnh khốn khổ của dân chúng Cuba. Các nữ tu của Mẹ Têrêsa lập được hai nhà để chăm sóc những thành viên thuộc các gia đình nghèo nàn nhất, họ cũng là những người đau yếu trầm trọng.

CẦU NGUYỆN VÀ HY SINH

50. VIỆC NHỎ NHƯNG TÌNH YÊU LỚN LAO

Thầy Maurice Bellière, một đại chủng sinh 21 tuổi, đã viết thư cho dòng Cát Minh tại Lisieux để xin một nữ tu hiến mình đặc biệt cho phần rỗi linh hồn thầy, giúp đỡ linh hồn thầy bằng lời cầu nguyện và việc hy sinh hãm mình để khi thầy trở thành nhà truyền giáo, thầy có thể cứu được nhiều linh hồn.

Mẹ Bè trên Agnès đề nghị em mình là thánh nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu nhận nhiệm vụ này. Một niềm vui tràn ngập tâm hồn chị. Thiên Chúa đang hoàn thành những ước nguyện của Têrêsa. Chị đã từng mơ ước có một người anh linh mục. Cha mẹ của Têrêsa có tất cả 8 gái và 2 trai, nhưng 2 người anh trai này đã qua đời khi tuổi đời còn rất nhỏ. Cái chết của hai người anh trai dường như đã cướp mất hy vọng của chị. Và hôm nay, chị đã nhận được từ trời một người anh cùng tuổi với chị, một linh mục và một nhà truyền giáo tương lai. Chị sung sướng viết ngay một lời cầu nguyện cho thầy Bellière. Chị đã tăng gấp đôi nhiệt tình và lòng trung tín của chị trong đời sống hằng ngày, dâng mọi kinh nguyện và hy sinh cho thầy ấy.

Têrêsa sẽ ăn chay đánh tội, thức khuya dậy sớm để cầu nguyện cho vị linh mục tương lai này ư? Không phải thế, thầy Bellière không ngờ rằng chị Têrêsa đang đặt để một nghị lực thật sự anh hùng vào tất cả mọi thứ việc làm dù rất nhỏ nhặt, mà người ta chỉ biết đến sau khi chị qua đời. Những việc làm nhỏ bé ấy chẳng hạn như: khi ngồi, Têrêsa không dựa lưng vào ghế, không bắt chéo chân. Vào những ngày nóng nực, chị không rửa mặt công khai để tránh gây sự chú ý. Những ngày trời lạnh, chị không xoa đôi tay phủ đầy những chỗ sưng đau, chị không bao giờ cúi về phía trước khi bước đi. Chị luôn sẵn sàng khi chị em dòng cần chị giúp đỡ, và tự xóa mình càng nhiều càng tốt lúc ở trong phòng khách. Nếu có ai mượn quyển sách chị đang đọc, chị không từ chối và đòi lại. Chị sống khó nghèo đến mức chị chẳng giữ cả những bản chép bài thơ của chị sáng tác. Chị tránh xa mọi tọc mạch, chẳng bao giờ nhìn đồng hồ ở ca triều trong giờ cầu nguyện, và tránh mọi câu hỏi vô ích lúc giải trí...

Những cái chẳng là gì này chị đã sống suốt ngày, suốt tháng, suốt năm; ở mỗi giây phút chị muốn quên mình vì Chúa Giêsu.

“Để làm vui lòng Chúa,
con ước ao sống nhỏ bé,
Bằng cách quên mình,
Con sẽ chiếm được trái tim của Chúa.”

(Têrêsa HĐG)

51. MUỖI BẢY NĂM CHINH PHỤC CHỒNG

Sau bao nhiêu mai mối, song thân quyết định gả thánh nữ Mônica cho Patriciô. Với 22 tuổi xuân, Mônica phải kết duyên với một người ngoại giáo, tuổi lại gấp đôi, tính tình cục cằn thô lỗ, hoang tàn. Song là người con hiếu thảo, có thừa cùng cha mẹ thiệt hơn, nhưng thấy song thân vui thuận, Mônica đành ép dạ vâng theo.

Mônica ước mong cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng khi về nhà chồng, nếp sống đảo lộn: mẹ chồng cay nghiệt, bắt bẻ chỉ trích việc này việc nọ, nhưng Mônica tự nhủ: “Mẹ tuổi đã cao thường hay khó tính, bôn phận ta thay chồng phụng dưỡng, phải hết lòng chiều chuộng mới phải đạo con dâu”. Mônica hết sức giữ gìn ý tứ sớm hôm thăm hỏi. Tuy làm việc luôn tay mà vẫn bị nhieéc mắng, lại thêm lũ gia nhân đầy tớ tìm cách vu oan cáo vạ cho Mônica để nâng công với chủ.

Patriciô rất bực mình và ngăn cấm khi thấy Mônica đọc kinh sớm tối, thăm hỏi bệnh nhân và bố thí cho người nghèo khổ. Mônica cố ép lòng nhịn nhục, mong một ngày mai tươi sáng. Thế rồi hương nồng chưa đượm đượm bao lâu, ngựa quen đường cũ, Patriciô lại ăn chơi trác táng. Dưới ngọn đèn một mình một bóng, Mônica thao thức đợi chồng, bà may vá để khuây niềm tâm sự, lảm hôm thâu đêm suốt sáng mà Patriciô chẳng buồn về. Mônica đã khóc rất nhiều, bà muốn bỏ nhà chồng để về sống lại giữa môi tình đầm ấm của song thân nhưng bà chợt nghĩ: “Trách nhiệm này ai đã gởi đến cho ta”. Dầu một sợi tóc trên đầu cũng do ý Chúa định, hưởng chi ta là con của Chúa.

Mônica vội sắp mình cầu nguyện:

– Lạy Chúa, thánh giá này Chúa gởi đến cho con, con xin lãnh lấy linh hồn Patriciô để hoán cải. Chúa ôi! Trong ngày cưới, con đã hứa làm sao thì nay con xin chọn phu thê, một lòng chung thủy, dù trăm ngàn cay đắng con cũng cam lòng, không bao giờ con dám nghĩ đến sự chia ly nữa.

Trong cuộc sống hằng ngày, Mônica nêu cao đức hạnh, xử sự ôn hòa, nhẫn nại. Những lúc Patriciô trở về nhà hơi men nồng nặc, gây gổ mắng chửi Mônica vô cớ. Tuy đã cố nén lòng nhẫn nhục, bà vẫn giận run lên vì phần uất, bà đã khóc và tự nghĩ: “Minh đã làm gì nên tội mà phải bị đọa đày cách

này”. Câu này đã nhắc đến điều mà bà hay suy gẫm: “Chúa Kitô xưa đã làm gì nên tội mà bị đóng đinh vào thập giá? Phải chăng vì lòng yêu thương loài người mà Chúa đã xuống thế chịu chết và cứu chuộc ta”. Mônica cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Chúa đã chết vì tội con, con còn dám tiếc sự gì cùng Chúa, con xin vui lòng gánh đỡ thập giá cho Chúa để tỏ lòng mến Chúa, trong sự nhịn nhục này, con hợp nhất cùng Chúa.

Mônica đã tìm ra phương pháp biết sống bởi Chúa, do Chúa, và vì Chúa. Đó chính là con đường đưa Mônica lên bậc thánh.

Trong gia đình, Mônica đã phải hứng chịu những bất công tàn nhẫn. Bà luôn cố gắng sống hòa nhã khiêm nhường để chu toàn phận sự, thảo kính mẹ, phục tùng chồng. Bà phải đối phó với mọi bề khó khăn phức tạp, mới mong giáo dục con cái theo đường lối của mình, để hun đúc đức tin cho con trẻ, để rồi một ngày kia Chúa đã thưởng công cho bà lên làm mẹ của ba vị thánh: Augustinô, Navigiô và Perpêtua.

Trước những đức tính đơn sơ và hiền hậu của Mônica, dù người ác nghiệt cách nào đi nữa, một ngày kia cũng siêu lòng đổi ý. Nên chẳng bao lâu, Mônica đã cảm hóa được mẹ chồng. Bà mẹ chồng đã cảm gia nhân không được xử tệ với Mônica, và công nhận Mônica là một người con dâu thảo. Mônica trang nghiêm nhưng độ lượng, nên từ mẹ chồng đến hàng xóm, kẻ ăn người ở trong nhà dần dần quý mến bà rất mực.

Patriciô càng ngày càng chơi bời quá trớn, phóng dăng bê tha, bỏ mặc vợ con. Mười bảy năm về nhà chồng Mônica đã chẳng bỏ qua một ngày hay để lỡ dịp mà không hoán cải chồng bằng lời cầu nguyện, nhẫn nhục chịu đựng. Lúc nào bà cũng tỏ ra là người vợ nét na hiền thực.

Patriciô nổi tiếng là tàn nhẫn, trái ý một chút là ông giở thói vũ phu. Nhưng nhiều lần Patriciô giơ tay định đánh vợ, nhưng trước nét mặt đoan trang của vợ, Patriciô lại buông xuôi vì như có một mãnh lực vô hình cản trở.

Cách cư xử điềm đạm của Mônica không những làm cho chồng dịu con nóng nảy, mà còn như giọt nước nhiệm màu, mỗi ngày Patriciô thấy rõ rệt sự cao đẹp của bà, đến cảm phục.

Mônica không hề thúc giục chồng theo đạo. Hằng ngày, bà thầm thì cầu xin Chúa Thánh Thần soi sáng cho Patriciô trở lại. Bà tự thánh hóa bản thân, nêu gương nhân đức, cương quyết hy sinh trong cuộc sống hằng ngày. Theo bà, đó là cách giảng đạo hữu hiệu nhất. Mônica không những nổi danh là trang tuyệt sắc, mà còn có một tâm hồn cao thượng trong trắng, đem đức hạnh để thu phục chồng.

Trước tấm lòng cao đẹp ấy, Patriciô đã suy nghĩ nhiều và động lòng hối cải. Năm 370 ông ngộ ý theo đạo, Mônica hân hoan xúc động, nước mắt tuôn trào vì sung sướng... Sau bao năm trời dang dẵng, Mônica dâng nước mắt thay lời, nhận nại hy sinh, nay đã thực hiện được phần sứ mạng Chúa đã gởi đến cho bà.

52. NƯỚC MẮT NGƯỜI MẸ KHÔNG VÔ ÍCH

Augustinô đã đến tuổi phải lên vùng Mador theo học. Thánh nữ Mônica đau lòng vì sự chia ly này, bà lo lắng cho cậu Augustinô vì phải sống giữa nơi đầy cam bẫy, xa hoa, mà không có người chăm sóc bảo ban. Nỗi ưu phiền của Mônica không phải vô cớ, vì chính nơi theo học Augustinô đã bị đầu độc bởi bạn bè xấu xa, rập hát đòi bại, chơi bời truy lạc. Mônica bỏ ăn mất ngủ, khóc suốt sáng thâu đêm...

Năm bà 39 tuổi, chồng bà là Patriciô qua đời, lòng người quả phụ càng thêm khô héo. Bà xa lánh cuộc đời nhộn nhịp. Bà tìm mọi cách làm việc bác ái, gia tăng hy sinh cầu nguyện để xin Chúa tha tội và lấy lại tình yêu Ngài cho con bà.

Từ ngày chồng mất, Mônica phải tần tảo và hy sinh rất nhiều mới đủ cho con theo học. Lúc đó Augustinô đang tấn tới, rạng rỡ về văn chương và triết học lại càng thông thái.

Năm 19 tuổi, Augustinô nói năng hoạt bát, trí tuệ thông minh. Augustinô cũng đọc Thánh Kinh nhưng không sao hiểu được vì thiếu lòng khiêm nhường và mất đức trong sạch. Mỗi lần Augustinô vào nhà thờ, mục đích là để khoe mẽ và lọt vào mắt xanh của người đẹp. Sau này, Augustinô dan díu với một thiếu nữ. Hai người theo nhau đi khắp mọi nẻo đường, sinh được một con trai. Mãi tới khi Augustinô sắp rửa tội nàng mới chia tay.

Càng ngày Augustinô càng sa ngã, nương theo đạo rôi Manikêô, chống đối Hội Thánh. Mônica không ngờ Augustinô lại có thể làm việc tà trời như vậy. Trong cơn đau khổ vô bờ, bà đã đuổi Augustinô và cấm không cho gọi bà là mẹ nữa. Tuy kiêu căng ương ngạnh nhưng Augustinô vẫn có lòng yêu kính mẹ, nên ông đã trở về sống với bà.

Sau khi hồi tỉnh, bà Mônica rất dè dặt và khôn ngoan, nên không hề khiển trách hay dùng quyền lực để ngăn cản, tránh hết sức những điều tương phản. Nhưng nhờ các bậc thông thái tìm cách tranh luận với Augustinô. Đồng thời bà ra sức hãm mình, hy sinh và cầu nguyện cho con. Các nhà thông thái nói với bà:

– Augustinô đang tuổi trẻ, lòng tự ái quá cao, xin bà nén lòng chờ đợi.

Augustinô mỗi ngày một học rộng tài cao. Bà Mônica thường khuyên con nên tìm hiểu về khoa học, vì đó là con đường đưa Augustinô đến với Chúa.

Một ngày kia, Augustinô được tiếp kiến vị lãnh đạo cao cấp của đạo rồi mà nhiều người kính nể. Ra về, Augustinô chán nản vô cùng, vì ông cũng chẳng thêm được lẽ gì vững chắc.

Sau 9 năm học hỏi, Augustinô mới thấy nghi ngờ về đạo rồi. Trong thời gian này, Augustinô lại như sắp đắm chìm trong truy lạc, nhưng bà Mônica cương quyết cứu con ra khỏi vực sâu, dầu phải hy sinh và cầu nguyện nhiều bà cũng chẳng từ nan.

Bị bạn bè quyến rũ rằng ở Rôma là kinh thành dễ bề theo đuổi danh vọng, là chốn gặp gỡ các bậc tài ba, Augustinô có ý định đi Rôma không phải vì tiền bạc và danh vọng, nhưng là vì ông muốn học thêm lên.

Tuy có lòng hiếu kính mẹ, song với tuổi 30 ông không chịu phục tùng, xem mẹ là một trở ngại lớn nên quyết định trốn đi. Sự ra đi này đã khiến cho bà Mônica vô cùng đau khổ, đến mất cả tinh thần, bà kêu lên:

– Chúa ôi! Chúa bỏ con rồi sao?

Năm 383 Augustinô đến Rôma, ông ở nhà người bạn theo đạo rồi, tuy trong thâm tâm không còn tin theo thuyết của đạo ấy nữa. Chúa đã tạo nên sự thông minh khác thường như Augustinô cho tới nay cũng chưa ai hơn được. Nhưng đáng tiếc thay chỉ vì lòng kiêu ngạo, xem cái gì cũng ngờ vực mơ hồ, nên bao năm trời ông sống như con thuyền không lái giữa bão táp phong ba. Ở Rôma một thời gian ông bắt đầu chán nản, sau đó ông đi Milan để nhận chức giáo sư văn chương.

Tại quê nhà, bà Mônica héo mòn trong thương nhớ, mặc dầu bên cạnh bà còn có hai con rất hiếu thảo là cậu Navigiô và cô Perpêtua. Nhưng nghĩ tới Augustinô, lòng bà không khuây nổi. Một thời gian sau, bà nhận được thư của Augustinô cho bà biết về cuộc sống của ông, và ông cũng thật tình bày tỏ cùng mẹ nỗi thất vọng của ông. Dù xa cách ngàn trùng, bà nhất quyết ra đi tìm con. Gia cảnh nghèo lấy đâu ra tiền làm lộ phí? Nhưng không một ngãng

trở nào có thể ngăn cản được tấm lòng của người mẹ.

Năm 385, bà Mônica xuống tàu qua Rôma. Khi tàu vừa cập bến, bà vội vã tìm con để thỏa lòng mong nhớ. Nhưng thương thay cho người mẹ vì Augustinô đã đi Milan. Có lẽ vì thư về nhà quê quá trễ, chứ không đời nào một người con hiếu thảo như Augustinô khi rời chỗ ở lại không báo cho mẹ biết. Mới qua chặng đường rất dài từ làng Thagaste (Ai Cập) đến Rôma, nay muốn tới Milan phải đi thêm 200 dặm nữa (1 dặm = 1,609 km). Chẳng một chút nghĩ ngại, bà quyết định tiếp tục hành trình không quản ngại đường xa khó nhọc.

Sau bao công phu học hỏi, qua bao nhiêu nhà thông thái và hiền triết cổ điển, Augustinô vẫn chẳng thấy kết quả gì. Càng đi sâu vào tìm hiểu, tâm hồn Augustinô lại càng thấy rối ren, không lối thoát. Augustinô lại thấy rõ cái trống rỗng của nền đạo lý suông, sự suy đồi của phong hóa. Mặc dù Augustinô lúc nào cũng mong mỏi tìm ra chân lý. Chính Chúa muốn bà Mônica đến vào lúc này, vì cần kéo một linh hồn chai cứng dưới vực sâu bao nhiêu thì Chúa lại càng phải dùng tới sự khôn khéo, mền dẻo của người mẹ bấy nhiêu. Đồng thời lúc này, thánh Ambrôsiô Giám mục cũng tới Milan giảng đạo và ngài đã gieo vào tâm hồn của Augustinô một mầm mống tin tưởng. Mỗi lần nghe giảng về Thánh Kinh, Augustinô thấy hiểu rõ hơn. Trước kia ông không chấp nhận: là người Công giáo buộc phải tin tất cả những lời Kinh Thánh, ngay cả những gì trí óc của mình chưa hiểu thấu. Nay nghe thánh Ambrôsiô giảng ông mới nhận thấy sự sai lạc của mình.

Vì hiểu rõ tâm trạng Augustinô, thánh Ambrôsiô tránh hết sức những tranh luận, chỉ chuyên đề giảng dạy mà thôi. Trong mùa Phục Sinh năm 386, thánh Ambrôsiô liên tiếp giảng 8, 9 ngày liền với lý lẽ hùng hồn và tràn đầy ơn Chúa Thánh Thần, ngài đã gây một niềm tin mãnh liệt vào Thiên Chúa cho toàn dân vùng đó. Suốt thời kỳ này, bà Mônica ra sức cầu nguyện để xin ơn biến đổi cho con, bà không bỏ qua một bài giảng nào và cũng không quên dẫn Augustinô bên cạnh mình.

Bao nhiêu năm lầm đường lạc lối, nay thấy tâm hồn rung động và hoan lạc, Augustinô ước ao được đứng vào địa vị của thánh Ambrôsiô. Lúc đầu Augustinô đi nghe giảng chỉ vì muốn xem thánh Ambrôsiô có tài đức như lời đồn đại không, chứ không phải để hấp thụ những lời dạy bảo. Nhưng sau những buổi giảng thuyết hùng hồn thấm thía, đức tin đã chói sáng trong lòng

ông.

Bà Mônica hết lòng tận tụy, mang cả cuộc đời cầu nguyện, với những dòng nước mắt, dùng làm của lễ hy sinh cho đến khi Augustinô thoát khỏi xiềng xích tội lỗi mới thỏa lòng mẹ thương con.

Ngày 24.4.387, Augustinô chịu phép Rửa tội, vào giáp hôm lễ quan thầy của bà Mônica. Bà sung sướng nép mình dưới chân Chúa, chìm say trong hạnh phúc độc nhất của đời bà là được thấy con trở về với Chúa.

Sau này, Augustinô làm Giám mục sống thánh thiện và là một nhà giảng thuyết lừng danh. Giáo hội đã phong ngài làm Thánh Tiến sĩ Hội thánh.

53. XIN ƠN THÔNG HỎI CHO KẺ SÁT NHÂN

Hai phụ nữ đã bị giết chết một cách dã man tại đường Montaigne, Paris, vào đêm 19 rạng ngày 20.3.1887, đồ nữ trang của họ đã hoàn toàn biến mất. Sự kiện này đã làm xôn xao dư luận quần chúng. Hai ngày sau cảnh sát đã bắt được một kẻ tình nghi gây án, hắn tên là Henri Pranzini, 30 tuổi. Hắn mạnh mẽ phủ nhận những lời cáo tội, và tự tin đối phó với các nhân chứng và tòa án, xem ra hắn không phải là một tội phạm bình thường. Ngày 13 tháng 7, Pranzini bị kết án tử hình.

Thánh nữ Têrêxa Hải Đông Giêsu khi ấy mới 14 tuổi, chị đã nghe tin về kẻ tội phạm này, chị ước ao cứu lấy linh hồn anh ta. Trong khi đó, tất cả các báo chí đều coi Pranzini là “tên đòi bại ghê rợn”, “ác quỷ” hay “kẻ hung ác cực kỳ xấu xa”, thì chị Têrêxa lại coi phạm nhân như đứa con đầu lòng của mình. Chị đã cầu nguyện và làm việc hy sinh thật nhiều để cầu xin ơn thông hỏi cho tội nhân. Têrêxa cũng xin chị Céline cùng hợp ý trong việc này.

Têrêxa đã ghi lại trong tự thuật của mình: “Tôi đã xác tín tận thâm tâm rằng những ước nguyện của chúng tôi sẽ được đoái nhận, nhưng để cho mình can đảm tiếp tục cầu nguyện cho kẻ tội lỗi, tôi thưa với Chúa tôi tin chắc rằng Ngài sẽ tha thứ cho Pranzini bất hạnh đáng thương, và tôi xin điều ấy cho dù anh ta không xưng tội hay tỏ dấu sám hối. Tôi đã tin tưởng như thế vào lòng nhân từ của Chúa Giêsu, nhưng tôi vẫn xin một ‘dấu chỉ sám hối’, chỉ để an ủi mình”.

Ngày 31 tháng 8, tại nhà tù Grande Roguette, trước máy chém Pranzini đã phản đối án tử và cho rằng mình vô tội, và anh ta đã từ chối các phép sau hết của linh mục tuyên úy nhà tù. Tuy nhiên vào phút chót, anh ta đã xin cho được cây thánh giá và hôn kính hai lần trước khi chết.

Dấu chỉ này của tử tội đã làm cho Têrêxa vô cùng xúc động. Vậy là lời cầu nguyện và dấu chỉ đã được Chúa chấp nhận. Điều này đã được đáp ứng đúng với ân huệ mà Chúa Giêsu đã ban cho chị Têrêxa để động viên chị cầu nguyện cho những kẻ tội lỗi.

54. LÒNG YÊU MẾN CÁC LINH HỒN CỦA CHÂN PHƯỚC TÍ HON

Ngày 13 tháng 7 năm 1917, Đức Mẹ cho 3 trẻ ở Fatima là Lucia (10 tuổi), Chân phước Phanxicô (9 tuổi) và Chân phước Giaxinta (7 tuổi) được xem thấy Hỏa ngục. Một biển lửa bao la không bao giờ tắt đang thiêu đốt ma quỷ và các linh hồn bị phạt trong Hỏa ngục, họ giống như những cục than đỏ rực, hay như những cục sắt đen thui cháy đỏ, khi bị tung lên với cuộn khói kinh sợ, rồi rơi trở lại bất chấp đầu đuôi, những tiếng kêu la than khóc vì đau đớn và tuyệt vọng làm các trẻ kinh hoàng sợ hãi. Thị kiến Hỏa ngục đã làm cho Giaxinta kinh hãi đến độ sẵn sàng chịu mọi đền tội, hãm mình nếu có thể ngăn cản các linh hồn khỏi sa xuống đó.

Tuy mới 7 tuổi, Giaxinta đã tập được tinh thần cầu nguyện và hãm mình đền tội vì muốn cứu vớt các linh hồn khỏi sa Hỏa ngục.

Một lần, khi đang ngồi trầm tư trên tảng đá, Giaxinta kêu lên:

– Trời ơi, Hỏa ngục, Hỏa ngục! Em thương tiếc các linh hồn lao đầu xuống đó!

Rồi cô bé quỳ xuống đọc lời kinh Mẹ dạy: “Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội lỗi chúng con, xin cứu chúng con khỏi lửa Hỏa ngục, và đưa hết thầy các linh hồn lên Thiên đàng, nhất là các linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn.”

Giaxinta đã lặp lại lời kinh ấy rất nhiều lần. Đôi lúc, cô còn gọi Phanxicô, là anh ruột của mình, cùng cầu nguyện:

– Phanxicô! Phanxicô, anh có muốn cầu nguyện với em không? Chúng ta phải cầu nguyện rất nhiều để cứu các linh hồn khỏi sa Hỏa ngục. Quá nhiều người lao mình xuống đó! Quá nhiều!

Lúc khác, Giaxinta hỏi chị Lucia:

– Tại sao Đức Mẹ không chỉ Hỏa ngục cho các tội nhân? Nếu họ thấy họ không dám phạm tội nữa để khỏi vào đó! Chị phải xin Đức Mẹ chỉ Hỏa ngục cho mọi người nhà. Chị sẽ thấy họ trở lại biết chừng nào!

Có những lần, về trầm ngâm, Giaxinta nói với Lucia:

– Có quá nhiều người sa Hỏa ngục, quá nhiều người lao xuống đó.

Đề trấn an cô bé, Lucia nói:

– Đừng sợ, Giaxinta, em sẽ lên Thiên đàng.

– Vâng, em sẽ về trời, nhưng em muốn hết mọi người về đó nữa.

Lần khác, Lucia bảo cô bé ăn bánh:

– Này, Giaxinta, lại đây và ăn đi!

– Em không ăn đâu. Em dâng hy sinh này thay cho tội nhân, họ ăn uống say sưa.

Dù đang đau bệnh, em cũng gắng đi lễ hằng ngày. Lucia đã khuyên:

– Giaxinta, đừng có đi hôm nay! Em không đủ sức đâu, em đang đau mà. Hơn thế, hôm nay không phải Chúa nhật cơ mà.

– Không sao, em đi dự lễ thay cho tội nhân, họ bỏ cả lễ Chúa nhật.

Nếu chẳng may em gặp ai nói những câu tục tĩu, Giaxinta lấy tay che mặt và thề nguyện:

– Lạy Chúa tôi, họ không biết là họ có thể bị luận phạt vì những câu nói như thế sao! Chúa Giêsu của con ơi! Xin thứ tha cho họ và ban ơn cho họ thống hối. Chắc chắn là họ không ý thức là họ xúc phạm đến Chúa vì việc này. Tội nghiệp cho Chúa Giêsu của con, con cầu cho họ đấy.

Giaxinta thường xuyên lặp lại lời nguyện Đức Mẹ dạy với ba trẻ:

“Lạy Chúa Giêsu, xin tha thứ tội lỗi chúng con, giữ gìn chúng con khỏi sa Hỏa ngục, nhất là những linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn”.

55. NƠI TÔI NẪM ÊM HƠN THÁNH GIÁ CHÚA

Trong trại tù Nam Định, một tù nhân đã 83 tuổi vẫn còn coi những khắc nghiệt của trại giam là nhẹ. Những đêm mưa to gió lạnh, chỗ của cụ nằm bị nước mưa giột nhưng cụ vẫn không chịu dời chỗ nằm theo lệnh của lính canh. Cụ nói:

– Cứ để tôi ở chỗ ướt này cũng được, không can chi. Tôi chỉ lo những sự đời sau và ước ao đổ máu vì đạo Chúa Kitô thôi.

Cụ già đó là thánh tử đạo Bênadô Vũ Văn Duệ linh mục (1755 – 1838), quê ở làng Quần Anh Hạ (Quần Phước), tỉnh Nam Định. Ngài luôn tự nhủ: phải có những hy sinh tự nguyện để bổ túc cho những hy sinh bất đắc dĩ. Những hy sinh đó là những phương pháp luyện ý chí để đủ sức chịu đựng những thử thách cuối cùng ngoài pháp trường.

Những ngày đầu trong trại giam chật hẹp và hôi hám, có người thương đem một tấm chăn biểu cha Duệ để đắp cho ấm, cha từ chối và nói:

– Nơi tôi nằm bây giờ còn êm ái hơn thánh giá Chúa xưa nhiều. Đối với cha, suy niệm cuộc thương khó của Chúa Giêsu phải đưa đến việc tham dự, chia sẻ những nỗi cơ cực của Chúa trong thực hành.

56. MỘT VỊ THÁNH, KHÔNG PHẢI LÚC NÀO CŨNG CẢM THẤY TÂM HỒN SỐT SÁNG

Thánh Phêrô Giulianô Eymard linh mục là một tông đồ Thánh Thể nhiệt thành, và cũng là đấng sáng lập dòng Thánh Thể.

Cha Eymard hiến trọn cuộc đời mình để làm cho mọi người yêu mến Thánh Thể, giúp trẻ em nghèo rước lễ lần đầu và thánh hóa các linh mục. Nhưng không phải vì thế mà tâm hồn cha lúc nào cũng sốt sáng khi cầu nguyện. Ngược lại, cũng có nhiều lần cha cảm thấy tâm hồn khô khan nguội lạnh. Không phải làm việc cho vinh danh Chúa là được mọi việc thuận buồm xuôi gió, được mọi người quý mến... Mà trái lại, cha Eymard gặp đủ mọi khó khăn, chống đối.

Nhưng vượt lên trên tất cả, cha luôn tín thác vào thánh ý Chúa, vào lòng yêu thương vô biên của Ngài. Trong nhật ký, cha Eymard đã viết:

“Tình trạng tâm hồn tôi trong 3 năm nay thật buồn bã hoang vắng.

“Chúa đã gọi tôi phục vụ Thánh Thể dù tôi không xứng đáng. Chúa đã chọn tôi làm việc cho Hội dòng của Người dù tôi không có đủ khả năng và sức khỏe yếu kém. Chúa đã dẫn tôi từ cái chết đến sự sống của Hội dòng.

“Tôi đã tập chết nhiều lần: chết khi rời hội dòng Đức Mẹ, rất đau khổ; chết trong cuộc tiếp kiến Đức Tổng Giám mục Paris sau 13 ngày bần khổ lo lắng; chết cho chính mình khi bị hiểu lầm, bị bỏ rơi, bị ruồng rẫy; chết ở Paris khi vị Hồng y được nhắc nhở phải tống chúng tôi đi; chết vì vấn đề của mình; chết ở Rôma khi nhận sắc lệnh. Tuy nhiên, đối với tôi, cái chết đau buồn nhất là chia tay với người bạn đồng hành đầu tiên; chết vì không còn được các Giám mục tín nhiệm sau vụ Nemours; chết vì không còn được anh em mình quý mến...

“Đời sống tâm linh của tôi yếu đuối, khô khan nguội lạnh, thân xác thì ốm đau, rã rời. Tôi ở trong tình trạng như thế từ lâu nay.

“Khi thử thách xuất hiện bên ngoài cũng như bên trong, thông thường chỉ 15 phút trước Thánh Thể đủ để tôi lấy lại bình an và sức mạnh, nhưng hôm nay,

hàng giờ trôi qua trước Thánh Thể rồi mà tôi vẫn còn thấy cô quạnh.”

57. HOẠT ĐỘNG PHẢI ĐỒNG HÀNH VỚI CẦU NGUYỆN

Thánh Bênadô Viện phụ (1090 – 1153) có thân hình gầy gò, ốm yếu. Mới 30 tuổi mà ngài đã bệnh hoạn như một cụ già, lúc nào cũng bị những cơn đau hoành hành. Dạ dày của ngài lại lở loét đến nỗi chỉ còn ăn được bánh mì chấm sữa, hoặc rau hầm. Ngài chẳng để ý gì đến bệnh tật của mình nên làm được rất nhiều việc. Tuy đi lại không vững vì yếu đuối bệnh tật, nhưng ngài lại luôn luôn di động. Người ta khó có thể ghi lại được tất cả những cuộc hành trình của ngài. Nhìn vào bản đồ châu Âu trong thế kỷ XII, người ta có cảm tưởng ngài hiện diện khắp nơi. Bất kể đường xá xa xôi, hễ có gì không ổn và người ta cần đến là ngài lên đường, thường đi bằng ngựa; nhưng dù là một người khỏe mạnh và có kinh nghiệm cũng khó kham nổi nhiều chuyến hành trình như ngài.

Thánh Bênadô vào dòng Xitô lúc 22 tuổi, và qua đời lúc 63 tuổi. Trong thời gian 41 năm tu trì, ngài đã viết khoảng 15 cuốn sách về thần học, giảng hàng ngàn bài, đọc cho thư ký chép hàng ngàn lá thư, bận rộn đến nỗi không có thời giờ để đọc lại. Ngài theo dõi chi tiết mọi thời sự, rất nhiều người đến thảo luận và xin ngài nâng đỡ tinh thần, chăm sóc cho các thầy ở tu viện dòng Xitô ở Thung Lũng Sáng, giám sát việc lập khoảng 100 dòng mới từ nước Anh đến Sicile, và gần như điều khiển mọi công việc trong Giáo hội. Ngài còn đi vận động Thập Tự Quân để cứu lấy Đất Thánh bị quân Hồi giáo xâm chiếm.

Ngài hoạt động lạ lùng, không mệt mỏi, đi hàng vạn cây số. Nhưng không phải vì thế mà ngài lơ là với việc cầu nguyện. Người ta cho rằng khi đi đường, ngài chiêm niệm và cảm trí đến nỗi người ta thấy ngài không quan tâm đến con ngựa ngài đang đi là loại ngựa rất sang. Thánh Bênadô là người không ưa thích sự xa hoa phù phiếm, ngài đã nhiều lần lên tiếng phê bình các viện phụ Biển Đức về sự xa xỉ trong đồ dùng, phương tiện, nhà cửa... Nhưng người ta ngạc nhiên nhất về con ngựa sang trọng đang cưỡi của ngài, vì ngài đâu có thời giờ để ý các chi tiết nơi con ngựa.

58. QUÊN CHÚA KHÓ HƠN NHỚ

Ngay từ nhỏ, thánh Luy Gonzaga đã được mẹ dạy cho lời kinh đầy sốt sắng này:

“Lạy Chúa, con ước ao mến Chúa với tất cả lòng sốt mến xứng hợp với uy danh cao vời của Chúa. Con băn khoăn vì người đời tẻ bạc với Chúa nhiều quá. Ước gì chúng con được tử đạo để cùng đau khổ với Chúa, chớ gì con được vài điều nhục nhã vì lòng mến Chúa. Sung sướng cho ai kính sợ Chúa vì họ sẽ lập được nhiều công phúc. Trái lại, những kẻ nào chỉ mãi mê chạy theo dục tình, họ sẽ không trung thành với Thiên Chúa. Lạy Chúa, nghĩ đến những hồng ân Chúa đã ban cho con, con hân hoan dâng lời ca tụng Chúa: Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng.”

Những ý tưởng đạo đức ấy đã ghi dấu vào tâm hồn non nớt của Luy, và ảnh hưởng suốt cuộc đời thánh thiện của Luy sau này.

Luy Gonzaga sinh ngày 09.3.1568, là con trai của một gia đình quý tộc đạo đức ở nước Ý. Dòng tộc Luy tự bao đời nay còn cống hiến cho Giáo hội nhiều vị Giáo hoàng và Hồng y, nên có thể nói rằng Luy được thừa hưởng tinh thần và vật chất thật phong phú. Nhưng ảnh hưởng lớn lao nhất đối với Luy là bà thân mẫu Macta Tana, bà đã chăm lo huấn luyện tinh thần đạo đức cho con từ thuở còn trứng nước, hơn nữa bà còn thầm ước dâng con cho Chúa.

Nhờ đọc cuốn sách nhỏ nói về “Màu nhiệm tràng hạt Mân côi”, mà Luy thêm lòng hăng say cầu nguyện và yêu mến Mẹ Maria cách đặc biệt. Luy ưa thích sự tĩnh mịch trong nhà thờ Truyền Tin ở Firenze. Và chính tại nơi đây, trong lúc lòng đầy nhiệt thành, Luy đã dâng hiến cuộc sống cho Thiên Chúa và Mẹ Maria, quyết tâm sống đời trinh khiết.

Khi đã vào tu trong dòng Tên, sau nhiều cố gắng tập luyện, Luy Gonzaga đạt tới tình trạng tâm hồn thường xuyên kết hợp với Chúa. Một ngày kia người ta nghe thấy thầy Luy tâm sự:

– Cha Bè trên cam tôi không được suy giảm, để tâm trí tôi khỏi phải cố gắng quá sức. Nhưng tôi phải cố gắng vất vả nhiều hơn để khỏi nghĩ tới Chúa,

Đáng giữ tâm trí tôi mặc niệm nơi Ngài.

Thầy Luy Gonzaga thường suy niệm về sự thương khó của Chúa Giêsu và bí tích Thánh Thể. Cả khi Bề trên bảo thầy phải làm các công việc tay chân, như giúp bàn và làm bếp, thầy vẫn không ngừng đời sống nguyện gắm.

CUỘC SỐNG VUI TƯƠI

59. TINH THẦN LẠC QUAN CỦA MỘT VỊ THÁNH

Cuộc đời chỉ vồn vẹn có 34 năm, thánh Valentinô Berriô-Ochoa Vinh (1827 – 1861) đã trải qua nhiều biến cố thăng trầm. Nhưng với tinh thần đơn sơ của một người tràn đầy tình yêu Chúa và tha nhân, ngài đã biến tất cả thành một giai điệu nên thơ. Tất cả những vất vả gian lao của cuộc đời của ngài ở Tây Ban Nha cũng như trên đất Việt đã được ngài khoác cho chiếc áo vui tươi bằng thái độ kiên cường, bằng tình yêu nhiệt thành và sự trung tín. Ngài biến đổi chúng bằng những phút chiêm niệm sâu xa và bằng nụ cười bất diệt.

Trong niềm hân hoan khôn tả ngày chịu chức linh mục, cha Valentinô đã viết thư cho mẹ: “Ngày mộng ước, ngày con được thụ phong linh mục... Con của mẹ giờ đây đã được tình thương Chúa nhắc lên chức phẩm cao cả, đến nỗi các thiên thần cũng phải run sợ”.

Sau hai năm tận tụy với chức vụ linh hướng đại chủng viện, cha đã xin vào dòng Đaminh để thực hiện giấc mơ truyền giáo bên Việt Nam từ khi còn niên thiếu. Lúc từ giã, có người quen hỏi cha:

– Cha đi đâu, và bao giờ trở lại?

Cha vui vẻ trả lời:

– Tôi đi để quê tôi có người làm thánh.

Ngày 30.3.1853, cha Valentinô cùng với 3 vị thừa sai khác đặt chân lên đất Việt, nơi đây đang xảy ra cuộc bách hại Công giáo. Vì thế cha vừa phải trốn tránh, vừa tìm cách gặp gỡ giáo dân và làm việc mục vụ. Trong thư gửi gia đình, cha viết: “Cánh đồng truyền giáo này không thấy một ngày quang đãng, không một ngày nào không có đau thương để vác, không có lo toan để tìm phương bỏ cứu, không có mặt kẻ theo dõi hay quan quân truy lùng.”

Hai tháng rưỡi trôi qua, tuy tiếng Việt nói chưa thông, nhưng tài năng và nhân đức của vị linh mục trẻ này đã được khẳng định. Đức cha Sampedro Xuyên, trước nguy cơ có thể bị bắt, đã chuẩn bị cho tương lai của giáo phận,

ngài dùng quyền Tòa Thánh để chọn cha Valentinô Vinh làm Giám mục phó có quyền kế vị. Đây là tâm sự của cha:

– Thừa Đức cha, nếu được thì xin cất chén đó cho con... Con thấy lòng con tràn ngập lo lắng khi nghĩ đến địa vị mà Đức cha muốn đặt con lên. Nhưng điều mà môi miệng con nói thì con cũng xin nói với cả tấm lòng, đó là xin vâng trọn ý Chúa, bây giờ và đời đời chẳng cùng.

Lễ tấn phong Giám mục của cha Valentinô Vinh có một không hai trong lịch sử Giáo hội. Đêm ngày 13 rạng ngày 14.6.1858, Đức cha Xuyên đã cử hành lễ tấn phong cùng với hai thừa sai khác tại nhà ông trùm Chi ở Ninh Cường. Lễ nghi được tiến hành âm thầm, không một tiếng hát, không một người tham dự. Bao tay, bút tất không có, mũ ngọc của tân Giám mục được làm bằng bìa cứng phủ giấy trang kim, gậy ngọc là cây nứa, đầu gậy cuốn bằng rom cũng được bọc giấy trang kim.

Hơn một tháng sau, khi nghe tin Đức cha Xuyên tử đạo, dù đã kiên nhẫn và bình tĩnh, Đức cha Vinh cũng phải thốt lên nửa đùa nửa thật:

– Đức Giám mục kính Sampedro Xuyên để cho tôi một gánh quá nặng. Ngày nào tôi nhồi đến Thiên cung, tôi sẽ tố cáo ngài.

Mới 31 tuổi, nhưng Đức cha Valentinô Vinh đã phải quan tâm coi sóc một địa phận trên 150 ngàn giáo dân đang trong thời kỳ bách hại đạo khốc liệt nhất. Các linh mục, thầy giảng, và biết bao giáo dân đã bị ngã gục vì đức tin chân chính. Bản thân Đức cha Valentinô Vinh cũng phải sống trong hầm trú, ở đây ngài dạy Thần học cho các chủng sinh, huấn luyện các linh mục tương lai, thỉnh thoảng đến đêm ngài đi ra ngoài giúp các bệnh nhân... Nhưng Đức cha Vinh không thở than, không một lời rên rĩ. Cái chương trình “thánh thiện trong vui tươi và xả kỷ” của ngài từ hồi còn là chủng sinh giờ đây ngài vẫn trung thành thực hiện. Điều đó, ta có thể thấy trong lá thư gửi cho thân mẫu vào tháng 8 năm 1860:

“Mẹ chí yêu của lòng con,

“Mẹ hỏi con sống thế nào, ăn uống làm sao?

“Mẹ quý mến của con ơi! Con sống tươi lắm, con làm Giám mục cơ mà! Còn

thức ăn ngày nào cũng có. Đừng lo mẹ ạ, chúng con chẳng đói đâu. Nhưng mẹ tưởng hề làm Giám mục là phải ngồi ngựa à? Không, chúng con tuột giày ra giữa đêm hôm tăm tối, nhào hết chỗ lội này đến quãng lội khác. Vậy mà cứ vui thôi. Một hôm, con lội 6 dặm đường, trên mưa tuôn, dưới bùn trơn, con ngã soành soạch không biết bao nhiêu lần. Tuy làm Giám mục, con cũng ướt như chuột và lấm bùn be bét. Nhưng giáo hữu ở đây tốt lắm, về tới nhà đã thấy họ đổ nước cho con tắm rửa sạch sẽ để chuẩn bị dâng lễ...

“Ồ có lẽ mẹ bảo: Vinh nhỏ của mẹ ơi, sống thế xiù lảm! Không, chả buồn chả xiù chút nào mẹ ạ. Ở đây người ta sống mạnh, sống tươi, nhanh nhẹn lắm. Chúa an ủi chúng con trong lao nhọc. Con nay tuy là ‘traì già’ mà nhảy qua vũng lội như con sóc đấy. Mẹ ạ, Vinh trước kia đã là đứa con nhảy nhót qua núi đồi thì nay bộ mặt đã đầy râu của nó, cũng sẽ làm những tên quý già nhất ở trong Hỏa ngục phải run sợ...”

Phải có tâm hồn tươi trẻ và siêu nhiên mới có được thái độ và lời lẽ như vậy, vừa dí dỏm vừa tươi vui pha chút đùa dõn nữa. Những lá thư phản ánh được sự bỏ mình và nét đơn sơ tươi trẻ của vị Giám mục 34 tuổi xuân này. Thực là cái vui của các thánh, của tâm hồn đầy Chúa. Ngày 01.11.1861, vẫn với niềm vui tươi và tính đơn sơ phỏ thác ấy, Đức cha Valentinô Vinh đã đưa đầu đón nhất gươm của lý hình, và trên khuôn mặt đẫm máu đào của ngài, còn ánh lên nét tươi vui.

60. YÊU NHAU CỬ ẬU CŨNG TRÒN

Sau một thời gian theo học ở đại học Oxford nước Anh, thánh Tôma Môrê đã trở thành luật sư khi tuổi đời còn rất trẻ. Một thời Tôma có ý định đi tu làm linh mục dòng Phanxicô hoặc dòng Capuchin, nhưng cuối cùng Tôma đã quyết định sống bậc hôn nhân. Và Tôma đã kết hôn với cô Gianét năm 27 tuổi. Nhưng 6 năm sau, người vợ yêu quý đã qua đời, để lại cho Tôma bốn người con thơ dại, đứa lớn nhất mới 5 tuổi.

Thương con không có người chăm sóc, Tôma đã cưới thêm người vợ nữa, bà tên là Alis. Bà này đã góa chồng, có một đứa con gái riêng, bà hơn Tôma bảy tuổi, không đẹp, nhưng bà là một người phụ nữ năng nổ đảm đang. Bà ta được mô tả là già, tính tình lỗ mãng, dốt nát, nói nhiều và hẹp hòi.

Nhưng trái lại, Tôma luôn nhìn bà Alis là một người mẹ tuyệt vời của các con ông, ông chấp nhận những khuyết điểm của vợ cách vui vẻ. Đức tính của thánh Tôma Môrê được biểu lộ qua cách thức ông bào chữa những khuyết điểm của vợ như sau:

– Tôi nghĩ rằng dẫu có một người vợ tốt nhất đi nữa, chúng ta đôi lúc cũng không tránh khỏi những điều buồn phiền. Điều này tôi vốn nói với đầy tin tưởng rằng: vợ chúng ta nên xấu là do bởi những lỗi lầm của chúng ta.

Khi được hỏi:

– Tại sao ông lại chọn một người đàn bà như thế làm vợ?

Tôma Môrê trả lời bông đùa rằng:

– Nếu đàn bà được xem như là một sự dữ thì chọn một sự dữ nhỏ bé không phải là điều khôn ngoan hay sao?

Với tinh thần lạc quan, Tôma Môrê đã thắng vượt mọi khó khăn bằng sự hóm hỉnh, bằng xử trí khéo léo, để rồi cuộc sống gia đình của ông dần dà thành một gia đình vui tươi hạnh phúc. Tôma Môrê là một người vui vẻ hiền hòa, nhưng không nhu nhược, ông luôn trung thành với luật mến Chúa yêu người.

61. VỊ THÁNH CUNG KÍNH SẤP MÌNH LẠY ÔNG VÔ THẦN

Thánh Antôn Padua là linh mục dòng Phanxicô, sinh vào cuối thế kỷ thứ XII tại nước Bồ Đào Nha. Trong một lần đi giảng ở Puy, ngài đã hoán cải một công chúng viên nổi danh vô đạo.

Có lẽ vì thương hại gia đình ông, nên các sử gia đã không ghi chép lại tên tuổi ông cho hậu thế, nên người ta tạm gọi là ông Ponot, ông là người vô đạo, sống phóng túng. Chúa ông chẳng tin, ma quỷ ông cũng chẳng sợ, ông thường nguyên rửa trời đất, chế diễu những tín hữu đi dự lễ và đặt điều nói xấu các tu sĩ nam nữ. Ông thêm khát thú vui xác thịt và tìm kiếm các phụ nữ phóng đãng, sự thêm khát vô độ một cách vô liêm sỉ.

Ông nhiều tiền của nên chẳng ngại ăn chơi trác táng. Ông là một viên chức xảo quyệt khai thác tối đa sự cả tin của khách hàng.

Một hôm, ông đi nghênh ngang ngoài quảng trường, chung quanh là một đám đàn ông lố lằng, họ cười nói diễu cợt và liếc mắt đưa tình với các cô gái. Bỗng nhiên cha Antôn xuất hiện, cha khiêm tốn bước đi với dáng vẻ trầm tư, ông trông thấy cha, liền buông lời chế diễu:

– Xem kia! Ông cố đạo giả hình đi sẵn anh em ơi.

Cả đám được dịp cười ồ khoái chí. Cha Antôn dừng bước, quay mặt lại và đi về phía đám người đang đùa cợt. Mọi tiếng ồn ào bỗng im bật. Họ biết rằng chế diễu một tu sĩ thông thái và thánh thiện này cũng vô ích. Cha Antôn không nổi giận, trong ánh mắt cha đượm vẻ dịu hiền thường có. Cha đứng trước mặt ông Ponot. Ông ngỡ ngàng quá sức, miệng méo xệch, cuống quýt vì bối rối không biết phải làm gì. Không nói nửa lời, cha Antôn thành linh lặng lẽ quỳ gối, chậm rãi sấp mình trước mặt ông. Rồi cha đứng dậy, tiếp tục đi.

Câu chuyện chỉ kéo dài trong ít phút, nhưng mọi người đều chăm chú theo dõi, không bỏ qua một chi tiết nào. Khi cha Antôn đã đi khuất, mọi người nhón nháo bàn luận, kể qua người lại bủ môi chế diễu ông công chứng, khiến ông đỏ mặt tía tai vì hổ thẹn.

– Nay ông Ponot, ông là đồ đạo đức giả chứ còn ai nữa. Người là một vị thánh mà quỳ xuống bái lạy ông. Người tôn ông làm Thiên Chúa tốt lành, ít ra cũng ngang với Đức Trinh Nữ.

Chiều hôm ấy, cả thành phố Puy chế nhạo ông. Suốt tuần đó, hễ cứ gặp ông công chứng là cha Antôn quỳ xuống lạy cách cung kính như vậy. Ông Ponot vô cùng bức bối, ăn ngủ không yên. Ông không dám ra khỏi công sở. Giận cá chém thớt, ông trút đổ mọi bức dọc lên các nhân viên.

Ngày kia, ông định ra phố mua sắm. Để tránh cha Antôn và mọi người, nên ngay từ lúc trời còn tờ mờ sáng, ông đã mon men dọc theo các bờ tường ra phố. Nhưng chẳng may vừa đến ngã tư, ông liền chạm trán cha Antôn, cha tức khắc quỳ xuống đất.

Không cầm được cơn giận dữ dày vò cả tuần nay, ông hung hăng gào thét:

– Tới bao giờ ngài mới chịu ngưng cái trò này? Chế nhạo tôi như thế chưa đủ sao? Nếu không sợ bị treo cổ, thì tôi đã moi ruột gan ngài từ lâu rồi.

Cha Antôn đáp:

– Thưa ông, tôi đâu có đùa, tôi đâu dám chế nhạo ông. Sở dĩ tôi sấp mình trước mặt ông là vì Chúa cho tôi biết mai kia ông sẽ tử đạo vì danh Chúa Kitô. Hỡi anh yêu quý, mai kia anh về với Chúa, xin anh vui lòng nhớ đến kẻ tội lỗi khốn nạn này.

Lời tiên tri của cha Antôn được ứng nghiệm cách lạ lùng. Vài tuần sau, nhờ ơn Chúa, ông Ponot hoán cải. Ông bán tất cả tài sản của mình phân phát cho người nghèo, và gia nhập Đạo binh Thánh giá sang Israel để giải cứu Đất Thánh bị quân Hồi xâm chiếm.

Cuối cùng ông bị quân Hồi giáo bắt cùng với một vị Giám mục. Vị Giám mục lên tiếng rao giảng Tin mừng cho người ngoại giáo, nhưng vị công chứng thấy lời của Giám mục thiếu sức thuyết phục, nên ông đứng lên giảng thay. Người Hồi giáo cố sức ngăn cản, nhưng họ không sao làm cho ông im tiếng được. Bị quấy rầy điếc lỗ tai, họ tức giận chặt đầu ông. Và ông hân hoan sung sướng được chết vì Chúa Kitô, lãnh nhận triều thiên tử đạo. Đó là vinh dự lớn lao dành cho viên công chứng một thời nổi tiếng sống phóng

túng.

62. NÓI KHÔNG NGHE THÌ TUI TRIỂN KHAI VŨ LỰC

Thánh Piô X Giáo hoàng tên thật là Giuseppe Melchior Sarto (1835 – 1914) sinh tại làng Rièse thuộc tỉnh Venise nước Ý. Khi ngài còn là linh mục đã nổi tiếng là một người thánh thiện, đạo đức, hiền từ vui vẻ, song sự hiền lành của ngài không phải là nhất gan nhu nhược.

Ngày kia sau lễ Chúa nhật ở xứ Tombolo, một nhóm đàn ông đứng tụ tập ở sân nhà thờ, họ bàn cãi về việc bán đấu giá chiên bò làm mất trật tự nơi trang nghiêm. Lờ qua tiếng lại om sòm, không ai chịu ai phát sinh ẩu đả... Khi ấy, cha Sarto đang là cha phó ở đây, thấy sự việc mất trật tự, cha liền ra can gián. Cha lấy lời hay ý đẹp khuyên bảo nhưng họ không nghe, nên cha đã áp dụng biện pháp mạnh. Cha Sarto triển khai vũ lực, xắn tay áo dòng lên, nhảy vào giữa đám đông tả xung hữu đột làm cả bọn thất kinh bỏ chạy.

Nhiều năm sau, khi làm Giám mục ở Mantoue, Đức cha Sarto gặp một người đàn ông ở ga xe lửa, anh ta mừng rỡ hết sức vì đã hơn 10 năm nay mới gặp lại cha phó cũ. Hỏi han một hồi anh ta mới nhắc lại chuyện cũ:

– Thưa Đức cha, không biết Đức cha có còn nhớ vụ đánh lộn trước sân nhà thờ xứ Tombolo, Đức cha đã can thiệp một cách kịch liệt không?

Rồi anh ta chỉ vào vai nói tiếp:

– Thưa Đức cha, con còn ê ẩm ở chỗ này!

Đức cha Sarto mỉm cười, rồi móc túi lấy ra một số tiền đưa cho anh ta, ngài nói:

– Con cầm lấy mua thuốc mà bóp.

Lần khác, cha Sarto sử dụng biện pháp mạnh để ngăn cản một người đàn ông nói phạm thượng.

Một buổi chiều, cha Sarto đi dạo với một linh mục bạn, tới đầu cầu gặp một chiếc xe ngựa đang đậu. Khi hai cha đi qua, tên đánh xe phát ngôn bậy bạ, buông ra nhiều lời đê hèn tục tĩu, nhạo báng, xúc phạm nặng nề tới Chúa và Đức Mẹ. Nghe thấy những lời đó, cha Sarto chẳng nói chẳng rằng, cha xắn

tay áo lên, bước lại gần tên đánh xe cho hấn một cái bạt tai đích đáng. Anh chàng vô lễ này không kịp phản ứng ngã lăn xuống đất, xuýt nữa thì rớt xuống sông. Cảnh cáo xong, cha Sarto bình tĩnh tiếp tục đi dạo, không nói một lời nào nữa.

63. LÀM ĐẾN ÔNG LỚN MÀ CÒN BẤT CÔNG

Thánh tử đạo linh mục Đaminh Nguyễn Văn Hạnh (1772 – 1837) quê ở làng Nặng A, tỉnh Nghệ An. Cha Hạnh đã nhiều lần trốn tránh khi cuộc bách hại xảy ra, nhưng khi đã nắm chắc án tử vì đạo Chúa thì cha can trường vui vẻ đón nhận mọi cực hình.

Sau nhiều lần khuyên dụ cha Hạnh bỏ đạo không được, viên quan tức giận vừa quát mắng vừa đập bàn rầm rầm. Cha Hạnh nói:

– Tôi nói cho quan biết, đập bàn nhè nhẹ thôi kéo đau tay, về nhà sẽ khổ cho vợ con phải bóp dầu tay ông.

Nghe thế, quan tức giận quá, sai lính bắt cha Hạnh nằm xuống và đánh 30 roi vào một mông. Sau trận đòn đó, cha Hạnh chỗi dậy, hỏi quan:

– Các ông đánh đủ chưa?

Rồi ngài nói tiếp:

– Làm đến quan lớn mà còn bất công, tại sao quan chỉ bắt một mông chịu cả, còn mông kia thì không? Chơi không công bằng như thế thì còn chơi với ai?

Câu nói có vẻ giễu cợt, thách thức, nhưng nói lên lòng can đảm chấp nhận mọi thử thách của cha Hạnh đối với Đấng mà cha hằng yêu mến tôn thờ.

64. TÔI CŨNG LÀ MỘT TAY ĐÁNH TRỐNG

Sau hai năm làm Bề trên tỉnh dòng Đức Mẹ, cha Colin giao cho thánh Phêrô Giulianô Eymard linh mục (1811 – 1868) chức vụ Tổng Kinh Lý với nhiều trách nhiệm nặng nề.

Trong thời gian mấy năm đó, cha Eymard liên tục đi kinh lý nhiều cộng đoàn dòng Đức Mẹ ở Pháp. Tuy có nhiều trọng trách và sức khỏe yếu kém, nhưng nhiệt tình tông đồ của cha không hề suy giảm. Các nhà thờ trong vùng cũng thường mời cha giảng tĩnh tâm Mùa Chay. Cha được mọi người biết đến không những qua việc giảng dạy mà còn vì cách thức cha giúp đỡ mọi người.

Một lần kia, Cha Eymard đến thăm bệnh viện, cha lại bên một cụ già thường khoe mình quen biết vua Napoléon đệ nhất, và ông cụ đã từng là một người lính đánh trống trong quân đội của Napoléon. Cha Eymard chăm chú nghe ông cụ nói, và cha chợt nhớ ra trước kia cha cũng từng đánh trống khi còn là học sinh ở trường trung học Balley. Thời đó, cha hay đi tới đi lui hành lang của hội trường, vừa đi vừa đánh trống để giúp các bạn giải khuây và xua đi nỗi buồn của họ. Cha Eymard nói với người lính già:

– Tôi cũng là một tay đánh trống. Người lính già ngạc nhiên nói:

– Hay thật! Một linh mục đánh trống.

Cha Eymard hỏi:

– Ông biết đánh bao nhiêu hành khúc?

Người lính già nhanh nhẩu đáp:

– 14 hành khúc.

– Tốt quá, thế thì cụ hơn tôi rồi, tôi chỉ biết đánh có 10 hành khúc.

Thế là từ đó, hai người thường chia sẻ với nhau những câu chuyện về hoàng đế Napoléon. Cha Eymard kể lại cho người lính già nghe trước đây cha đã thấy hoàng đế đi bộ qua làng La Mure (quê hương của cha), khi hoàng đế đã tới chỗ lưu đày trở về. Rồi với sự khéo léo, cha lái câu chuyện về cuộc lưu

đày cuối cùng của Napoléon ở đảo St. Helena và tế nhị thuật lại việc hoàng đế hoán cải, trở về với Chúa. Nghe đến đó, người lính già đã khóc vì cảm động, ông xin xưng tội và theo gương vị anh hùng của mình, ông đã hoán cải.

TÂM HỒN TRONG SẠCH

65. TÔI SINH RA LÀ ĐỂ SỐNG CHO NHỮNG GÌ CAO QUÝ

Thánh Stanislao Kostka (1550 – 1568) là con trai thứ hai của công tước Gioan Kostka, ông là một nghị sĩ và cố vấn triều đình Ba Lan.

Từ nhỏ, công tử Stanislao Kostka vẫn là một thiếu niên như bao thiếu niên khác. Người ta có thể tìm thấy vô số người bề ngoài tương tự như cậu. Sinh ra từ trong lâu đài Kostkov của gia đình, cách thành Varsava chừng 60 cây số về phía bắc, cậu có đủ mọi thứ tiện nghi và vui thú dành cho bậc công tử. Nhưng giữa cảnh nhung lụa ấy, hình như Stanislao không phải là một con người tầm thường. Thật vậy, dù rất đơn sơ, luôn vui vẻ và tươi cười với mọi người, cậu vẫn được cả nhà kính nể. Bởi vì lúc nào cậu cũng tỏ ra là một thiếu niên đứng đắn và rất đạo hạnh.

Sống trong cảnh quyền quý ở Châu Âu, chắc chắn rằng cậu gặp đủ thứ quyền rũ và cám dỗ theo tinh thần thế tục. Tuy nhiên, cậu vẫn giữ được tâm lòng trong trắng như thiên thần. Chính cha mẹ cậu cũng gọi cậu là thiên thần. Trong bầu khí phóng túng của những bữa tiệc quá thường xuyên, nhiều khi người ta quên giữ gìn trong lời ăn tiếng nói. Khi phải nghe những chuyện thiếu đứng đắn ấy, đã mấy lần Stanislao đỏ ửng mặt lên, hai mắt ướt đẫm, và bất ngờ lăn đùng xuống đất bất tỉnh.

Thấy Stanislao té xỉu, ai nấy đều hốt hoảng. Vì thế không ai dám nói những lời sỗ sàng trước mặt cậu nữa.

Ngay từ nhỏ, Stanislao đã nhìn thấy và biết rõ giá trị chân thật của cuộc đời. Cậu đã sống trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian. Cậu vẫn thường tự nhủ:

“Tôi sinh ra là để sống cho những gì cao quý hơn.”

“Trong thế gian này, mọi sự đều nhỏ bé. Vì thế, dù có là gì đi nữa, thì chẳng có chi đáng kể. Chỉ có điều đáng kể là ân sủng của Đức Kitô. Nhờ Ngài, chúng ta vừa được làm con Thiên Chúa, vừa được thừa tự Nước Trời.”

66. NGÀN VẠN LẦN CÙI KHÔNG BẰNG MỘT VẾT TỘI

Thánh vương Louis IX chào đời vào năm 1214, ngài được rửa tội tại Poissy, nước Pháp. Mẹ ngài là hoàng hậu Blanche Castille, bà là một phụ nữ đức hạnh và sắc đẹp vẹn toàn. Ngay từ nhỏ, hoàng hậu đã dạy dỗ Louis sống giản dị, sẵn sàng kết bạn với những đứa trẻ quê mùa nghèo khổ. Louis thường ra ngoài hoàng cung để chơi đùa với các bạn. Hoàng hậu cũng dạy cho Louis sống đạo đức, hết lòng kính mến Chúa và yêu thương tha nhân, đồng thời bà cũng dạy cậu phải xa lánh tội lỗi. Một hôm, hoàng hậu nói với Louis:

– Con ơi, mẹ thương con lắm, nhưng thà nhìn con chết còn hơn thấy con phạm tội mất lòng Chúa.

Lời dạy của hoàng hậu đã làm cho Louis ghi nhớ suốt đời. Càng lớn lên, Louis càng được sống trong ơn nghĩa Chúa.

Một lần kia, vua Louis IX hỏi bạn thân là quan Joinville:

– Giữa tội và bệnh hủi, bạn chọn điều nào?

Người bạn đã trả lời:

– Thà phạm 30 tội trọng còn hơn một lần mắc bệnh cùi.

Vua Louis nói:

– Tôi thì ngược lại. Bạn nên biết rằng ngàn vạn lần cùi hủi không bằng một vết tội. Vì lòng mến Chúa và vì lòng thương tôi, bạn hãy vui lòng chịu muôn vết cùi hủi hơn là phạm một tội trọng vì nó tác hại đời đời cho linh hồn bạn!

Khi nằm trên giường hấp hối, vua Louis IX đã cho gọi con là hoàng tử Philip đến để trấn trối:

– Con ơi, hãy yêu mến Chúa hết lòng, vì nếu không mến Chúa thì không được rồi linh hồn. Thà chết còn hơn phạm tội con nhé!

67. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN TỘI ÁC

Mới 14 tuổi, Alêxăndrô đã phải làm việc cực nhọc ở bến tàu để mưu sinh. Chính nơi đây, những con người ăn chơi trác táng, những câu truyện vô luân lý, những hình ảnh đồi trụy đã đầu độc tâm hồn trẻ của cậu. Mẹ cậu mất sớm, cha thì thờ ơ, các anh chị mỗi người một ngả, chẳng ai quan tâm dạy bảo cậu. Alêxăndrô tính tình trầm lặng, làm lì, chẳng chơi đùa như những đứa trẻ cùng trang lứa. Cậu hay lén vào các quán rượu, để nghe những sự tân kỳ cổ quái ở trên đời, những lời tục tĩu, bản thiú... Đầu óc của cậu đang mở ra trước những bí mật thần tiên mộng ảo.

Vào một ngày Chủ nhật nọ lúc gần 2 giờ sáng, Alêxăndrô rảo bước về phòng trọ chật hẹp. Mắt nhắm mắt mở, nó nhìn thấy trên tường hình ảnh những cô gái “nghèo nàn”. Mệt quá, nó nhào mình lên giường. Nhưng theo phản xạ, nó bật dậy đọc kinh: “Kính mừng Maria...” Nó quên tắt đèn, những hình ảnh các cô gái khỏa thân dán trên tường đang hiện ra trước mắt nó. “Kính mừng Maria...” nhưng không sao đọc tiếp được, không sao tìm lại được những lời kinh tuyệt diệu này đậu trên môi miệng trẻ thơ của nó.

Alêxăndrô cảm thấy bị ray rứt vì lời kinh dang dở, lời kinh mà mẹ đã dạy cho nó khi còn nhỏ. Mẹ không còn nữa, cha và các anh chị chẳng quan tâm đến nó. Tuổi thơ của nó lún chìm trong bóng tối dày đặc.

Một thời gian sau, Alêxăndrô về sống chung với cha là ông Giôvani Xêrêneli. Để cuộc sống bớt chật vật hơn, ông Giôvani và gia đình Luigi, cha của thánh nữ Maria Goretti, hợp đồng làm việc ở trang trại của bá tước Madôlêni, họ ở chung một ngôi nhà.

Một ngày kia, bà Axunta (mẹ của thánh nữ Maria Goretti) lên lau phòng cho Alêxăndrô, đây là lần đầu tiên bà vào phòng của cậu. Nhưng khi mới nhìn lướt quanh phòng, mắt bà đã phải nhắm lại. Trên tường toàn những hình ảnh bản thiú lỏa lồ như một nhát dao xuyên qua tim bà.

Không lẽ những hình ảnh đó Alêxăndrô đã nhìn thấy trước tiên khi thức dậy mỗi buổi sáng, và nhắm mắt trước khi đi ngủ vào buổi tối? Bà sững sờ, ngần ngại bước vào. Bà quì xuống, khẩn cầu sự trợ giúp của Chúa Giêsu, Mẹ Đồng Trinh và các thánh.

Và lúc đó, Alêxăndrô xuất hiện. Bà nói:

– Cậu Alêxăndrô...

Nhưng hấn cắt ngang, không để bà nói tiếp:

– Nếu bà không thích, ai bắt bà nhìn.

Axunta im bật. Bà thâm trách ông Giôvani, vì chính ông đã mua những tờ báo tục tĩu ấy về. Những giờ rảnh rỗi, Alêxăndrô không đi chơi đâu cả, chỉ thích chúm mũi vào những hình cô gái lãng loạn vô liêm sỉ trên những tờ báo do bố cậu mua về.

Lần kia, ông Giôvani chửi Alêxăndrô vì cậu không đi chơi phố với ông:

– Mày đốn hèn đến tận xương tủy. Suốt ngày mày toàn nhồi nhét những thứ cặn bã đó trong đầu.

– Thế ông mua báo về để làm gì, nếu không phải để nhồi nhét...

– Khi nào mày cũng có câu trả lời đó! Mặc xác mày... thứ đồ cầm gậy chọc trời.

Sự vô trách nhiệm của người cha, cộng thêm những gương xấu của ông, Alêxăndrô ngày càng lún chìm trong đục vọng xác thối. Sau 3 lần dụ dỗ Maria Gôretti chiều theo những ham muốn xấu xa của hấn, cô bé 12 tuổi này vẫn cương quyết từ chối, cô thà chết không thà phạm tội mất lòng Chúa. Alêxăndrô điên tiết đã đâm chết Maria Gôretti bằng 14 nhát dao.

68. MƯỜI BÓN NHÁT DAO, CÁI GIÁ ĐỀ BẢO VỆ ĐỨC TRONG SẠCH

Trưa ngày 05.7.1902, trời nắng gay gắt, ông Giovanni bố của Alêxăndrô, vì không chịu nổi nên đã bỏ việc gặt lúa về nhà nghỉ. Bà Axunta, Angêlô, anh của thánh nữ Maria Goretti cùng với 3 người em, cả Alêxăndrô và nhiều người khác nữa đang gặt lúa ngoài đồng, cách xa nhà họ ở hơn 50m. Maria Goretti cùng với bé út ở nhà, cô lo việc nội trợ.

Công việc gặt lúa đang tiến hành, Alêxăndrô đột ngột hãm dây cương cho bò dừng lại, hấn hét lên:

– Bà Axunta! Bà thay tôi một chốc được không?

Bà Axunta leo lên xe bò. Bà liếc về phía nhà thấy Maria Goretti và bé út, bà yên tâm, mọi sự đều ổn cả.

Đã hai lần, Alêxăndrô muốn thỏa mãn lòng ham muốn xác thịt của hấn đối với Maria Goretti, một cô bé 12 tuổi, nghèo hèn nhưng rất xinh xắn, hấn bị cô từ chối và kháng cự quyết liệt. Hấn đe dọa nếu cô tiết lộ cho mẹ cô thì hấn sẽ giết cô. Maria ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Cha cô đã chết, gia đình thì quá nghèo, nói ra cho mẹ thì vô tình cô đẩy cả gia đình gồm 7 người vào cảnh chết đói. Thế là cô đành im lặng. Nhưng hôm nay, Alêxăndrô đã chuẩn bị trước một con dao sắc bén dài khoảng 30 cm. Lợi dụng lúc mọi người đang làm ngoài đồng, hấn về nhà với hy vọng chiến thuật mới cô sẽ đồng ý làm thỏa mãn ước muốn xấu xa của hấn. Maria Goretti run sợ vì sự xuất hiện đột ngột của hấn lúc mọi người không có ở nhà, hơi thở trở nên ngắn và dồn dập.

– Maria tới đây!

Cô run sợ, mặt trắng bệch không còn chút máu, nhưng cô vẫn quả quyết hỏi:

– Anh muốn gì?

– Bước vào đây!

– Không, nếu không nói cho tôi biết để làm gì đã.

Giọng nói cô bình thản, nhưng cô vội vã bám chặt vào lan can. Alêxăndrô nhảy phóc tới trước mặt cô, chộp lấy cánh tay, kéo ra khỏi chỗ nơi cô bám vào một cách tuyệt vọng. Cái nhìn của cô gặp cái nhìn của hắn và cô đã hiểu. Lần này sẽ hết sức quyết liệt một sống một chết. Trước khi Maria Goretti có thể kêu cứu, hắn đã lôi cô vào trong phòng, dùng chân đóng cửa và khóa chốt lại.

Bé út của Maria Goretti vẫn ngủ yên, bà Axunta vẫn đang gặt lúa dưới ánh nắng thiêu đốt. Ánh mắt cô một lần nữa gặp ánh mắt dữ tợn của Alêxăndrô và cô run rẩy sợ hãi. Cô la lên:

– Không! Không! Không!

Hắn lảm bảm điều gì đó, giọng khàn khàn, rồi tắc nghẽn trong cổ họng.

– Đừng động đến tôi! Anh định làm gì? Đó là tội lỗi! Anh sẽ xuống Hỏa ngục!

Nhưng cô đang lý luận với con mãnh thú. Cô đang tự vệ để bảo vệ danh dự của mình, cô đang chiến đấu bằng một sức mạnh không phải là của cô.

– Vâng, anh sẽ xuống Hỏa ngục. Thiên Chúa cấm làm điều đó. Đó là tội, là tội...

Maria Goretti không bao giờ nghĩ tới bản thân vì không hề bị ám ảnh về cái tội trong thử thách bất ngờ này. Nhưng cô nghĩ đến giá trị đạo đức: Thiên Chúa, linh hồn của hung thủ, tội ác.

Alêxăndrô nhét chiếc khăn vào miệng cô, nhưng không dám động đến cô. Nơi cô có một cái gì sống động tỏa ra như thể ân sủng của Thiên Chúa, làm cho hắn điên tiết lên. Đứa bé út của Maria Goretti ngọ nguậy trong giấc ngủ và bắt đầu thét lên nhưng bị tiếng xe bò át đi, nên bà Axunta không thể nghe thấy.

Alêxăndrô cay đắng ê chề vì bị một cô bé 12 tuổi cự tuyệt. Hắn vội vớ lấy con dao sáng quắc giơ lên trước mặt cô để cho cô có thời giờ chọn lựa. Nhưng ý chí sắt đá của cô bé không hề lay chuyển, cô tiếp tục chiến đấu nhưng cô không hề cử động để tránh né. Sự cuồng nhiệt tới cực điểm đã lần

át hết mọi tình cảm khác nơi hấn, và đôi môi mím chặt hằn lên một sự bí hiểm lạ lùng. Và... hấn đã đâm cô, đâm loạn xạ. Sự điên dại của hấn tăng cùng mức độ với sự chống chế không khoan nhượng của nạn nhân. Hấn đâm hết chỗ này đến chỗ kia, rạch nát mọi cơ quan phủ tạng.

Từ từ cô ngã quy trên nền gạch, kêu la bi thảm và trong một cố gắng sau cùng, cố kéo lại ngay ngắn áo xống đã rách bươm. Alêxăndrô nghĩ rằng cô bé đã chết, nhưng trong một thoáng tỉnh lại cô thì thào:

– Lạy Chúa! Lạy Chúa! Mẹ ơi! Mẹ ơi!...

Chỉ mình hấn nghe thấy. Hấn mím chặt môi, sà xuống ôm cổ Goretti và đâm tiếp, đâm sau lưng, đâm trước ngực.

– Lần này mà có chịu chết không?

– Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Nhưng bà Axunta không hề nghe thấy vì tiếng xe bò, tiếng đập lúa quá ồn ào.

Maria Goretti thấy mũi dao đang rạch nát thịt cô, nhưng ý chí vẫn không hề suy chuyển cho đến khi bóng tối bao trùm chung quanh. Cô đuổi người trên sàn nhà lạnh ngắt, lịm người đi như chết.

Alêxăndrô đứng dậy, ngấm nhìn công trình của mình. Rồi hấn buông dao, bước đi như chạy về phòng của hấn. Bé út Têrêsa khóc thét dữ dội hơn, tiếng khóc đã vẳng đến tai bà Axunta. Thật kỳ lạ với tính nhanh nhẹn quen thuộc, tại sao Maria Goretti không đến đỡ em cơ chứ?

Linh tính của người mẹ cho bà biết có một việc chẳng lành xảy ra. Tại sao Alêxăndrô đột ngột bỏ sân lúa? Mấy con bò tự dưng hốt hoảng. Bà Axunta vớ lấy dây cương:

– Chuyện gì xảy ra thế này?

Maria chưa chết. Một ngọn lửa như thiêu đốt đang lan khắp cơ thể cô, run rét từng hồi vì cơn sốt làm cho cô tỉnh táo. Cô cố gắng gượng dậy, chậm chậm nhích tới cửa, hé mở cửa và gọi:

– Bác Giôvani ơi! Alêxăndrô đã giết cháu!

Tiếng nói rất yếu ớt, nhưng ông Giôvani đã nghe thấy. Ông vội vã hướng ra cửa la lớn tiếng:

– Bớ... Axunta, về ngay! Cả Marinô nữa!

Mọi người liền vứt dụng cụ, chạy vội về. Vừa bước vào nhà, Axunta trông thấy con nằm bất động trên tay Giôvani, bà rú lên đau đớn thảm thiết làm mọi người bàng hoàng xúc động. Họ liền đưa Maria Goretti về phòng của cô, bà Axunta nhận ra những vết thương dài trên thân thể cô, bà quỳ sụp xuống.

– Ôi, lạy Chúa nhân từ, xin hãy cứu lấy con gái của con!

Têrêsa Ximamêli luôn tay xoa bóp cốt để cô bé tỉnh lại; còn bà mẹ không ngừng gọi khê:

– Maria bé bỏng của mẹ! Maria ơi, con dậy đi!

Cuối cùng cô bé cũng tỉnh lại và khê gọi:

– Mẹ!

– Maria, con của mẹ! Chuyện gì xảy ra hở con? Ai đã làm cho con nên nông nỗi này?

– Alêxăndrô đó, mẹ coi hắn đã làm cho con như thế này.

– Nhưng vì lý do gì?

– Hắn muốn con phạm tội, nhưng con không chịu.

Bà mẹ không thể hỏi con điều gì nữa. Bà quỳ xuống bất tỉnh vì quá đau lòng. Mọi người liền chia nhau người đi gọi công an, người đi gọi xe cứu thương.

Đau đớn cũng không hề làm cho Maria rên rỉ hoặc khóc lóc. Cô phải hứng chịu 14 nhát dao, có những nhát xuyên qua tim, phổi, ruột già, ruột non... Cô đã phải trải qua một cơn hấp hối 20 giờ đồng hồ. Sáng ngày 06.7.1902 Maria Goretti đã ra đi bình an trong vòng tay yêu thương của Chúa và Mẹ Maria, ra

đi trong sự tiếc thương của mọi người.

Maria Goretti đã được phong Chân phước ngày 27.4.1927. Đến ngày 24.6.1950, Đức Giáo Hoàng Piô XII tôn phong Maria Goretti lên bậc Hiền thánh, trước sự hiện diện của người mẹ (87 tuổi), anh trai, các em, còn cô em út lúc ấy đang là một nữ tu, và có sự hiện diện của Alêxăndrô, người đã giết Maria Goretti.

69. VƯỢT BIÊN BẰNG CHIẾC ÁO CHOÀNG

Sau hai năm làm Bề trên Tổng quyền dòng Đaminh, thánh Raymundô (1175 – 1275) xin từ chức vì bệnh tật và già yếu. Lúc đó ngài đã 70 tuổi. Được sự đồng ý của các cha dòng, thánh Raymundô sung sướng trở về tu viện ở Barcelônê nước Tây Ban Nha, quê hương của ngài.

Thấy những thành công mỹ mãn của cha Raymundô trong việc triệu tập Đạo binh Thánh giá chống quân Hồi giáo Môrê, vua Giacôbê I xin cha giúp vua tìm cách chống lại bọn vô tín nguỡng, phá kỷ luật quốc gia. Bọn người này lại ảnh hưởng một phong trào triết lý vô đạo, phản đức tin. Cha Raymundô nhận thấy muốn chiến thắng bọn này phải dựa trên những lý thuyết cứng rắn và có giá trị khoa học. Chỉ có thánh Tôma Aquinô mới làm được việc này, cha liền viết thư xin thánh Tôma Aquinô sáng tác một tác phẩm minh giáo với ý hướng trên. Nhận lời đề nghị, thánh Tôma Aquinô liền sáng tác một bộ tổng luận mang tựa đề “Tổng luận chống lương dân”.

Vua Giacôbê I rất chiều chuộng và yêu mến cha Raymundô, nhưng không vì thế mà cha vị nể không dám cảnh cáo những yếu đuối và tham vọng xấu xa của nhà vua. Vào cuối triều đại của vua, vua Giacôbê I đem quân đến chinh phục đảo Magiônica, vua mời cha Raymundô cùng đi. Cha muốn đến để giảng thuyết phá tan những sai lầm của dân chúng miền đó, nên cha đã nhận lời. Nhưng khi đến đó, vua Giacôbê đã phạm tội ngoại tình với một nàng hầu. Cha Raymundô rất đau buồn phiền, vì gương xấu tày đình của nhà vua đã phá vỡ công trình tông đồ của cha. Cha xin yết kiến và yêu cầu vua không được làm những hành động tội lỗi như thế nữa. Nhưng nhà vua không đủ can đảm để lướt thắng bản thân.

Thấy những lời can ngăn trở nên vô ích, cha liền xin trở về Barcelônê. Nhà vua tìm cách ngăn cản, vua cấm ngặt không một chiếc tàu nào được phép chở cha Raymundô về đất liền.

Cha Raymundô tìm tàu chở cha về đất liền, nhưng tàu nào cũng từ chối. Cha đã biết ý định của vua, cha liền nói với người em:

– Nếu người ta không chở chúng ta về đất liền, thì Thiên Chúa sẽ giúp chúng ta chế ra tàu để đi!

Nói xong, cha liền cởi áo choàng ra, trải trên mặt biển, cha chống cây gậy làm cột buồm, vén vạt áo lên đầu gậy làm buồm. Sau đó, cha mời người em bước xuống thuyền, nhưng ông này sợ không dám bước xuống chiếc thuyền mong manh và kỳ lạ này, chỉ mình cha bước xuống. Gió thổi căng buồm, chiếc thuyền lạ lùng này lướt nhẹ trên sóng như bay và biến mất dạng trước mặt người em đang há hốc đứng nhìn. Sáu giờ sau, cha Raymundô cập bến Barcelônê.

Trên bến tàu Barcelônê, dân chúng kéo đến xem rất đông, tiếng hoan hô vang dậy cả một góc trời làm huyên náo hải cảng. Tới bến, cha Raymundô bước lên bờ. Cha kéo áo choàng lên khỏi mặt nước, lạ lùng thay chiếc áo vẫn khô ráo, cha khoác áo vào người và cầm cây gậy vôi vã đi về tu viện để tránh những tiếng hoan hô khâm phục của dân chúng.

Thấy phép lạ kỳ diệu đó, vua Giacôbê I rất hối hận vì tội lỗi của mình, và từ đó vua không dám phạm tội tày đình như thế nữa.

70. TỪ CHỐI LỜI CẦU HÔN CỦA HOÀNG TỬ

Một người mẹ dịu dàng nói với cô con gái yêu quý của mình:

– Con yêu quý, bây giờ cha mẹ đã già và con lại đến tuổi rồi. Dù chưa nói ra, hẳn con cũng đoán được sự lo lắng của cha mẹ. Còn gì yên ủi cha mẹ hơn là lúc tuổi già được sống trong cảnh gia đình đầm ấm của con. Đàng khác, vì nghĩ đến tương lai của con, nên cha mẹ muốn con nhận lời cầu hôn của hoàng tử Âuton (Euton), một thanh niên vừa tài đức, vừa có địa vị trong xã hội; cha mẹ không mong gì hơn là thấy con, vì tuổi già của cha mẹ, mà biết ngoan ngoãn vâng lời, để an ủi tuổi già của cha mẹ.

Người con gái ấy là thánh nữ Aldêgôna (630 – 684), con của một gia đình Công giáo sốt sắng và giàu có. Aldêgôna là một thiếu nữ sắc nước hương trời, lại có cuộc sống đạo đức, hết lòng mến Chúa yêu người, đặc biệt là những người nghèo khổ. Được một vị hoàng tử cầu hôn là điều mà biết bao nhiêu thiếu nữ đương thời mơ ước, nhưng đó lại là một tin xé lòng đối với Aldêgôna, và càng đau lòng hơn nữa trước lời bày tỏ của người mẹ mà cô rất mực yêu quý. Vì sao vậy? Aldêgôna đã khấn giữ mình đồng trinh. Cô đã chọn Chúa là bạn lòng độc nhất và tận hiến hoàn toàn cho Chúa.

Aldêgôna nghẹn lời, để mặc cho nước mắt tuôn trào. Bây giờ, cô thấy rõ con đường mà Chúa muốn cô theo. Cô cảm thấy phải mạnh bạo thắng vượt tình cảm tự nhiên, để trình bày lời cô đã đoán hứa với Chúa cho mẹ biết. Cô gục đầu vào lòng mẹ, rồi lễ phép thưa:

– Thưa mẹ, nghĩ đến công ơn sinh thành của cha mẹ, con không thể nào quên và không biết cách nào để đền đáp đôi phần. Cha mẹ lo cho tương lai và hạnh phúc của con, và đến cả tuổi già để sưởi ấm lòng con. Thật là công ơn trời bể! Nhưng thưa mẹ, vì được Chúa sớm dạy cho con biết công ơn cha mẹ, nên con muốn sống theo một đường lối khác, một đời sống mà con tin tưởng rằng Chúa sẽ giúp con đền đáp công ơn cha mẹ cách hoàn hảo. Với đời sống ấy, trong tuổi già cha mẹ sẽ yên trí vào con hơn, cả khi Chúa gọi cha mẹ về thế giới bên kia.

Ngước mắt nhìn, thấy mẹ chăm chú nghe, Aldêgôna can đảm thưa tiếp:

– Thừa mẹ, con tin rằng lúc nào cha mẹ cũng yêu con, nên hôm nay con đánh bạo trình bày với mẹ ý định của con, và xin mẹ nói với cha giúp con. Con đã khẩn với Chúa giữ đời đồng trinh, nhất định không kết bạn với người trần gian, nhưng tận hiến toàn thân cho Chúa và Mẹ Maria. Con ước ao được phụng dưỡng cha mẹ cho đến giây phút cuối cùng.

Nghe vậy, bà mẹ nổi giận đẩy con ra và đứng lên, vừa đi vừa nói:

– Con tôi khờ dại, bất hiếu và ương ngạnh...

Trước thái độ của mẹ, Aldêgôna không nói một lời, cô chỉ biết lau nước mắt và tâm sự với Chúa.

Tuy là bậc cha mẹ gương mẫu và đạo đức, nhưng hai ông bà Ballertô vẫn chưa thoát khỏi tình yêu hẹp hòi của thế gian như nhiều cha mẹ khác. Ông bà không muốn cô sống đời đồng trinh, mà cô phải lập gia đình để ông bà có chỗ nương tựa khi về già. Suốt một năm trời, hai ông bà tìm cách phá đổ ý định của con gái, nhưng vô ích, cô vẫn một mực trung thành với ơn Chúa kêu gọi, mà chính ông bà đáng lẽ không thể từ chối. Dù bị mắng chửi hay bị đánh đòn, Aldêgôna vẫn một mực lễ phép xin cha mẹ cho khỏi kết bạn. Không chấp thuận lời con xin, sau cùng ông bà đã quyết định nhận lời cầu hôn của hoàng tử Ôtôn, và định ngày cưới.

Trước tình thế này, cô cầu nguyện xin Chúa ban ơn trung thành với lời khấn hứa. Được ơn Chúa soi sáng, Aldêgôna đã bỏ trốn vào rừng cùng với hai nữ tì trong đêm trước ngày cưới. Cô sống trong một hang đá, đêm ngày chuyên chăm cầu nguyện và đọc sách Phúc âm... Khi biết tin hoàng tử Ôtôn đã lập gia đình, Aldêgôna trở về tạ lỗi và xin phụng dưỡng cha mẹ cho đến chết. Mấy năm sau hai ông bà lần lượt qua đời trong sự chăm sóc tận tụy của Aldêgôna, người con trinh khiết và hiếu thảo.

Từ đây, Aldêgôna được tự do sống đời tận hiến cho Thiên Chúa. Cô dành nhiều thời giờ cầu nguyện và suy gẫm Phúc âm, tìm mọi cách ăn chay hãm mình và thi hành việc bác ái, mở nhiều lớp dạy giáo lý. Tiếng nhân đức của cô chẳng bao lâu đã lan rộng khắp miền. Lạ hơn nữa, dù ăn chay đánh tội nhiều mà duyên sắc của Aldêgôna vẫn không hề suy giảm, trái lại mỗi ngày thêm tươi đẹp hơn, nhờ nếp sống điều độ và nhân đức.

Nhưng Chúa muốn Aldêgôna phải chống chọi một lần nữa. Hoàng tử Âutôn mặc dù đã lập gia đình, nhưng vẫn không dẹp được tình yêu quá mặn mà đối với Aldêgôna, chàng muốn cạy thế theo đuổi cô một lần nữa. Trong lúc cùng quẫn, Aldêgôna phải bỏ trốn với một lòng tin thác hoàn toàn vào Chúa. Để cảnh cáo hoàng tử Âutôn, Chúa đã cho chàng chứng kiến nhiều phép lạ Aldêgôna làm để tự vệ: cô chạy trong rừng rậm mà thân xác và áo quần không hề sây sứt, rách rưới, lội qua khe suối mà không hề ướt chân, rồi khi Âutôn đã đuổi theo gần đến Aldêgôna, chàng nhìn thấy hai thiên thần từ trời xuống hộ vệ cô. Lúc ấy, Aldêgôna càng trở nên xinh đẹp với một thứ phục sức thiêng là ánh sáng của hồng ân Thiên Chúa. Âutôn đành quay gót trở về, để cho Aldêgôna tự do sống đời đồng trinh.

71. SỬA HOÀI CHẴNG ĐƯỢC

Chủ trương của thánh Philipphê Nêri là sống vui vẻ, bình dân và bác ái để cảm hóa mọi người. Nhờ những đức tính ấy, mà giáo dân luôn tìm đến với ngài để xin được sự hướng dẫn tinh thần sống đạo. Một hôm, có một người đến tâm sự với thánh Philipphê Nêri:

– Thưa cha, con muốn sửa mình lắm, nhưng sửa hoài chẳng được. Con cảm dễ mạnh quá! Mạnh hơn con nhiều cha ạ!

Nhìn chàng thanh niên có thiện chí, cha Philipphê Nêri dịu dàng khuyên bảo:

– Hãy can đảm lên, cha đề nghị với con hai điều thôi: mỗi ngày con hãy đọc một kinh “Lạy Nữ Vương” và suy niệm đến cái chết. Con hãy cố gắng tưởng tượng xác con nằm dưới lòng đất, đôi mắt thối rữa ra, thân mình thì hôi hám, miệng đầy dòi bọ... Rồi con hãy tự nhủ: vì những thú vui xác thịt mà tôi như thế và mất nước Thiên đàng.

Nghe lời khuyên của cha Philipphê Nêri, chàng thanh niên ngày nào cũng cầu nguyện với Mẹ các kẻ đồng trinh và suy niệm về cái chết. Với sức phấn đấu và ơn Chúa ban, chàng đã giữ được tâm hồn trong trắng cho đến hơi thở cuối cùng.

72. VỊ GIÁO HOÀNG CỦA TRẺ EM

Trước năm 1910, trẻ em không được rước lễ vỡ lòng dưới 12 tuổi, nhưng đến thời thánh Giáo hoàng Piô X thì mọi sự lại đổi khác. Ngài cho lập một ban để xem xét việc cho trẻ em được rước lễ sớm hơn trong một thời gian khá dài và chu đáo. Đến ngày 08.8.1910, Đức Giáo Hoàng Piô X ra sắc lệnh “Quam Singulari” cho phép trẻ em được rước lễ khi tới tuổi khôn, biết các điều cần thiết về Thánh Thể, biết xưng tội, sắc lệnh này chứng tỏ ngài thấu hiểu tâm lý trẻ em hơn ai hết. Trong sắc lệnh này, ngài nhấn mạnh:

“Lúc con trẻ vừa có trí khôn, lòng còn trong trắng, còn gì quý đẹp, tốt lành hơn là cho Chúa Giêsu ngự trước vào đó. Và còn gì đáng tiếc, đáng buồn hơn là bắt chúng phải đói khát Bánh Hằng Sống lâu ngày, lâu tháng, đến khi Chúa ngự tới không gặp được lòng trong trắng ấy nữa.”

Sắc lệnh này được nhiều người tán thành ca tụng, nhưng cũng không thiếu những kẻ thờ ơ. Có điều chắc chắn rằng Đức Giáo Hoàng Piô X đã được ơn trên soi sáng không sai lầm, và ngày nay lợi ích của sắc lệnh đã nói lên điều ấy.

Năm 1912, hơn 400 trẻ em từ 7 đến 9 tuổi mới được rước lễ vỡ lòng từ Pháp đến Rôma chào Đức Giáo Hoàng Piô X để tạ ơn ngài. Ngài vui mừng sung sướng đón tiếp đoàn trẻ. Chính ngài đã soạn bài giảng bằng tiếng Pháp, đơn sơ, đầy tình âu yếm cha con và ngài tặng mỗi em một tấm ảnh kỷ niệm. Ngài thỏa lòng khi được ở giữa đám trẻ ngây thơ trong trắng như thiên thần. Đôi mắt ngài ứa lệ khi các em quỳ xuống hát bài ca quen thuộc “Oremus, pro pontifice nostro Pio... (ta hãy cầu xin cho Đức Giáo Hoàng Piô...). Ngài nói với Đức ông Bressan rằng biết bao lần tiếp khách, nào là ông hoàng bà chúa, nguyên thủ quốc gia, nông dân trí thức, kẻ giàu người nghèo đủ mọi thành phần trong xã hội, nhưng chưa bao giờ ngài cảm thấy sung sướng như lần này.

Cách đó ít ngày sau, một bà mẹ đưa con gái 4 tuổi vào chào Đức Giáo Hoàng. Lúc đầu em bé rụt rè, sợ sệt, đứng xa xa nhìn Đức Giáo Hoàng không chớp mắt. Nhưng một lát sau, em bé thấy ngài hiền lành nên em lân la đến gần, em bé đặt hai bàn tay bé nhỏ lên đầu gối Đức Giáo Hoàng rất tự nhiên. Ngài hỏi em bé đã rước lễ vỡ lòng chưa? Bà mẹ trả lời rằng mấy năm nữa

mới được rước lễ, vì chưa đủ tuổi. Ngài âu yếm nhìn em bé hỏi:

- Con biết rước lễ là rước ai không?
- Thưa Đức Giáo Hoàng, rước lễ là rước Đức Chúa Giêsu.
- Đức Chúa Giêsu là ai?
- Thưa Đức Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời.

Nghe em bé trả lời chững chạc, ngài nói với bà mẹ:

- Sáng mai bà đem cháu nhỏ tới, ta sẽ cho cháu rước lễ vỡ lòng.

Lần khác, có một phái đoàn vào châu Đức Giáo Hoàng, một bé gái 7 tuổi ngây thơ bước tới gần cảm ơn ngài vì nhờ có sắc chỉ của ngài mà em được rước lễ vỡ lòng sớm.

Đức Giáo Hoàng âu yếm hỏi:

- Vậy con đã rước ai vào linh hồn?
- Thưa Đức Giáo Hoàng, rước lễ là rước Đức Chúa Giêsu.
- Tốt lắm, mà Đức Chúa Giêsu ở trên trời hay ở dưới thế?
- Đức Chúa Giêsu ở trên trời, ngự trên bàn thờ cho con rước lễ.
- Vậy thì có hai Đức Chúa Giêsu, một Đức Chúa Giêsu ở trên trời và một Đức Chúa Giêsu ở dưới đất?

Em bé quả quyết trả lời:

- Thưa Đức Giáo Hoàng, không. Có một Đức Chúa Giêsu thôi, Đức Chúa Giêsu ở trên trời và Đức Chúa Giêsu ở trần gian trong phép Thánh Thể là một Đức Chúa Giêsu, chứ không có hai.

Đức Giáo Hoàng Piô X rất hài lòng khi thấy em bé trả lời cương quyết. Trong các buổi châu tiếp kiến thường có trẻ em theo, ngài hay hỏi các em về giáo lý, trẻ em thấy ngài đơn sơ hiền từ nên cũng dễ trả lời.

Từ khi sắc chỉ “Quam Singulari” của Đức Giáo Hoàng Piô X ra đời, Giáo hội được số đông con trẻ chết như những vị thánh, và hiện thời đang mở các cuộc điều tra để phong Chân phước. Các linh mục dòng Tên quả quyết rằng trong các trường thuộc dòng Tên điều hành, hề trường nào có số đông học sinh siêng năng rước lễ, hạnh kiểm và học vấn phát triển khả quan hơn. Không lạ gì khi ngày nay người ta gọi ngài là Giáo hoàng của con trẻ.

73. CON MUỐN ĐÁNH MỘT TRẬN KHÔNG KHOAN NHƯỢNG VỚI TỘI TRỌNG

Từ Rôma, Đức Giáo Hoàng Piô IX đã loan báo cho toàn thể Giáo hội Công giáo biết rằng ngài sẽ công bố tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ Maria vào ngày 08.12.1854. Lòng yêu mến Mẹ Maria của toàn thể thế giới Công giáo đã thức tỉnh người ta chuẩn bị mừng lễ rất long trọng. Tại nguyện xá của thánh Don Bosco ngay từ cuối tháng 11 năm ấy đã chìm trong một bầu khí đặc biệt: tuần 9 ngày dọn mừng lễ Mẹ Vô Nhiễm.

Cảm thấy mình được Mẹ Maria hướng dẫn soi sáng, tối nào cha Don Bosco cũng nói về Mẹ cho các bạn trẻ trong nguyện xá, khơi dậy lòng yêu mến Mẹ đến cao độ. Trong các buổi nói về Mẹ, cha thường hỏi xem chúng muốn biểu gì cho Mẹ Maria nhân ngày lễ trọng đại này. Thánh Đaminh Saviô đáp lại:

– Con muốn đánh một trận không khoan nhượng với tội trọng, và con muốn sốt sắng cầu xin Chúa và Mẹ chẳng thà bắt con chết còn hơn là để con sa ngã phạm tội.

Đây là sự lặp lại lời hứa mà vị thánh trẻ này đã đề ra cho mình trong ngày rước lễ lần đầu: “Thà chết chẳng thà phạm tội”. Câu này không phải do Đaminh Saviô tự nghĩ ra, mà là những lời cuối cùng trong kinh ăn năn tội mà vào thời ấy bốn đạo quen đọc sau khi xưng tội. Nhiều trẻ em đã tự nhận câu này làm lời hứa nhân dịp rước lễ lần đầu. Nhưng thật đáng buồn khi nghĩ rằng hàng ngàn trẻ em đã lãng quên lời hứa ấy. Đaminh Saviô thì ngược lại, cậu bé đã trung thành với lời hứa ấy cho đến hơi thở cuối cùng.

Ngày 08.12.1854, trước đông đảo các Hồng y, Giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân, Đức Giáo Hoàng Piô IX đã long trọng tuyên bố Mẹ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, như một chân lý đức tin rằng Mẹ Maria, ngay từ giây phút đầu đời của Mẹ, đã được Thiên Chúa giữ cho khỏi “Tội Nguyên Tổ”.

Hôm ấy, Đaminh Saviô đến quỳ trước bàn thờ Đức Mẹ trong nhà thờ thánh Phanxicô Salê, rút trong túi áo ra tờ giấy trên đó cậu đã viết mấy hàng chữ, đó là lời kinh tận hiến cho Đức Mẹ của Đaminh Saviô, một lời kinh nguyện ngắn sẽ trở nên nổi tiếng trong gia đình Salésien:

“Lạy Mẹ Maria, con xin dâng Mẹ trái tim con, xin Mẹ làm cho nó mãi mãi là của Mẹ. Lạy Chúa Giêsu và Mẹ Maria, xin hãy mãi mãi là bạn của con, nhưng, xin thương xót con, xin khiến cho con chết tức khắc còn hơn là bị rủa ro mắc phạm dù chỉ là một tội mà thôi.”

74. KHÔNG AI TRÔNG THẤY NGOẠI TRỪ THIÊN CHÚA

Có một người đàn bà phóng đãng kia muốn cám dỗ thánh Ephrem. Nó rủ ngài phạm tội, ngài đáp:

Người đàn bà phóng túng kia kêu lên:

– Làm sao, đời nào ai lại đi phạm tội trước mặt bao nhiêu người trông vào ư?

Thánh Ephrem vặn lại:

– Vậy ta lại phạm tội trước mặt Chúa, là Đấng hằng nhìn thấy ta mọi nơi mọi lúc sao?

Nghe câu trả lời khôn ngoan ấy, người đàn bà tội lỗi khóc nức nở, sấp mình xuống đất, xin ngài tha thứ và nài xin ngài đưa nó trở về đường rỗi linh hồn. Thánh Ephrem đưa người đàn bà ấy vào trong một nhà dòng, ở đó bà ăn ở lành thánh, và lúc nào cũng khóc lóc ăn năn tội lỗi mình cho đến chết.

Ngày kia, một người đàn bà tội lỗi tên là Thais đến cám dỗ thánh Paphnucê phạm tội, nó nói với ngài:

– Không ai trông thấy, ngoại trừ Thiên Chúa thôi.

Ông thánh liền kêu lên:

– Cô tin có Thiên Chúa trông thấy, mà còn muốn phạm tội ư ?

Câu nói ấy đã đánh động tâm hồn người đàn bà tội lỗi, nó tỉnh ngộ và bắt đầu cải thiện đời sống, từ bỏ con đường xấu xa trước. Sau đó, nó thu hết đồ đạc riêng như bàn ghế, quần áo, đồ trang điểm và những thứ nó kiếm được bởi cái nghề khả ố của mình, đem chôn cất lại giữa công trường và chôn lửa đốt sạch, rồi xin vào một dòng tu. Trong 3 năm trời, bà chỉ ăn cơm không với nước lã, và luôn than thở rằng:

– Hỡi Đấng đã dựng nên con, hãy đoái thương đến con cùng.

Sau ba năm đó, bà chết như một đấng thánh. Ngay khi ấy, một môn đệ của

thánh Antôn Bê trên là thầy Phaolô “đơn thật” được ơn soi sáng cho biết rằng bà đang ở trên trời, vào hàng ngũ các thánh và được ngồi một tòa cao sang vinh hiển.

KHIÊM NHƯỜNG THẨM SÂU

75. THẦY QUẢ LÀ CHẬM CHẠP !

Thánh Tôma Aquinô, một linh mục tiến sĩ lừng danh ở Paris, được chỉ định đi Bologna để lo cho vài lớp sinh viên ở đây.

Vào một buổi sáng, khi cha Tôma Aquinô đang đi dạo trong vườn, thì một thầy vôi vãi chạy tới:

– Cha Bê trên bảo tôi rằng người đồng hành với tôi là người đầu tiên tôi gặp. Vậy thầy đã sẵn sàng chưa?

Cha Tôma thấy rằng ông thầy tốt bụng này không biết cha là ai, nhưng cha vui vẻ trả lời:

– Dĩ nhiên tôi sẽ đi, nhưng thầy muốn tôi làm gì?

– Thầy cùng đi chợ với tôi và mang rau về nhà trước, còn tôi sẽ mua thêm ít đồ và về sau.

Hai người vôi vãi đi ngay, nhưng chẳng mấy chốc cha Tôma cảm thấy mệt mỏi. Cha Tôma đi lại rất chậm chạp vì nhiều năm chỉ làm việc đọc sách và giảng dạy, thân hình lại to mập, đến độ anh em dòng phải khoét bàn làm việc để bụng cha không bị vướng. Thầy trợ sĩ kia còn trẻ nên đi rất nhanh.

Thầy trợ sĩ quay lại hỏi:

– Thầy quả thực là chậm chạp! Thầy không biết rằng chúng ta phải trở về tu viện trước khi trời tối sao?

– Xin lỗi thầy tôi không quen đi bộ.

Cuối cùng, khi tới gần cuối chợ, chỗ mua bán, cha Tôma gặp vài linh mục và sinh viên quen biết. Họ hết sức ngạc nhiên khi thấy cha khập khiễng với những gói hàng trên tay. Họ la lên:

– Cha Tôma, cha làm gì ở đây?

– Tôi muốn giúp thầy trợ sĩ việc chợ búa, ít nhất là tôi cố gắng giúp thầy.

Lập tức, họ bắt đầu quay qua chất vấn thầy trợ sĩ rằng không tinh tế khi xin một linh mục quá bận bịu đi giúp việc mua bán.

– Thầy không biết đây là cha Tôma, giáo sư ở Paris sao?

Thầy trợ sĩ chết điếng người. Dĩ nhiên thầy đã nghe về việc cha Tôma tới Bologne, nhưng thầy đã không ngờ ngài là người này đây.

Thầy nói như van xin:

– Ôi cha Bê trên sẽ nói gì? Các tu sĩ khác sẽ nói gì? Cha Tôma, xin tha lỗi cho con!

Và thầy quì xuống dưới chân cha, mặt tím đi và đầy nước mắt như cậu bé đáng thương. Cha Tôma nâng thầy dậy và nói:

– Không sao cả, không phải hối hận gì, không có gì là sai khi mang rau củ qua đường phố. Có dờ là do ông tiến sĩ ở đại học mà không hữu dụng gì hơn ngoài việc giảng dạy và viết sách. Hơn nữa, vì cha Bê trên bảo thầy kiếm người đầu tiên. Tôi là người thứ nhất ấy. Như vậy cả hai đã được Chúa chúc lành vì vâng lời theo ý Bê trên.

76. ĐỪNG BUỘC MÌNH BẰNG DÂY XÍCH SẮT !

Một ngày kia, các đan sĩ đem đến cho thánh Viện phụ Biển Đức một tin mới. Không phải chỉ mình họ sống trên đỉnh núi Montê Cassinô, cách đó không xa có một nhà ần tu tên là Máctinh, và vì muốn trung thành với ơn gọi khó khăn của mình, ông đã tự xích chân vào một tảng đá lớn. Dẫu mưa nắng hay tuyết sa, không bao giờ ông rời khỏi hang của mình. Một đan sĩ kinh ngạc nói:

– Ông ta sống một cuộc đời rất khắc khổ, thưa Đan phụ, chắc ông ấy phải là một thánh nhân.

Cha Biển Đức mỉm cười, cha đã bỏ ra rất nhiều thời giờ để đọc về đời sống các nhà ần tu. Nhưng cha đã bắt đầu có khuynh hướng hoài nghi các nhà ần tu. Chính cha cũng một thời sống ần tu. Sống đơn độc ba năm trời trong rừng, cha hiểu rằng một số người lánh thân vào sa mạc chỉ vì muốn trốn tránh trách nhiệm, và để khỏi vâng phục một Bề trên, họ tự cho rằng mình rất thánh thiện vì họ sống một cuộc đời rất khắc khổ, nhưng lòng dạ đầy tự ái kiêu căng. Cha Biển Đức dịu dàng nói:

– Chúng ta hy vọng rằng nhà ần tu Máctinh là một vị thánh. Nhưng trong khi chờ đợi, xin một trong các thầy cho cha gửi lời nhắn thăm ông ấy và nói với ông ấy rằng: Nếu ngài thật là một tôi tớ Thiên Chúa, thì đừng buộc mình bằng dây xích sắt, nhưng bằng dây bác ái của Chúa Kitô.

Cha Biển Đức chờ xem phản ứng của vị ần tu này thế nào? Liệu ông có kiêu căng vì việc hy sinh của mình không?

Vị ần sĩ gầy còm ân cần đón tiếp các đan sĩ của Biển Đức. Vị đan sĩ nhắc lại những lời cha Biển Đức nhắn gửi: “Nếu ngài thật là một tôi tớ Thiên Chúa, thì đừng buộc mình bằng dây xích sắt, song bằng dây bác ái của Đức Kitô”.

Nhà ần tu già nua rất đổi kinh ngạc. Lời nhắn gửi đó thật là kỳ lạ đối với một người đã tự chọn một cuộc sống khắc khổ hầu cứu rỗi linh hồn mình và nhiều linh hồn khác nữa, nhưng ông không phiền trách nửa lời, ông đơn sơ nói:

– Cha Đan phụ thật là một vị thánh, xin quý thầy giúp tôi làm như người dẫn.

Thế rồi vị đan sĩ và nhà ẩn tu dùng những viên đá nhọn, đập phá được cái xích sắt. Từ đó, Máctinh vẫn trung thành với ơn thiên triệu của mình, chỉ vì lòng mến Thiên Chúa thôi.

Khi hay tin ấy, cha Biển Đức rất vui mừng. Đối với cha, đức vâng phục là một trong những điều kiện căn bản để được sống hạnh phúc. Sự vâng lời nhanh chóng chứng tỏ rằng đức khiêm nhu đã ăn rễ sâu trong tâm hồn. Lúc bấy giờ mới thật là tâm hồn ấy đang bước đi trên con đường thánh thiện. Cha nói với các môn đệ của mình:

– Chúng ta có thể học được một bài học nơi nhà ẩn tu Máctinh. Ông ấy là một người tốt lành.

77. BIẾT ĐAU HỌ Ở TRÊN CHÚNG TA

Tuy là lãnh tụ cao nhất của Giáo hội Công giáo, nhưng thánh Piô X Giáo hoàng luôn sống khiêm nhường, đơn sơ giản dị. Ta sẽ thấy qua mấy giai thoại sau:

Đức Giáo Hoàng Piô X luôn có thái độ tôn trọng yêu quý, dầu khi sai khiến những người giúp việc trong điện Vatican, ngài nói với giọng ôn tồn tình nghĩa cha con. Có người cho rằng những cử chỉ đó không xứng hợp với địa vị của ngài. Ngài liền cảnh cáo họ:

– Các ông hãy coi chừng, kẻ các ông gọi là bề dưới, ngày sau trước tòa Chúa, biết đâu họ ở trên chúng ta.

Trong việc ăn uống, Đức Giáo Hoàng dùng bữa rất đơn giản. Lúc lên ngôi Giáo hoàng, người đầu bếp ở điện Vatican ra mắt và xin ngài cho biết phải dọn những món gì cho ngài dùng thường ngày. Ngài nhìn người đầu bếp với nét mặt tươi cười thân thiện rồi nói:

– Sớm mai, ta dùng một tách cà phê đậm mà thôi, bữa trưa một món cháo, một món đậu và một món khoai. Chiều một món khoai và một món đậu.

Tất cả có thể thôi ư? Người đầu bếp vô cùng ngạc nhiên vì bữa ăn của vị thủ lãnh Giáo hội Công giáo quá đơn giản, người đầu bếp chỉ còn một nước bái chào ngài và rút lui.

Đức Giáo Hoàng không bao giờ phàn nàn về món ăn hay tỏ dấu muốn ăn món này món khác. Nhà bếp dọn sao ngài dùng vậy, không đòi hỏi kêu ca, luôn hài lòng.

Đức Giáo Hoàng Piô X đơn sơ, khiêm tốn cả trong việc phân xử. Một lần kia, có mấy ông đại diện cấp cao ở Palerme nước Ý đến yết kiến Đức Giáo Hoàng, xin ngài cử người thế vị Tổng Giám mục mới qua đời. Mấy ông này yêu cầu đề cử một vị con nhà quý tộc, có bằng tiến sĩ thần học... Đức Giáo Hoàng bình tĩnh nghe lý lẽ các ông trình bày rồi mỉm cười trả lời:

– Ta biết trước kia có một cha phó, không phải con nhà quý tộc, cũng không

có bằng tiến sĩ, lên làm cha sở, ít lâu sau không có bằng tiến sĩ, lên làm Giám mục. Và dù không phải con nhà quyền quý và cũng chẳng có bằng cấp cao lên làm Hồng y giáo chủ, rồi ít lâu sau nữa đắc cử Giáo hoàng, dù không phải là con nhà quý tộc và cũng không có bằng cấp tiến sĩ. Đức Giáo Hoàng đó là người đang nói với các ông đây.

Nghe vậy, các ông này không dám yêu cầu đề cử một vị Giám mục theo ý riêng mình nữa.

78. BỊ MỜI RA KHỎI CHỨNG VIỆN VÌ HỌC QUÁ KÉM

Thánh Gioan Maria Vianey bắt đầu học tại đại chủng viện vào tháng 10.1813, khi ấy 27 tuổi. Chủng sinh Vianey là một người rất hiền lành, khiêm tốn, luôn bỏ ý riêng, thánh thiện, có lòng yêu mến Chúa Giêsu Thánh Thể và Mẹ Maria cách đặc biệt. Nhưng về việc học thì thầy Vianey lại quá kém.

Trong các chủng sinh, không ai khao khát làm linh mục như thầy Vianey, nhưng xét về học vấn, thì thầy khó có hy vọng được làm linh mục. Dù đã cố gắng nhiều, nhưng việc học của thầy vẫn chẳng khá hơn được bao nhiêu, điều này khiến cho thầy rất buồn phiền. Học ở chủng viện được một thời gian ngắn, các Bề trên chủng viện quyết định cho thầy Vianey thôi học. Các thầy bạn thầy thế hết sức tiếc xót, nhưng thầy vâng theo ý Bề trên mà về.

Về sau, khi ai hỏi về những đau khổ đã gặp, thầy Vianey không bao giờ dám nhắc đến nỗi đau khổ ấy, vì nó quá cay đắng đối với thầy. Như vậy là coi như hết hy vọng làm linh mục. Về thế gian thì thầy không muốn, chỉ khao khát dâng mình cho Chúa thôi. Thầy định xin vào một dòng tu, nhưng cha Balley nói thánh ý Chúa muốn thầy làm linh mục. Vâng lời cha, thầy Vianey lại cố sức học thêm. Cha Balley dạy thầy theo cuốn thần học tóm lược. Nhờ vậy, thầy mới hiểu phần nào về những điều đại cương cần thiết, còn phần thiếu, thì thầy trông cậy.

Nhưng thấy mình thiếu trí mẫn, thầy Vianey cảm thấy rất cực lòng, nhờ có nhân đức và ơn Chúa giúp, thầy mới khỏi thất vọng.

Gần đến kỳ phong chức trong giáo phận, cuối tháng 5 sẽ khảo hạch đại chủng sinh để chọn người tiến chức. Cha Balley nghĩ giáo phận đang thiếu linh mục, Gioan Vianey đã 29 tuổi, nếu còn hy vọng được làm linh mục, thì ít nhất dịp này phải chịu bốn chức. Vì thế, cha đánh liều cho thầy đi chịu khảo hạch. Thầy rời chủng viện đã lâu, nay trở lại với lòng hoan hỉ thành thật. Khi vào phòng, thấy cha Tổng đại diện và các cha giáo sư nổi tiếng thông thái, thầy Vianey đã lo lắng rồi; lúc tới phiên mình, quá bối rối nên chẳng hiểu sao thầy trả lời không đúng gì hết.

Các cha giáo khảo hạch cũng hoang mang: một phần vì kính nể cha Balley, một phần thầy Vianey không trả lời được câu nào, nên không quyết đoán

được. Họ đành trả lời quanh:

– Thầy Gioan Vianey có muốn làm linh mục thì xin gia nhập giáo phận khác, miễn là giáo quyền giáo phận ấy ưng thuận.

Chiều hôm đó, về tới Ecully, thầy Vianey thừa lại công việc với cha Balley, vị linh mục tốt lành này nghe vậy thì biết đã gặp bước hiểm nghèo rồi. Sáng hôm sau, cha về Lyon gặp linh mục Groboz, thư ký Tòa Giám mục, vị đã giải tội bao đồng cho thầy Gioan Vianey. Hai cha sang gặp linh mục Tổng đại diện, nói rõ về sự thánh thiện của thầy Vianey từ lúc còn nhỏ đến bây giờ. Cha Tổng đại diện tin lời hai vị linh mục có uy tín ấy và hứa sẽ giúp đỡ. Cha Balley còn mời được cha Tổng đại diện và cha Bê trên đại chủng viện về Ecully để khảo hạch lại thầy Vianey. Khi được khảo hạch lại, thầy Vianey đã thừa lại xuôi xắn. Cha Tổng đại diện ghi tên thầy vào sổ tiến chức, song được hay không được tiến chức thì ngài không có quyền quyết định.

Vì đang trong thời kỳ nước Pháp bị các nước khác xâm chiếm vua Napoléon phải thoái vị, nên Đức Hồng y Tổng Giám mục giáo phận Lyon là thân nhân của nhà vua, phải trốn sang Rôma, ngài trao quyền cai quản giáo phận cho cha Courbon làm Nhiếp chính. Cha Nhiếp chính là người đơn sơ nhân từ, ngài hỏi các cha về thầy Gioan Vianey mấy điều như: Thầy có nhân đức không? Có kính mến Đức Mẹ không? Có biết lần hạt Mân côí không? Khi nghe biết thầy Gioan chẳng những rất nhân đức mà còn là gương các nhân đức, thì cha Nhiếp chính bằng lòng ngay. Theo cha Nhiếp chính thì có nhân đức đã đủ, mọi điều khác có thiếu thì Chúa sẽ bù cho đủ.

Mặc dù học hành rất kém cỏi, nhưng khi đã thụ phong linh mục rồi, cha Gioan Vianey vẫn chăm chỉ học thêm để làm ích cho các linh hồn. Và ơn Chúa cũng luôn giúp sức cho cha nữa.

79. QUAN TỔNG ĐỐC PHẢI LÀM GIÁM MỤC

Thánh Ambrôsiô được tiến cử làm tổng đốc miền Liguria và Emilia thuộc miền Bắc nước Ý vào khoảng năm 370. Vào thời kỳ đó, những thành phố chính trong đế quốc đều rối ren vì thuế má nặng nề và thường bị khủng bố tàn phá; trái lại, ở Milanô, nhờ tài cai trị của quan tổng đốc Ambrôsiô mà dân chúng có được bình an trật tự. Cách cai trị khôn ngoan và nhân từ của ngài khiến cho dân chúng không phải lo âu, khổ sở. Họ cảm phục và yêu mến nhà cầm quyền trẻ tuổi liêm khiết và nhân từ như một người cha.

Nhưng thành phố Milanô lúc bấy giờ cũng còn gặp nhiều khó khăn về vấn đề tôn giáo. Người đứng đầu giáo đoàn Milanô là Giám mục Auxenciô thuộc lạc giáo Ariô. Vì thế dân chúng chia rẽ nhau, một bên về phe Công giáo, một bên về phe lạc giáo Ariô. Năm 373, Auxenciô mất, dân chúng lại càng phản đối nhau kịch liệt trong việc tuyển chọn vị Giám mục mới, bên nào cũng muốn đưa người của mình lên làm Giám mục kế vị. Các Giám mục trong giáo tỉnh họp nhau để bầu, đã cử một phái đoàn đến hỏi ý kiến hoàng đế Valentinô. Trong khi đó, những người theo phe lạc giáo tụ tập rất đông vây quanh nhà thờ la hét om sòm, khiến cho bầu không khí trở nên náo nhiệt và sôi nổi, vì mỗi bên đều muốn có Giám mục thuộc phe mình.

Trong thành phố Milanô, dân chúng sửa soạn những cuộc nổi loạn, vấn đề an ninh càng trở nên nghiêm trọng khó tránh khỏi đổ máu. Để tránh những trường hợp xấu có thể xảy ra, tổng đốc Ambrôsiô đã đến can thiệp, giúp dân chúng lấy lại bình tĩnh. Khi tổng đốc vừa nói mấy lời phủ dụ dân chúng thì bỗng có tiếng một đứa trẻ kêu lên:

– Ambrôsiô làm Giám mục!

Thật lạ lùng, không ai bảo ai cả, mọi người đồng thanh hô lớn:

– Ambrôsiô làm Giám mục! Ambrôsiô làm Giám mục.

Tiếng hô vang dậy cả nhà thờ, khiến hàng giáo sĩ đồng thanh chấp thuận và tuyên bố Ambrôsiô làm Giám mục giáo đoàn tỉnh Milanô. Ambrôsiô tuy là con của một gia đình Công giáo, nhưng đã hơn 30 tuổi rồi mà ngài vẫn chưa chịu phép Rửa tội, lại cũng chưa học đạo mấy. Ngài vịn vào lẽ đó để từ chối

chức Giám mục, đàng khác ngài cũng tự cho mình không xứng đáng, cũng như không đủ tư cách để lãnh nhận chức vụ đó. Và để tỏ rõ thái độ, ngài làm ra vẻ rất ác nghiệt khi xử kiện, mặc dầu bình thường ngài là vị quan rất thanh khiết và nhân từ. Ngay chiều hôm đó, ngài đã kết án hành hình một phạm nhân trước khi tra hỏi. Rồi tối đến, ngài còn tổ chức một buổi khiêu vũ và cho mời cả những vũ nữ đến dự. Ngài tưởng rằng làm thế là người ta sẽ không chọn ngài làm Giám mục nữa ư?

Nhưng Ambrôsiô đã lầm, dân chúng biết quá rõ ngài là vị quan công chính và thanh khiết, họ quá biết rằng ngài làm như thế là để từ chối chức vị Giám mục. Một lần nữa họ đồng thanh hô lớn:

– Lỗi của ngài chúng tôi xin chịu thay. Ambrôsiô phải làm Giám mục.

Bao nhiêu hành động để tỏ ra mình xấu xa, mà dân chúng vẫn cứ nhất định chọn Ambrôsiô làm Giám mục. Quá thất bại, nhà cầm quyền trẻ tuổi ấy liền tìm cách lẩn trốn. Đến đêm, Ambrôsiô trốn ra khỏi thành và đi ẩn mình trong nhà một người bạn ở miền quê. Nhưng trốn đâu cũng không thoát, người ta lại tìm thấy ngài. Bị thúc bách quá, Ambrôsiô liền tung ra một kế hoạch sau cùng là nài đến tòa án Cêsarê, vịn lý rằng ngài là công chức của nhà vua, nên thuộc quyền vua phân xử và quyết định. Dân chúng vẫn không chịu thua, vẫn nhất định muốn ngài phải làm Giám mục. Ambrôsiô không ngờ rằng hoàng đế Valentinô và các bạn lại có lời khẩn khoản xin ngài làm Giám mục, lưỡng lự mãi và cuối cùng ngài đành ưng thuận.

Việc đầu tiên cần phải làm để được tấn phong Giám mục là Ambrôsiô phải lãnh nhận các bí tích. Vậy trước hết Ambrôsiô phải chịu phép Rửa tội để trở thành con Chúa và gia nhập Hội thánh Công giáo. Có lẽ, ngài muốn để một thời gian khá lâu sau khi chịu phép rồi mới thụ phong Giám mục. Song vì dân chúng thúc bách, ngài đã chịu chức và hành lễ ngay tám ngày sau khi chịu phép Rửa tội. Hôm ấy là ngày 07.12.373.

80. MẤT THỜI GIỜ ĐỂ BẢO VỆ KẺ KHỐN NẠN

Thánh Vinh Sơn Phaolô là một tông đồ nổi tiếng về đức bác ái. Nhưng không phải vì thế mà ngài được mọi người quý mến, trái lại, có một số người vì ghen tương đã tố cáo và nói xấu ngài đến độ một ngày kia ngài cầm bút để viết những lời biện hộ cho mình. Nhưng rồi ngài đã xé ngay những gì vừa viết, và tự nhủ:

– Hỡi kẻ khốn nạn, người mất thời giờ để bảo vệ người, trong khi Chúa Giêsu đã chịu chết vô phương tự vệ trên thập giá.

81. BÁN ÁO KINH SĨ LẤY TIỀN NUÔI NGƯỜI NGHÈO

Tuy chỉ là cha xứ của một xứ đạo nhỏ bé, nhưng thánh Gioan Vianey đã nổi tiếng khắp nước Pháp. Tại xứ Ars này, ngày nào người ta cũng kéo đến đông nghịt để xưng tội, dự lễ và nghe cha Gioan Vianey giảng. Ai cũng nhìn nhận cha có công trạng lớn lao, cần được phần thưởng xứng đáng.

Cuối năm 1852, Đức cha Chalandon quyết định tặng thưởng cha Gioan lên chức Kinh sĩ, xét vì cha có công nghiệp nhất trong hàng giáo sĩ của địa phận. Đức cha đến xứ Ars cùng với cha tổng đại diện Poncet. Nghe tin có Đức cha đến, cha phó xứ Ars là Raymond ra đón ở cửa nhà thờ. Còn cha Gioan được tin, vội mặc áo các phép ra cửa nhà thờ hầu dâng nước thánh cho Đức cha theo thói quen cũ. Đây là lần gặp Đức cha Chalandon đầu tiên kể từ khi ngài lên làm Giám mục chính của giáo phận, nên cha Gioan muốn nói mấy lời chúc mừng Đức cha. Nhưng không để cha kịp nói, Đức cha liền nhanh tay lấy ra một vật quý. Đó là chiếc áo may bằng lụa đen lẫn với lụa đỏ, bốn phía viền một thứ da mỏng, rất mịn màng và láng bóng. Hiểu ý Đức cha muốn gì, cha Gioan vội nói:

– Xin Đức cha đừng trao cho con, nhưng cho cha phó, cha phó mặc xứng hợp hơn con.

Nhưng vô ích, cha Poncet và cha Raymond liền mặc chiếc áo kinh sĩ cho cha Gioan. Lúc mặc vào, cha Gioan cố sức cởi ra, đang khi dùng dằng đó, Đức cha đã cài cúc áo được rồi, và xướng kinh Chúa Thánh Thần mà vào nhà thờ. Thường thì khi được thưởng chức tước, người ta hân hoan vui sướng, nhưng cha Gioan lại ủ rũ như tội nhân bị buộc cổ lôi ra pháp trường xử quyết. Cha chạy trốn ra phía sau bàn thờ. Ông bá tước đi theo, thấy cha Gioan ra sức cởi áo kinh sĩ, ông nói:

– Nếu cha cởi áo ra như thế, ắt thẹn mặt Đức cha.

Nghe vậy, cha Gioan mới không cởi nữa. Nhưng khi Đức cha đã về, lòng cha Gioan mới an tĩnh lại. Kinh sĩ Vianey quyết định bán chiếc áo ấy để kiếm tiền làm một việc dự tính. Cha Gioan muốn để cho cha Borjin chiếc áo ấy để lấy 12 quan mà ông không chịu. Cha Gioan bán lại cho cô Maria Ricotier. Cô này thấy cha bán áo rẻ quá, nên đã đi dò hỏi thì biết áo này do tu viện Thánh

Giuse ở Bourg làm với giá 50 quan. Và cô đã đưa cha 50 quan.

– Áo này từ nay là của con, nhưng con xin biểu cha để cha dùng.

Được giá cao, cha Gioan vui vẻ trả lời:

– Giá Đức cha cho tôi cái nữa, tôi bán kiếm tiền thêm.

Rồi cha bảo cô Maria đưa áo ấy về:

– Sau này nếu Đức cha có bắt cha phải mặc, thì có sẵn ở nhà con rồi.

Đến ngày 04.11.1852, cha Gioan viết thư gửi Đức cha nói cho ngài biết cha rất vui mừng vì quà tặng của Đức cha đã bán được 50 quan, lấy tiền ấy để lập công quỹ tĩnh tâm cho một giáo xứ.

Sự kiện người tứ xứ tuôn đến xứ Ars, nếu xét bề ngoài, cũng là có ích chung. Các quan chức tỉnh Ain đều nhìn nhận cha Gioan Maria Vianey không những đáng mến phục, mà còn là một ân nhân của mọi người nữa. Thời bấy giờ có rất nhiều người muốn chống báng đạo thánh và đức tin, mà có một linh mục thánh thiện như cha Gioan, thật hết sức lạ. Mọi người đều hoàn toàn tin tưởng cha, công nhận cha là thánh Vinh Sơn thứ hai, hết lòng mến Chúa yêu người.

Tháng 6.1855, quan tri huyện Trévoux là hầu tước Castellane đã trình cho ông tỉnh trưởng xin cho cha Gioan được ân thưởng, nhân dịp ông đi lễ mừng hoàng đế Napoléon III, tâu xin cho cha Gioan Maria Vianey được ân thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh.

Ngày 11.8.1855, bộ trưởng lễ nghi cho Đức cha Chalandon biết có chỉ dụ của hoàng đế ân thưởng ngũ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh cho cha Gioan Vianey. Ngày 15.8, báo chí loan tin về việc khen thưởng này. Đích thân bá tước Garets là lý trưởng làng Ars đưa tin cho cha Gioan, cha điềm nhiên hỏi:

– Được đặc ân như thế có được lương bổng nào không?

– Không có lương bổng tiền của gì, đó chỉ là một phần thưởng danh dự.

– Kẻ nghèo khó chẳng được nhờ đó chút gì, xin ông tâu lên hoàng đế: tôi không muốn lĩnh ân thưởng ấy.

Nhưng ông lý trưởng đã không tâu như ý cha Gioan muốn.

Ít lâu sau, một linh mục gửi lời chúc mừng cha Gioan: “Mừng cha được chính quyền và giáo quyền ân thưởng. Chúa sẽ không quên ân thưởng cho cha trên Thiên đàng”. Nhưng cha Gioan đã trả lời: “Đó là điều làm tôi lo sợ, khi tôi chết mà đem phần thưởng ấy ra trước tòa Chúa, hẳn Chúa sẽ xua đuổi tôi rằng: Mày xéo đi cho rãnh, mày đã được phần thưởng rồi”.

Nhà nước ủy thác cho Đức cha Chalandon đến gắn huy chương cho cha Gioan, nhưng Đức cha không làm ngay mà đợi đến tháng 11. Trong khi đó, tòa chương án gửi thư cho cha Gioan yêu cầu cha phải gửi 12 quan sở phí gửi đi bằng cấp và huy chương. Cha Gioan giật mình kêu lên:

– Á, sao được, để 12 quan tiền nuôi được 12 người.

Và cha Gioan đã không gửi tiền sở phí. Cha Toccanier biết, nên bí mật gửi lên tòa chương án 12 quan.

Về sau, cha Gioan nói:

– Tôi không gửi 12 quan mà người ta cũng gửi huy chương cho tôi đấy.

Khi gặp ông tỉnh trưởng cha Gioan nói:

– Nhờ ông đem huy chương thưởng cho người khác xứng đáng hơn. Phần tôi, tôi muốn được một số tiền để nuôi người nghèo hơn chiếc huy chương ấy.

Ngày ấn định trao huy chương đến, Đức cha Chalandon nhớ lại chuyện ba năm trước về chiếc áo kính sĩ, thì chắc huy chương cũng không khỏi bị bán đi mà nuôi người nghèo. Vì thế, Đức cha khôn ngoan phái cha Toccanier làm đại diện. Cha này dặn trước mấy sư huynh dạy ở trường, hai cô Lassagne và Filliat một kế hoạch. Khi cha Gioan ở trong phòng, cha Toccanier đưa cho cha Gioan một hộp nhỏ có ấn của hoàng đế nói:

– Hộp này có lẽ là dấu thánh người ta gửi cho cha.

Cha Toccanier vừa nói xong, nhóm các sư huynh và hai cô đợi ở cầu thang cũng bước vào. Cha Gioan không biết đó là mưu kế, muốn tôn kính dấu thánh, cha liền mở ra và reo lên:

– Đúng thật là dầu thánh.

– Cha xem, trên có thánh giá, xin cha làm phép vật này.

Khi cha Gioan làm phép xong, cha Toccanier nói:

– Bây giờ cha bằng lòng để con đeo trên ngực cha một chút.

Cha Gioan nghiêm nghị nói:

– Ngày trước vua Totila sai quân hầu cận cải trang thành ông vua, đến gặp thánh Biển Đức thì thánh nhân bảo: “Quan hãy cởi bỏ y phục này đi, nó đâu có phải là của quan”. Bây giờ tôi cũng phải cảnh giác lắm kẻo người ta bảo tôi như vậy?

Rồi cha Gioan đưa huy chương cho cha Toccanier:

– Tôi hân hoan cho cha huy chương này, cha cũng hân hoan nhận lấy.

Cha Gioan không chịu đeo huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh, cả đời cha chỉ đeo có một lần khi cha đã qua đời, người ta đặt nó trên quan tài.

THANH BÀN VÀ GIẢN DỊ

82. ÔNG VUA GIẢN DỊ

Vì từ nhỏ, thánh vương Louis IX (1214 – 1270) đã được mẹ dạy cho cách sống giản dị, nên khi lên ngôi vua Louis thích mặc trang phục đơn giản, ngược với trang phục của vua chúa thế kỷ XIII, ngài chỉ dùng vải thô. Điều này tất nhiên làm cho hoàng hậu Magaritte không hài lòng. Nghe bà phàn nàn, vua Louis đáp:

– Tốt hơn cả là sống đơn sơ như Chúa đã dạy.

Đức vua nói tiếp:

– Luật hôn nhân đòi buộc người vợ làm thỏa lòng chồng. Chúng ta nên tôn trọng nhau. Vậy nếu trăm mặc y phục của nàng và nàng mặc y phục của trăm được không?

Kể từ đó, hoàng hậu không nói thêm điều gì nữa về trang phục của đức vua.

Và ông vua giản dị này cũng không quên dạy cho các hoàng tử và công chúa:

– Khôn ngoan hơn cả là tránh ăn mặc diêm dúa, các con hãy ăn mặc thế nào để người lớn không trách chúng con quá trưng diện, và để các bạn đồng lứa không chê chúng con quá tồi tệ!

Trong thư gửi cho công chúa Isabelle là ái phi của vua Navarre, vua Louis IX viết:

“Tốt hơn cả là hãy dùng tiền của để làm phúc bố thí hơn là may y phục với những đồ trang sức đắt tiền, bởi Chúa dạy chúng ta phải có lòng yêu mến tha nhân.”

83. KHỔ SỞ LÀ TẠI CỨ BẮM LẤY CỦA CẢI

Thánh Macariô là một ẩn sĩ xứ Ai Cập (thế kỷ IV). Ngài sống đơn sơ khó nghèo và liên lỉ trong cầu nguyện.

Một hôm, Macariô và một tu sĩ già khác chèo thuyền trên sông. Lúc đó, có một con thuyền khác cũng bơi trên sông với các ngài. Mấy vị võ quan trên thuyền sau thấy hai ông già vẻ mặt hồn nhiên sung sướng, liền nói nhỏ với nhau:

– Các vị trông kia, hai lão già nghèo xơ xác mà sống vui vẻ không?

Macariô nghe thấy, ngài đáp lại một cách hài hước:

– Phải, các quan nói đúng đấy, chúng tôi là Macariô (tiếng Ai Cập nghĩa là sung sướng) thì sao lại không sung sướng. Nhưng chúng tôi có được hạnh phúc là vì đã khinh chê của cải thế gian, còn các ông, trái lại, khổ sở là tại cứ bám lấy của cải và làm nô lệ chúng.

Lời nói đó thành thực và có sức cảm hóa lạ thường, đến nỗi sau này một người trong bọn họ đã về phân phát hết của cải rồi đến xin làm môn đệ của Macariô.

84. KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ MẸ CON GÌ CẢ, THIÊN CHÚA LÀ TRÊN HẾT

Thánh Gioan Bôscô sinh vào ngày lễ Đức Mẹ lên trời năm 1815, tại nước Ý. Sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo khó, lại mồ côi cha từ lúc 2 tuổi.

Năm 19 tuổi, đã từ lâu Gioan khát vọng được trở thành linh mục, nhưng Gioan phải đối mặt với sự nghèo khó, chàng không muốn chắt gánh nặng cho người mẹ nữa. Nên Gioan đã xin nhập dòng Phanxicô, nhờ quen biết với một số tu sĩ dòng này, họ sẽ xin miễn chuẩn tiền lệ phí lúc nhập học cho Gioan.

Cuối tháng tư năm 1834, Gioan đến gặp cha xứ xin giấy giới thiệu. Cha Don Dasano nhìn chàng sững sốt:

– Con mà vào tu dòng à! Con đã nghĩ kỹ chưa đấy?

– Con thấy hình như là rồi.

Mấy hôm sau, cha Don Dasano đến gặp mẹ của Don Bosco là bà Margarita khuyên:

– Gioan muốn làm linh mục dòng Phanxicô nhưng tôi thấy dường như con trai bà thích hợp với công tác của một họ đạo hơn. Nó có tài ăn nói, biết cách lôi kéo sự chú ý của lớp trẻ, biết tranh thủ cảm tình của mọi người. Lý do nào mà lại đến mai danh ẩn tích trong một tu viện chứ? Với lại, bà đâu có dư giả gì, lại có tuổi rồi. Có một đứa con trai làm cha xứ, sẽ có thể giúp bà phần nào, nếu Gioan làm linh mục dòng sẽ là một sự mất mát đối với bà. Tôi tin là bà nên tác động đến Gioan nhằm chuyển hướng dự án ấy.

Mẹ Margarita vội vắt một tấm khăn lên vai và lên đường tới Chieri gặp con.

– Cha xứ nói với mẹ là con tính vào tu viện thật không đấy?

– Thật, mẹ ạ! Con tin rằng là mẹ không có gì phản đối lại khát vọng của con.

– Hãy nghe mẹ nói đây, Gioan, mẹ muốn là con hãy suy nghĩ cách nghiêm túc và bình tĩnh.

Khi con đã hạ quyết tâm rồi, thì đi theo con đường của mình mà khỏi còn lo cho bất cứ ai. Điều cốt yếu, đó là con hãy chấp hành thánh ý Chúa, cha xứ muốn rằng mẹ sẽ làm con đổi ý vì sau này mẹ sẽ cần đến con. Nhưng trong việc này không có vấn đề mẹ con gì cả. Thiên Chúa là trên hết. Mẹ chẳng muốn gì, chẳng trông mong gì con cả. Mẹ đã sinh ra nghèo khó, mẹ đã sống nghèo khó, mẹ muốn chết nghèo khó. Và thậm chí mẹ còn nói ngay với con là: nếu con trở thành linh mục và giả như mà chẳng may trở nên giàu có, thì mẹ sẽ không bao giờ còn đặt chân tới nhà con nữa đâu. Con hãy nhớ kỹ như vậy.

Những lời đầy cương nghị của bà mẹ quê ấy, Gioan suốt đời chẳng bao giờ quên.

Gioan Boscô định vào tu dòng Phanxicô, nhưng sau đó, theo lời chỉ dẫn của cha linh hướng, Gioan xin gia nhập chủng viện để trở thành linh mục triều.

Ngày 30 tháng 10, Gioan phải có mặt ở chủng viện. Lúc Gioan đang sắp xếp đồ đạc vào vali, mẹ Margarita gọi riêng ra và bảo:

– Gioan à, con nay đã mặc tu phục. Mẹ đang cảm thấy tất cả niềm vui mà một người mẹ có thể cảm nhận được. Tuy nhiên, con phải nhớ không phải áo quần làm cho con được trọng vọng (chiếc áo không làm nên thầy tu) mà chính là đức hạnh. Giả sử, một ngày nào đó, con nghi ngờ về ơn gọi của mình thì xin con, vì lòng mến Chúa, chớ có gây ô nhục cho tấm áo này, hãy lập tức cởi bỏ nó ra, mẹ thích chẳng thà con trai của mẹ là một người dân quê hơn là một linh mục biếng nhác với các bổn phận của mình. Ngày con chào đời mẹ đã dâng con cho Đức Mẹ. Khi con bắt đầu đi học, mẹ đã dạy con phải hết lòng yêu kính người Mẹ ấy, vì ngài chính là Mẹ thật của chúng ta. Giờ đây mẹ nhắn nhủ con, Gioan à, hãy thuộc hẳn về Mẹ Maria cách trọn vẹn.

Nói xong, mẹ Margarita rất xúc động. Mắt Gioan cũng rung rung ngấn lệ:

– Mẹ ơi, con cảm ơn mẹ vì tất cả những gì mẹ làm cho con. Con sẽ không bao giờ quên những lời mẹ vừa nói cho con.

Gioan Bosco đã trở thành một vị thánh phần lớn nhờ người mẹ thánh thiện. Ngày nay, giáo hội đang tiến hành điều tra đề phong Chân phước cho mẹ Margarita. Hy vọng rằng một ngày gần đây, mẹ Margarita sẽ được đưa lên

bàn thờ, trở thành mẫu gương cho các bà mẹ Công giáo trong việc sống đạo và giáo dục con cái.

85. ĐỨC GIÁO HOÀNG BỊ MẮT TÍCH

Thời gian trước năm 1958, các Đức Giáo Hoàng hầu như không rời khỏi Vatican, trừ khi gặp loạn lạc bất đắc dĩ phải rời khỏi hoặc dịp nghỉ hè. Thế mà Chân phước Giáo hoàng Gioan XXIII thì lại khác, mới lên ngôi chưa đầy hai tháng, ngài đã có ý định đi thăm nhà tù Ara Coeli và bệnh viện nhi đồng Gesù Bambino trong thành Rôma vào dịp lễ Giáng Sinh năm 1958. Người ta vội vã can ngăn:

- Thưa Đức Thánh Cha, xưa nay các Giáo hoàng đâu có đi ra ngoài như thế!
- Xưa không ra thì nay cha ra ngoài thử xem sao!

Sự kiện này thật là mới mẻ và táo bạo, các báo chí đăng tít lớn và hình ảnh ngài, hết lòng ca ngợi cụ già 78 tuổi nhưng trẻ trung ấy.

Một lần khác, Đức Gioan XXIII gọi xe đi thăm một linh mục thân thiết già cả đang lâm trọng bệnh ở xa thủ đô Rôma cả trăm cây số. Một lúc sau, cả Vatican báo động: “Đức Giáo Hoàng đã mất tích”, rồi thông báo cho chính phủ nước Ý biết. Cảnh sát được huy động tối đa nhưng không sao tìm được vị Giáo hoàng ấy. Đến chiều tối, xe hơi chở Đức Giáo Hoàng về nhà, ngài tươi cười chống gậy bước lên tam cấp vào nhà.

Hôm khác, ngài nhờ người đi mời một người bạn đến dùng bữa với ngài. Họ liền nói:

- Thưa Đức Thánh Cha, xưa nay các Giáo hoàng chỉ dùng bữa một mình thôi ạ!
- Cha thấy có luật nào cấm Giáo hoàng dùng cơm thân mật với người khác đâu! Vả lại, ăn cơm với người khác đâu phải là tội.

Họ liền đi mời người bạn theo ý ngài.

Một buổi sáng nọ, các công nhân đang làm việc trong nhà in Vatican thì thấy Đức Gioan XXIII từ từ đi vào, chẳng có một lời báo trước để họ chuẩn bị tiếp đón... Họ ngạc nhiên hết sức, lúc đầu họ hốt hoảng nhưng sau đó họ sung sướng đứng chung quanh ngài, nghe ngài hỏi han thân mật.

Vào những buổi chiều, ngài hay đi bách bộ trong vườn Vatican. Những lúc ấy, những người làm vườn phải đi chỗ khác hoặc nghỉ làm để cho ngài tự nhiên đi dạo, nhưng ngài ra lệnh cứ để họ làm việc bình thường, có lúc ngài dừng chân nói chuyện với họ nữa.

Chưa trị vì Giáo hội Công giáo được bao lâu mà Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã làm thay đổi hẳn bầu không khí ở Vatican, khiến mọi người cảm phục và yêu mến ngài, và nhất là họ cảm thấy ngỡ ngàng về tính đơn sơ nhân hậu của vị Giáo hoàng đã ngoài 80 tuổi.

THÔNG HỎI – ĐỀN TỘI

86. MỘT THỜI XA HOA, TRUY LẠC CỦA MỘT SĨ QUAN

Cuộc sống của Chân phước Charles de Faucauld thuở thanh niên rất xa hoa, truy lạc, không thua gì thánh Augustinô. Là sinh viên ở trường võ bị Saint-Cyr, Charles rất thông minh nhưng lại vô kỷ luật, mê tán gái và thích ăn nhậu.

Một hôm, Charles de Faucauld rủ bạn bè trốn học đi dạo phố. Để người khác khỏi biết, Charles đã gắn một bộ râu mép giả. Trong lúc đang dùng bữa vui vẻ với bạn bè, bỗng bộ râu mép của Charles rơi xuống. Thật là không may cho anh, ông chủ quán ăn nhìn thấy thì sinh nghi, ông vội gọi điện báo cảnh sát. Chẳng mấy chốc, cảnh sát đã ập tới, họ kiểm soát giấy tờ và phát hiện đây toàn là các sinh viên sĩ quan vi phạm kỷ luật. Cảnh sát liền chở các sinh viên về trường và cho nghỉ vài hôm trong khám. Tình nhân của Charles thì hàng tá. Vài cô lại còn có con riêng với anh nữa. Sau khi tốt nghiệp trường sĩ quan, Charles nhập đoàn thám hiểm sa mạc Sahara, nhưng anh vẫn tỏ ra vô kỷ luật, nên việc thăng quan tiến chức của anh rất chậm chạp.

Một hôm, Charles de Faucauld được Chúa đánh động mạnh mẽ, anh quyết tâm rời bỏ binh nghiệp, từ bỏ nếp sống cũ và hiến dâng đời mình cho Chúa. Nghe quyết tâm hoàn lương ấy, gia đình anh chẳng ai tin, lại còn phì cười nữa. Charles de Faucauld đã sang bên Thánh địa, xin vào dòng khổ tu Xitô, chịu chức linh mục và làm những việc hèn hạ trong nhà dòng, để nên giống Chúa Giêsu. Tuy nhiên, cha Charles vẫn chưa thỏa mãn. Sau đó ít lâu, ngài lại xin phép đến sa mạc Sahara, cư ngụ tại vùng Touareg, để sống với các thổ dân Berbères. Ở đây, cha Charles de Faucauld suốt ngày cầu Thánh Thể, viết sách, làm việc bác ái và rao giảng Tin mừng cho các thổ dân. Cha đã sống một cuộc đời rất khó nghèo và kết hợp với Chúa Giêsu Thánh Thể.

87. LẤY MÁU ĐỂ TẮY RỬA TỘI LỖI CỦA MÌNH

Thánh Micae Hồ Đình Hy (1808 – 1857) quê ở Nhu Lâm, tỉnh Thừa Thiên. Năm 21 tuổi, ông Hy kết hôn với cô Lucia Tân, sinh hạ được năm người con. Ông là một thư lại Bộ Công, vì thực hiện tốt mọi công tác được giao, nên dần dần ông được phong lên tới chức Thái bộc hàng Tam Phẩm, dưới triều vua Tự Đức, ông đặc trách ngành dệt tơ lụa vải vóc trong cả nước. Uy tín của ông ngày càng lớn.

Dù làm quan dưới triều vua bách hại đạo, quan Thái bộc không ngần ngại tỏ ra mình là người Công giáo. Thế nhưng khi giao dịch với giới quan lại, ông đã chịu nhiều tật xấu và sa ngã đôi phen. Ông quan hệ với một thiếu nữ trẻ, và sinh được ba người con ngoại hôn. Để chuộc lại lỗi lầm, ông đã rửa tội và đưa chúng về nuôi nấng tử tế như con chính thức của mình, và ông luôn cố gắng làm nhiều việc thiện để đền bù tội lỗi xin Chúa tha thứ. Ông thường tâm sự với bạn bè:

– Tôi nghĩ dù lấy nước của các con sông trên địa cầu, cũng không thể rửa sạch tội của tôi được. Có lẽ chỉ có thể rửa sạch bằng chính máu của tôi thôi.

Cuối năm 1856, khi quân Pháp tấn công vào Đà Nẵng thì quan Thái bộc Hồ Đình Hy bị bắt. Triều đình lấy cớ ông đã gửi con đi học ở Pénang (về sau người con này trở thành linh mục), nghĩa là có giao thiệp với nước ngoài.

Vua Tự Đức sai quân lính bắt ông phải nhận tội, bắt bước lên thập giá và kê khai tên các linh mục, kể cả quân lính có đạo. Ông cương quyết không bỏ đạo, nhưng vì bị tra tấn quá đau đớn, ông lỡ lời nói tên một vài tín hữu. Ông nghĩ rằng những người này đã trốn đi nơi khác, nào ngờ “bút dây động rừng”, dựa vào lời ông triều đình đã bắt được 29 người. Trong đó 8 người chối đạo, còn 21 người vẫn kiên trung với đức tin. Ông cho rằng tất cả bị bắt là bởi mình, nên khóc lóc ân hận, xưng tội xin Chúa thứ tha và kiên quyết dùng chính máu mình để rửa sạch lỗi lầm đó.

Một lần vua Tự Đức khuyên ông nên nghĩ lại, ít là giả bộ bước qua thập giá. Ông thẳng thắn từ chối:

– Tôi bệ hạ, đã 30 năm phục vụ dưới ba triều vua, lúc nào hạ thân cũng là

người hết lòng yêu nước và tột trung. Hạ thần cam chịu mọi cực hình để nên giống Chúa Kitô, đền bù tội lỗi và được chết thánh thiện.

Vua Tự Đức cho lính dẫn ông Hồ Đình Hy qua các phố Huế trong ba ngày, mỗi ngày đánh 50 trượng trước khi xử tử ông. Lính vừa dẫn ông đi vừa rao:

– Bọn Gia Tô tin rằng chết vì đạo sẽ được lên Thiên đàng. Điều đó đúng hay sai không cần biết. Giêsu của Hồ Đình Hy đâu rồi, sao thấy y khổ mà không đến cứu.

Quan Thái bộc Hồ Đình Hy vẫn kiên trung giữ đạo đến cùng. Ngày 22.5.1857, ông bị chém đầu vì đạo Chúa.

88. BẰNG LÒNG XUỐNG HỎA NGỤC, ĐỀ GIA TÀI CHO CON CÁI XÀI

Có một phú hộ tên là Viali, ông giàu có nhờ cho vay nặng lãi. Ông bị ung nhọt, chất độc nhiễm vào xương tủy. Các bác sĩ đều bó tay hết thuốc chữa. Ông chỉ còn nằm chờ chết, đáng lẽ ông phải dọn mình để được ơn chết lành, nhưng ông nhất quyết không chịu xưng tội. Cha xứ và nhiều người khuyên bảo nhưng lòng ông vẫn chai cứng. Một ngày kia, thánh Giêradô đến thăm ông. Nhưng vừa thấy vị tu sĩ này, ông đã lên tiếng:

– Tôi không xưng tội đâu! Tôi bằng lòng xuống Hỏa ngục, để của cải cho các con tôi sung sướng.

Thầy Giêradô lại ngồi gần bên ông, tươi cười nói:

– Tôi đến để chữa bệnh cho ông đây.

Sau khi xem qua các vết ung nhọt, thầy bảo:

– Ung nhọt này, lấy mỡ người thoa vào, tôi bảo đảm sẽ lành ngay!

– Xin thầy cắt nghĩa rõ hơn!

– Ông hãy gọi các con ông lại đây hỏi: Đứa nào đưa tay vào than hồng nướng cho chảy mỡ ra, lấy mỡ đó bôi vào ung nhọt của ông. Và ông hứa với chúng: ai làm được việc đó để cứu ông thì sẽ được hưởng trọn gia tài.

Ông Viali cho gọi người con trai cả tới để thầy Giêradô giải thích cách lấy mỡ chữa bệnh. Người con cả nghe vậy lắc đầu lia lịa:

– Con chịu thôi, nóng lắm! Con đi làm thuê kiếm sống được, cần gì gia tài của cha.

Bốn người con khác của phú hộ cũng từ chối hy sinh để chữa bệnh cho cha mình. Giêradô dịu dàng nói với ông:

– Ông xem đây, lửa trần gian không thể sánh với lửa Hỏa ngục, vậy mà các con ông đều sợ hãi. Không đứa nào chịu cực vài phút để cứu ông. Còn ông lại

chấp nhận xuống Hỏa ngục chịu thiêu đốt đời đời để của cải cho chúng nó ăn xài. Ý nghĩ của ông rất đại dột!

Ông phú hộ Viali như người ngủ mê chợt bừng tỉnh.

Ông xin mời cha sở và chính quyền đến. Ông xưng tội với cha sở cách sốt sắng. Và trước mặt mọi người, ông làm giấy bán hết nhà cửa, ruộng đất, lấy tiền trả gấp ba cho những người đã vay nặng lãi. Số tài sản còn lại, ông xin giao cho cha sở và chính quyền để nuôi người tàn tật, nghèo khó... Sau khi giải quyết xong mọi việc, ông Viali đã chết trong vòng tay nhân lành của Chúa. Mọi người đều khâm phục cách chữa bệnh phần hồn của thầy Giêradô.

89. NỮ GIANG HỒ TRỞ THÀNH MỘT VỊ THÁNH

Là con gái của một gia đình quý phái ở thị trấn Phôlinhô nước Ý, lại sống giữa bầu không khí xa hoa và ảnh hưởng xấu xa nơi bạn bè, Angiêla (1248 – 1309) đã sớm trở nên một thiếu nữ trụy lạc. Sau khi lập gia đình, Angiêla vốn có tâm hồn nhạy cảm, tính ham khoái lạc, nên vẫn thích cuộc đời giang hồ nay đây mai đó.

Vào một ngày trong năm 1285, đang trên con đường gió bụi, Angiêla gặp con giông tố, chị hoảng sợ chạy vào một nhà thờ gần đó để kêu cầu Chúa ngự trong Thánh Thể giúp đỡ. Angiêla xin cha xứ ở đây giải tội cho chị, nhưng chị đã không xưng hết tội nặng, lại liêu mình chịu Mình Thánh Chúa.

Hành động này đã làm tâm hồn chị xao xuyến, lương tâm cắn rứt đêm ngày không yên. Nhưng chị không ngã lòng nản chí, chị tha thiết cầu nguyện xin Chúa ban cho mình được gặp một linh mục giải tội khôn ngoan, thánh thiện để hoàn toàn tuân theo lời chỉ dẫn của ngài.

Sống trong tâm trạng lo âu, bấn khoăn xao xuyến, nhưng chị vẫn tin tưởng vào Chúa, Ngài sẽ giúp chị vượt qua con đường gian nan này.

Rồi một đêm kia dưới ánh trăng dịu dàng, Angiêla nâng hồn lên khẩn cầu thánh Phanxicô Assisi giúp đỡ. Thánh nhân đã hiện ra với chị và nói:

– Nếu con xin cha sớm, thì cha đã cứu con, nhưng cha sẽ nài xin Chúa nhận lời con.

Sáng hôm sau, khi cảnh vật còn chìm trong giấc ngủ, Angiêla đã thức dậy thật sớm để đi lễ ở nhà thờ thánh Phanxicô Assisi, và xin Chúa cho chị được gặp linh mục để xưng tội. Khi trở về, chị ghé vào nhà thờ thánh Fêlixianô để viếng Thánh Thể. Ở đây, Angiêla đã gặp một cha dòng Phanxicô và chị đã xưng hết các tội đã phạm. Sau bao ngày ưu tư lo lắng, lương tâm ray rứt, giờ đây chị đã tìm lại được sự bình an đích thực trong tâm hồn.

Sau khi xưng tội rước lễ, Angiêla quyết xây dựng cuộc đời mới, cuộc đời suy niệm sự đau khổ của Chúa Giêsu, khẩn giữ mình trong sạch và khó nghèo.

Chị đem quần áo tốt đẹp phân phát cho người nghèo. Và để được kết hợp mật thiết với Chúa hơn, chị còn muốn bán hết gia tài làm phúc cho người nghèo rồi đi ăn xin. Nhưng vâng lời cha linh hướng, chị không bán nhà cửa, tiếp tục sống như một người giáo dân, suy niệm cuộc khổ nạn của Chúa, và làm phúc cho người nghèo khó.

Năm 1291, Angiêla vào dòng ba Phan Sinh, chị sung sướng tuân giữ luật dòng, chị thường xuyên đi thăm viếng các bệnh nhân, phân phát những của đã xin được cho người nghèo, rửa tay chân cho họ, và đặc biệt lau chùi tay chân những người mắc bệnh phong cùi. Chị đã làm như thế suốt cuộc đời của chị.

Năm 1693, Đức Giáo Hoàng Innôxentê XII phong chị Angiêla lên bậc Chân phước. Từ một người tội lỗi, Chân phước Angiêla đã biết lấy tình yêu nồng nhiệt để bù lại những lỗi lầm quá khứ. Hành động đó là bài học muôn đời cho những con người tội lỗi muốn nên thánh.

90. VIỆC ĐÈN TỘI LỚN NHẤT

Thánh Luy Gonzaga (1568 – 1591) là một tu sĩ dòng Tên, tuy còn trẻ nhưng có một đời sống trinh khiết siêu vượt như thiên thần, một đức ái xả kỷ, luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác. Dù cho mọi người, ngay cả cha linh hướng, coi Luy như một vị thánh, thì thầy cũng chỉ là một con người, nên thầy không thể không cảm thấy thấm thía những thánh giá do đời sống cộng đoàn đem lại: đó là những xích mịch, những va chạm không sao tránh khỏi... Và Luy đã chấp nhận cách khiêm tốn, vui tươi vì lòng mến Chúa, coi đó là một dịp để đền tội, như thầy đã nói:

– Việc đền tội lớn nhất của tôi là đời sống cộng đoàn (*Mea maxima poenitentia vita communis*).

91. LỖ MỘT LẦN CHỐI CHÚA, XIN TRỌN ĐỜI TÍN TRUNG

Để việc bắt đạo có hiệu quả, tổng đốc Nam Định đã nhắm vào hàng ngũ binh sĩ Công giáo trước tiên. Quan tổng đốc tổ chức một bữa tiệc đãi tất cả các binh sĩ Công giáo Nam Định. Có khoảng 500 binh sĩ đến dự. Sau bữa tiệc, quan tổng đốc hứa hẹn ban thưởng cho những ai trung thành với vua, bỏ đạo Công giáo, đồng thời xử phạt đối với những người không bỏ đạo. Tiếc thay trong số 500 binh sĩ chỉ có 15 người trung kiên không bước qua thánh giá, sẵn sàng chịu cực hình.

Sau nhiều lần tra tấn dã man, các binh sĩ lần lượt bỏ đạo, cuối cùng chỉ còn lại 3 ông. Đó là ông Augustinô Phan Viết Huy (1795 – 1839) ở làng Hạ Linh; người thứ hai là ông Nicôlas Bùi Đức Thê (1792 – 1839) ở làng Kiên Trung; người thứ ba là ông Đaminh Đinh Đạt (1803 – 1839) ở làng Phú Nhai.

Từ đó trở đi, ba ông còn phải chịu nhiều cuộc tra tấn khác nữa. Khi thì mỗi người 24 roi, khi thì 150 roi... Có lần quan truyền đưa ba ông ra phơi nắng chỗ công cộng 21 ngày liền, mọi người đi qua đều tự do hành hạ, sỉ nhục tùy ý. Rồi lần khác, quan chuyển qua kế hoạch mới, dọa nạt vợ con, thân nhân, bạn bè của ba ông, bắt họ vào dụ dỗ nài nỉ, hy vọng các ông sẽ xiêu lòng. Nhưng ba vị vẫn cương quyết trung thành với Chúa.

Cuối cùng, quan tổng đốc cho gọi các kỳ mục ba làng Hạ Linh, Kiên Trung, Phú Nhai đến, ra hẹn trong một tháng phải ép ba chiến sĩ đức tin bỏ đạo, bằng không sẽ bị phạt. Sau một tháng, các kỳ mục thất bại, không dụ dỗ được. Quan liền tập trung các kỳ mục lại và lệnh cho lính đánh đòn họ trước mặt ba vị chiến sĩ Đức Kitô. Động lòng trước cảnh các bô lão bị đòn thâm tím vì mình, ông Thê và ông Đạt lần lượt xin quan tha cho các cụ và đồng ý bước qua thập giá. Hôm sau, trước lời dụ dỗ của quan, ông Huy cũng theo chân các bạn bỏ đạo. Quan cho mỗi người 10 quan và cho trở lại quân ngũ.

Nhưng khi trở về, ba người lính này thấy lòng áy náy, lương tâm cắn rứt. Nhiều người đã cầu nguyện xin ơn kiên trung cho các ông, nhưng việc bỏ đạo của các ông trở thành một tin buồn lớn cho tập thể. Thê là ba ông sau khi xưng tội, đã bàn bạc với nhau và cương quyết lên tỉnh tuyên xưng đức tin một lần nữa.

Trước mặt quan tổng đốc, ba ông đã trình bày nguyện vọng của mình:

– Bẩm quan, đạo Thiên Chúa là đạo thật. Chúa chúng tôi thờ là Đấng quyền năng vô biên. Mấy ngày trước chúng tôi đã trót dại bước qua thập giá. Nay chúng tôi xin trả tiền lại cho quan để được giữ đạo Chúa cho thật lòng.

Quan tổng đốc tức giận, chửi mắng các ông thậm tệ. Nhưng đã lỡ báo cáo lên vua việc bỏ đạo của các ông, nên quan chỉ cho đánh đòn các ông rồi đuổi ra khỏi dinh.

Trở về nhà, các ông quyết định vào tận kinh đô để tuyên xưng đức tin. Cha Tuyên nhắc bảo các ông phải trông cậy Chúa hơn là sức mình, phải cầu nguyện nhiều mới có thể can đảm làm chứng cho đạo Chúa. Các ông cùng nhau viết một lá đơn và cùng ký vào đó.

Sau 20 ngày đi bộ, các ông đã tới kinh đô vào đầu tháng 5.1839. Một người con ông Huy mới 18 tuổi cũng đi theo cha để nghe ngóng tin tức.

Theo thủ tục, các ông đã nộp đơn ở tòa Tam Pháp chờ đợi. Các quan nhận đơn, nhưng bỏ qua không trình lên vua. Đợi mãi không thấy trả lời, các ông lại viết thêm một lá đơn nữa, nhưng tòa Tam Pháp vẫn làm ngơ.

Thế là các ông phải tìm kế khác táo bạo hơn. Nhân dịp vua Minh Mạng ngự giá trong thành phố, ông Huy và ông Thế đón đường để trình đơn trực tiếp với vua. Đọc xong, vua Minh Mạng nổi giận truyền tổng giam cả hai, và giao cho các quan bộ hình cứu xét.

Hai ông bị tra tấn dã man nhưng vẫn kiên trung tuyên xưng niềm tin.

Một hôm, quan hỏi trong đơn có chữ ký của Đinh Đạt mà sao không thấy ông ấy đâu? Hai ông trả lời:

– Bẩm quan, anh Đạt cũng không chịu quá khóa, nhưng bận việc quân nên không đi với chúng tôi được. Anh ấy dặn: chúng tôi thế nào, anh ấy cũng như vậy.

Các quan trình bày sự việc lên vua để lĩnh ý. Sau đó, theo lệnh vua, quan cho bày trước mặt hai ông mười nén vàng, một tượng chịu nạn và một thanh

gươm rồi nói:

– Cho bay tự ý chọn, bước qua tượng thì được vàng, bằng không thì gươm sẽ chặt đôi người ra, xác sẽ bị bỏ trôi ngoài biển.

Hai ông bày tỏ ý chọn gươm. Vua Minh Mạng nổi giận truyền đem hai ông ra biển lấy rìu lớn chặt ngang lưng rồi bỏ xác xuống biển, để làm cho người khác biết tỏ điều ngăn cấm.

Ngày 13.6.1839, quân lính đưa ông Huy và ông Thế lên thuyền chèo ra giữa biển Thuận An, đồng thời đặt một thánh giá trong thuyền hy vọng hai ông đổi ý mà đạp lên. Nhưng quan thất vọng, truyền lính trói hai vị chiến sĩ Đức Kitô vào cột chèo, thay vì chặt ngang lưng, họ chặt đầu rồi bỏ thân ra làm bốn, vất xuống biển làm mồi cho cá.

Cuối tháng 6.1839, ông Đạt được tin ông Huy và ông Thế đã được phúc tử đạo, ông rất vui mừng và từ giã mọi người thân thuộc. Khi lính đến bắt, ông lánh mặt xưng tội rước lễ xong, rồi theo họ lên tỉnh. Dọc đường ông lần chuỗi Mân Côi cách sốt sắng.

Đến Nam Định, quan tổng đốc bảo ông:

– Hai bạn của người vì cuồng dại không chịu bỏ đạo tà, nên đã bị chém làm tư Quảng xuống biển. Còn người, nếu khôn thì chối bỏ đạo đó đi để về với vợ con.

Ông Đạt thẳng thắn thưa:

– Tôi đã chịu nhiều cực hình vì đức tin, nay tôi sẵn sàng chịu nhiều khổ hình khác nữa. Hai bạn tôi đã được phúc trọng, quan cứ chém tôi làm tám khúc cũng được.

Quan biết có đe dọa cũng không thành công, liền lập án gởi về kinh xin xử giảo.

Ngày 18.7.1839, ông bị giải ra pháp trường Bảy Mẫu. Tại đây các lý hình đã dùng dây xiết cổ ông cho đến khi tắt thở. Sau đó, hài cốt của ông được lưu giữ tại nhà thờ Phú Nhai.

Ngày 27.5.1900, Đức Lêô XIII đã phong Chân phước cho các ông.

92. ĐÂY LÀ TẤT CẢ CỦA CÁI CON CÓ ĐƯỢC TỪ SATAN

Dân chúng thành Antiôkia say mê tài nghệ và sắc đẹp của nữ nghệ sĩ múa Pélagie. Họ đi theo cô như theo một bà hoàng.

Một ngày kia, giữa đám rước vui nhộn, người nữ nghệ sĩ này trong trang phục diêm dúa đi ngang qua mặt nhiều vị Giám mục đang họp nhau tại thành phố để chuẩn bị cho một cuộc họp công đồng. Nhìn thấy cô, các ngài đều cúi mặt xuống cả. Nhưng thánh None, Giám mục thành Edesse, đã thờ dài và kêu lên:

– Trời đất ơi, những người anh em của tôi, thẹn thùng thay cho chúng ta, những người đã cố gắng quá ít cho công việc Nước Trời. Các vị đã thấy Pélagie và biết tất cả những gì cô ta làm chỉ để kết án mình và đem lại đau khổ cho người khác, và chỉ để làm vui lòng ma quỷ. Còn tôi, tôi đã làm gì để Thiên Chúa vui lòng, để cứu linh hồn tôi và để dân thành Edesse được vào Nước Trời. Chúng ta hãy cầu nguyện cho cô ta ăn năn hối cải.

Ngày Chúa nhật sau đó, người ta mời Đức Giám mục None đến giảng. Ngài đã giảng về đề tài sự chết, phán xét, Hỏa ngục và sự cần thiết của việc hối cải. Đúng hôm đó cô nghệ sĩ múa Pélagie cũng có mặt để nghe giảng. Được ân huệ của Chúa chạm đến, cô bắt đầu than khóc vô vàn tội lỗi của mình. Sau Thánh lễ, cô đến quỳ dưới chân Đức Giám mục lúc ấy đang đứng giữa các Giám mục khác. Ngài muốn thử thách lòng hối cải của cô nên bảo cô đi và trở lại sau.

Cô Pélagie kêu lên với giọng nghẹn ngào:

– Sao, Đức cha vừa giảng rằng nước mắt sẽ xóa đi mọi tội ác, Đức cha định tưới mắt của con hạnh phúc ấy sao?

Đức cha None hỏi ý kiến các Giám mục, tất cả đều cho rằng cần tha thứ cho cô ta ngay tức khắc. Ba ngày sau, Pélagie mang đến chỗ Đức cha None tất cả những gì cô có, nào là vàng, ngọc, đá quý và nhiều xiêm y lộng lẫy.

– Thưa Đức cha, đây là tất cả của cái con có được từ Satan, xin Đức cha làm gì chúng thế nào tùy ý. Con không muốn gì khác ngoài sự giàu có của Chúa

Giêsu.

Và trong ngày hôm đó, cô biến mất. Người ta chia nhau đi tìm cô nhưng vô ích, không thấy bóng dáng của cô đâu cả. Cô đã đi than khóc tội lỗi mình và chuẩn bị chết trong một căn nhà nhỏ trên núi Olivers. Chính tại đây người ta đã tìm thấy cô sau hai năm vắng bóng, đúng vào lúc cô vừa trút hơi thở cuối cùng. Bằng việc khóc lóc tội lỗi mình, cô xứng đáng lãnh nhận tước hiệu thánh Pélagie.

93. CUỘC HOÁN CẢI CỦA MỘT TỔNG ĐỒ BÁC ÁI VĨ ĐẠI

Thánh Vinh Sơn Phaolô sinh ngày 24.4.1581 tại làng Pouy, gần thành Dax, trong miền Landes thuộc nước Pháp. Cha mẹ ngài nhận thấy Vinh Sơn có khả năng học hành để trở thành linh mục. Vào thời đó, nếu một người con trong gia đình trở thành linh mục, là có thể bảo đảm một địa vị đáng hoàng cho những người thân trong gia đình.

Năm 15 tuổi, Vinh Sơn được gửi đi học ở trường Récollets ở Dax. Đến năm 1597, Vinh Sơn theo học tại Đại học Toulouse. Tuy thiếu tiền bạc nhưng Vinh Sơn lại có thừa tinh thần tổ chức. Với bất cứ giá nào, Vinh Sơn cũng quyết phải trở thành linh mục.

Con đường tiến chức của Vinh Sơn thật nhanh chóng. Ngày 13.9.1599, vị Tổng Đại diện của Dax cho phép Vinh Sơn được thụ phong linh mục.

Sau khi chịu chức linh mục, cha Vinh Sơn tìm cách để được phụ trách một giáo xứ, nhưng lại bị người khác tranh mất. Cha qua Rôma một thời gian. Khi trở về quê hương, cha Vinh Sơn tìm cho được một địa vị, mà ở thế kỷ chọn quyền cao chức trọng này phải mang lại cho cha sự vẻ vang. Với bằng tú tài thần học ở Toulouse cho phép cha mơ tưởng tới chức Giám mục. Nhưng muốn đạt được mục đích ấy, dĩ nhiên phải có tiền và thật nhiều tiền. May mắn thay, cha Vinh Sơn được thừa hưởng gia tài của một quả phụ, nhưng con nọ của bà quả phụ đã bỏ trốn. Cha lên đường đi tìm con nọ và bắt gặp họ ở Marseille. Sau khi đã lấy được tiền, cha trở về bằng đường biển.

Nhưng trên đường về, tàu cha đi bị ba tàu hải tặc Thổ Nhĩ Kỳ cướp phá. Cha bị bắt làm nô lệ. Cha bị trưng bán ở chợ nô lệ, đây quả là một sự sỉ nhục nặng nề. Trước tiên là một ngư phủ mua cha, sau đó một y sĩ và cuối cùng là một người bội giáo. Ông chủ mới có ba bà vợ, hai bà trong số đó đối xử với cha như bạn, bà kia là tín đồ Hồi giáo. Bà rất xúc động khi nghe cha hát Thánh vịnh, nhất là khi hát kinh “Salve Regina”. Bà đã thuật lại cho chồng nghe và do đó làm bùng dậy trong lòng ông tình yêu quê hương và sự luyến tiếc đối với đức tin đã đánh mất.

Cùng với nô lệ là cha Vinh Sơn, người bội giáo đã đáp tàu đi miền Bắc, sau đó vào nước Pháp. Tại đây tình thế đã đảo ngược, nô lệ trở thành ân nhân của

ông chủ, vì nhờ cha Vinh Sơn, ông chủ được hòa giải với Giáo hội Công giáo.

Nếu sự việc bị bắt làm nô lệ đã làm mất uy tín của cha đối với ân nhân, thì bây giờ cha cần phải bù lại thời giờ, nhất là thu hồi số tiền đã mất, cha luôn tìm dịp thuận tiện để thăng quan tiến chức, hy vọng có cuộc sống thoải mái hơn cho chính mình và gia đình. Nhưng cha cần phải thay đổi mục tiêu đang theo đuổi.

Cha Vinh Sơn đã đến Paris vào mùa thu năm 1608, công việc đầu tiên của cha ở đây là làm tuyên úy cho hoàng thái hậu Marguerite de Valois. Cha nhận công tác bố thí tiền, bánh mì, thức ăn cho hàng trăm người nghèo đến gõ cửa lâu đài của hoàng thái hậu. Cha bố thí của cải nhưng không ban phát tình yêu, chỉ lấp đầy bàn tay chứ không lấp đầy tâm hồn. Đó chỉ là công việc bên ngoài chứ chưa phải là một cuộc hoán cải.

Khoảng năm 1911, cha ở chung phòng trọ với một người đồng hương. Ngày kia cha lâm bệnh và một nhân viên của nhà thuốc mang thuốc đến cho cha, khi ra về chàng nhân viên này đã ăn cắp túi tiền của người ở cùng phòng với cha. Khi trở về, chủ nhân túi tiền hỏi cha về túi tiền bị mất, nhưng cha không tìm được lời giải thích nào có thể chấp nhận được. Cuối cùng cha bị vu khống là ăn cắp. Đây quả là lời tố cáo kinh khủng đối với một con người tham vọng và đang tìm quyền thế để nương tựa.

Nhưng cha Vinh Sơn đã có một biến đổi nào đó trong tâm hồn nên cha đã chọn thái độ im lặng. Sau đó ít lâu, thủ phạm đánh cắp túi tiền bị lộ mặt nạ, và đây là lần đầu tiên cha có kinh nghiệm về những người nghèo không có tiếng nói và cũng không được ai bênh vực.

Trong thời gian này, cha Vinh Sơn quen biết một nhà thần học và ông đã kể cho cha nghe cơn cám dỗ kinh khủng về đức tin của ông, ông bị cám dỗ có những tư tưởng xấu xa là phỉ báng Chúa Giêsu Kitô, và tuyệt vọng đến độ ông muốn nhảy qua cửa sổ để tự tử. Nhận thấy tình trạng đáng thương đó, cha Vinh Sơn đã cúi đầu cầu xin Chúa giải thoát cho nhà thần học ấy và xin chịu khổ thế cho ông. Lời cầu nguyện của cha đã được Chúa nhận lời. Chúa đã giúp nhà thần học, Ngài cho ông bị ngã bệnh và chỉ chốc lát, ông được giải thoát khỏi cơn cám dỗ, ông bắt đầu thấy rõ và hiểu rõ ràng các chân lý đức tin.

Nhưng bây giờ đến lượt cha Vinh Sơn, cha cảm thấy như bị bức màn đen tối bao phủ. Cha cầu nguyện, khổ chế, nhưng đêm tối vẫn bao phủ tâm hồn. Cha đã viết từng đoạn kinh Tin Kính và may vào trước ngực áo. Mỗi lần cơn cảm sốt đến, cha lại đặt tay trên ngực như để khẳng định đức tin của mình. Trong lần bị thử thách trước, cha Vinh Sơn cảm nhận được thân phận người nghèo là không có được sự an ủi che chở nào về phía con người. Giờ đây, cha lại thấy được tình trạng của cái nghèo thiêng liêng, cái nghèo tận căn, đó là thân phận của Đức Kitô trên thập giá, bị Chúa Cha bỏ rơi. Cơn cảm sốt của cha Vinh Sơn kéo dài khoảng bốn năm. Từ đó, cha Vinh Sơn quyết định thăm viếng các bệnh nhân ở bệnh viện Bác Ái do hoàng hậu Marie de Medicis lập năm 1601, bà đã mời các tu sĩ dòng Gioan Thiên Chúa đến làm việc ở đây. Cơn cảm sốt biến mất. Chính những con người nghèo đã chiến thắng và giải thoát cho cha.

Kể từ đó, cha Vinh Sơn luôn đứng về phía người nghèo, và cha cũng hiểu được rằng muốn chữa lành những căn bệnh thiêng liêng thì phải dẫn thân phục vụ. Và để việc phục vụ những người đau khổ, đặc biệt là những người nghèo cách hiệu quả hơn, cha Vinh Sơn đã nôi dài cánh tay của mình bằng việc lập tu hội Bác Ái, ngày nay gọi là Tu đoàn Truyền Giáo Thánh Vinh Sơn. Tu đoàn này đã lan rộng khắp thế giới, số tu sĩ khoảng hơn 4000.

CHẤP NHẬN ĐAU KHỔ

94. HÃY TRẢ LẠI THỦ CẤP CON TÔI !

Thánh Anrê Trần Văn Trông sinh năm 1814 trong một gia đình Công giáo ở Kim Long, Phú Xuân (Huế). Anrê Trông là con trai duy nhất trong nhà, mới 15 tuổi, người cha mất sớm, khiến gia đình lâm cảnh túng thiếu. Anh đành thu xếp sách đèn, theo chân những người xóm giềng về họ Thợ Đức dệt tơ cho hoàng gia, để giúp mẹ mưu sinh.

Nhưng đồng lương thợ dệt ít ỏi, không đủ nuôi sống gia đình. Anh liền từ giã mẹ hiền lên đường nhập ngũ, năm ấy anh được 20 tuổi. Qua tám tháng phục vụ trong quân đội, tháng 11.1834, triều đình ra lệnh cho những binh sĩ Công giáo trình diện. Anrê Trông và 12 đồng đội ra trình diện quan. Mười ba binh sĩ đều cương quyết giữ vững đức tin, không quá khóa.

Nhưng sau những tra tấn dã man, 12 binh sĩ kia lần lượt bỏ đạo, chỉ còn lại một mình Anrê Trông.

Sau một năm giam tù, thấy không thể dụ dỗ Anrê Trông bỏ đạo, các quan đã quyết định xử trảm anh ngày 28.11.1835.

Sáng hôm đó, Anrê Trông được gặp người anh họ của mình. Anh ta hỏi có muốn ăn gì không? Anrê Trông trả lời:

– Em muốn ăn chay để dọn mình tử đạo. Xin anh giúp đỡ mẹ em, chúng ta là anh em với nhau, mẹ em cũng sẽ yêu thương anh. Xin anh nhắn lại với mẹ em: Đừng lo gì cho em cả, cầu chúc mẹ mãi mãi thánh thiện, và mẹ em sẽ hài lòng về con trai mình đã trung thành với Chúa cho đến chết.

Nhưng người anh họ chưa kịp nhắn lại, thì bà mẹ đã biết tin con sẽ bị xử tử. Bà vội vã ra đón con ở đầu chợ, nơi con bà sắp đi ngang qua, khi gặp con, bà chỉ hỏi một câu vắn tắt:

– Bấy lâu nay xa nhà, thời gian ở tù con có nợ nần ai chăng, nếu có thì con hãy cho mẹ biết để mẹ trả thay con.

Tấm lòng của người mẹ thật tuyệt vời. Bà biết con bà đủ can đảm để chịu mọi cực hình, giờ đây bà chỉ lo cho con về đức công bình.

Khi được biết Anrê Trông không có vướng mắc gì với ai, bà cùng đi với con và bình tĩnh khích lệ con can đảm theo Chúa. Đến nơi xử tử, người lính tháo gông xiềng, người chiến sĩ đức tin liền đón lấy và nói với người lính:

– Xin anh đưa giúp gông xiềng cho mẹ tôi để bà làm kỷ niệm.

Bà mẹ đứng gần nên nghe thấy hết, nhưng bà còn muốn lấy cả thủ cấp của con mình nữa.

Giờ đã điếm, lý hình vung gươm chém rơi đầu vị tử đạo mới 21 tuổi. Bà mẹ của Anrê Trông chứng kiến ngay từ giây phút đầu tại pháp trường, bà thỏa lòng dù rất đau khổ, bà mạnh dạn bước vào pháp trường kêu lớn tiếng trước mặt các quan:

– Đây là con tôi, đưa con mà tôi đã cưu mang dưỡng dục. Giờ này nó vẫn là con tôi, xin các quan trả lại cho tôi thủ cấp con tôi!

Nói xong, bà mở rộng vạt áo, bọc lấy thủ cấp đầm máu của người con yêu quý và ghì chặt vào lòng, bà vừa hôn vừa lặp đi lặp lại:

– Ôi con yêu quý của mẹ, con nhớ cầu nguyện cho mẹ nhé!

Rồi bà mẹ đem thủ cấp của con về mai táng trong nhà.

Trong ngày phong Chân phước cho Anrê Trông (27.5.1900), Đức Giáo Hoàng Lêô XIII không ngớt ca ngợi mẫu gương của bà mẹ hào hùng, đã họa lại gần trọn vẹn hình ảnh Đức Mẹ Maria, Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo xưa trên đồi Canvê.

95. MẸ MẶC ÁO HOA HỒNG ĐÁY !

Bà thánh Anê Lê Thị Thành quê ở tỉnh Thanh Hóa (1781 – 1841), tục lệ ở đây gọi tên cha mẹ bằng tên con trai đầu lòng, nên bà còn được gọi là bà Đê. Bà Đê là người vợ và là người mẹ của sáu người con: hai trai, bốn gái. Bà bị bắt vì đạo Chúa vào ngày 14.4.1841 dưới thời vua Triệu Trị, và bà bị áp giải về tỉnh Nam Định.

Trước công đường, quan tòa bắt bà chối đạo, nhưng bà đáp lại:

– Tôi chỉ tôn thờ Thiên Chúa, không bao giờ tôi bỏ đạo Chúa...

Quan truyền lệnh cho lính đánh đòn bà. Lúc đầu họ đánh bà bằng roi, sau dùng thanh củi lớn để quật vào chân bà. Bà vẫn kiên tâm giữ vững đức tin, bà nói với chồng khi ông đến thăm bà:

– Họ đánh đập tôi vô cùng hung dữ, đến đàn ông còn chịu không nổi, nhưng tôi đã được Đức Mẹ giúp sức, nên tôi không cảm thấy đau đớn.

Đến lần thẩm vấn thứ hai, rồi thứ ba, bà Đê vẫn một lòng trung kiên với Chúa, quan truyền cho lính vừa đánh vừa lôi bà bước qua thánh giá. Nhưng bà sắp mình xuống và kêu lớn tiếng rằng:

– Lạy Chúa, xin thương giúp con, con không bao giờ muốn chối bỏ lòng tin Chúa, nhưng vì con là đàn bà yếu đuối, nên họ dùng sức mạnh để cưỡng bách con đạp lên thập giá.

Lần sau ra trước tòa, quan cho lính túm tay áo của bà lại, rồi thả rắn độc vào trong áo bà. Nhưng bà Đê vẫn bình tĩnh lạ lùng, bà đứng yên không nhúc nhích nên rắn không cắn, chỉ lượn vài vòng rồi bò ra ngoài. Quan tức giận cho lính đánh bà tàn bạo đến nỗi thân bà đầy máu mủ rồi giam vào ngục. Tuy nhiên, bà vẫn vui vẻ, và bà còn muốn chịu khó hơn nữa vì đạo Chúa.

Cô Lucia Nụ được phép vào thăm mẹ trong ngục, thấy y phục của mẹ loang lổ máu, cô thương mẹ khóc nức nở, bà Đê an ủi con bằng những lời tràn trề lạc quan:

– Con đừng khóc, mẹ mặc áo hoa hồng đấy, mẹ vui lòng chịu khổ vì Chúa

Giêsu, sao con lại khóc?

Bà còn khuyên con:

– Con hãy về chuyển lời mẹ bảo với anh chị con coi sóc việc nhà, giữ đạo sốt sắng, sáng tối đọc kinh xem lễ, cầu nguyện cho mẹ vắc thánh giá theo Chúa cho đến cùng. Chẳng bao lâu mẹ con ta sẽ đoàn tụ trên Thiên đàng.

Ngoài những cực hình tra tấn nặng nề và ăn uống kham khổ, bà còn phải chịu đau đớn về bệnh kiết lỵ. Hai nữ tu tận tâm chăm sóc bà, các linh mục gửi thuốc, đến thăm, ban bí tích Giải tội, xức dầu và an ủi bà. Trong giờ hấp hối, người ta thường nghe bà cầu nguyện:

– Lạy Chúa! Chúa đã chịu chết vì con, con hết lòng theo thánh ý Chúa. Xin Chúa tha mọi tội lỗi cho con.

Trước khi trút hơi thở, bà dâng lời sau hết:

– Giêsu Maria Giuse! Con xin phó linh hồn và thân xác con trong tay Chúa, xin ban cho con được tuân theo ý Chúa trong mọi sự.

Bà Đê đã về với Chúa trong tinh thần thánh thiện ấy vào ngày 12.7.1841, sau ba tháng bị giam cầm hy sinh vì đức tin.

96. MUỖI HAI NĂM BỊ BẮT CỐC LÀM NÔ LỆ

Một cô bé da đen 8 tuổi, người Sudăng, đang hồn nhiên hái hoa bắt bướm ở ngoài đồng gần nhà, thì bị hai người đàn ông Ả Rập bắt cóc. Họ đặt tên cho cô bé là Bakita, nghĩa là may mắn.

Cô bé đó chính là thánh nữ Giôsêphin Bakita. Cuộc đời thơ ấu và thành niên của chị là một hành trình đầy gian nan, khốn khổ. Nhưng nhờ đó, chị được nhận biết Thiên Chúa, chị đã yêu mến Ngài cả trước khi nhận biết Ngài. Làm nô lệ từ lúc còn bé và rất nhiều cuộc phiêu lưu đến ngạt thở, Bakita đã được chúc phúc với sự tự do làm con cái Chúa, được tận hiến trong một dòng tu, để rồi cuối cùng trở nên một vị thánh.

Sau khi Bakita bị bắt cóc, hai người đàn ông lạ mặt đã dẫn cô bé đến một nơi xa lạ. Họ bán cô cho một người buôn nô lệ. Ông này giải những người nô lệ đi nơi khác. Họ làm một hành trình suốt 8 ngày ròng rã. Họ phải băng rừng, leo núi, lội suối và băng qua sa mạc. Những nô lệ lớn tuổi thì cô họ bị xích lại thành từng 3 người một. Bakita còn nhỏ nên lúc đi không bị xích, nhưng về đêm thì bị xích chân để đề phòng sự bỏ trốn.

Đến chợ nô lệ, Bakita được một người mua. Một lần, ông chủ mua về hai bao bắp, ông tháo xích trói Bakita và một nô lệ khác, sai hai cô đi ra ngoài bẻ bắp. Lợi dụng sự sơ hở không để ý của chủ, hai cô bé liền bỏ trốn. Chúng cố gắng chạy thật nhanh, chạy suốt đêm, chạy đến một ngôi làng kia. Tưởng rằng đã tới làng của mình, nhưng hai cô đã thất vọng, nơi này hoàn toàn xa lạ. Phân vân chưa biết đi về đâu, thì một người đàn ông xuất hiện. Ông ta giả bộ hỏi thăm và hứa sẽ dẫn Bakita và người bạn trở về gia đình. Ông dẫn hai cô về nhà ông nghỉ ngơi, nhưng tại đây ông đã trói hai cô bé lại, chờ thời cơ thuận tiện để bán. Một phú hộ đã mua hai cô. Và ông này lại bán Bakita cho người đàn ông giàu có nhất vùng.

Bakita được chọn làm người hầu cho con gái ông nhà giàu này. Chỉ trong một thời gian ngắn con gái ông chủ đã thương mến Bakita cách đặc biệt. Sống trong ngôi nhà rộng lớn này, Bakita được đối xử tử tế và không thiếu thứ gì. Nhưng hạnh phúc kéo dài chẳng được bao lâu, vì một ngày kia Bakita vô ý làm vỡ chiếc bình bằng sứ. Người con trai ông chủ điên tiết đánh Bakita tới tấp bằng chiếc roi da. Anh ta vừa đánh vừa dùng chân đạp Bakita hết sức đã

man, sau cùng anh ta bỏ đi để mặc Bakita dờ sống dờ chết. Bakita được đưa đến một ổ rơm, và cô đã nằm đó hơn một tháng trời. Sau khi sức khỏe hồi phục, Bakita được bán cho một ông tướng người Thổ Nhĩ Kỳ, để hầu hạ mẹ và vợ ông ta.

Cả hai người đàn bà này đều độc ác với những nô lệ. Bakita được giao việc phải luôn luôn kê cận các bà để phục vụ. Khốn cho Bakita nếu cô làm cho họ giận, những lần roi sẽ giáng xuống trên người cô không thương tiếc. Không một ngày nào qua đi mà Bakita không bị trừng phạt hay bị đánh đập. Bakita và các nô lệ phải thức dậy lúc tờ mờ sáng và làm việc thật khuya mới được đi ngủ. Các nô lệ một ngày chỉ được ăn hai bữa trưa và tối. Một lần ông tướng và bà vợ cãi nhau, tình cờ các nô lệ có mặt ở đó, để giải tỏa cơn giận, ông tướng đã cho lính dùng hết sức lực để đánh các nô lệ đến độ da thịt rách nát. Kết quả Bakita đã phải nằm liệt trên ổ rơm suốt hai tháng dài mà không cử động được gì.

Theo tục lệ, các người nô lệ phải bị xâm mình. Đây là dấu hiệu đầy danh dự cho người chủ. Mụ phù thủy có một đĩa bột, một đĩa muối và một dao cạo. Bà bắt Bakita nằm xuống, hai người nô lệ khỏe mạnh giữ chặt hai tay và hai chân Bakita. Rồi bà phù thủy lấy bột vẽ 6 kiểu hình phức tạp lên ngực Bakita, và 60 kiểu khác ở trên bụng và hai cánh tay. Bà phù thủy lấy dao rạch lên những đường đã vẽ, tổng cộng là 140 đường cắt, trong khi nạn nhân khốn khổ rên la thảm thiết. Bakita tưởng mình sẽ chết, đặc biệt là khi muối được xát vào những đường dao rạch. Muối xát vào vết thương càng lâu lành thì những đường nét dao rạch càng rõ. Nhưng cô đã không chết, Bakita tắm trong vũng máu, cô được mang đi, cô ngất đi mấy tiếng đồng hồ. Hơn 3 tháng Bakita nằm bất động, không có một miếng vải để lau chát nước vàng rỉ ra.

Sau nhiều tháng vắng mặt, ông tướng quyết định trở về quê hương ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ông bán đi một vài nô lệ, trong đó có Bakita. Bạn ông là vị lãnh sự Ý ở Cactum, một người Công giáo, tỏ lòng quý mến Bakita, ông đã mua Bakita.

Đây là lần thứ năm, cô gái nhỏ người Sudăng bị bán làm nô lệ. Một chương sử dài đầy tủi nhục và đắng cay của cô đã đến hồi kết thúc. Những điều tốt đẹp đã bắt đầu hình thành, lần đầu tiên trong gần 10 năm trời, Bakita được mặc một chiếc áo.

Người chủ mới thật tốt bụng. Bakita phụ giúp người tớ gái của ông lo các

việc trong nhà. Lần đầu tiên, Bakita không hề bị trách mắng, trừng phạt và không bị đánh đập trong suốt 10 năm bị bắt cóc. Hai năm sau, ông lãnh sự được gọi về Ý có việc quan trọng, Bakita xin theo ông chủ. Hai tháng sau, ông nhận được tin nơi mà ông mới rời bỏ ở Cactum đã bị cướp đốt phá, và chúng bắt tất cả những người làm công trong nhà ông. Bakita lại thoát nạn một lần nữa, nếu cô ở lại thì cô sẽ bị bắt cóc một lần nữa.

Trên đường về Ý, họ ở trọ khách sạn của người bạn, ông bà bạn này đã yêu cầu ông lãnh sự bán Bakita và một nô lệ khác cho họ. Ông lãnh sự bằng lòng. Ông chủ mới đưa Bakita về Miranô Vêlettô. Bakita sống 3 năm ở đó và trở thành vú nuôi cho con gái đầu lòng của họ. Đứa bé và Bakita rất thương mến nhau. Sau đó, bà chủ, đưa con và Bakita đi Giokim Phi Châu, vì chồng bà đang làm chủ một khách sạn lớn ở đó. Họ ở đó được 9 tháng, thì ông chủ quyết định bán tài sản ở Ý và định cư luôn ở Phi Châu. Bà chủ, đưa con và Bakita đi Ý, họ ở Miranô Vêlettô được 2 năm. Đã đến lúc phải trở về Phi Châu, bà chủ gửi con vào trường nội trú của các nữ tu Nữ Tử Bác Ái Canôsiêng để con bà có được sự giáo dục về văn hóa vững chắc, Bakita mong được ở lại với con bà, nhưng bà chủ không muốn. Vấn đề kéo dài cả tháng không giải quyết được. Người quản lý của bà chủ coi Bakita như con, ông tặng cho Bakita một cây thánh giá bằng bạc và giải thích:

– Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, và Ngài đã chết cho chúng ta.

Khi ấy, Bakita chưa hề biết Chúa là ai, cô kính cẩn giữ gìn tặng vật quý ấy. Khi nhìn vào thánh giá, Bakita có một cảm giác kỳ lạ không thể giải thích được. Ông quản lý thuyết phục bà chủ cho Bakita ở lại và mong muốn Bakita được nhận vào trường dạy giáo lý cho các tân tòng. Cuối cùng Bakita được nhận vào học viện dưới sự hướng dẫn chăm sóc của một nữ tu. Chị nữ tu này bảo đảm với Bakita rằng: nếu Bakita muốn, chị sẽ trở thành một người Công giáo cách tự nguyện, không bị ép buộc. Bakita đáp lại:

– Trở thành người Công giáo chính là mục đích đưa tôi vào học viện này.

9 tháng sau, bà chủ lấy quyền làm chủ đòi Bakita theo bà ta trở về Phi Châu. Nhưng Bakita suy nghĩ kỹ và quyết định ở lại với các nữ tu, không trở về Phi Châu nữa, vì khóa học để rửa tội chưa hoàn tất. Sau nhiều lần thuyết phục Bakita thất bại, bà chủ vô cùng tức giận, cho Bakita là kẻ vô ơn bội nghĩa. Bà dùng lời hăm dọa Bakita nhưng cô vẫn cương quyết ở lại, mặc dù cô vẫn quý

mến bà chủ. Vị Bề trên dòng Nữ Tử Bác Ái xin Đức Hồng y Giáo chủ Venis và người đại diện hoàng đế can thiệp, ông này trả lời rằng vấn đề nô lệ ở Italia là bất hợp pháp. Như thế, Bakita là một người tự do. Chị không trở về Phi Châu với người chủ cũ để sống đời nô lệ, nhưng chị chọn làm một người tự do để được làm con cái Chúa trong đức tin Công giáo. Chị đã chối từ để được tất cả.

Bakita được rửa tội năm 21 tuổi. Sau đó, chị ở lại học viện và dạy giáo lý cho tân tông của dòng Nữ Tử Bác Ái. Trong thời gian này, chị nghe được tiếng Chúa thúc giục dâng hiến cuộc đời cho Ngài. Chị trình bày cho cha giải tội biết, ngài khuyên chị lên gặp Bề trên nhà này, chị Bề trên nhà này đã liên lạc với Bề trên Tổng quyền. Không những Bakita sẽ được gia nhập Tập viện ngày 07.12.1893, mà chị nữ tu Bề trên tốt lành này còn đòi cái danh dự được mặc áo dòng cho Bakita trong ngày tuyên khấn.

97. VỊ SÁNG LẬP DÒNG BỊ VẠ TUYỆT THÔNG

“Thánh giá là phần cơ nghiệp duy nhất của tôi, đồng thời cũng là nơi nghỉ ngơi ngọt ngào và là chỗ nương tựa êm đềm của tôi. Thiếu thánh giá tôi không còn hạnh phúc nữa”.

Chân phước Maria Thánh Giá đã chứng minh câu nói ấy bằng chính cuộc sống của mình.

Cảm thương trước thời thế nước Úc vào nửa cuối thế kỷ XIX. Vào thời điểm ấy, nước Úc là quê hương của mọi thứ thành kiến, thành kiến về chủng tộc, thành kiến về giàu nghèo và địa vị cao thấp, thành kiến đẳng cấp nam nữ. Thành kiến len lỏi trong hang cùng ngõ hẻm, thậm chí thâm nhập vào cả Giáo hội.

Các hội dòng ở Úc cũng phân cấp các nữ tu theo đẳng cấp dựa trên quá khứ đẳng cấp xã hội ngoài đời của từng người, phân bố việc làm theo đẳng cấp đó. Chị Maria Thánh Giá, sáng lập dòng Thánh Giuse, cùng với các chị em đã dùng chính bản thân và chính cách sống của mình làm mẫu gương cho cuộc chiến chống thành kiến. Các chị luôn nhìn mọi người không phân biệt giai cấp. Chị Maria tuyệt đối cấm các chị em không được phô trương giai cấp của gia đình mình ở ngoài đời. Các chị chia thành nhiều nhóm nhỏ, sống trong những khu nhà lao động tồi tàn, hay những vùng sâu vùng xa, miễn là nơi nào có dân nghèo.

Bản hiến chương đầu tiên của hội dòng Thánh Giuse nhấn mạnh hai điều: một là nghèo khó, hai là chế độ tập quyền. Tập quyền là điểm hoàn toàn mới mẻ không hề có trong các hội dòng trước đây. Tập quyền có nghĩa là các chị em tự bầu chọn Bề trên trực tiếp và toàn quyền điều hành sinh hoạt của dòng thay vì cần đến một vị linh mục điều khiển bên trên.

Điều mới mẻ này đã gây phản ứng từ phía hàng giáo sĩ địa phương, khiến cho các chị dòng Thánh Giuse phải đối đầu với nhiều khó khăn trở lực, điển hình là việc Đức Giám mục giáo phận Andolet ra vạ tuyệt thông cho chị Maria Thánh Giá.

Lúc 8 giờ sáng của một ngày trong tháng 9 năm 1871, vị Giám mục sở tại

đến dòng Thánh Giuse truyền cho Mẹ Bề trên là chị Maria Thánh Giá ra gặp ngài. Mặc dù đang bệnh nặng, da xanh xao vàng vọt, chị Maria Thánh Giá cũng cố gắng ra chào Đức cha. Chị sụp xuống dưới chân ngài xin phép lành. Vị Giám mục xoa tay từ chối, rồi quay sang các nữ tu, ngài tuyên bố ra và tuyệt thông cho Mẹ Bề trên Maria Thánh Giá vì bà lỗi đức vâng lời và cố ý gây rối trong đạo. Vị Giám mục truyền cho chị Bề trên quỳ xuống để nghe ngài tuyên đọc bản án dứt phép thông công chị. Ngài còn thông tri cho các chị em biết: bất cứ người nào còn tiếp tục liên hệ với Maria Thánh Giá cũng sẽ chịu cùng một hình phạt như chị ấy.

Maria được lệnh rời khỏi nhà dòng, các chị em dòng đau khổ hầu như điên lên không tự kiềm chế được. Các chị em đòi đi theo Maria, nhưng Đức Giám mục không cho.

Các nữ tu mạnh dạn xin Đức Giám mục tháo lời khấn cho mình, vì các chị không muốn theo con đường nào khác ngoài hiến chương nguyên thủy của dòng. Vị Giám mục buộc các chị phải ở lại, tuyệt đối cấm các chị không được rời khỏi dòng mà không có phép của ngài.

Maria rời khỏi dòng ngay tức khắc. Chị sống lặng lẽ âm thầm với bạn bè suốt 6 tháng trời. Các nữ tu dòng Thánh Giuse tan tác, một số lại bị loại ra khỏi dòng, một số phải tháo lời khấn. Cơ sở nhà dòng được trao cho một nhóm nữ tu khác.

Nhiều linh mục quen biết đến gặp chị Maria, các cha cho chị biết vụ tuyệt thông ấy vô hiệu, vì không thực hiện đúng thủ tục pháp lý theo Giáo luật. Chị Maria không có ý kiến gì cả. Chị không lên tiếng biện minh cho mình, mà cũng chẳng muốn ai nhắc nhở hay dính dáng tới nội vụ. Trái lại, chị sẵn sàng đón nhận án phạt của Đức Giám mục như thánh giá Chúa gởi đến cho chị. Chị coi đó là một thử thách mà chị và các chị em phải chịu vì Chúa. Và chị kiên tâm cầu nguyện trong thánh ý quan phòng của Chúa.

Maria đã không viết hay nói một lời phản đối vị Giám mục đó. Trái lại, hồ sơ lưu trữ cho thấy chị bệnh vục đến cùng và van xin đừng ai trách cứ ngài điều gì. Chị chỉ nói rằng có lẽ vì nhận những lời khuyên cáo không chính xác khiến ngài hiểu lầm.

Đến giữa tháng 2 năm 1872, Đức Giám mục đã thay đổi thái độ đối với chị

Maria trước khi ngài qua đời. Trên giường bệnh, Đức Giám mục truyền cho một linh mục khả kính đi tìm chị Maria giải vạ tuyệt thông cho chị. Mặc dù vạ tuyệt thông đã gây cho chị không ít đau khổ, nhưng chị vẫn cố giữ bình tĩnh với thái độ rộng lượng và thông cảm với vị Giám mục mà lúc nào chị cũng kính trọng như một người cha. Chị luôn hiểu tốt về ngài, không hề trách móc hay oán giận ngài.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã phong Chân phước cho chị Maria Thánh Giá ngày 19.1.1995 tại thành phố Sydney, nước Úc

98. BỎ NGAI VÀNG ĐỂ THEO ĐẠO CÔNG GIÁO

Hoàng đế Lêvigildê nước Tây Ban Nha sinh hạ được hai hoàng tử: Thánh Hêmênêgildê là trưởng nam và Têcarêđê là em, người sau này sẽ thay anh lên kế nghiệp vua cha. Cả hai anh em được sinh trưởng trong bầu khí lạc giáo Ariô, vì vua cha là người theo lạc giáo đó.

Vừa tới tuổi trưởng thành, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy và Đức Tổng Giám mục thành Sêvilla hướng dẫn, thái tử Hêmênêgildê đã cương quyết bỏ lạc giáo Ariô để trở về với Giáo hội Công giáo, hết mọi người tín hữu Công giáo Tây Ban Nha vui mừng vì thái tử trở về Công giáo, hy vọng một tương lai tươi sáng, người Công giáo trong nước sẽ thoát khỏi sự tàn bạo của lạc giáo Ariô, và nhất là thoát khỏi cuộc bách hại ghê gớm mà vua Lêvigildê đang lăm le đổ trên đầu họ.

Nhưng niềm hy vọng ấy thoáng chốc đã tan thành mây khói, trái với sự tiên đoán của mọi người, sự trở lại của thái tử Hêmênêgildê đã cắt đứt tình phụ tử giữa hai cha con. Thế là cuộc nội chiến bắt đầu khai diễn. Cuộc nội chiến ấy càng trở nên gắt gao, một phần vì hoàng đế quá sùng mộ lạc giáo Ariô, một phần vì vua sợ Hêmênêgildê lợi dụng cơ hội để truất ngôi mình chăng? Thái tử Hêmênêgildê hoàn toàn tin tưởng vào sự quan phòng của Thiên Chúa, sẵn sàng chết vì chân lý Công giáo. Thái tử đã gửi tối hậu thư cho vua cha với lời lẽ từ tốn và tha thiết:

“Thưa cha, có phải cha quá nóng giận vì con đã thay đổi tôn giáo một cách đột ngột mà không hỏi ý kiến cha? Nhưng con thành thực xin cha tha thứ cho con, vì con trộm nghĩ: con có quyền và có bổn phận tìm kiếm phần rỗi của con trước mọi sự mà không cần đến sự đồng ý của cha. Con không yêu quý mạng sống mình hơn chân lý. Lạy cha, con xin thú thật với cha, là con không thể tuân theo ý cha hơn tuân theo giới luật Thiên Chúa và chính lương tâm của con.”

Cuộc nội chiến đã xảy ra gieo biết bao tang tóc cho toàn dân. Chiến tranh ngày càng dữ dội, kéo dài mãi, bất phân thắng bại. Nhưng vì thương dân chúng quá cực khổ trước cảnh nòi da xáo thịt, thái tử Hêmênêgildê đã đầu hàng vua cha. Ngài bị xiềng xích và bị đưa về trại giam ở Sêvilla.

Bị giam cầm trong ngục thất tối tăm, bẩn thỉu, nhưng Hêmênêgildê vẫn vui vẻ, sung sướng luôn miệng hát ca chúc tụng Thiên Chúa, ngài không cần chi đến ngai vàng trần gian, ngài chỉ nuôi ước vọng độc nhất là chiếm hữu được triều thiên vinh hiển trên Nước Trời. Ngài cầu nguyện liên li để xin ơn trung thành với Chúa và ơn khinh chê của cải danh vọng mau qua.

Vua cha tìm mọi cách để dụ dỗ Hêmênêgildê bỏ Công giáo, nhưng không sao lay chuyển được tấm lòng sắt đá của người con yêu quý.

Vào ngày lễ Phục Sinh, vua cha hy vọng sẽ đánh lừa được con. Vua sai một Giám mục lạc giáo Ariô đưa Minh Thánh Chúa đến cho Hêmênêgildê rước. Nhưng thái tử từ chối không rước Minh Thánh, ngài còn chửi cho Giám mục lạc giáo thậm tệ. Giám mục lạc giáo tâu lại sự tình cho vua. Vua nổi giận lôi đình, sai lính vào ngục giết ngay người con yêu quý của ông, vì thái tử không nghe lời cha từ bỏ đức tin Công giáo. Quân lính vâng lệnh vua vào ngục thất, dùng búa đập vào đầu thái tử Hêmênêgildê cho tới khi chết, vì chính cái đầu đó đã khước từ triều thiên hoàng đế tương lai của nước Tây Ban Nha. Nhưng Thiên Chúa đã tôn vinh tội trung của Người bằng một triều thiên vinh hiển trên Nước Trời. Nhiều phép lạ xảy ra để chứng minh vinh quang mà vị tử đạo đã nhận được trên Thiên quốc. Ngay sau khi thái tử bị hành hình, giữa đêm khuya thình lảng, trỗi lên một điệu nhạc du dương khôn tả của ca đoàn Thiên quốc. Ánh sáng đã bừng lên chói lòa phá tan bóng tối từ nơi ngục thất.

Vì quá xúc động trước những hiện tượng kỳ lạ kèm theo cái chết bi thảm của người con yêu quý, nhà vua đã thành thực sám hối tội lỗi tày đình của mình. Nhưng vì sợ dư luận dân chúng, nhà vua đợi tới khi hấp hối trên giường bệnh mới dám công khai tuyên xưng đức tin Công giáo. Vua cho mời thánh Lêandê, Tổng Giám mục thành Sévilla tới và công khai giao người con thứ là hoàng tử Têcarêđê cho ngài. Nhà vua cũng khẩn khoản xin Đức Tổng Giám mục khuyên bảo con mình bỏ lạc giáo Ariô mà trở về đức tin Công giáo. Sau đó, nhà vua băng hà.

Nếu hạt giống rơi xuống đất mà hư thối, thì nó sinh nhiều hoa trái. Nếu không có cái chết anh hùng vì Chúa Kitô của thánh Hêmênêgildê, thì liệu có cuộc trở lại của cha con vua Lêvigildê và toàn dân Tây Ban Nha trở về với đức tin Công giáo không?

QUẢNG ĐẠI THA THỨ

99. VÌ YÊU CHÚA GIÊSU, CON THA THỨ

Đồng hồ đã điểm 12 giờ khuya, thánh nữ Maria Goretti đang nằm hấp hối trong bệnh viện. Mười bốn nhát dao của hung thủ đã rạch nát thân xác, khiến thánh nữ quá đau đớn và kiệt sức.

Lúc đó cha Signori suy nghĩ, chính ngài đã cho Maria Goretti rước Mình Thánh lần đầu, và sẽ trao lần cuối cùng. Cha phân vân có nên đòi hỏi Maria Goretti thêm một bước nữa trước khi làm nhiệm vụ thiêng liêng đối với cô không? Cô bé 12 tuổi này dù không biết chữ nhưng đã dạy cho thế giới biết thế nào là chết còn hơn là phạm tội. Cô có thể bước thêm một dặm dài bằng đức bác ái trọn vẹn trên con đường thánh thiện của mình không?

Chỉ còn lại mình cha và Maria Goretti. Cha đang chiêm ngắm gương mặt thanh thản bất chấp những đau đớn không ngừng tra tấn cô bé. Công việc thường ngày tuy vất vả, không khí vùng đầm lầy rất chướng khí, và cuộc sống lầm than nghèo khổ đã không để lại những vết tích tai hại nơi cô bé. Con người này thật mẫu nhiệm, cha Signori suy nghĩ, cô có thể là một Anê đồng trinh tử đạo. Nhưng cô đã nghĩ gì về hung thủ làm hại cô? Và cô cần phải tha thứ cho hắn để làm bằng chứng cuối cùng của sự thánh thiện, liệu cô có làm được không? Cha phải giúp đỡ cô nhưng hết sức thận trọng. Cha cũng ngần ngại vì không biết có nên đòi hỏi cô phải lao vào một cuộc chiến đấu mới không?

– Maria thân yêu! – Vị linh mục thì thầm – Thiên Chúa sắp rước con về với Ngài.

Cha nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay của Maria Goretti.

– Con hãy nhớ Chúa đã chết trên thập giá thế nào, đã tha thứ cho kẻ thù ra sao, và nhất là đã đặc biệt tỏ lòng nhân từ đối với tên trộm lành: “Hôm nay ngươi sẽ ở cùng Ta trên Thiên đàng” (Lc 23,43).

Cha nghiêng người ghé mặt xuống gần mặt Maria Goretti và nói tiếp:

– Thế con có hết lòng tha thứ cho kẻ đã giết con không?

– Có! – Cô trả lời không chút do dự – Vâng, vì yêu Chúa Giêsu, con tha thứ cho Alêxăndrô.

Xin Thiên Chúa tha thứ cho anh ấy vì con đã tha thứ. Con muốn Alêxăndrô cùng lên Thiên đàng với con.

Cha Signori nghe lời đó ngài cảm thấy nhẹ nhõm. Cô y tá bệnh viện đót nên để Maria Goretti chịu lễ. Trong phòng cô được trang hoàng như một ngày lễ, đâu cũng có hoa. Khó lòng ngăn cản đám đông ra vào vì câu chuyện lan ra trong bệnh viện và mọi người đều coi Maria như một vị tử đạo. Cô hoàn toàn không biết gì về sự sùng bái mà cô là đối tượng.

Alêxăndrô, hung thủ giết Maria Goretti, bị kết án 30 năm tù. Alêxăndrô vẫn không một chút hối hận, ngày qua ngày, đêm này qua đêm nọ đưa đến cho hắn giấc ngủ không yên, nơi hắn hình như linh hồn đã chết. Cuộc sống cứ như vậy cho đến 8 năm sau, thánh nữ Maria Goretti đã hiện ra trong đêm, thánh nữ mỉm cười trao cho hắn một bó huệ trắng. Hắn run rẩy ôm lấy bó huệ, và lạ kỳ thay, một bông huệ tự nhiên bốc cháy, và biến mất chỉ để lại ngọn lửa trắng. Và từ từ, những bông huệ khác cũng bốc cháy như thế. Hắn ngược lên nhìn thì thánh nữ đã biến mất.

Từ đó, Alêxăndrô đã thay đổi hẳn tâm tính, đã sống một cuộc đời đền tội, sự kiện đó đã khử trừ độc tố trong trái tim anh. Nhờ hạnh kiểm tốt, Alêxăndrô đã được ra tù trước thời hạn 4 năm. Anh trở về Osimô sống ẩn dật và lam lũ cho đến ngày anh tìm được một chân làm ở đan viện Ascoli Picanô trong tinh thần đền tội.

Với năm tháng, anh ước muốn được đón lấy lời tha thứ từ trên môi miệng của bà Axunta, mẹ của thánh nữ Maria Goretti, lời tha thứ mà bà đã ban cho anh từ lâu ngay cả suốt thời gian đầu anh chai lì trong tội lỗi.

Anh đã tìm về Corinandô, hôm ấy là ngày vọng lễ Giáng Sinh. Đức ông Bernacchia cho gọi bà Axunta đến. Khi họ đứng đối diện nhau, Alêxăndrô thốt lên:

– Bà Axunta! Bà có nhận ra con không?

– Có.

Và mắt bà bỗng chào lệ, bà nhìn gương mặt biến dạng bị dày vò của Alêxăndrô, người đã giết con gái bà.

– Axunta! – Anh ghen ngào, mặt đầm đìa nước mắt – Axunta, bà có tha thứ cho con không?

Tiếng khóc nức nở làm át giọng của bà:

– Con tôi đã tha thứ cho anh, lẽ nào tôi lại không tha?

Trong thánh lễ đêm vọng Giáng Sinh, bà Axunta quì ở hàng ghế gần bức chạm hình Maria Goretti bên trái nhà thờ. Alêxăndrô quỳ bên cạnh bà. Mặc dù ai cũng biết đó là tên sát nhân đã giết chết Maria Goretti, nhưng không có một lời lẽ chống đối nào. Mọi người đều được sưởi ấm trong đức ái anh hùng của người mẹ giữa đêm mùa đông lạnh lẽo.

100. KHÔNG THỂ THA THỨ ĐƯỢC, TÔI SẼ BÁO THÙ

Đông Martinô thuộc dòng dõi quý phái ở thành Grenade. Ông có một người anh rất yêu quý và người bạn thân Vêlacô. Nhưng một ngày kia chuyện không may đã đến, sự xích mích xảy ra giữa người anh và ông Vêlacô, người bạn này đã giết chết anh của Đông Martinô và bỏ trốn. Quá đau khổ trước cái chết bi thảm của người thân yêu, ông Martinô đã thề sẽ báo thù cho xứng đáng. Sau một thời gian tìm kiếm truy đuổi, ông Martinô đã bắt được người bạn và giải về tòa án xét xử. Ông không thể ngồi yên khi tòa chưa treo cổ Vêlacô để trả thù cho anh mình.

Biết chuyện, thánh Gioan Thiên Chúa đã đến can thiệp. Ngài khuyên ông Martinô:

– Làm hòa với kẻ thù chẳng phải là bổn phận của người giáo hữu sao? Mạng sống của anh ông đã chết, ông lại muốn thêm người bạn thân chết nữa sao? Tha thứ để cứu một người thì cao quý biết chừng nào!

Ông Martinô la to:

– Có thể nào tôi tha thứ được? Tôi đã thề trên xác anh tôi sẽ báo thù kẻ đã giết anh tôi. Không bao giờ tôi có thể tha thứ được.

Cha Gioan liền lấy thánh giá đưa cho Martinô xem và nói:

– Xin ông hãy đặt tay ông vào vết thương của Chúa và tuyên hứa tha thứ cho bạn của ông như Chúa đã tha thứ cho những kẻ đóng đinh Người.

– Tôi không thể tha thứ cho kẻ đã giết anh tôi. Tôi gớm ghét Vêlacô hơn hết mọi người.

– Thưa ông Martinô, ông chưa hiểu rõ tấm lòng cao thượng của ông, để tỏ rõ lời tôi nói, tôi xin đề nghị: ngày mai chúng ta sẽ đến nhà tù gặp Vêlacô, rồi ông sẽ tự định đoạt, muốn cho hắn sống hay chết thì tùy sự thông dong và tấm lòng cao quý của ông.

– Cha đề nghị tôi đi thăm Vêlacô ư? Tôi chưa hiểu cha muốn gì, nhưng chắc chắn cha đã lầm to, án tử hình cho hắn là xứng đáng. Nợ máu phải trả bằng

máu.

Vào thế kỷ thứ XVI, tòa án sẽ tha cho bị cáo án tử hình khi đại diện tông tộc của nạn nhân xin ơn đại xá cho phạm nhân đã giết người trong tông tộc của mình. Vì vậy, nếu ông Đông Martinô xin khoan hồng cho Vêlacô khỏi án tử hình thì tòa sẽ tha.

Ngày hôm sau, cha Gioan và ông Martinô đến trại giam. Thấy Vêlacô đang nằm trên nệm rơm dơ bẩn hôi tanh trong góc tối, ông Đông Martinô ngạc nhiên:

– Ôi, Lạy Chúa! Sao Vêlacô đã thay đổi quá thế này. Anh không còn như xưa nữa.

Run rẩy sợ hãi trước ngọn đèn của người cai ngục, Vêlacô ấp úng nói:

– Ông tới đây để đưa tôi đi xử tử phải không? Giờ chết đã đến!

Rồi Vêlacô đưa hai tay lên ôm lấy mặt, và đau đớn nói:

– Hãy đưa tôi đi xử đi, giết chết tôi đi, hơn là để tôi sống khổ sở thế này, kéo dài ngày nào thì khổ cho tôi ngày ấy. Cai tù đâu, giết tao đi, treo cổ tao đi, để cho Martinô được sung sướng, cho lòng báo thù của hắn được thỏa mãn.

Rồi Vêlacô nằm mê mết trên đất. Martinô chăm chú nhìn người bạn cũ. Ông cảm thương thấy bạn thân giờ đây như một cây ma, cặp mắt tinh anh bây giờ trở nên mờ đục, mặt mày xanh xao hốc hác, hai má lõm sâu, trông chỉ còn da bọc xương, mùi hôi tanh xông ra nồng nặc.

Một lúc sau Vêlacô tỉnh lại, thấy Đông Martinô đang nhìn mình, Vêlacô hần học nói:

– Ông đã sửa soạn để treo cổ tôi, bây giờ ông đến để đưa tôi đi xử tử phải không? Không lâu nữa, ông sẽ được thỏa mãn.

– Không, không, Vêlacô không bị xử tử. Có lẽ một lầm lẫn, một hoàn cảnh không may đã đưa anh đến việc sát nhân, nhưng anh hãy tin tôi: anh sẽ không bị xử tử, anh sẽ sống.

Matinô mượn thánh giá của cha Gioan, đưa cho Vêlacô nhìn và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu và những thương tích của Người, tôi tha thứ cho anh, bây giờ và cho tới đời đời. Tôi sẽ xin cho anh được khoan hồng, khỏi bị tù đày, khỏi án tử hình, bao lâu anh còn ngồi nơi tối tăm này thì tôi chưa được yên. Hãy bắt tay tôi.

Matinô cầm tay Vêlacô và nói tiếp :

– Hỡi bạn thân yêu, tôi tha cho anh!

Vêlacô run run đáp ứng:

– Sao tôi dám bắt tay ông vì tay tôi còn dính máu anh của ông. Tôi là kẻ sát nhân. Tôi sẵn sàng chết để đền tội hơn là sống mà bị lương tâm oán trách. Tôi biết tôi đã gây đau khổ cho ông và thân quyến của ông. Tôi cảm thấy tôi không xứng đáng để sống. Ông hãy để tôi chết để đền tội.

– Hãy bắt tay tôi và tin tôi đã tha thứ cho anh, vì anh đã đền tội đủ rồi.

Matinô đưa tay chỉ về cha Gioan và nói tiếp:

– Tôi và anh hãy cảm ơn con người thánh thiện này. Nhờ sự khôn ngoan của ông ấy mà tôi khỏi dính máu của bạn tôi, và cứu sống được bạn tôi.

Vêlacô ngạc nhiên nhìn người khách lạ bên cạnh Matinô đang chăm chú nhìn mình.

Cha Gioan nói với Vêlacô:

– Hãy bắt tay Matinô!

Thấy ông còn ngần ngại, Gioan an liền cầm tay Vêlacô đặt vào bàn tay Matinô, đặt thánh giá giữa hai bàn tay ấy và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu đau thương, các anh hãy tha thứ và làm hòa với nhau.

Vài ngày sau, Vêlacô được tha và trở về nhà. Nhờ sự can thiệp của thánh

Gioan Thiên Chúa mà Matinô đã tha thứ cho bạn mình và xin cho bạn được tự do, thoát án tử hình. Về sau, Matinô và Vêlacô đã từ bỏ mọi sự để theo thánh Gioan Thiên Chúa chăm sóc những người khốn khổ.

101. VUI MỪNG VÌ KẼ THÙ BỊ RỦI RO U’?

Thánh Đan phụ Biển Đức luôn sống an hòa với chính mình và tha nhân, ngài đã chọn cho đan viện của ngài ở Subiacô khẩu hiệu: “Hãy tránh xa điều ác và làm điều thiện. Hãy tìm kiếm và theo đuổi sự an hòa”. Ngài được nhiều người sang cũng như hèn đều mến phục.

Nhưng linh mục Flôren, sống gần Subiacô, rất ghen ghét cha Biển Đức. Mỗi lần thấy những người Rôma giàu có đến thăm và biếu quà cha Biển Đức, người ấy lại tức điên lên:

– Sao họ không thấy ta cũng cần được giúp đỡ.

Vào khoảng năm 527, linh mục Flôren không còn chịu được tình cảnh này nữa, ông quyết định gửi đến cha Biển Đức một ổ bánh mì có thuốc độc. Thời đó, việc tặng nhau bánh mì là dấu hiệu ưu ái tượng trưng cho sự thông hiệp giữa các kitô hữu. Ông nghĩ rằng cha Biển Đức sẽ chết và thiên hạ sẽ bắt đầu nghĩ đến ông.

Tội nghiệp cho linh mục Flôren. Ông cũng từng là một người tốt lành, nhưng lâu nay sự ghen ghét đã gieo vào lòng ông một mưu mô độc ác.

Cha Biển Đức được ơn trên soi sáng cho biết sự thật, kẻ thù đang cố gắng giết chết sự an hòa cha rất yêu quý, sự an hòa mà cha đã mất nhiều công phu dạy bảo các môn đệ của mình. Cha đã cầu nguyện cho kẻ thù. Cha lo lắng cho mối quan hệ giữa cha và linh mục Flôren.

Cha Biển Đức liền sai con quạ của cha đem ổ bánh mì có thuốc độc đến một nơi không gây nguy hiểm cho người khác.

Quá tức giận vì kế hoạch bị hỏng, Flôren nhất định gieo rắc mối bất hòa giữa môn đệ Biển Đức. Ông ta cố gắng làm cho các đan sĩ ở Subiacô cảm thấy rằng việc họ đã tuyên thệ suốt đời vâng phục Bề trên là một sai lầm.

Cha Biển Đức run sợ cho những mưu mô nham hiểm đó. Và để bảo vệ ơn thiên triệu của họ, cha quyết định rời Subiacô và đặt thầy Maurô làm Bề trên ở đây. Cha không muốn đấu tranh với linh mục Flôren.

Hôm cha Biển Đức ra đi, Flôren thấy lòng vui như mở hội. Thế là ông đã thành công. Ông đứng trên bao lơn ngạo nghễ nhìn đoàn người ra đi, thì bỗng nhiên cả bao lơn bắt đầu từ từ sụp đổ.

Được tin Flôren chết, Maurô nhanh chóng chạy theo cha Biển Đức để thuyết phục cha trở về vì kẻ thù đã chết.

Cha Biển Đức không vui mừng gì khi biết tin ấy. Cha bảo mọi người quỳ xuống bên lề đường và đọc kinh cầu cho người mới qua đời. Cha buồn rầu hỏi:

– Nay các thầy, chúng ta làm sao có thể vui mừng trước sự rủi ro của người khác?

Trong lúc quá xúc động, Maurô đã quên hẳn đức ái vĩ đại nơi cha Đan phụ, một đức ái được thi thố cho mọi người, ngay cả cho kẻ thù địch. Thầy đã cúi đầu hổ thẹn, xin Đan phụ tha thứ.

Mọi người xin cha Biển Đức trở lại, nhưng ngài lắc đầu, nói một cách bình thản:

– Thánh ý Chúa muốn cha ra đi. Thầy Maurô hãy trở về với nhiệm vụ của thầy. Xin Chúa chúc lành cho công việc của con.

Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscong giao.blogspot.com>

Xin đừng sao chép rồi bán lại dưới mọi hình thức.